

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**

**DỰ THẢO**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**  
**của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Bình Thuận, tháng 06 năm 2025**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG**  
**(Giai đoạn: 2021-2025)**

**(Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và  
Đào tạo ban hành về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
các trình độ của giáo dục đại học)**

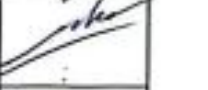
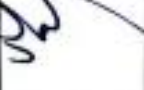
Tài liệu lưu hành nội bộ của Trường Đại học Phan Thiết và sử dụng phục vụ  
hoạt động đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Trường.

**Bình Thuận, tháng 6 năm 2025**

**Danh sách thành viên Hội đồng Tự đánh giá:**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

(Kèm theo Quyết định số 74 /QĐ-ĐHPT ngày 16 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

| TT | Họ và tên                   | Chức danh, chức vụ                                                                          | Nhiệm vụ               | Chữ ký                                                                                |
|----|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | PGS.TS. Võ Khắc Thường      | Hiệu trưởng                                                                                 | Chủ tịch               |    |
| 2  | PGS.TS. Đinh Phi Hồ         | Phó Hiệu trưởng,<br>Bí thư Đảng ủy Trường                                                   | Phó Chủ tịch           |    |
| 3  | TS. Nguyễn Tấn Ý            | Trưởng Khoa Kỹ thuật Công nghệ (KTCN)                                                       | Phó Chủ tịch           |    |
| 4  | ThS. Nguyễn Thị Kiều Vi     | Trưởng phòng Khảo thí -<br>Đảm bảo chất lượng -<br>Thanh tra và Pháp chế<br>(KT-ĐBCL-TT&PC) | Thành viên -<br>Thư ký |   |
| 5  | ThS. Nguyễn Hữu Hoài Chương | Giảng viên Khoa KTCN                                                                        | Thành viên             |  |
| 6  | ThS. Trần Duy Lân           | Giảng viên Khoa KTCN                                                                        | Thành viên             |  |
| 7  | TS. Võ Khắc Trường Thi      | Trưởng phòng Quản lý đào tạo (QLĐT)                                                         | Thành viên             |  |
| 8  | ThS. Lê Anh Linh            | Trưởng phòng Tổ chức -<br>Hành chính (TC-HC)                                                | Thành viên             |  |
| 9  | TS. Trần Tình               | Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT)                                | Thành viên             |  |
| 10 | ThS. Nguyễn Như Trường      | Trưởng phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp (CTCTSV&HTDN)             | Thành viên             |  |
| 11 | Nguyễn Phi Long             | Đại diện Sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng                                                  | Thành viên             |  |

(Danh sách gồm có 11 người).

## MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                  | Trang |
|-----------------------------------------------------------|-------|
| Mục lục                                                   | 1     |
| Danh mục các chữ viết tắt                                 | 4     |
| <b>Phần I. KHÁI QUÁT</b>                                  | 6     |
| 1. Đặt vấn đề                                             | 6     |
| 2. Tổng quan chung                                        | 10    |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ</b> | 15    |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>                                       | 15    |
| <b>Mở đầu</b>                                             | 15    |
| Tiêu chí 1.1                                              | 15    |
| Tiêu chí 1.2                                              | 18    |
| Tiêu chí 1.3                                              | 33    |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i></b>                    | 25    |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>                                       | 26    |
| <b>Mở đầu</b>                                             | 26    |
| Tiêu chí 2.1                                              | 27    |
| Tiêu chí 2.2                                              | 34    |
| Tiêu chí 2.3                                              | 37    |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i></b>                    | 39    |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>                                       | 40    |
| <b>Mở đầu</b>                                             | 40    |
| Tiêu chí 3.1                                              | 41    |
| Tiêu chí 3.2                                              | 45    |
| Tiêu chí 3.3                                              | 49    |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i></b>                    | 53    |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>                                       | 54    |
| <b>Mở đầu</b>                                             | 54    |
| Tiêu chí 4.1                                              | 55    |
| Tiêu chí 4.2                                              | 57    |
| Tiêu chí 4.3                                              | 60    |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i></b>                    | 62    |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>                                       | 63    |
| <b>Mở đầu</b>                                             | 63    |
| Tiêu chí 5.1                                              | 63    |
| Tiêu chí 5.2                                              | 67    |
| Tiêu chí 5.3                                              | 70    |
| Tiêu chí 5.4                                              | 72    |
| Tiêu chí 5.5                                              | 75    |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i></b>                    | 77    |

| <b>NỘI DUNG</b>                 | <b>Trang</b> |
|---------------------------------|--------------|
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>             | 77           |
| <b>Mở đầu</b>                   | 77           |
| Tiêu chí 6.1                    | 78           |
| Tiêu chí 6.2                    | 82           |
| Tiêu chí 6.3                    | 86           |
| Tiêu chí 6.4                    | 90           |
| Tiêu chí 6.5                    | 92           |
| Tiêu chí 6.6                    | 96           |
| Tiêu chí 6.7                    | 99           |
| <b>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</b> | 103          |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>             | 104          |
| <b>Mở đầu</b>                   | 104          |
| Tiêu chí 7.1                    | 104          |
| Tiêu chí 7.2                    | 107          |
| Tiêu chí 7.3                    | 111          |
| Tiêu chí 7.4                    | 114          |
| Tiêu chí 7.5                    | 117          |
| <b>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</b> | 120          |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>             | 120          |
| <b>Mở đầu</b>                   | 120          |
| Tiêu chí 8.1                    | 121          |
| Tiêu chí 8.2                    | 124          |
| Tiêu chí 8.3                    | 128          |
| Tiêu chí 8.4                    | 132          |
| Tiêu chí 8.5                    | 137          |
| <b>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</b> | 139          |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>             | 140          |
| <b>Mở đầu</b>                   | 140          |
| Tiêu chí 9.1                    | 140          |
| Tiêu chí 9.2                    | 143          |
| Tiêu chí 9.3                    | 146          |
| Tiêu chí 9.4                    | 148          |
| Tiêu chí 9.5                    | 150          |
| <b>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</b> | 152          |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>            | 153          |
| <b>Mở đầu</b>                   | 153          |
| Tiêu chí 10.1                   | 154          |
| Tiêu chí 10.2                   | 157          |
| Tiêu chí 10.3                   | 159          |

| <b>NỘI DUNG</b>                         | <b>Trang</b> |
|-----------------------------------------|--------------|
| Tiêu chí 10.4                           | 162          |
| Tiêu chí 10.5                           | 165          |
| Tiêu chí 10.6                           | 168          |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i></b> | 170          |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>                    | 172          |
| <b>Mở đầu</b>                           | 172          |
| Tiêu chí 11.1                           | 173          |
| Tiêu chí 11.2                           | 176          |
| Tiêu chí 11.3                           | 179          |
| Tiêu chí 11.4                           | 181          |
| Tiêu chí 11.5                           | 184          |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i></b> | 188          |
| <b>Phần III. KẾT LUẬN</b>               | 189          |
| <b>1. Tóm tắt những điểm mạnh</b>       | 189          |
| <b>2. Tóm tắt những điểm tồn tại</b>    | 193          |
| <b>3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến</b> | 196          |
| <b>4. Tổng hợp kết quả TĐG</b>          | 200          |
| <b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>                 | 204          |

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| STT | Ký hiệu viết tắt | Ý nghĩa thay thế                                            |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------|
| 1   | BGH              | Ban Giám hiệu                                               |
| 2   | BLQ              | Bên liên quan                                               |
| 3   | CBGVNV           | Cán bộ, giảng viên, nhân viên                               |
| 4   | CBQL             | Cán bộ quản lý                                              |
| 5   | CDR              | Chuẩn đầu ra                                                |
| 6   | CLB              | Câu lạc bộ                                                  |
| 7   | CNTT             | Công nghệ thông tin                                         |
| 8   | CSVČ             | Cơ sở vật chất                                              |
| 9   | CTDH             | Chương trình dạy học                                        |
| 10  | CTĐT             | Chương trình đào tạo                                        |
| 11  | CVHT             | Cổ vấn học tập                                              |
| 12  | ĐCCT             | Đề cương chi tiết                                           |
| 13  | ĐH               | Đại học                                                     |
| 14  | GDDH             | Giáo dục đại học                                            |
| 15  | GDĐT             | Giáo dục và Đào tạo                                         |
| 16  | GTCL             | Giá trị cốt lõi                                             |
| 17  | GV               | Giảng viên                                                  |
| 18  | HĐT              | Hội đồng trường                                             |
| 19  | HĐKH-ĐT          | Hội đồng Khoa học và Đào tạo                                |
| 20  | HP               | Học phần                                                    |
| 21  | HSV              | Hội sinh viên                                               |
| 22  | HV               | Học viên                                                    |
| 23  | KHCL             | Kế hoạch chiến lược                                         |
| 24  | KTX              | Ký túc xá                                                   |
| 25  | MTCL             | Mục tiêu chất lượng                                         |
| 26  | NCKH             | Nghiên cứu khoa học                                         |
| 27  | NCS              | Nghiên cứu sinh                                             |
| 28  | NNL              | Nguồn nhân lực                                              |
| 29  | NV               | Nhân viên                                                   |
| 30  | PCCC             | Phòng cháy chữa cháy                                        |
| 31  | P. CTCTSV&HTDN   | Phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp  |
| 32  | PGS, GS          | Phó giáo sư, Giáo sư                                        |
| 33  | P.KH-TC          | Phòng Kế hoạch - Tài chính                                  |
| 34  | P. KT-ĐBCL-TT&PC | Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế |
| 35  | PPDH             | Phương pháp dạy học                                         |

| STT | Ký hiệu viết tắt | Ý nghĩa thay thế                                                                |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 36  | P. QLKH&HTQT     | Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế                                       |
| 37  | P. QLSDH         | Phòng Quản lý sau đại học                                                       |
| 38  | P. TC-HC         | Phòng Tổ chức - Hành chính                                                      |
| 39  | PVCD             | Phục vụ cộng đồng                                                               |
| 40  | P. QLĐT          | Quản lý đào tạo                                                                 |
| 41  | ThS              | Thạc sĩ                                                                         |
| 42  | TKB              | Thời khoá biểu                                                                  |
| 43  | KTCN             | Kỹ thuật Công nghệ                                                              |
| 44  | KTXD             | Kỹ thuật Xây dựng                                                               |
| 45  | TĐG              | Tự đánh giá                                                                     |
| 46  | THPT             | Trung học phổ thông                                                             |
| 47  | TTTT&QTM         | Thông tin truyền thông và quản trị mạng                                         |
| 48  | SV               | Sinh viên                                                                       |
| 49  | UPT              | University of Phan Thiết – Tên giao dịch viết tắt của Trường Đại học Phan Thiết |



## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1. Đặt vấn đề

#### a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT

Khoa KTCN tiến hành tự đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân ngành KTXD theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT. Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành KTXD thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Cục quản lý chất lượng về tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT là công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành KTXD bao gồm 04 phần.

**Phần I.** Khái quát - Tóm tắt báo cáo tự đánh giá và mô tả ngắn gọn về Trường ĐHPT và Khoa KTCN.

**Phần II.** Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Gồm 50 tiêu chí/11 tiêu chuẩn theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT. Mỗi tiêu chuẩn được trình bày đầy đủ theo cấu trúc nội dung như sau:

Tiêu chuẩn...

Mở đầu:...

Tiêu chí....: Mỗi tiêu chí được trình bày theo 5 nội dung:

1. Mô tả hiện trạng:...

2. Điểm mạnh:...

3. Điểm tồn tại:...

4. Kế hoạch hành động:...

5. Tự đánh giá:...

Kết luận về tiêu chuẩn

**Phần III.** Kết luận – Là phần tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại, kế hoạch hành động cải tiến chất lượng CTĐT, tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

**Phần IV.** Phụ lục: Gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng của CTĐT, Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Kế hoạch TĐG, Danh mục minh chứng.

Báo cáo TĐG CTĐT ngành KTXD có Danh mục minh chứng đi kèm, được đề riêng ở một phụ lục. Trong Danh mục minh chứng, các tiêu chí/ tiêu chuẩn đều có một hệ thống minh chứng đi kèm. Cách mã hóa thông tin, minh chứng trong Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành KTXD như sau:

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi gồm 11 ký tự: theo công thức sau: ***Hn.ab.cd.ef***. Trong đó:

**H:** viết tắt của “Hộp minh chứng”

**n:** số thứ tự của Hộp minh chứng (có giá trị từ 1 đến 11)

**ab:** số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

**cd:** số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 của các tiêu chuẩn viết 01).

**ef:** số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí gồm 2 chữ số.

Ví dụ: **[H1.01.01.02]** - Minh chứng thứ 02 của tiêu chí 1, thuộc tiêu chuẩn 1, ở hộp 1.

Trong file Danh mục minh chứng của Báo cáo TĐG CTĐT ngành KTXD có đính kèm đường link Hồ sơ minh chứng online ngành KTXD. Trong đó, mỗi tiêu chuẩn được tổ chức thành một tệp, bên trong tệp Tiêu chuẩn có các tệp Tiêu chí, trong mỗi tệp Tiêu chí có các tệp hoặc file minh chứng riêng, được đặt tên theo đúng Mã minh chứng trong Danh mục minh chứng.

#### **b) Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá**

##### **- Mục đích tự đánh giá**

Giúp Khoa KTCN tự xem xét, nghiên cứu các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GDĐT ban hành, tự rà soát mọi hoạt động, đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện CTĐT, các yếu tố tác động đến chất lượng đào tạo Kỹ sư KTXD của Khoa. Trong quá trình tự xem xét, đánh giá, Khoa nhận định được những điểm mạnh và phát hiện được điểm tồn tại, từ đó đưa ra kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT Kỹ sư KTXD, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các BLQ. Đây cũng là cơ sở để Khoa đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT

cử nhân KTXD. Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD đối với Nhà trường, với xã hội và các BLQ.

#### **- Quy trình tự đánh giá CTĐT**

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau:

- + Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- + Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;
- + Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- + Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;
- + Bước 5: Công bố nội bộ dự thảo BCTĐG và tiếp tục hoàn thiện BCTĐG;
- + Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá như: Lưu trữ và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động cải tiến chất lượng trong Báo cáo tự đánh giá; Báo cáo Cục QLCL - Bộ GDĐT;

Và tiếp tục đăng ký đánh giá ngoài để kiểm định chất lượng CTĐT theo chỉ đạo của lãnh đạo Trường.

#### **- Công cụ tự đánh giá**

Công cụ tự đánh giá là bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 và theo hướng dẫn của công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019; các tài liệu quy định và hướng dẫn khác như Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng và công văn 774 /QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

#### **- Phương pháp và quá trình tổ chức triển khai tự đánh giá**

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành KTXD được thành lập gồm có 11 thành viên (*gồm đại diện BGH, lãnh đạo và giảng viên Khoa KTCN, đại diện các phòng ban, đoàn thể và đại diện sinh viên ngành KTXD*). Giúp việc cho Hội đồng TĐG

là Ban thư ký gồm 20 thành viên (gồm GVCBNV của Khoa KTCN, một số CBNV Phòng QLĐT, Phòng TC-HC, Phòng KH-TC, Phòng CTCTSV&HTDN, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng QLKH&HTQT,...) được tổ chức thành 4 nhóm chuyên trách tham gia chính vào quá trình viết báo cáo TĐG. Báo cáo TĐG các phiên bản luôn được thông qua ý kiến của Hội đồng TĐG, các bên liên quan trong Trường, phiên bản cuối được công khai đến các bên liên quan, người học của Trường góp ý.

+ Nhóm 1: phụ trách các tiêu chuẩn 1, 2, 3 (về mục tiêu, CĐR, bản mô tả, cấu trúc và nội dung CTĐT) do TS. Nguyễn Tấn Ý – Trưởng khoa làm Trưởng nhóm; có sự tham gia của Phó trưởng phòng QLĐT;

+ Nhóm 2: phụ trách các tiêu chuẩn 4, 5, 10 (về phương pháp tiếp cận trong dạy và học, đánh giá KQHT của người học, nâng cao chất lượng) do KS. Trần Duy Lâm – GV khoa KTCN làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC;

+ Nhóm 3: phụ trách các tiêu chuẩn 6, 7, 9 (Đội ngũ GV, nghiên cứu viên, đội ngũ nhân viên, CSVN và trang thiết bị) do ThS. Nguyễn Hữu Hoài Chương – GV Khoa KTCN làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên Phòng TC-HC, thư viện, Phòng KH-TC, Phòng QLKH&HTQT;

+ Nhóm 4: phụ trách các tiêu chuẩn 8, 11 (Người học và hoạt động hỗ trợ người học, kết quả đầu ra) do ThS. Nguyễn Hữu Hoài Chương – GV Khoa KTCN làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC; Phòng CTCTSV&HTDN;

Khoa KTCN đã lập kế hoạch chi tiết để tổ chức đánh giá CTĐT ngành KTXD, tiến hành họp toàn Khoa và các thành viên các nhóm chuyên trách để phổ biến kế hoạch và phân công công việc cụ thể như: Phân công thư ký phụ trách đầu mỗi tập hợp tình hình thực hiện của các nhóm, mỗi nhóm phân công cá nhân phụ trách chính mỗi tiêu chuẩn; Phân tích tìm hiểu tiêu chí; các thành viên hỗ trợ thu thập minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn; sau đó Lãnh đạo Khoa rà soát lại và viết dự thảo báo cáo tổng hợp để Hội đồng tự đánh giá có ý kiến và phê duyệt dự thảo báo cáo và triển khai các bước tiếp theo. Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành KTXD được thực hiện từ tháng 02/2025 đến tháng 7/2025. Báo cáo sẽ tiếp tục được cập nhật, bổ sung sau khi

thẩm định để đăng ký đánh giá ngoài CTĐT cử nhân ngành KTXD.

## **2. Tổng quan chung**

### **2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Phan Thiết (UPT)**

Trường Đại học Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ và được giao nhiệm vụ đào tạo đa ngành và đa trình độ nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trí tuệ, bản lĩnh, sáng tạo cho vùng Nam trung bộ nói riêng và cả nước nói chung. Trường Đại học Phan Thiết (tên tiếng Anh là University of Phan Thiet, tên giao dịch viết tắt là UPT) là trường đại học duy nhất hiện nay của tỉnh Bình Thuận, có diện tích đất hiện nay là 119.875,9 m<sup>2</sup>, tại khu phố 5, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Website: <http://www.upt.edu.vn>.

#### ***Sứ mạng:***

Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp, tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng, phục vụ nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận và cả nước. Xúc tiến các hoạt động xã hội PVCD trong tỉnh Bình Thuận và cả nước.

#### ***Tầm nhìn:***

UPT phấn đấu đến năm 2030 trở thành đại học có uy tín, chất lượng và sáng tạo; được kiểm định chất lượng quốc gia và khu vực; có mạng lưới quan hệ hợp tác rộng rãi, đa ngành trong nước và quốc tế.

#### ***Giá trị cốt lõi:***

Giá trị cốt lõi của Trường là: "Nhân văn – Hội nhập – Phát triển bền vững".

#### ***Mục tiêu:***

Trường xác định mục tiêu đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp với triết lý giáo dục “Thực học - Thực nghiệp - Học suốt đời để làm việc suốt đời”, đa dạng các lĩnh vực đào tạo. Mục tiêu giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến 2040 của Trường với các nội dung chính là: Đẩy mạnh công tác tuyển sinh và đào tạo, mở thêm đa dạng các ngành

học mới hệ đại học và thạc sĩ, phấn đấu mở được ngành đào tạo tiến sĩ; tăng quy mô đào tạo; kết hợp phương thức đào tạo Elearning; Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học (NCKH) trong GV và SV: 100% GV cơ hữu tham gia NCKH, đảm bảo mỗi GV có ít nhất 2 bài báo trong 1 năm học, các sản phẩm về KHCN có khả năng ứng dụng và triển khai, có hiệu quả về mặt kinh tế-xã hội, xây dựng và phát triển tạp chí khoa học của Trường; Có các đối tác hợp tác lâu dài ở địa phương, trong và ngoài nước; Xây dựng và phát triển được đội ngũ CBGVNV có năng lực và trình độ cao; Có hệ thống CSVC, kỹ thuật đồng bộ và hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH; Các nguồn lực tài chính được phát triển trên cơ sở tự chủ tài chính, đảm bảo để thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra.

Sau hơn 15 năm hình thành và phát triển, UPT hiện nay đang có 9 Khoa chuyên môn, tổ chức đào tạo tổng cộng 15 ngành ở trình độ đại học gồm đa dạng các lĩnh vực như: Nhân văn, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Máy tính và công nghệ thông tin, Kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Sức khỏe, Du lịch, khách sạn; và 03 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, Luật kinh tế; Quy mô đào tạo là tính đến tháng 6/2025 là 2217 SV và 91 HV; Đội ngũ GV cơ hữu có 195 người, trong đó có 6,1% GS, PGS, 23,03% TS, 63,03% ThS, 7,84% ĐH; Đã xuất bản được Tạp chí khoa học UPT; đã phát triển được các đối tác hợp tác quốc tế; có mạng lưới hợp tác hơn 100 doanh nghiệp, nhà tuyển dụng lao động; Tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp đạt trên 93%, tỷ lệ hài lòng của doanh nghiệp đối với SV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị đạt trên 85%

### ***Các chính sách và hoạt động bảo đảm chất lượng***

UPT cam kết kiểm soát chặt chẽ hệ thống ĐBCL bên trong, thường xuyên rà soát và cải tiến mọi mặt hoạt động nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt và ngày càng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan, cụ thể:

- Chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ GV, cán bộ quản lý và cán bộ hành chính có đủ số lượng, trình độ, phẩm chất và năng lực theo quy định của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội: Hằng năm, Phòng TC-HC hướng dẫn các đơn vị làm báo cáo rà soát, đánh giá tình hình và nhu cầu về tuyển dụng và bồi dưỡng đào tạo nhân sự. Nhà Trường vẫn đang tăng cường tuyển dụng

và tạo điều kiện để CBGVNV tham gia các khóa học nâng cao trình độ và các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước;

- Đào tạo đáp ứng CDR theo Quy định của Bộ GDĐT, của Nhà trường và yêu cầu của các bên liên quan, nhất là Nhà tuyển dụng: Nhà trường định kỳ rà soát, cập nhật yêu cầu của nhà tuyển dụng và cập nhật các quy định của Bộ GDĐT để xây dựng các CDR và nội dung các CTĐT theo hướng tăng thực hành, thực tế và ngày càng đáp ứng hơn yêu cầu của các bên liên quan; Nhà trường tổ chức cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/1 lần. CTĐT từ khóa 2020 rút ngắn thời gian đào tạo còn 4 năm. Bộ CTĐT từ năm 2022 áp dụng cho khóa tuyển sinh 2022 được Nhà trường xây dựng phù hợp với Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài. CTĐT 2024 tiếp tục được cập nhật, chỉnh sửa định kỳ, áp dụng cho khóa 2024-2028 cho phù hợp với nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội và của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động và người học.

- Lấy người học làm trung tâm, luôn luôn quan tâm và tạo môi trường thuận lợi để người học tự do phát triển năng lực sáng tạo của mình: Trường tổ chức Hội nghị dạy tốt – Học tốt định kỳ hằng năm cho GV và SV; GV thường xuyên cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực chuyên môn và các kỹ năng của người học;

- Đầu tư đảm bảo CSVC, tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy – học và quản lý đào tạo hướng đến tiếp cận và thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ 4.0, tiếp cận với giáo dục khu vực và thế giới;

- Đẩy mạnh các hoạt động NCKH, PVCD trong SV và GV, trong đó GV là lực lượng nòng cốt: Nhà trường đang tích cực đẩy mạnh hoạt động NCKH như tăng cường kinh phí, cải tiến quy định về hoạt động NCKH cho GV và SV, với những chỉ tiêu cụ thể được giao, đồng thời có cơ chế giám sát và thúc đẩy, khuyến khích GV, SV tham gia NCKH;

- Tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác là các cơ sở giáo dục, tổ chức đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức NCKH trong và ngoài nước;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường để không ngừng cải tiến chất lượng;

- Phát triển văn hóa chất lượng, xây dựng ý thức kỷ luật, tinh thần tập thể, phát huy tiềm năng và sự cống hiến của mọi cá nhân, đơn vị thuộc Trường;

- Thực hiện tự đánh giá và KĐCLGD cấp Trường và cấp CTĐT theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành, theo định kỳ, hướng tới KĐCLGD trong khu vực và quốc tế: UPT đã đạt kiểm định chất lượng CSGD theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành 2 chu kỳ, lần 1 năm 2019 và lần 2 vào ngày 10/01/2025 do Trung tâm KĐCLGD – ĐHQG Hà Nội công nhận; Đã đạt kiểm định chất lượng 8 CTĐT theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành vào năm 2021-2022 (*các CTĐT trình độ đại học Quản trị kinh doanh, Quản trị khách sạn, Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh, Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành, Tài chính – Ngân hàng, Luật kinh tế, và CTĐT trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh*) do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

## **2.2. Giới thiệu về Khoa Kỹ thuật Công nghệ**

Được thành lập theo quyết định số 416/QĐ-ĐHPT ngày 30/12/2019 của Chủ tịch HĐQT trường Đại học Phan Thiết. Khoa KTCN hiện đang đào tạo 03 ngành là KTXD, Kỹ thuật Xây dựng và Kỹ thuật cơ khí trình độ đại học và tiếp tục phát triển các CTĐT. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu của Khoa tính đến 6/2025 có 25 CBGV cơ hữu, trong đó có 2 PGS, 8 Tiến sĩ, 7 ThS và 8 Đại học. Ngoài ra, Khoa còn có một số GV thỉnh giảng là các GS, PGS, Tiến sĩ, Thạc sĩ có kinh nghiệm và uy tín cao từ các Viện nghiên cứu, các trường ĐH trong nước và các doanh nghiệp về lĩnh vực KTXD tại TP. HCM trực tiếp tham gia giảng dạy và NCKH góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa.

Khoa KTCN thường xuyên củng cố, phát triển Tổ ĐBCL của Khoa và thực hiện đầy đủ các hoạt động ĐBCL chung của Trường và các hoạt động ĐBCL của Khoa, bộ môn đối với các CTĐT của Khoa phụ trách như:

- Rà soát, đánh giá và phát triển đội ngũ nhân lực của Khoa hằng năm, đảm bảo đáp ứng số lượng và chất lượng GV giảng dạy các CTĐT và đội ngũ cán bộ quản lý, CVHT hỗ trợ người học; Tạo điều kiện để CBGVNV của Khoa tham gia các khóa học nâng cao trình độ và các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ;

- Định kỳ rà soát, cập nhật, phát triển các CTĐT của Khoa quản lý theo kế hoạch chung của Trường; chú trọng tham khảo các yêu cầu của các doanh nghiệp, nhà tuyển



dụng để xây dựng các CTĐT theo hướng tăng cường thực hành, thực tế, cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực xây dựng, ô tô, cơ khí; 03 CTĐT Đại học KTXD, Kỹ thuật Ô tô và Kỹ thuật Cơ khí của Khoa đã được xây dựng; CTĐT ngành KTXD được xây dựng, vận hành từ năm 2020, đã qua các lần cập nhật CTĐT năm 2021, 2022, 2024. CTĐT từ năm 2022 áp dụng cho khóa tuyển sinh 2022 được Nhà trường xây dựng đáp ứng theo Thông tư số 17/2021/TT- BGDDT;

- Tổ chức các chương trình sinh hoạt học thuật của Khoa, tham gia chương trình Day tốt – Học tốt của Trường, giúp cho GV đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và phát triển năng lực tự học, sáng tạo của người học; cập nhật các phần mềm thực hành mới nhất từ các ngân hàng, doanh nghiệp để giảng dạy cho người học; Thực hiện đánh giá và cải tiến hình thức, phương pháp, đề thi kiểm tra đánh giá hằng năm theo kết quả học tập của người học;

- Cải tiến, biên soạn giáo trình tài liệu giảng dạy phục vụ cho các ngành đào tạo của Khoa, đáp ứng tốt hơn về tài liệu học tập cho người học;

- Khuyến khích các hoạt động NCKH đối với GV và SV trong Khoa. GV phải thực hiện tốt quy định của Trường về tiết nghĩa vụ NCKH và tích tham gia hướng dẫn SV thực hiện NCKH;

- Thực hiện các hoạt động cố vấn học tập, hỗ trợ người học trong suốt khóa học;

- Tăng cường hợp tác với các đơn vị, các doanh nghiệp, ngân hàng trong và ngoài Tỉnh và tổ chức các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập cho người học trong mỗi khóa học và giới thiệu việc làm cho SV;

- Định kỳ thực hiện sinh hoạt Khoa, sinh hoạt cố vấn học tập lấy ý kiến người học, trao đổi với các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức... phối hợp với các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan do Trường tổ chức để không ngừng cải tiến chất lượng CTĐT và các hoạt động của Khoa, nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa đáp ứng sự hài lòng các bên liên quan;

- Thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng các CTĐT của Khoa theo quy định của Bộ GDĐT và của Trường.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

### **Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### **Mở đầu:**

Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KTXD được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và định hướng phát triển của Nhà trường. Đồng thời, các nội dung này đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật GDĐH. Các CĐR của chương trình được xác định cụ thể, bao quát những yêu cầu chung về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà NH đạt được sau khi hoàn thành khóa học. Những mục tiêu và CĐR này cũng thể hiện cam kết của Trường đối NH và xã hội, được công khai minh bạch cũng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. Quá trình rà soát, bổ sung và điều chỉnh mục tiêu và CĐR của CTĐT được thực hiện định kỳ trên cơ sở tham khảo ý kiến phản hồi của các BLQ. Việc điều chỉnh nhằm đảm bảo CTĐT luôn phù hợp với thực tiễn và yêu cầu của xã hội, góp phần nâng cao chất lượng uy tín của Nhà trường.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.***

#### ***1. Mô tả hiện trạng:***

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành KTXD là “Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chương trình đào tạo trang bị cho người học phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, và trách nhiệm nghề nghiệp; thích nghi với môi trường làm việc đáp ứng được nhu cầu sử dụng của thực tiễn việc làm và hội nhập quốc tế”. Mục tiêu này được quy định cụ thể trong các phiên bản CTĐT qua các năm. Nhằm cụ thể hóa mục tiêu chung, CTĐT ngành KTXD trình độ ĐH đã xây dựng 08 mục tiêu cụ thể (từ PO1 đến PO8). Từ các mục tiêu cụ thể này, Khoa đã xây dựng khung chương trình đào tạo, thiết kế ma trận năng lực thể hiện mối liên hệ giữa các học phần với CĐR của CTĐT nhằm xác định mức độ đóng góp của từng học phần trong việc đạt được mục tiêu CTĐT và CĐR [H1.01.01.01]. Nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của xã hội và hướng đến sự phát triển toàn diện năng lực người học, trong quá trình tổ chức và

triển khai đào tạo, Trường Đại học Phan Thiết và Khoa Kỹ thuật Công nghệ luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể, hoạt động xây dựng và điều chỉnh CTĐT được thực hiện trên cơ sở các văn bản pháp quy như sau: (1) Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 V/v Phê duyệt Khung trình độ quốc gia; (2) Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 V/v Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; (3) Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 V/v Ban hành quy định về chuẩn CTĐT; Xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ giáo dục đại học. Trên cơ sở các quy định nêu trên, Nhà trường đã ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra, được áp dụng thống nhất trong toàn trường **[H1.01.01.02]**. Trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện việc cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo, đồng thời triển khai kế hoạch này đến các Khoa chuyên môn để tổ chức thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả **[H1.01.01.03]**. Căn cứ trên kế hoạch của Trường, Khoa đã chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT ngành KTXD, nhằm đảm bảo tính cập nhật, phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu của CĐR **[H1.01.01.04]**. Việc rà soát và điều chỉnh CTĐT được tiến hành theo chu kỳ 2 năm một lần và có thể thực hiện điều chỉnh đột xuất khi có sự thay đổi trong các văn bản pháp lý hiện hành, điển hình là Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và dựa trên cơ sở tham vấn ý kiến từ các BLQ, gồm: Chuyên gia đầu ngành, GV, NH, nhà quản lý và các NTD **[H1.01.01.06]**, **[H1.01.01.07]**. Tuy nhiên, do ngành đào tạo này mới chỉ có khóa sinh viên đầu tiên tốt nghiệp, nên công tác thu thập thông tin và lấy ý kiến khảo sát từ các nhà quản lý và nhà tuyển dụng còn gặp nhiều hạn chế.

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành KTXD trình độ đại học được xây dựng phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường Đại học Phan Thiết **[H1.01.01.08]**, đồng thời nằm trong định hướng chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2015–2020 cũng như kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020–2025, tầm nhìn đến năm 2040 **[H1.01.01.09]**. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo ngành KTXD được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận thông tin **[H1.01.01.10]**. Song song đó, mục tiêu của CTĐT của ngành KTXD xây dựng cũng phù

hợp với mục tiêu giáo dục trong Luật Giáo dục số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 quy định tại điều 5, Luật GDĐH năm 2012 “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng an ninh và hợp tác quốc tế; Đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng NCKH và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân*”. Mục tiêu của chương trình đào tạo được cụ thể hóa theo quy định về chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp.

Trong các đợt rà soát, điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo vào các năm 2021, 2022 và 2024, Trường và Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các học phần trong chương trình đào tạo ngành KTXD nhằm bảo đảm tuân thủ các quy định mới tại các thông tư hiện hành, đồng thời nâng cao tính cập nhật, phù hợp với thực tiễn và đáp ứng chuẩn đầu ra đã đề ra. Nội dung từng học phần được thiết kế bảo đảm tính logic, tính kế thừa, tránh trùng lặp không cần thiết giữa các học phần, đồng thời bảo đảm sự phân bổ hợp lý về kiến thức và kỹ năng, thể hiện sự nhất quán giữa các học phần với mục tiêu chung của chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở đó, Khoa đã ban hành Bản mô tả CTĐT ngành KTXD, Chương trình dạy học, đồng thời thực hiện điều chỉnh chuẩn đầu ra và cập nhật ma trận các kỹ năng vào các năm 2021, 2022 và 2024 [H1.01.01.11]. Rà soát ĐCCT các HP thuộc CTĐT ngành KTXD bảo đảm bám sát mục tiêu CTĐT [H1.01.01.12]. Từ năm 2021 đến nay Trường đã xây dựng và thực hiện việc cập nhật, đánh giá CTĐT trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉnh các ngành đào tạo của Trường trong đó có ngành KTXD [H1.01.01.13]. Ngoài ra, CTĐT ngành KTXD cũng được thực hiện đối sánh với chương trình đào tạo của một số cơ sở đào tạo uy tín trong nước. Việc đối sánh này nhằm bảo đảm tính cập nhật, tính hội nhập và phù hợp với xu hướng đào tạo hiện đại trong lĩnh vực KTXD, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng và tăng tính cạnh tranh của chương trình đào tạo so với mặt bằng chung [H1.01.01.14].

## 2. Điểm mạnh:

Mục tiêu của CTĐT ngành KTXD được xác lập một cách rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và định hướng phát triển của Trường Đại học Phan Thiết. Đồng thời, các mục tiêu này cũng bảo đảm đáp ứng các yêu cầu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học hiện hành. Quá trình xây dựng và xác lập mục tiêu được thực hiện trên cơ sở tham khảo ý kiến từ các bên liên quan, bao gồm chuyên gia, giảng viên, nhà quản lý, người học và nhà tuyển dụng. Điều này góp phần đảm bảo tính thực tiễn, tính khả thi và khả năng ứng dụng cao của chương trình trong thực tiễn đào tạo, cũng như đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

### *3. Điểm tồn tại:*

Việc thu thập ý kiến từ các bên liên quan đối với mục tiêu đào tạo ngành KTXD qua các đợt rà soát, cập nhật và điều chỉnh vẫn còn một số hạn chế. Cụ thể, số lượng phản hồi thu được còn tương đối thấp, đặc biệt từ nhóm nhà tuyển dụng và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quá trình khảo sát chưa được triển khai thông qua các công cụ đánh giá chuyên nghiệp, dẫn đến việc thu thập và phân tích dữ liệu chưa thật sự hiệu quả, đầy đủ và toàn diện.

### *4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                           | Đơn vị, người thực hiện        | Thời gian thực hiện/hoàn thành    | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Thực hiện rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT ngành KTXD cần được tổng hợp, phân tích dựa trên khảo sát các BLQ qua nhiều hình thức đa dạng hơn nữa. | Khoa KTCN;<br>P. KT-ĐBCL-TT&PC | Định kỳ<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện mục tiêu của CTĐT ngành KTXD bảo đảm phù hợp với sứ mạng tầm nhìn của Nhà trường                                                | Khoa KTCN                      | Từ năm học 2025-2026              |         |

### *5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)*

***Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.***

#### *1. Mô tả hiện trạng:*

CĐR của CTĐT ngành KTXD được xác định rõ ràng và nhất quán với mục tiêu đào tạo của chương trình. Các phiên bản CĐR đã được Khoa Kỹ thuật Công nghệ rà soát, cập nhật và ban hành vào các năm 2021, 2022 và 2024, thể hiện rõ định hướng cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và phù hợp với sự phát triển của ngành [H1.01.01.01], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Việc xây dựng CĐR của CTĐT được thực hiện trên cơ sở bám sát Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đây là những căn cứ pháp lý quan trọng, giúp đảm bảo chuẩn đầu ra được xây dựng một cách hệ thống, khoa học và phù hợp với yêu cầu đào tạo theo chuẩn quốc gia. Nội dung CĐR đồng thời phản ánh rõ sứ mạng, tầm nhìn và định hướng phát triển của Trường Đại học Phan Thiết [H1.01.01.08], [H1.01.01.09]. Cụ thể, CĐR của CTĐT ngành KTXD được phê duyệt lần đầu vào năm 2020 và được rà soát, điều chỉnh, cập nhật vào các năm 2021, 2022 và 2024. Theo đó, người học sau khi hoàn thành chương trình phải đạt được các phẩm chất và năng lực cần thiết của một kỹ sư, bao gồm yêu cầu tối thiểu về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc. Các yêu cầu này được xây dựng trên cơ sở chuẩn năng lực cơ bản của kỹ sư Việt Nam, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ [H1.01.01.01]. Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT được phổ biến đầy đủ đến toàn thể giảng viên trong Khoa nhằm đảm bảo sự thống nhất trong giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học. Đồng thời, nội dung chương trình đào tạo cũng được công khai minh bạch trên trang thông tin điện tử chính thức của Khoa, tạo điều kiện thuận lợi để người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, theo dõi và giám sát việc triển khai chương trình [H1.01.01.10].

\*Các CĐR phù hợp với Mục tiêu chung của CTĐT ngành KTXD: “Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chương trình đào tạo trang bị cho người học phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, và trách nhiệm nghề nghiệp; thích nghi với môi trường làm việc đáp ứng được nhu cầu sử dụng của thực tiễn việc làm và hội nhập quốc tế”. Theo bảng cập nhật mới nhất năm 2024, CĐR của CTĐT

ngành KTXD được xây dựng trên cơ sở ba nhóm năng lực cốt lõi, bao gồm: (1) Kiến thức, (2) Kỹ năng và (3) Năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các nhóm năng lực này được xác định phù hợp với các mục tiêu cụ thể của CTĐT, đảm bảo sự thống nhất giữa định hướng đào tạo và kết quả đầu ra mong đợi. Mối quan hệ giữa mục tiêu chương trình và các nhóm CĐR được trình bày cụ thể tại Bảng 1.2.1 dưới đây:

**Bảng 1.2.1. Mối liên hệ giữa mục tiêu CTĐT và CĐR (năm 2024)**

| Mục tiêu (POs) | Chuẩn đầu ra (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
|----------------|---------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
|                | 1                   | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| PO1            | x                   | x |   |   | x | x |   |   |   | x  |    |    |
| PO2            |                     | x | x | x | x | x | x |   |   |    |    |    |
| PO3            |                     | x | x | x | x | x | x |   |   |    |    |    |
| PO4            |                     | x | x | x |   | x | x |   | x |    |    |    |
| PO5            |                     |   |   |   | x |   |   |   | x |    |    |    |
| PO6            |                     |   | x |   | x |   | x | x |   |    |    |    |
| PO7            | x                   |   |   |   |   |   |   |   | x | x  | x  | x  |
| PO8            |                     |   |   |   |   |   |   |   |   | x  | x  | x  |

Hệ thống CĐR của CTĐT được xây dựng trên cơ sở liên kết chặt chẽ với cấu trúc các HP trong chương trình. Mối liên hệ này được thể hiện rõ thông qua ma trận liên kết giữa CĐR và các HP, trong đó mỗi HP đảm nhận vai trò cụ thể trong việc hình thành và phát triển năng lực cho NH. Đồng thời, nội dung giảng dạy và các chương trong từng HP đều được thiết kế gắn với các CĐR tương ứng, giúp người học có định hướng rõ ràng trong quá trình học tập, từ đó đạt được mục tiêu đào tạo một cách bài bản và có hệ thống [H1.01.01.11], [H1.01.01.12], [H1.01.02.02]. Như đã trình bày tại Bảng 1.2.1, hệ thống chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo được xây dựng bao quát đầy đủ ba nhóm năng lực cốt lõi, bao gồm: (1) Kiến thức, (2) Kỹ năng, và (3) Năng lực tự chủ và trách nhiệm. Cụ thể:

- PLO1 đến PLO5: xác định các yêu cầu chung về kiến thức chuyên môn mà người học cần đạt được;
- PLO6 đến PLO9: thể hiện các yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và kỹ năng thực hành;
- PLO10 đến PLO12: đề cập đến năng lực tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp và thái độ chuyên nghiệp trong công việc.

Quy trình xây dựng và cập nhật CĐR được thực hiện một cách bài bản, có hệ thống và dựa trên việc tham vấn ý kiến từ các bên liên quan (BLQ), bao gồm: chuyên gia đầu ngành, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng trong lĩnh vực Kỹ thuật công nghệ. Việc tham vấn được triển khai thông qua các khảo sát định kỳ, biên bản họp lấy ý kiến, cũng như biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Kỹ thuật Công nghệ. Đây là cơ sở quan trọng giúp chương trình đào tạo được điều chỉnh và cập nhật CĐR kịp thời, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội và nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động [H1.01.01.05], [H1.01.01.06], [H1.01.01.07], [H1.01.02.03].

### *2. Điểm mạnh:*

CĐR của CTĐT ngành KTXD được xác định một cách rõ ràng, đầy đủ, đảm bảo bao quát ba nhóm năng lực cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình, bao gồm: kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực tự chủ – trách nhiệm. CĐR được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục chung của Nhà trường, đồng thời thể hiện rõ định hướng nghề nghiệp và triển vọng việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Quá trình xây dựng CĐR được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo tính hệ thống và chuẩn mực. Trong quá trình xây dựng, chương trình đã tiến hành tham vấn ý kiến từ các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, chuyên gia và nhà tuyển dụng) nhằm đảm bảo tính học thuật, thực tiễn và sự phù hợp với yêu cầu thực tế của thị trường lao động.

### *3. Điểm tồn tại:*

Việc thu thập và tham khảo ý kiến của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng trong quá trình rà soát, cải tiến CĐR hiện vẫn còn gặp một số hạn chế nhất định. Nguyên nhân chủ yếu là do đây là ngành đào tạo mới, với khóa sinh viên đầu tiên chỉ mới tốt nghiệp trong thời gian gần đây, dẫn đến số lượng phản hồi từ thực tiễn còn ít, chưa đảm bảo tính đại diện. Điều này ảnh hưởng đến tính đầy đủ và độ tin cậy của dữ liệu, khiến quá trình đánh giá và điều chỉnh CĐR chưa có đủ minh chứng thực tiễn để đưa ra các nhận định một cách toàn diện và sâu sắc về mức độ phù hợp của CĐR với yêu cầu của thị trường lao động.

### *4. Kế hoạch hành động:*



| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/hoàn thành  | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tăng cường xây dựng và phát triển mạng lưới kết nối với cựu SV và NTD, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập dữ liệu khảo sát thực tế                                                                     | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026            |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | CĐR của CTĐT được rà soát, cập nhật định kỳ trên cơ sở tham khảo ý kiến của các bên liên quan (BLQ), đồng thời bám sát các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như yêu cầu cụ thể của ngành đào tạo | Khoa KTCN               | Định kỳ<br>Từ năm học 2025-2026 |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.***

*1. Mô tả hiện trạng:*

Trong quá trình triển khai đào tạo, Khoa KTCN đã thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR và CTĐT theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học sau tốt nghiệp. Nhà trường cũng đã ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT định kỳ làm cơ sở để các khoa chuyên môn chủ động thực hiện. Trên cơ sở đó, Khoa KTCN đã xây dựng kế hoạch cụ thể và chủ trì triển khai công tác rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện CTĐT nhằm đảm bảo tính phù hợp với định hướng phát triển ngành, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và chuẩn đầu ra theo quy định [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Từ các kết quả trên, Nhà trường đã ban hành các quyết định liên quan đến CTĐT ngành KTXD [H1.01.01.01]; ĐCCT các HP [H1.01.01.12] và CĐR của CTĐT ngành KTXD trình độ ĐH [H1.01.02.01]. Với phương châm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, việc xây dựng và cập nhật CĐR được xác định là một trong những nội dung trọng tâm trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục hằng năm của Nhà trường [H1.01.03.01].

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CDR của CTĐT, Khoa KTCN đặc biệt chú trọng việc thu thập và tổng hợp ý kiến phản hồi từ các BLQ, bao gồm: sinh viên, giảng viên, chuyên gia và nhà tuyển dụng **[H1.01.01.05]**; Công tác lấy ý kiến và kết quả phản hồi từ NH trước khi tốt nghiệp, ý kiến và kết quả phản hồi từ các NTD năm 2024 và đánh giá các kết quả phản hồi của các BLQ về chất lượng của SV tốt nghiệp ngành KTXD **[H1.01.01.07]**. Các phản hồi từ bên liên quan cho thấy CTĐT ngành KTXD cần tiếp tục được hoàn thiện ở một số khía cạnh. Cụ thể, nhiều ý kiến đề xuất tăng cường thời lượng dành cho các học phần thực hành, thí nghiệm nhằm giúp người học củng cố kiến thức chuyên môn và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Bên cạnh đó, nhu cầu bổ sung trang thiết bị phục vụ thực hành – thí nghiệm cũng được nhấn mạnh như một yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả giảng dạy. Ngoài ra, các ý kiến cũng khuyến nghị tích hợp thêm các học phần về kỹ năng mềm nhằm phát triển năng lực toàn diện cho người học, đồng thời tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tham quan thực tế tại doanh nghiệp để giúp sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tiễn.

Định kỳ, thông qua các đợt rà soát CTĐT, Khoa KTCN đều tiến hành tổng hợp, phân tích và cập nhật ý kiến phản hồi từ các BLQ. Đồng thời, Khoa cũng thực hiện đối sánh CTĐT ngành KTXD với các CTĐT tương đương tại một số cơ sở giáo dục đại học khác nhằm đảm bảo tính cập nhật, phù hợp với xu hướng phát triển của ngành và đáp ứng yêu cầu xã hội **[H1.01.01.14]**. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến từ các bên liên quan và kết quả đối sánh với các CTĐT tương đương, CTĐT ngành KTXD đã được rà soát, điều chỉnh vào các năm 2021, 2022 và 2024 nhằm đảm bảo bám sát thực tiễn và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Trong quá trình xây dựng và cập nhật CTĐT, Khoa KTCN đã thiết lập các bảng ma trận thể hiện mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và mục tiêu đào tạo (PO); giữa mục tiêu các học phần và CDR; đồng thời xây dựng ma trận đối sánh giữa chuẩn đầu ra CTĐT và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Việc xây dựng các ma trận này giúp đảm bảo tính logic, sự liên thông và nhất quán trong thiết kế, triển khai và đánh giá CTĐT. Ngoài ra, việc tổ chức hội thảo lấy ý kiến rộng rãi từ các bên liên quan cũng được xem là một kênh quan trọng góp phần hoàn thiện CDR và nâng cao chất lượng CTĐT. **[H1.01.01.05], [H1.01.01.07]**. Bên cạnh đó, phản hồi từ người học được Khoa ghi nhận thông qua nhiều kênh khác nhau như: các buổi đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Khoa, sinh hoạt lớp, sinh hoạt công dân đầu khóa... Những ý kiến đóng

góp từ sinh viên được tổng hợp, phân tích và cập nhật kịp thời, làm cơ sở quan trọng trong việc rà soát, điều chỉnh CĐR, từ đó góp phần nâng cao chất lượng CTĐT theo hướng ngày càng sát với yêu cầu thực tiễn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội và thị trường lao động [H1.01.03.02], [H1.01.03.03].

Sau khi được chỉnh sửa và hoàn thiện, CTĐT và CĐR ngành KTXD đều được trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường thông qua trước khi ban hành chính thức. Các nội dung này được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Khoa nhằm tạo điều kiện để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, nắm bắt đầy đủ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh việc công bố trên website, thông tin về CĐR còn được phổ biến đến người học thông qua nhiều kênh khác như: các buổi sinh hoạt đầu khóa, sổ tay sinh viên và trang thông tin điện tử của Khoa [H1.01.02.03], [H1.01.03.03], [H1.01.01.10], [H1.01.03.05], [H1.01.03.06]. Việc công khai CĐR của chương trình đào tạo CTĐT không chỉ thể hiện tính minh bạch và cam kết của Khoa KTCN đối với chất lượng đào tạo, mà còn tạo điều kiện thuận lợi để các bên liên quan dễ dàng theo dõi, tiếp cận và nắm bắt thông tin về CĐR của CTĐT ngành KTXD.

## *2. Điểm mạnh:*

Việc rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành KTXD được thực hiện trên cơ sở xuất phát từ thực tiễn nhu cầu lao động và yêu cầu của thị trường việc làm. Quá trình này được triển khai dựa trên kết quả khảo sát các tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp gắn với vị trí việc làm thực tế do nhà tuyển dụng đề xuất, đồng thời có sự tham gia đóng góp ý kiến từ các BLQ. CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo hướng tích hợp giữa kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ – trách nhiệm, nhằm bảo đảm sự phù hợp với những thay đổi trong bối cảnh nghề nghiệp hiện đại. Sau khi hoàn thiện, CĐR được Nhà trường công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện để sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác dễ dàng tiếp cận và theo dõi.

## *3. Điểm tồn tại:*

Hoạt động khảo sát và thu thập ý kiến từ nhà tuyển dụng và cựu sinh viên nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh nội dung CĐR của CTĐT hiện vẫn còn hạn chế, do Khoa mới chỉ có một khóa sinh viên tốt nghiệp. Đây là một trong những nội dung cần được

tiếp tục quan tâm và cải thiện trong thời gian tới, nhằm từng bước nâng cao tính thực tiễn, đảm bảo mức độ phù hợp của CDR với yêu cầu ngày càng đa dạng và biến động của thị trường lao động.

*4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Nhà trường để đẩy mạnh xây dựng và phát triển mạng lưới kết nối với nhà tuyển dụng, từ đó từng bước mở rộng sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình đánh giá, rà soát và hoàn thiện CDR cũng như CTĐT, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động. | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026            |         |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | CDR được rà soát, cập nhật định kỳ trên cơ sở tiếp thu ý kiến từ các bên liên quan, đồng thời căn cứ vào các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các yêu cầu cụ thể của ngành.                                                                                                                                       | Khoa KTCN               | Định kỳ (Từ năm học 2025-2026)  |         |

*5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)*

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Mục tiêu của CTĐT ngành KTXD được xác định rõ ràng, cụ thể và được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Những mục tiêu này được quán triệt đến từng cán bộ, giảng viên trong Khoa nhằm đảm bảo sự thống nhất trong triển khai và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề ra. CDR của CTĐT được thiết kế nhằm phát huy năng lực chủ động, sáng tạo, tinh thần tự học, tính tự chủ và trách nhiệm của sinh viên, đồng thời tạo môi trường thuận lợi để người học phấn đấu và đạt thành tích cao trong học tập.

Bên cạnh đó, CĐR cũng xác định đầy đủ các điều kiện cần thiết để phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức cũng như năng lực học tập suốt đời và khả năng nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp. Các mục tiêu và CĐR của CTĐT được xây dựng và định kỳ rà soát với sự tham gia đóng góp ý kiến của các BLQ. Sau mỗi đợt điều chỉnh, các nội dung này được công bố công khai, đảm bảo để các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ định hướng đào tạo của chương trình.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Hiện nay, số lượng và đối tượng khảo sát vẫn còn hạn chế do Khoa mới chỉ có một khóa sinh viên tốt nghiệp, nên chưa phản ánh đầy đủ bức tranh tổng thể về nhu cầu của thị trường lao động. Do đó, cần mở rộng phạm vi khảo sát, đa dạng hóa đối tượng lấy ý kiến trong quá trình xây dựng và điều chỉnh Chuẩn đầu ra CĐR của CTĐT. Bên cạnh đó, cần tăng cường thực hiện hoạt động đối sánh CTĐT với các chương trình đào tạo tương đương tại một số cơ sở giáo dục đại học uy tín trong nước, nhằm tạo cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc điều chỉnh, bổ sung CTĐT theo hướng ngày càng tiệm cận hơn với nhu cầu của xã hội và xu thế phát triển của ngành nghề.

*Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:*

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, tiêu chuẩn 1 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

**Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

**Mở đầu:**

Bản mô tả CTĐT ngành KTXD trình độ ĐH được xây dựng theo các quy định chung của Bộ GD&ĐT và theo hướng dẫn của Trường ban hành từ năm 2020. Bản mô tả đã được rà soát, điều chỉnh và cập nhật vào các năm 2021, 2022 và năm 2024. Bản mô tả CTĐT được Khoa KTCN xây dựng theo quy định, gồm 03 phần chính: (1) Mô tả CTĐT; (2) Mô tả chương trình giảng dạy; (3) Hướng dẫn thực hiện CTĐT. Trong đó, nội dung bản mô tả cung cấp đầy đủ và chi tiết các thông tin cốt lõi như: *Thông tin về CTĐT; Mục tiêu, CĐR của CTĐT; Cấu trúc khóa học; Tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh; Kế hoạch giảng dạy trong từng học kỳ; Ma trận kỹ năng (thể hiện vai trò của từng HP trong việc đạt được CĐR của CTĐT); ĐCHP cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH.* Bên cạnh đó, bản

mô tả CTĐT được công bố công khai đến các BLQ thông qua nhiều hình thức khác nhau như: Website Trường/Khoa, Sổ tay SV; Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa dành cho tân SV; Tờ rơi, tài liệu quảng bá ngành học và các buổi giới thiệu chuyên đề... nhằm đảm bảo tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin cho NH, GV, NTD và các đối tượng quan tâm khác có cơ hội tiếp cận và tìm hiểu về CTĐT ngành KTXD của Trường ĐHPT. Điều này giúp cho NH hiểu rõ về CTĐT và chủ động lên kế hoạch học tập theo từng học kỳ phù hợp với năng lực của bản thân.

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật***

#### ***1. Mô tả hiện trạng:***

Bản mô tả CTĐT ngành KTXD trình độ ĐH được xây dựng đầy đủ theo các nội dung và yêu cầu quy định của GD&ĐT. Ngành KTXD chính thức được Bộ GD&ĐT cho phép triển khai đào tạo từ năm 2020 theo Quyết định số 398/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2020 [H2.02.01.01]. Từ thời điểm đó đến năm 2024, Khoa KTCN đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT qua 03 phiên bản mới vào năm 2021, 2022 và năm 2024, thể hiện sự linh hoạt, phù hợp với xu thế phát triển ngành nghề cũng như yêu cầu thực tiễn [H2.02.01.02]. Các bản mô tả CTĐT đã được thẩm định, phê duyệt theo đúng quy trình, phản ánh rõ nét những thay đổi về cấu trúc chương trình, nội dung giảng dạy và định hướng nâng cao chất lượng đào tạo NH. Bản mô tả CTĐT tuân thủ đầy đủ các tiêu chí theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, gồm các nội dung chính: *Tên CSGD; Tên gọi của văn bằng; Tên CTĐT; Thời gian đào tạo và các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; Mục tiêu, CDR của CTĐT; Tiêu chí tuyển sinh; Cấu trúc CTDH; Ma trận kỹ năng; Đề cương các môn học/HP; Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh mô tả CTĐT* [H2.02.01.03].

Bản mô tả CTĐT ngành KTXD cũng được định kỳ cập nhật, nhằm phản ánh các yêu cầu mới nhất từ Bộ GD&ĐT và Trường ĐHPT, cũng như các thay đổi theo xu hướng đào tạo, pháp luật, khoa học – công nghệ và thực tiễn nghề nghiệp trong lĩnh vực KTXD. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế chú trọng đến tính ứng dụng thực tiễn, đáp ứng yêu cầu từ NTD và tăng cường năng lực nghề nghiệp cho NH. Trường đã ban hành quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CDR thống nhất toàn Trường [H2.02.01.04]. Đến thời điểm cần rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT, P.QLĐT sẽ chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện cập nhật, điều chỉnh CTĐT và

phân công triển khai đến các khoa chuyên môn [H2.02.01.05]. Trên cơ sở kế hoạch chung của Trường, Khoa KTCN chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT ngành KTXD theo chu kỳ 2 năm/1 lần [H2.02.01.06].

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cập nhật Bản mô tả CTĐT ngành KTXD năm 2021, 2022 và năm 2024, Trường và Khoa đã tham khảo ý kiến các BLQ, gồm: Chuyên gia đầu ngành, GV, NH, nhà quản lý và các NTD [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09]. Tuy nhiên, do ngành KTXD chỉ mới có khóa SV đầu tiên tốt nghiệp, nên việc thu thập phản hồi từ các NTD còn tương đối hạn chế. Tính đến thời điểm hiện tại, Khoa KTCN đã cập nhật và ban hành bản mô tả CTĐT qua năm 2021, 2022 và năm 2024. Những điều chỉnh trong từng phiên bản thể hiện rõ sự cải tiến về nội dung, cấu trúc chương trình và định hướng đào tạo, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể, sự thay đổi CTĐT để thấy được sự thay đổi trong bản Mô tả CTĐT tương ứng quan các năm 2022, 2024 như sau:

**Bảng 2.1.1. Đối sánh sự thay đổi CTĐT ngành KTXD để thấy được sự thay đổi trong Bản Mô tả CTĐT tương ứng quan các năm 2021, 2022, 2024**

| TT | Nội dung          | Tóm tắt những nội dung sửa đổi trong Bản mô tả CTĐT                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                   | Năm 2021                                                                                                                                                                                                                                                                     | Năm 2022                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Năm 2024                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 1  | Mục tiêu của CTĐT | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung ký hiệu PO đối với mục tiêu CTĐT;</li> <li>- Điều chỉnh và bổ sung một số mục tiêu cụ thể, thể hiện ở mục tiêu về Kiến thức, Kỹ năng, Năng lực tự chủ và trách nhiệm và các công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp</li> </ul> | Thống nhất nội dung cũ                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thống nhất nội dung cũ                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 2  | CĐR               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung ký hiệu PLO;</li> <li>- Bổ sung mối liên kết PO – PLO;</li> <li>- Cập nhật Ma trận đáp ứng giữa các HP và CĐR của CTĐT</li> </ul>                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa nội dung ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong chuyên môn kỹ thuật xây dựng từ CĐR kỹ năng (PLO8) bổ sung vào CĐR kiến thức (PLO4);</li> <li>- Bổ sung nội dung PLO8: Có kỹ năng dẫn dắt, làm việc nhóm, truyền đạt vấn đề và giải</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẫn giữ nguyên số lượng 12 PLO;</li> <li>- Xây dựng lại CĐR theo nguyên tắc SMART;</li> <li>- Tăng PLO kỹ năng từ 4 lên 5;</li> <li>- Phân bổ lại số lượng các nhóm CĐR: Nhóm CĐR kỹ năng từ 4 tăng lên 5 PLO, nhóm CĐR mục tự chủ và trách</li> </ul> |

| TT | Nội dung            | Tóm tắt những nội dung sửa đổi trong Bản mô tả CTĐT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                     | Năm 2021                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Năm 2022                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Năm 2024                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|    |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | pháp đến người khác; có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành.<br>- Chọn lọc, thay đổi những từ ngữ mang tính đo lường cao theo mức độ phân loại Bloom;<br>- Bổ sung mối liên hệ giữa PO và PLO;<br>- Cập nhật Ma trận đáp ứng giữa các HP và CDR của CTĐT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | nhiệm từ 4 PLO xuống còn 3 PLO;<br>- Cập nhật Ma trận theo khung trình độ quốc gia;<br>- Cập nhật Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 3  | Cấu trúc của CTĐT   | Giữ nguyên tổng số tín chỉ là 151TC (không bao gồm học phần GDTC, GDQP), phân chia thành 6 khối kiến thức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Giữ nguyên tổng số tín chỉ đối với ngành KTXD là 151 tín chỉ, (không bao gồm HP GDTC, GDQP), chia 5 khối kiến thức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Không thay đổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4  | Thời lượng của CTĐT | Điều chỉnh từ 4.5 năm thành 4 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Không thay đổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Không thay đổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 5  | Nội dung của CTĐT   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản mô tả Chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần được điều chỉnh bố cục, nội dung tương ứng với biểu mẫu mới áp dụng chung cho Trường bắt đầu từ khóa tuyển sinh 2021 trở về sau;</li> <li>- Các học phần được phân bổ trải đều thành 11 học kỳ với số tín chỉ cho từng học kỳ tương đương nhau dao động từ 13-16 tín chỉ/học kỳ;</li> <li>- Thống nhất sử dụng tên học kỳ theo số thứ tự từng học kỳ, không sử dụng tên học kỳ hè;</li> <li>- Gộp chung hai học phần “Đại số tuyến tính” (2 tín chỉ) và “Giải tích” (3 tín chỉ) thành một học phần</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản mô tả Chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần được điều chỉnh bố cục, nội dung tương ứng với biểu mẫu mới áp dụng chung cho Trường bắt đầu từ khóa tuyển sinh 2022 trở về sau;</li> <li>- Các học phần được phân bổ trải đều thành 11 học kỳ với số tín chỉ cho từng học kỳ tương đương nhau dao động từ 13-16 tín chỉ/học kỳ;</li> <li>- Hủy bỏ một số học phần:<br/>+ Quy hoạch đô thị (2TC)<br/>+ Vẽ kỹ thuật xây dựng (3TC)<br/>+ Thông gió (2TC)<br/>+ Chuyên đề Nền và Móng (2TC)<br/>+ Chuyên đề kết cấu bê tông (2TC)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật tên ngành, tên học phần bằng song ngữ Việt – Anh;</li> <li>- Thống nhất tách thành nhiều học phần từ một học phần và tăng số tín chỉ học phần nhằm đảm bảo khối lượng kiến thức cần thiết đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội hiện nay;</li> <li>- Thống nhất thay đổi số tín chỉ một số học phần để đảm bảo khối lượng kiến thức và nội dung giảng dạy, cân đối giữa số tín chỉ lý thuyết và thực hành để đáp ứng nhu cầu người học và nhu cầu xã hội;</li> <li>- Thống nhất đổi tên học phần để phù hợp hơn với thực tế và đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Phân bổ lại các học phần thuộc Khoa Cơ Bản quản lý theo danh</li> </ul> |



| TT | Nội dung | Tóm tắt những nội dung sửa đổi trong Bản mô tả CTĐT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          | Năm 2021                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Năm 2022                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Năm 2024                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|    |          | <p>“Toán cao cấp” (3 tín chỉ);</p> <p>- Thay đổi số tín chỉ học phần “Đồ án tốt nghiệp” (8TC) thành (7TC);</p> <p>- Học phần “Kỹ năng mềm” được phân bổ cố định ở học kỳ 10;</p> <p>- Chuyển học phần Toán cao cấp C (4 tín chỉ) thành học phần Toán cao cấp (3 tín chỉ).</p> <p><b>- Thay đổi tên một số học phần:</b></p> <p>+ “Vật lý đại cương” thành “Vật lý”;</p> <p>+ “Cơ lý thuyết” (2TC) thành “ Cơ học lý thuyết” (3TC);</p> <p>+ “Hình họa - Vẽ kỹ thuật” 3TC (3LT) thành “Vẽ kỹ thuật” 3TC (2LT+1TH);</p> <p>+ “Kỹ thuật điện” 2TC (2LT) thành “Kỹ thuật điện xây dựng” 3TC (2LT+1TH);</p> <p>+ “Nền móng” thành “Nền và móng”;</p> <p>+ “Đồ án Nền móng” thành “Đồ án nền và móng”;</p> <p>+ “Chuyên đề nền móng” thành “Chuyên đề nền và móng”;</p> <p>+ + “Kỹ thuật thi công và máy xây dựng” (4TC) thành “Kỹ thuật thi công” (3TC);</p> <p>+ + “Tổ chức thi công và an toàn lao động” (4TC); thành “ Tổ chức và quản lý thi công” (3TC);</p> <p>+ + “Thực tập công nhân và thí nghiệm</p> | <p>+ Chuyên đề thi công (2TC)</p> <p>+ Kinh tế xây dựng (3TC)</p> <p>Học phần tự chọn:</p> <p>+ Thiết kế kết cấu nhà công nghiệp (2TC)</p> <p>- Bổ sung một số học phần:</p> <p>+ Thí nghiệm &amp; kiểm định công trình (2TC)</p> <p>+ Phương pháp nghiên cứu khoa học (2TC)</p> <p>+ Đấu thầu, thanh quyết toán công trình (2TC)</p> <p>+ Hệ thống kỹ thuật công trình, PCCC (3TC)</p> <p>+ Quản lý dự án Xây dựng (2TC)</p> <p>+ Đồ án tổ chức và quản lý thi công (2TC)</p> <p>+ An toàn lao động (2TC)</p> <p>+ Tham quan công trình thực tế (1TC)</p> <p>Học phần tự chọn:</p> <p>+ Nền móng trong điều kiện đặc biệt (2TC)</p> <p>+ Kết cấu nhà bê tông cốt thép dự ứng lực trước (2TC)</p> <p>- Gộp học phần:</p> <p>+ “ Kiến trúc dân dụng (2TC) ” và “ Kiến trúc công nghiệp (2TC)” thành môn “ Kiến trúc dân dụng &amp; công nghiệp (2TC)”</p> <p>+ “ ĐA.Kiến trúc dân dụng (1TC) ” và “ ĐA.Kiến trúc công nghiệp (1TC)” thành môn “ ĐA.Kiến trúc dân dụng &amp; công nghiệp (2TC)”</p> <p>- Thay đổi số tín chỉ một số học phần:</p> | <p>mục chung đã ban hành năm 2024;</p> <p>- Hủy bỏ học phần Tiếng anh 4 (3TC) và bổ sung thêm học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (2TC) theo nội dung cuộc họp chuyên môn đào tạo trường ngày 04 tháng 01 năm 2024;</p> <p>- Di chuyển vị trí một số học phần nhằm phân bổ lại thứ tự môn học theo từng học kỳ, đảm bảo tính logic giữa các môn học giúp sinh viên dễ dàng nắm bắt kiến thức hơn.</p> <p>*Điều chỉnh chi tiết như sau:</p> <p>- Hủy bỏ học phần:</p> <p>+ Tiếng anh 4 (3TC)</p> <p>+ Phương pháp nghiên cứu khoa học (2TC)</p> <p>- Bổ sung học phần:</p> <p>+ Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (2TC)</p> <p>- Thay đổi số tín chỉ một số học phần:</p> <p>+ Tổ chức và quản lý thi công: 2TC thành 3TC</p> <p>- Đổi tên học phần:</p> <p>+ Autocad trong xây dựng 3TC (TH) thành học phần Tin học ứng dụng ngành xây dựng 1 3TC (TH).</p> <p>- Tách học phần:</p> <p>+ Tin học ứng dụng ngành xây dựng 2TC (TH) thành 2 học phần là Tin học ứng dụng ngành xây dựng 2 - 2TC (TH) và Tin học ứng dụng ngành xây dựng 3 - 2TC (TH).</p> <p>+ Cấu tạo kiến trúc 3TC (2LT+1ĐÁ) thành 2 học phần Cấu tạo kiến trúc</p> |

| TT | Nội dung | Tóm tắt những nội dung sửa đổi trong Bản mô tả CTĐT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          | Năm 2021                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Năm 2022                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Năm 2024                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|    |          | <p>công trình” (3TC) thành “Thực tập công nhân xây dựng”.</p> <p><b>Hủy bỏ một số học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhập môn Quản trị doanh nghiệp (2TC);</li> <li>+ Autocad trong xây dựng (2TC);</li> <li>+ Thủy lực (2TC);</li> <li>+ Kỹ thuật nhiệt (2TC).</li> </ul> <p><b>- Bổ sung một số học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Pháp luật xây dựng (2TC);</li> <li>+ Vẽ kỹ thuật xây dựng (3TC);</li> <li>+ Cấu tạo kiến trúc (2TC);</li> <li>+ Quy hoạch đô thị (2TC);</li> <li>+ Thiết kế kết cấu nhà dân dụng (2TC) và Thiết kế kết cấu nhà công nghiệp (2TC) vào học phần tự chọn.</li> </ul> <p><b>- Gộp học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ “Đồ án bê tông cốt thép 1” (2TC) và “Đồ án bê tông cốt thép” 2 (1TC) thành “Đồ án bê tông cốt thép” (1TC)</li> </ul> <p><b>- Tách học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ “Kinh tế xây dựng và dự toán công trình” (4TC) thành “Kinh tế xây dựng” (3TC) và “Dự toán công trình” (2TC)</li> </ul> <p><b>- Thay đổi số tín chỉ một số học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trắc địa 3TC (2LT+1TH) thành 2TC (2LT);</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vật liệu xây dựng: 3TC (3LT) thành 3TC (2LT+ 1TH)</li> <li>+ Tổ chức và quản lý thi công: 3TC (2LT+1TH) thành 2TC ( 2LT)</li> <li>+ Cơ học đất: 3TC ( 3LT) thành 3TC (2LT+1TH)</li> <li>+ Trắc địa: 2TC ( 2LT) thành 3TC (1LT+2TH)</li> <li>+ Địa chất công trình: 2TC (2LT) thành 2TC (1LT+1TH)</li> <li>+ Cấu tạo kiến trúc: 2TC (2LT) thành 3TC (2LT+1ĐA)</li> <li>+ Đồ án bê tông cốt thép: (1TC) thành (2TC)</li> <li>+ Đồ án kết cấu thép: (1TC) thành (2TC)</li> <li>+ Tin học ứng dụng ngành xây dựng: 3TC (2LT+1TH) thành 2TC (2TH)</li> </ul> | <p>2TC và Đồ án cấu tạo kiến trúc 1TC</p> <p>- Di chuyển học phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Toán cao cấp, Vật lý từ HK2 chuyển sang HK1</li> <li>+ Cơ học lý thuyết, Hình họa – vẽ kỹ thuật từ HK1 chuyển sang HK2</li> <li>+ Triết học Mác – Lênin từ HK3 chuyển sang HK1</li> <li>+ Vật lý từ HK1 chuyển sang HK2</li> <li>+ Kinh tế chính trị Mác – Lenin từ HK6 chuyển sang HK2</li> <li>+ Tin học căn bản từ HK4 chuyển sang HK3</li> <li>+ Chủ nghĩa xã hội khoa học từ HK7 chuyển sang HK3</li> <li>+ Địa chất công trình từ HK2 chuyển sang HK4</li> <li>+ Sức bền vật liệu 1 từ HK3 chuyển sang HK4</li> <li>+ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ HK9 chuyển sang HK4</li> <li>+ Autocad trong xây dựng (tương đương Tin học ứng dụng ngành xây dựng 1) từ HK2 chuyển sang HK4</li> <li>+ Cơ học kết cấu 1 và Sức bền vật liệu 2 từ HK4 chuyển sang HK5</li> <li>+ Nền và móng từ HK7 chuyển sang HK5</li> <li>+ Tư tưởng Hồ Chí Minh từ HK8 chuyển sang HK5</li> <li>+ Cơ học kết cấu 2, Đồ án kiến trúc dân dụng và công nghiệp và Kết cấu bê tông cốt thép 1 từ HK5 chuyển sang HK6</li> </ul> |

| TT | Nội dung            | Tóm tắt những nội dung sửa đổi trong Bản mô tả CTĐT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                     | Năm 2021                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Năm 2022                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Năm 2024                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|    |                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đồ án kết cấu thép 2TC (2TH) thành 1TC (1ĐA);</li> <li>+ Tin học ứng dụng ngành xây dựng 2TC (1LT+1TH) thành 3TC (2LT+1TH).</li> <li>- <b>Một số thay đổi khác:</b></li> <li>+ “Cấp thoát nước” từ kiến thức chuyên ngành chuyển sang kiến thức cơ sở ngành;</li> <li>+ “Vật liệu xây dựng” từ kiến thức cơ sở ngành chuyển sang kiến thức chuyên ngành;</li> <li>+ “Chuyên đề nền và móng” từ môn học tự chọn chuyển sang kiến thức chuyên ngành</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực tập công nhân xây dựng từ HK10 chuyển sang HK7</li> <li>+ Kết cấu bê tông cốt thép 2 và Đồ án bê tông cốt thép từ HK6 chuyển sang HK8</li> <li>+ Cấp thoát nước từ HK5 chuyển sang HK8</li> <li>+ Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt, Thí nghiệm &amp; kiểm định công trình và Kỹ thuật thi công từ HK8 chuyển sang HK9</li> <li>+ Đồ án kỹ thuật thi công từ HK8 chuyển sang HK10</li> <li>+ Dự toán công trình từ HK9 chuyển sang HK10</li> </ul>                                                                                                                |
| 6  | ĐCCT của HP/môn học | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng mức độ bảng phân loại Bloom để viết các chuẩn đầu ra học phần CLO;</li> <li>- Thiết lập và phân tích ma trận các HP, phân tích ma trận kỹ năng;</li> <li>- Cập nhật đề cương môn học, xây dựng ma trận PLO - CLO. Phân tích, liên hệ của HP với CĐR của CTĐT (PLO);</li> <li>- Sử dụng Rubrics để xây dựng đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Cập nhật tài liệu tham khảo.</li> </ul>                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng Bloom để viết CLO;</li> <li>- Điều chỉnh ma trận các HP cho phù hợp với nội dung PLO đã chỉnh sửa;</li> <li>- Xây dựng Holistic Rubric theo mức độ đạt chuẩn quy định liên quan đến CĐR nào của HP và trọng số con quá trình học tập;</li> <li>- Điều chỉnh chính sách đào tạo trình độ ĐH theo hệ thống thông tin chỉ hiện hành của trường;</li> <li>- Cập nhật tài liệu tham khảo.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng mức độ bảng phân loại Bloom để điều chỉnh các CĐR HP CLO;</li> <li>- Điều chỉnh ma trận các HP cho phù hợp với nội dung CĐR đã chỉnh sửa;</li> <li>- Xây dựng Holistic Rubric theo mức độ đạt chuẩn quy định liên quan đến CĐR nào của HP và trọng số con quá trình học tập.</li> <li>- Cập nhật hình thức thi cuối kỳ để phù hợp hơn với tình hình thực tế, bao quát các CĐR HP và đảm bảo mức độ phân loại SV.</li> <li>- Cập nhật các giáo trình sử dụng đào tạo tính mới, tính cập nhật, hủy bỏ những giáo trình, tài liệu tham khảo đã quá cũ.</li> </ul> |

| TT | Nội dung                       | Tóm tắt những nội dung sửa đổi trong Bản mô tả CTĐT |                    |                                                              |
|----|--------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------|
|    |                                | Năm 2021                                            | Năm 2022           | Năm 2024                                                     |
| 7  | Vị trí việc làm sau tốt nghiệp | Chưa đề cập cụ thể                                  | Chưa đề cập cụ thể | Cụ thể hóa vị trí việc làm sau tốt nghiệp theo từng lĩnh vực |

Nhìn chung, bản mô tả CTĐT ngành KTXD phiên bản cập nhật mới nhất vào năm 2024 đã đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, với bố cục rõ ràng, thông tin khái quát, súc tích và dễ tiếp cận. Qua đó, giúp NH và các bên BLQ có khả năng hình dung tổng thể về CTĐT trong suốt 4 năm học, tạo điều kiện thuận tiện cho NH trong việc xây dựng một lộ trình học tập và tích lũy kiến thức của mình để đạt được CDR của CTĐT.

Bản mô tả CTĐT được công khai và phổ biến thông qua nhiều kênh thông tin như: Trang thông tin điện tử của Khoa; Sổ tay SV; Tờ rơi, tài liệu quảng bá ngành học... Ngoài ra, bản mô tả còn được giới thiệu đến SV trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa, các buổi đối thoại giữa SV với lãnh đạo Khoa, các hoạt động sinh hoạt học thuật, câu lạc bộ chuyên ngành và sinh hoạt lớp định kỳ [H2.02.01.10], [H2.02.01.11], [H2.02.01.12], [H2.02.01.13], [H2.02.01.14], [H2.02.01.15].

### 2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT KTXD cung cấp đầy đủ các thông tin và thực hiện cập nhật theo Quy chế đào tạo và hướng dẫn của Nhà trường. Bản mô tả CTĐT giúp SV nắm khái quát các kiến thức cần học cũng như những yêu cầu về CDR của SV. Sự cập nhật của CTĐT nói riêng cũng như của Bản mô tả CTĐT nói chung cho thấy Khoa luôn nỗ lực đáp ứng yêu cầu mới của người học và thị trường lao động, đồng thời đảm bảo tính khoa học và mục tiêu, sứ mệnh của ngành học, của Khoa và của Nhà trường thông qua ý kiến của các BLQ; Thông tin về CTĐT (*mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc, HP...*) được công bố rộng rãi, minh bạch, giúp GV, SV và các BLQ khác dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ về chương trình.

### 3. Điểm tồn tại:

Hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các BLQ hiện vẫn còn một số hạn chế, cả về phạm vi đối tượng lẫn tần suất thực hiện. Việc thu thập ý kiến chủ yếu tập trung vào GV, chuyên gia và SV đang theo học tại Trường, trong khi các kênh tiếp cận phản hồi từ NTD chưa thật sự đa dạng về hình thức, chưa linh hoạt về thời điểm khảo sát. Điều

này ảnh hưởng đến tính toàn diện của dữ liệu phản hồi, hạn chế hiệu quả trong việc cải tiến CTĐT một cách đồng bộ và sát với thực tiễn.

#### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Mở rộng đối tượng khảo sát, tăng cường tần suất lấy ý kiến từ các BLQ, đặc biệt là từ các NTD                                                                                                                                                | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026           |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ rà soát, tiếp tục bám sát các yêu cầu của Bộ GD&ĐT và Nhà trường cũng như yêu cầu của các BLQ cùng xu hướng đào tạo KTXD... để điều chỉnh bản mô tả CTĐT nhằm liên tục đảm bảo tính khoa học, cụ thể và cập nhật của Bản mô tả CTĐT. | Khoa KTCN               | Định kỳ (Từ năm học 2025-2026) |         |

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

#### **Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật**

##### 1. Mô tả hiện trạng:

Trong một CTĐT, ĐCCT các HP được xem là xương sống, đóng vai trò then chốt, là bản cam kết học thuật giữa người dạy và NH nhằm đảm bảo thực hiện đúng trách nhiệm và định hướng giảng dạy – học tập. CDR của mỗi HP luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng [H2.02.02.01]. Đề cương các HP được thiết kế và bám sát với yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-Bộ GD&ĐT. Các HP trong CTĐT được xây dựng đề cương đầy đủ bởi GV phụ trách HP, được Trưởng đơn vị đào tạo phê duyệt và được ban hành theo quyết định của Hiệu trưởng [H2.02.01.02] và cung cấp cho SV trước khi giảng dạy HP. Nhà trường đã ban hành hướng dẫn chuẩn về mẫu ĐCCT HP, theo đó 100% ĐCHP đều có đầy đủ thông tin và thống nhất về hình thức trình bày với cùng cấu trúc nội dung, có đầy đủ thông tin mang tính tổng hợp theo yêu cầu như: *Tên đơn vị/tên GV đảm nhận giảng dạy; Tên gọi môn học/HP; Số tín chỉ; mục tiêu HP, các CDR về kiến thức chuyên*

*môn, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; Ma trận CDR với chương mục, tương thích với nội dung học tập chi tiết; Các yêu cầu, cấu trúc của môn học/HP; Các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá người học, giúp người học hiểu và đạt được yêu cầu của HP, ... [H2.02.02.02].*

Nhà trường cũng đã ban hành quy trình và hướng dẫn về việc sửa đổi, cập nhật CTĐT độ ĐH, đảm bảo công tác cải tiến chương trình được thực hiện một cách bài bản, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu thực tiễn [H2.02.01.04]. Theo kế hoạch định kỳ của Trường, toàn bộ ĐCHP trong CTĐT đều được rà soát, điều chỉnh và bổ sung nội dung phù hợp [H2.02.01.05]. Trên cơ sở đó, Khoa chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết để tổ chức thực hiện rà soát, cập nhật và hoàn thiện CTĐT một cách hiệu quả và sát với nhu cầu thực tế [H2.02.01.06]. Đặc biệt, đợt rà soát và điều chỉnh năm 2024 đã thực hiện nhiều nội dung cập nhật quan trọng: *Tập trung rà soát điều chỉnh các CDR HP cho phù hợp với CDR chương trình; Số TC; HP tiên quyết; Ma trận liên kết nội dung từng chương/mục của HP với CDR HP, và ma trận liên kết CDR của HP với CDR của chương trình; Điều chỉnh tên HP, mã HP, điều kiện tiên quyết và lộ trình sắp xếp các HP trong chương trình; Cập nhật tên và nội dung một số HP cho phù hợp với xu thế mới; bổ sung, cập nhật phương pháp giảng dạy – học tập mới; điều chỉnh và bổ sung nguồn học liệu (giáo trình, tài liệu tham khảo chính); làm rõ hơn về phương thức kiểm tra đánh giá HP (hình thức kiểm tra, nội dung kiểm tra, thời điểm kiểm tra, chỉ báo đánh giá, trọng số điểm, v.v.)... để đảm bảo minh bạch và phù hợp với quy định. Việc thường xuyên điều chỉnh, cập nhật đề cương HP cũng đòi hỏi đội ngũ GV phải không ngừng nghiên cứu, nắm bắt các yêu cầu mới, cập nhật kiến thức và giáo trình mới, tạo điều kiện cho SV được học những nội dung hiện đại, đáp ứng yêu cầu của công việc thực tiễn sau tốt nghiệp [H2.02.01.02], [H2.02.02.02].*

Sau khi CTĐT được Hội đồng Khoa học Đào tạo Trường thông qua và Hiệu trưởng phê duyệt, các tài liệu liên quan như **ĐCHP** và **kế hoạch giảng dạy** được công bố rộng rãi nhằm đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho NH tiếp cận thông tin [H2.02.02.03], [H2.02.01.02]. Cụ thể, các tài liệu này được đăng tải trên website của Khoa, đồng thời được phổ biến đến SV thông qua các kênh như tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, sổ tay SV, các buổi đối thoại giữa SV với lãnh đạo Khoa,... và phát trực tiếp

tại buổi học đầu tiên của mỗi HP [H2.02.01.10], [H2.02.01.11], [H2.02.01.12], [H2.02.01.13], [H2.02.01.14], [H2.02.01.15].

### 2. Điểm mạnh:

ĐCCT các HP ngành KTXD được thiết kế và chuẩn hóa theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin cốt lõi (*Mục tiêu, nội dung, CDR, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, tài liệu, v.v.*). ĐCCT đều thể hiện rõ mối liên hệ chặt chẽ CLO và PLO, tạo nên cấu trúc chương trình logic, hợp lý và nhất quán. Toàn bộ đề cương được phổ biến kịp thời đến các BLQ thông qua nhiều hình thức đa dạng. Nhờ đó, các HP không chỉ hỗ trợ SV nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn giúp phát triển các kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu, phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường lao động và đáp ứng các tiêu chuẩn giáo dục hiện hành.

### 3. Điểm tồn tại:

Việc lấy ý kiến các BLQ về chất lượng của ĐCCT các HP còn hạn chế về số lượng và chưa có nhiều NTD tham gia vào việc đóng góp ý kiến cho việc điều chỉnh và cập nhật ĐCCT các HP của CTĐT ngành KTXD.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện                         | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng cường tổ chức hội thảo, tọa đàm chuyên môn và khảo sát định kỳ nhằm thu hút sự tham gia đóng góp ý kiến của NTD và các BLQ vào quá trình điều chỉnh, cập nhật ĐCCT các HP;</li> <li>Lồng ghép nội dung lấy ý kiến này trong các hoạt động kết nối doanh nghiệp, ngày hội việc làm... để nâng cao tính thực tiễn và khả năng ứng dụng của CTĐT ngành KTXD.</li> </ul> | Khoa KTCN;<br>P.KT-ĐBCL-TT&PC;<br>P.CTCTSV&HTDN | Từ năm học 2025-2026           |         |
| 2  | Phát huy          | - Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện ĐCCT các HP ngành KTXD, đảm bảo đầy đủ nội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Khoa KTCN                                       | Định kỳ (Từ năm học 2025-2026) |         |

| TT | Mục tiêu  | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
|    | điểm mạnh | dung theo quy định. Công tác rà soát, đánh giá và cập nhật được thực hiện định kỳ 2 năm/1 lần nhằm bảo đảm sự phù hợp với mục tiêu đào tạo và yêu cầu thực tiễn;<br>- Tăng cường công tác truyền thông và công bố công khai rộng rãi ĐCCT HP của ngành KTXD, để các BLQ dễ dàng tiếp cận, tra cứu và theo dõi thông tin một cách đầy đủ, kịp thời và minh bạch. |                         |                                 |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận***

***1. Mô tả hiện trạng:***

Tất cả thông tin về CTĐT ngành KTXD được trình bày đầy đủ trong các tài liệu chính thức do Nhà trường ban hành qua các năm 2020, 2021, 2022 và 2024. Sau mỗi đợt rà soát, điều chỉnh và cập nhật, CTĐT đều được Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa và cấp Trường thông qua, được Hiệu trưởng phê duyệt và chính thức ban hành [H2.02.02.03], [H2.02.01.02]. Khi đó, bản mô tả CTĐT [H2.02.01.03] và ĐCCT các HP [H2.02.03.03] đi kèm CTĐT sẽ có hiệu lực và được công khai tới các GV, SV và các BLQ khác quan tâm. Những nội dung công khai các thông tin về bản mô tả CTĐT của ngành KTXD đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau bao gồm: Trên website của Khoa; Phổ biến trong buổi sinh hoạt đầu khóa cho tân SV; Các cuộc họp lấy ý kiến điều chỉnh CTĐT; Họp Khoa...Ngoài ra, GV phụ trách giảng dạy HP sẽ công khai ĐCCT HP cho SV vào buổi học đầu tiên lên lớp [H2.02.01.10], [H2.02.01.11], [H2.02.01.12], [H2.02.01.13], [H2.02.01.14], [H2.02.01.15].

Với các hình thức công khai khác nhau như trên, các BLQ đều dễ dàng tiếp cận với bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP dễ dàng, nhất là thông qua website



của Nhà trường và Khoa. Mặc khác, thông tin về CTĐT cũng được giới thiệu rộng rãi trong các tài liệu truyền thông tuyển sinh hằng năm, giúp học sinh THPT, phụ huynh và các đối tượng quan tâm dễ dàng tiếp cận. Hằng năm, Phòng KT–ĐBCL–TT&PC phối hợp với Khoa tổ chức khảo sát ý kiến từ các BLQ về chất lượng đào tạo, giảng dạy và mức độ đáp ứng của CTĐT [H2.02.01.08], [H2.02.01.09]. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV đồng tình với nhận định rằng “GV đã phổ biến HP/môn học và kết quả học tập ngay từ buổi học đầu tiên”. Điều này khẳng định tính minh bạch trong công bố thông tin HP, giúp SV chủ động trong việc học và tiếp cận tài liệu ngoài giờ học trên lớp. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT và toàn bộ ĐCCT các GP ngành KTXD còn được lưu trữ đầy đủ tại Khoa dưới dạng cả bản cứng và bản mềm. GV có thể dễ dàng tra cứu phục vụ xây dựng kế hoạch giảng dạy, trong khi SV có thể liên hệ để được cung cấp khi có nhu cầu. Điều này góp phần đảm bảo việc tiếp cận thông tin học thuật được thực hiện thuận tiện, hiệu quả và nhất quán cho tất cả đối tượng liên quan [H2.02.03.01].

Việc công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP ngành KTXD thông qua nhiều hình thức khác nhau đã tạo điều kiện thuận lợi cho SV cũng như các BLQ dễ dàng tiếp cận, tra cứu và nắm bắt thông tin về mục tiêu đào tạo, CDR, nội dung và yêu cầu cụ thể của từng HP. Các tài liệu này được trình bày rõ ràng, dễ hiểu và được công khai minh bạch trên các kênh thông tin chính thức của Nhà trường và Khoa. Nhờ đó, không chỉ GV và cán bộ của Trường mà cả SV, cựu SV, NTD và các đối tượng quan tâm đều có thể tiếp cận nhanh chóng, phục vụ cho nhu cầu học tập, giảng dạy, tuyển dụng và đánh giá chất lượng đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy đa số đánh giá cao mức độ dễ tiếp cận cũng như sự đa dạng của các kênh truyền tải thông tin về bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong công tác đào tạo của Nhà trường.

## 2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT và các ĐCCT HP ngành KTXD được công bố công khai, đầy đủ thông tin rộng rãi qua nhiều kênh khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

## 3. Điểm tồn tại:

Mặc dù bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP đã được công bố công khai đầy đủ thông qua nhiều hình thức khác nhau. Tuy nhiên mức độ tiếp cận và quan tâm từ phía NH vẫn chưa thật sự cao. Một bộ phận SV chưa chủ động tìm hiểu kỹ các thông tin đã được công bố, dẫn đến việc phải trao đổi lại với GVCN/CTVH về những nội dung đã có sẵn trong tài liệu. Đối với các đối tượng bên ngoài như: NTD, cựu SV...mức độ tiếp cận thông tin vẫn còn hạn chế và chưa được triển khai sâu rộng;

Chưa có cơ chế hoặc công cụ để đánh giá mức độ tiếp cận thông tin của các BLQ, gây khó khăn trong việc đo lường hiệu quả công bố và tiềm ẩn nguy cơ một số đối tượng chưa nắm bắt đầy đủ thông tin dù đã được công khai.

#### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | - Tăng cường hoạt động tuyên truyền, quảng bá CTĐT đến các đối tượng ngoài Trường;<br>- Xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận thông tin <i>(như thống kê lượt truy cập, khảo sát nhanh với SV, cựu SV, NTD...)</i> nhằm điều chỉnh cách công bố cho hiệu quả hơn. | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026           |         |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Liên tục cập nhật bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP lên các kênh thông tin của Trường và Khoa, đồng thời thông báo kịp thời đến SV các khóa.                                                                                                                             | Khoa KTCN               | Định kỳ (Từ năm học 2025-2026) |         |

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

#### Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

##### Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Bản mô tả CTĐT ngành KTXD được xây dựng đầy đủ, rõ ràng và được điều chỉnh, cập nhật định kỳ nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và xu thế phát triển của xã hội; ĐCCT các HP được thiết kế và chuẩn hóa theo đúng quy định, liên tục được rà soát và hoàn

thiện để đảm bảo tính cập nhật, tính ứng dụng và phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình.

Việc xây dựng, điều chỉnh và cập nhật CTĐT và ĐCCT HP được thực hiện trên cơ sở tham vấn ý kiến từ Hội đồng khoa học cấp Trường, cấp Khoa, GV giảng dạy, đơn vị tuyển dụng và các chuyên gia trong lĩnh vực. Tất cả các BLQ đều có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin này thông qua nhiều kênh như: Website của Trường/Khoa; Văn phòng Khoa; Sổ tay SV hoặc tài khoản cá nhân trên hệ thống quản lý học tập của SV.

*Điểm tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Việc lấy ý kiến các BLQ về chất lượng của ĐCCT các HP còn hạn chế về số lượng và chưa có nhiều NTD tham gia vào việc đóng góp ý kiến cho việc điều chỉnh và cập nhật ĐCCT các HP của CTĐT ngành KTXD.

Một bộ phận nhỏ SV chưa chủ động tìm hiểu kỹ các thông tin đã được công bố, dẫn đến việc phải trao đổi lại với GVCN/CTVH về những nội dung đã có sẵn trong tài liệu. Đối với các đối tượng bên ngoài như: NTD, cựu SV...mức độ tiếp cận thông tin vẫn còn hạn chế và chưa được triển khai sâu rộng.

Chưa có cơ chế hoặc công cụ để đánh giá mức độ tiếp cận thông tin của các BLQ, gây khó khăn trong việc đo lường hiệu quả công bố và tiềm ẩn nguy cơ một số đối tượng chưa nắm bắt đầy đủ thông tin dù đã được công khai.

*Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2:*

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 2 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### **Mở đầu:**

Cấu trúc và nội dung của CTĐT ngành KTXD được xây dựng một cách khoa học, hợp lý và tuân thủ đúng quy trình ban hành theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Nhà trường. Dựa trên các bản mô tả CTĐT các năm 2020, 2021, 2022 và năm 2024, Khoa KTCN đã phác thảo rõ ràng các thành phần cấu trúc, nội dung CTDH. Đồng thời, tổ chức lấy ý kiến góp ý từ các BLQ như GV, chuyên gia, cựu SV, các NTD để đảm bảo tính thực tiễn và phù hợp với nhu cầu xã hội. Trên cơ sở đó, Khoa KTCN đề

xuất các phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá NH phù hợp nhằm đảm bảo SV đạt được CĐR của từng HP cũng như CĐR tổng thể của CTĐT. Mỗi HP đều được phân tích và xác định rõ vai trò, mức độ đóng góp vào việc hình thành và phát triển năng lực toàn diện cho NH theo CĐR đã công bố. Nội dung các HP, bao gồm cả HP bắt buộc và tự chọn, được thiết kế theo trình tự logic, đảm bảo tính tích hợp, kế thừa và linh hoạt, thể hiện được tính hệ thống và chuyên sâu trong toàn bộ chương trình. Bên cạnh đó, CTĐT ngành KTXD còn được rà soát, cập nhật định kỳ 2 năm/1 lần, nhằm điều chỉnh kịp thời nội dung từng HP cũng như đảm bảo sự phù hợp, cập nhật với tiến bộ khoa học công nghệ và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

#### ***1. Mô tả hiện trạng:***

CTDH của CTĐT ngành KTXD được xây dựng dựa trên hướng dẫn chi tiết từ các văn bản của Nhà trường, bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT. CTĐT ngành KTXD được ban hành lần đầu vào năm 2020. Tuy nhiên, để kịp thời đáp ứng quy định mới tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT, Nhà trường và Khoa đã tiến hành một đợt rà soát đột xuất vào năm 2021. Tính đến thời điểm hiện tại, CTĐT ngành KTXD đã trải qua 03 đợt rà soát, điều chỉnh và cập nhật vào các năm 2021, 2022 và 2024. CTDH ngành KTXD được thiết kế bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CĐR,...Khoa học đảm bảo các nội dung theo đúng quy định của Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016; Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021. Trong CTĐT nội dung được đảm bảo các mục tiêu đào tạo và được cụ thể hóa trong hệ thống CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [**H3.03.01.01**], [**H3.03.01.02**], [**H3.03.01.03**]. CĐR của ngành KTXD được xây dựng dựa trên những hướng dẫn cụ thể, chia làm 03 nhóm, gồm: (1) CĐR về kiến thức; (2) CĐR về kỹ năng; (3) CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học được ký hiệu từ PLO1 đến PLO12. Trong đó CĐR về kiến thức từ PLO1 đến PLO4, CĐR về kỹ năng từ PLO5 đến PLO9, CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm từ PLO10 đến PLO12, đảm bảo được các mục tiêu của CTĐT [**H3.03.01.04**]. Việc thực hiện rà soát và điều chỉnh CTDH được tiến hành theo chu kỳ 2 năm/1 lần. Năm 2021, 2022 và 2024 cấu trúc CTDH ngành KTXD được rà soát thiết kế tin chỉ các môn học trong CTĐT ngành KTXD được kết

cấu thành các khối kiến thức khác nhau từ giáo dục đại cương đến thực tập và làm đồ án/đồ án tốt nghiệp. Các khối kiến thức thực này góp phần đạt được những CDR nhất định về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm **[H3.03.01.05]**, **[H3.03.01.06]**.

Chương trình được tổ chức giảng dạy trong thời gian 4 năm, tương ứng với 11 học kỳ, số lượng HP cùng với số tín chỉ của mỗi học kỳ được phân chia phù hợp với để giúp cho quá trình dạy – học đạt được CDR một cách hiệu quả nhất. Trong đó, học kỳ cuối bao gồm 2 lựa chọn cho các SV bao gồm: (1) Đồ án tốt nghiệp; (2) Thực tập tốt nghiệp ngành KTXD. Phân tích từng HP trong các khối kiến thức cho thấy việc lựa chọn HP được cân nhắc kỹ lưỡng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, đồng thời bảo đảm tính tối ưu để đáp ứng yêu cầu của CDR. Đặc biệt, số tín chỉ phân bổ cho khối kiến thức chuyên ngành về KTXD được tăng cường nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho NH. Kết quả khảo sát ý kiến các BLQ cho thấy CTDH được thiết kế linh hoạt, phù hợp với người học, giúp SV dễ dàng tiếp cận được các kiến thức, thuận lợi trong việc đạt được CDR của HP cũng như CTĐT **[H3.03.01.07]**.

Việc xây dựng và sắp xếp các HP trong khung CTĐT ngành KTXD ứng được thực hiện một cách khoa học, đảm bảo tính logic và kế thừa giữa các HP. Các môn học được phân bổ theo trình tự từ cơ bản đến nâng cao, từ kiến thức đại cương đến các HP chuyên ngành, phù hợp với tiến trình phát triển năng lực của NH. Cách sắp xếp này tạo điều kiện để SV từng bước hình thành và phát triển toàn diện kiến thức, kỹ năng, và phẩm chất nghề nghiệp theo đúng CDR đã đề ra. Cụ thể, các HP đại cương được bố trí ở giai đoạn đầu nhằm trang bị nền tảng tri thức chung và kỹ năng học thuật cần thiết. Giai đoạn tiếp theo là các HP cơ sở ngành giúp SV nắm bắt được các khái niệm, quy trình và công cụ nền tảng của lĩnh vực KTXD. Cuối chương trình là các HP chuyên ngành nhằm phát triển kỹ năng phân tích, tư duy chiến lược và năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn. Bên cạnh đó, chương trình còn tích hợp các HP kỹ năng mềm, HP thực tập thực tế tại doanh nghiệp, và đồ án tốt nghiệp. Những nội dung này đóng vai trò kết nối lý thuyết với thực hành, giúp SV củng cố kiến thức chuyên môn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, và nâng cao khả năng thích ứng với môi trường làm việc thực tế trong ngành KTXD, một lĩnh vực đòi hỏi tư duy hệ thống, khả năng phối hợp liên ngành và xử lý tình huống linh hoạt **[H3.03.01.06]**.

Toàn bộ ĐCCT các HP được xây dựng đúng quy định của Nhà trường [H3.03.01.08]. Trong các ĐCCT các HP đã xác định rõ các hoạt động dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm hỗ trợ NH đạt được các CDR của HP cũng như của toàn chương trình [H3.03.01.09]. Trong đề ĐCCT, các phương pháp giảng dạy và kiểm tra – đánh giá được mô tả rõ ràng, đảm bảo tính thống nhất với CDR của môn học. Các phương pháp này được xác định cụ thể theo từng bài giảng, từng tuần học. Cơ cấu điểm số được phân bổ hợp lý trong ĐCCT: Điểm chuyên cần chiếm 10%, điểm kiểm tra quá trình chiếm 30% thông qua các hình thức như thảo luận, thuyết trình, bài thu hoạch..., và điểm thi kết thúc HP chiếm 60%, đánh giá kiến thức trọng tâm, kiến thức chuyên sâu và mở rộng thông qua các rubric đánh giá nhằm phản ánh chính xác mức độ đạt được CDR của SV, quá trình này đều được căn cứ dự theo các quy định cụ thể của Nhà trường [H3.03.01.10]. Ngành KTXD đã xây dựng và áp dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy phù hợp với yêu cầu của từng HP và đáp ứng CDR. Các phương pháp được sử dụng bao gồm: Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thảo luận tình huống, thảo luận nội dung và liên hệ thực tế, thảo luận và chữa bài tập. Các phương pháp dạy – học cơ bản này được lựa chọn phù hợp với đặc trưng từng HP và mục tiêu đào tạo, góp phần hỗ trợ người học đạt được CDR. GV sử dụng bài giảng điện tử, mô hình trực quan trong giảng dạy và tập trung hướng dẫn học, tư vấn học tập, phản hồi kết quả thảo luận cũng như đánh giá kết quả kiểm tra, đặc biệt đối với các nội dung lý thuyết cốt lõi trong từng chương. Một số phương pháp giảng dạy được áp dụng phổ quát cho tất cả các HP, trong khi một số khác chỉ phù hợp với nhóm HP nhất định. Các phương pháp giảng dạy và hoạt động học tập được thiết kế cho từng HP đều do đội ngũ GV đề xuất và triển khai, đảm bảo sự phù hợp với nội dung giảng dạy và mục tiêu CDR của HP [H3.03.01.11].

Việc rà soát, cập nhật CTĐT được thực hiện định kỳ hằng năm, có sự tham vấn từ doanh nghiệp trong ngành, GV, và chuyên gia nhằm đảm bảo tính thực tiễn và tính thích ứng cao của chương trình. Bên cạnh đó, Khoa luôn có các hoạt động rà soát đánh giá đội ngũ GV với mục tiêu đảm bảo các tiêu chí đầy đủ kinh nghiệm và chuyên môn tham gia giảng dạy các HP để giúp NH đạt được CDR và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thị trường lao động hiện nay [H3.03.01.12].

## *2. Điểm mạnh:*

Nội dung chi tiết của từng HP trong CTDH và toàn bộ ĐCCT các HP của ngành KTXD được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận CĐR cũng như qua việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV Khoa đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các HP để đạt được CĐR của CTĐT cử nhân ngành KTXD.

### 3. Điểm tồn tại:

Quá trình khảo sát các BLQ về sự đóng góp của các HP trong việc đạt được CĐR chưa đầy đủ và chưa rõ nét. Có môn học phục vụ quá nhiều CĐR, trong khi một số CĐR có ít môn học đảm nhiệm.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu             | Nội dung                                                                                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại 1  | - Mở rộng công tác lấy ý kiến từ các BLQ với số lượng mẫu đủ lớn, đặt biệt là chú trọng phản hồi của NTD;<br>- Rà soát, điều chỉnh nội dung các HP nhằm đạt được CĐR của CTĐT | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026           |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh 1 | Duy trì và cập nhật định kỳ CTĐT dựa trên phản hồi của các BLQ và các bên liên quan nhằm đảm bảo tính phù hợp với thực tiễn và CĐR                                            | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026           |         |
| 3  | Phát huy điểm mạnh 2 | Tổ chức các buổi tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm cho GV về phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ, và kỹ thuật đánh giá theo hướng phát triển năng lực                | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026           |         |
| 4  | Phát huy điểm mạnh 3 | Định kỳ rà soát, hoàn thiện đề cương HP nhằm đảm bảo nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá luôn nhất quán với CĐR và mục tiêu đào tạo.                                    | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026           |         |

### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.***

***1. Mô tả hiện trạng:***

Để đảm bảo các HP hướng đến đạt CĐR của CTĐT, 100% các môn học/HP trong CTDH được xây dựng theo hướng tương thích với các yêu cầu của CĐR theo từng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, khả năng rèn luyện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của NH thông qua việc xác định mục tiêu của HP nhằm đạt CĐR được phân nhiệm với trình độ năng lực cụ thể. Sau đó xác định CĐR HP để đạt mục tiêu, từ đó mới xây dựng nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy và học tập, cách thức kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR HP. Điều này thể hiện rõ nét trong bản mô tả CTDH của ngành KTXD có trình bày bảng “*Ma trận đáp ứng giữa các HP và CĐR của CTĐT*” ghi rõ mức độ đóng góp theo các thang đo đóng góp ở các mức độ liên quan (I = đóng góp ở mức giới thiệu/bắt đầu, R = đóng góp ở mức độ tương đối có thực hành, thực tế, M = đóng góp ở mức độ cao ở mức thuần thực/thông hiểu vào CĐR) cho từng CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H3.03.02.01].

Tất cả ĐCCT đều có phần mục tiêu và CĐR được thể hiện rõ ràng, cụ thể nội dung cần đạt được khi kết thúc HP về mặt kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của SV. Trong bản mô tả CTĐT năm 2024, nội dung chương trình ngành KTXD đã thể hiện rõ mối quan hệ giữa các HP dựa trên các điều kiện tiên quyết và kế hoạch giảng dạy, giúp NH đạt được CĐR của CTDH theo lộ trình xác định. Đối với các HP có mối liên hệ với nhau về nội dung đều được xác định rõ môn học tiên quyết. Các HP được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học, đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CĐR. Ma trận đáp ứng giữa các HP và CĐR của CTĐT [H3.03.02.01], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04], [H3.03.01.09].

Nội dung bài giảng của các HP đều được xây dựng phù hợp với CĐR của mỗi HP, theo trình tự logic và khoa học, đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CĐR. Việc xây dựng nội dung bài giảng tương thích với CĐR giúp cho NH đạt được yêu cầu về CĐR và mục tiêu của CTĐT ngành KTXD [H3.03.02.02].



Toàn bộ các HP trong CTDH ngành KTXD đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá. Trong bảng tổng hợp phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá ngành đào tạo KTXD cho thấy các HP đã lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc thù của môn học, đảm bảo đạt được CDR. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá cuối kì được thiết kế phù hợp với quy chế đào tạo của CSGD với mục tiêu đánh giá tổng quát, toàn bộ khối lượng kiến thức NH đạt được sau mỗi HP [H3.03.02.03], [H3.03.01.03].

— Các phương pháp đánh giá quá trình được thiết kế đa dạng để đánh giá về kiến thức lẫn kỹ năng của NH trong quá trình tham gia lớp học. Điều này được thể hiện cụ thể trong các bảng ma trận, cụ thể:

**Bảng 3.2.2. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và CDR (PLOs) của CTĐT**

| Mục tiêu (POs) | CDR (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
|----------------|------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
|                | 1          | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| PO1            | x          | x |   |   | x | x |   |   |   | X  |    |    |
| PO2            |            | x | x | x | x | x | x |   |   |    |    |    |
| PO3            |            | x | x | x | x | x | x |   |   |    |    |    |
| PO4            |            | x | x | x |   | x | x |   | x |    |    |    |
| PO5            |            |   |   |   | x |   |   |   | x |    |    |    |
| PO6            |            |   |   |   | x |   | x | x |   |    |    |    |
| PO7            | x          |   | x |   |   |   |   |   | x | X  | x  | x  |
| PO8            |            |   |   |   |   |   |   |   |   | X  | x  | x  |

**Bảng 3.2.3. Ma trận mối liên hệ giữa CDR (PLOs) và phương pháp dạy-học**

| Chiến lược và PPDH |                        | PLOs |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
|--------------------|------------------------|------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
|                    |                        | 1    | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| <b>I</b>           | <b>Dạy trực tiếp</b>   |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 1                  | Giải thích cụ thể      |      | x | x | x | x | x | X | x |   |    |    |    |
| 2                  | Thuyết giảng           | x    | x | x | x | x | x | X | x |   |    |    |    |
| 3                  | Tham luận              | x    |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| <b>II</b>          | <b>Dạy gián tiếp</b>   |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 4                  | Câu hỏi gợi mở         | x    | x | x | x | x |   |   |   |   |    |    |    |
| 5                  | Giải quyết vấn đề      | x    | x | x | x | x | x |   | x |   | x  | x  | x  |
| 6                  | Học theo tình huống    | x    |   | x | x | x | x |   |   |   | x  | x  | x  |
| <b>III</b>         | <b>Học trải nghiệm</b> |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 7                  | Mô hình                |      | x |   | x | x |   |   |   |   |    |    |    |

| Chiến lược và PPDH |                           | PLOs |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
|--------------------|---------------------------|------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
|                    |                           | 1    | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 8                  | Thực tập, thực tế         |      |   | x |   | x |   |   |   |   |    |    |    |
| 9                  | Thí nghiệm                |      | x |   | x |   | x |   |   |   |    |    |    |
| 10                 | Nhóm nghiên cứu giảng dạy |      | x | x |   | x | x |   |   |   |    | x  | x  |
| <b>IV</b>          | <b>Dạy học tương tác</b>  |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 11                 | Tranh luận                | x    |   |   |   |   | x |   |   |   |    | x  | x  |
| 12                 | Thảo luận                 | x    | x | x |   | x |   |   |   |   | x  | x  |    |
| 13                 | Học nhóm                  | x    | x | x | x |   | x | X |   | x | x  | x  |    |
| <b>V</b>           | <b>Tự học</b>             |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 14                 | Bài tập ở nhà             | x    | x |   | x | x |   | X | x |   | x  | x  | x  |

**Bảng 3.2.3. Ma trận mối quan hệ giữa phương pháp đánh giá và CĐR (PLOs)**

| Phương pháp đánh giá<br>(Assessment methods) |                                                            | PLOs |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
|                                              |                                                            | 1    | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| <b>I</b>                                     | <b>Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)</b> |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 1                                            | Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)                     | x    | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  |
| 2                                            | Đánh giá bài tập (Work Assignment)                         |      | x | x | x | x | x |   |   |   |    | x  | x  |
| 3                                            | Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)                   | x    | x | x | x | x | x |   |   | x | x  | x  | x  |
| <b>II</b>                                    | <b>Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)</b>    |      |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |
| 4                                            | Kiểm tra viết (Written Exam)                               | x    | x | x | x | x |   | x | x | x | x  | x  | x  |
| 5                                            | Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)                |      |   |   |   |   |   |   | x |   |    |    |    |
| 6                                            | Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)                          |      |   |   |   |   | x |   | X |   |    |    |    |
| 7                                            | Báo cáo (Written Report)                                   |      | x | x | x | x | x | x |   | x | x  | x  | x  |
| 8                                            | Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)                   | x    | x | x | x | x | x | x |   | x | x  | x  | x  |
| 9                                            | Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)                   | x    | x | x | x | x | x | x |   | x | x  | x  | x  |

Việc xây dựng ĐCCT các HP luôn đảm bảo đề cương có mục tiêu và CĐR rõ ràng, tương ứng với CĐR nào của CTĐT, mỗi bài học đáp ứng CĐR nào của HP. Các phương

pháp giảng dạy phù hợp với từng HP được quy định rõ trong ĐCCT của từng HP. Ngoài ra, để đảm bảo việc đạt CDR trong mỗi HP, ngoài kỳ thi kết thúc HP, kết quả đánh giá người học còn được thể hiện qua điểm quá trình, điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ của các HP. Điểm chuyên cần được Nhà trường đánh giá thông qua hình thức GV sẽ điểm danh trên lớp vào mỗi buổi học, đảm bảo tính công bằng cho NH và GV. Hình thức thi kết thúc HP được thực hiện bằng các hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp và được quy định cụ thể trong các ĐCCT các HP, GV phải thông báo cho NH ngay buổi học đầu tiên [H3.03.01.09], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H3.03.02.04]. Trong từng phương pháp đánh giá, GV phải ghi rõ đáp ứng với CDR nào của HP và có đáp án rõ ràng. Dựa vào các tiêu chí đánh giá SV được quy định trong Quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, Trường đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH, Quy định ban hành CTĐT trình độ đại học chính quy theo tín chỉ của Trường; Quy trình xét điều kiện thực tập, khóa luận tốt nghiệp và tổ chức thực hiện thực tập, khóa luận tốt nghiệp cho SV cuối khóa [H3.03.02.03], [H3.03.02.05]. Song song với đó, Khoa cũng thực hiện đối sánh CTĐT với các cơ sở đào tạo cùng ngành trong nước [H3.03.02.06], nhằm kịp thời nắm bắt xu thế đào tạo chung của ngành. **Định kỳ 2 năm/ 1 lần**, trong quá trình rà soát và điều chỉnh CTĐT, Khoa triển khai lấy ý kiến từ các BLQ như: Chuyên gia, GV, SV, NTD... để tham vấn và tiếp thu các góp ý về mức độ phù hợp với năng lực của NH cũng như khả năng đáp ứng yêu cầu từ phía người sử dụng lao động [H3.03.01.05], [H3.03.01.07]. Đồng thời, các nội dung liên quan đến CTĐT, ĐCCT các HP, kế hoạch học tập... cũng được công khai phổ biến rộng rãi trong buổi sinh hoạt đầu khóa, sổ tay SV, trang thông tin điện tử của Khoa... [H3.03.02.07]. Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC có xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát lấy ý kiến NH về hoạt động giảng dạy, đánh giá tính phù hợp của nội dung giảng dạy, các phương pháp kiểm tra đánh giá, kết quả học tập. Kết quả khảo sát HK1 năm học 2024-2025 của Khoa KTCN đạt 89.6%. Cho thấy phần lớn SV đều hài lòng đồng ý với hoạt động giảng dạy của Khoa có tính cập nhật, bám sát mục tiêu HP và được phân bổ một cách khoa học, rõ ràng [H3.03.02.08].

## *2. Điểm mạnh:*

Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 100% các HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR. ĐCCT của mỗi HP trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và PP KTĐG để đạt được CĐR; Các HP trong CTDH ngành KTXD được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

### 3. Điểm tồn tại:

Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, SV phục vụ cho công tác xây dựng CTDH còn hạn chế, chủ yếu là đóng góp các ý kiến về cấu trúc CTĐT.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Khoa sẽ tăng cường công tác lấy ý kiến từ các BLQ bằng cách thay đổi phương pháp và hình thức thu thập thông tin, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng dữ liệu thu nhận. Đặc biệt, Khoa <b>sẽ gia tăng số lượng khảo sát</b> của NTD hơn, góp phần phục vụ tốt hơn cho việc xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT cũng như của từng HP, đảm bảo ngày càng phù hợp và kịp thời đáp ứng các yêu cầu của xã hội. | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2025            |         |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Tiếp tục cập nhật, thiết kế CTDH đáp ứng được năng lực của SV và nhu cầu của xã hội.<br>- GV của Khoa tiếp tục nâng cao ý thức rà soát, điều chỉnh nội dung mỗi HP, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt kết quả đầu ra.                                                                                                                                                                         | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2025            |         |

### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

**Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính thích hợp.**

#### 1. Mô tả hiện trạng:

Tất cả các HP trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Qua đó, cấu trúc CTDH ngành KTXD được thiết kế cân đối với sự phân bổ phù hợp giữa các khối kiến thức chung và khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp để NH được trang bị đầy đủ những kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho công việc trong lĩnh vực nghề nghiệp [H3.03.01.03], [H3.03.01.09].

CTDH ngành KTXD được xây dựng phân bổ theo 05 khối kiến thức: (1) Kiến thức giáo dục đại cương; (2) Kiến thức khoa học cơ bản; (3) Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành; (4) Kiến thức thực tập, trải nghiệm, tốt nghiệp; (5) Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác

**Bảng 3.3.1. Các khối kiến thức và số tín chỉ**

| STT            | Khối kiến thức                              | Số tín chỉ |         |
|----------------|---------------------------------------------|------------|---------|
|                |                                             | Bắt buộc   | Tự chọn |
| I              | Kiến thức giáo dục đại cương                | 11         |         |
| II             | Kiến thức khoa học cơ bản                   | 37         |         |
| III            | Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành            | 94         | 2       |
| IV             | Kiến thức thực tập, trải nghiệm, tốt nghiệp | 16         |         |
| V              | Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác | 2          |         |
| <b>Tổng số</b> |                                             | 160        |         |
|                |                                             | <b>162</b> |         |

100% các HP trong CTDH được bố trí hợp lý. Quá trình xây dựng CTDH được thực hiện theo quy định của Trường nhằm đảm bảo tính hợp lý và minh bạch [H3.03.02.03], [H3.03.02.05]. Nhằm đảm bảo NH tiếp thu kiến thức theo trình tự nhất định, các HP được sắp xếp logic, có quy định cụ thể về HP tiên quyết nhằm phù hợp với khả năng tiếp thu và tích lũy kiến thức của NH trong suốt thời gian đào tạo là 4 năm. Theo lộ trình dạy học, trong năm học đầu tiên, NH phải có kiến thức cơ bản nhất định như kiến thức đại cương. Những năm học tiếp theo, NH có thể tích lũy dần các kiến thức cơ sở ngành và dần dần đến các kiến thức chuyên sâu. Ngoài việc học lý thuyết SV còn được thực hành cơ bản ở năm nhất ngay từ các HP cơ sở ngành như: Hình họa vẽ kỹ thuật; Đồ án cấu tạo kiến trúc; Vật liệu xây dựng... Năm học cuối cùng sẽ là thời gian để NH thực tập tại các doanh nghiệp và làm đồ án tốt nghiệp (hoặc học các môn thay thế). NH có thể rút ngắn lộ trình học tập bằng cách đăng ký học vượt nhưng phải đảm

bảo thực hiện đúng thời lượng của từng HP và yêu cầu tiên quyết hoặc môn học trước. Thông qua đó, kết quả đánh giá NH được phản ánh trung thực và thể hiện được năng lực nghề nghiệp của NH qua quá trình tích lũy kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các công việc thuộc nhiều lĩnh vực trong tương lai [H3.03.01.03], [H3.03.01.09], [H3.03.02.01].

CTDH năm 2024 có 162 tín chỉ (*bao gồm cả Giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất*), được chia thành 11 học kỳ, thực hiện theo trình tự từ cơ bản đến phát triển nâng cao kiến thức và kỹ năng cho SV, gồm: Chương trình dạy học được thể hiện qua trình tự các HP theo trình tự từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, tiếp theo là kiến thức chuyên ngành và kiến thức thực tập trải nghiệm. Theo đó, các HP ở học kỳ trước là nền tảng cho các HP ở học kỳ tiếp theo. Các HP thuộc khối kiến thức chung được phân bổ rải rác trong các học kỳ để tránh sự nhàm chán cho NH. Các môn học cơ sở ngành được bố trí ở các học kỳ của năm nhất để thiết lập nền tảng kiến thức cho NH, ví dụ: Nhập môn kỹ thuật xây dựng; Vật lý; Cơ học lý thuyết; Hình họa – Vẽ kỹ thuật; Cấu tạo kiến trúc và được ứng dụng tin học trong thiết kế được giảng dạy ngay học kỳ đầu tiên của CTĐT. Đến giữa năm thứ 2, thứ ba, thứ tư (học kỳ 5 đến học kỳ 10), NH tập trung học các HP chuyên ngành như: Trắc địa cơ học; Địa chất công trình; Thiết kế đường; Nền và móng...để rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và thực hiện các đề tài thực tập, đồ án tốt nghiệp vào những học kỳ cuối của CTĐT. Nhờ đó, NH có thể tích lũy được kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng được CDR theo mức độ đóng góp của các HP [H3.03.01.03], [H3.03.01.09], [H3.03.02.01].

Đặc biệt, CTDH được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/1 lần. Để tạo điều kiện cho các BLQ có thể tiếp cận CTDH thuận tiện, CDTH ngành KTXD được công bố thông qua các tài liệu quảng bá như tài liệu tuyển sinh, sinh hoạt NH đầu khóa, buổi đối thoại giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, Sổ tay SV và trên trang thông tin điện tử của Khoa. Dựa trên kết quả phản hồi của các bên liên quan như NH, GV và NTD, CTDH được điều chỉnh để phù hợp với những biến đổi về kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động. Từ năm 2021 đến nay, CTDH ngành KTXD đã trải qua những lần thay đổi lớn vào năm 2021, 2022, 2024 và được Hội đồng khoa học đào tạo và Hiệu trưởng Trường ĐHPT phê duyệt để triển khai chính thức. Điều này cho thấy Nhà trường và Khoa có sự

quan tâm, đầu tư đối với CTDH, nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế và phù hợp với xu hướng giáo dục chung của ngành [H3.03.01.05], [H3.03.01.07], [H3.03.03.01], [H3.03.03.02].

CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện CTDH, Khoa KTCN tiến hành phân tích, đối sánh với CTDH của một số CSGD uy tín khác trong nước như Đại học Bách Khoa Hà Nội; Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội [H3.03.02.06].

### 2. Điểm mạnh:

CTDH ngành KTXD có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liền mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các HP trong chương trình được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được Trường và Khoa KTCN rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ. Chương trình khi được điều chỉnh có tham khảo các chương trình tiên tiến trong nước đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ ĐH và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định trong CĐR của ngành KTXD.

### 3. Điểm tồn tại:

Khối lượng các môn học trong chương trình giảng dạy đa dạng. Tuy nhiên chưa phát huy được gắn kết bản sắc của CTĐT ngành KTXD của Trường ĐHPT khi so sánh với các chương trình khác.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | - Xây dựng định hướng đặc thù cho CTĐT ngành KTXD tại Trường ĐHPT; Rà soát, điều chỉnh nội dung HP, tăng cường các môn học thể hiện thế mạnh và bản sắc riêng của Trường;<br>- Đối sánh có chọn lọc với các chương trình tiên tiến nhằm | Khoa KTCN               | Từ năm 2025                     |         |

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
|    |                    | định hình dấu ấn đặc trưng của chương trình.                                                                                                                                                                                                                                                       |                         |                                 |         |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục kế thừa và cập nhật, thiết kế CTĐT ngành KTXD, đảm bảo việc kết nối giữa lý thuyết và thực tiễn, đáp ứng được năng lực của SV và nhu cầu của xã hội GV của Khoa tiếp tục nâng cao ý thức rà soát, điều chỉnh nội dung mỗi HP, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt kết quả đầu ra. | Khoa KTCN               | Định kỳ                         |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH và toàn bộ ĐCCT các HP của ngành KTXD được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận CĐR cũng như qua việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV Khoa đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các HP để đạt được CĐR của CTĐT cử nhân ngành KTXD.

Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 100% các HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR. ĐCCT của mỗi HP trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và PP KTĐG để đạt được CĐR; Các HP trong CTDH ngành KTXD được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

CTDH ngành KTXD có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các HP trong chương trình được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được Trường và Khoa KTCN rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ. Chương trình khi được điều chỉnh có tham khảo các chương trình tiên tiến trong nước đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến



thức, kỹ năng của trình độ ĐH và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định trong CDR của ngành KTXD.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Quá trình khảo sát các BLQ về sự đóng góp cho công tác xây dựng CTDH còn hạn chế, chủ yếu là đóng góp các ý kiến về cấu trúc CTĐT.

Khối lượng các môn học trong chương trình giảng dạy đa dạng. Tuy nhiên chưa phát huy được gắn kết bản sắc của CTĐT ngành KTXD của Trường ĐHPT khi so sánh với các chương trình khác.

*Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 3:*

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

#### **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

##### **Mở đầu:**

Hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực **Kỹ sư xây dựng** chất lượng hiện nay đáp ứng yêu cầu xã hội trong giai đoạn mới, Khoa KTCN luôn bám sát tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đào tạo định hướng ứng dụng của Nhà trường thông qua phương châm “**Thực học – Thực nghiệp – Học suốt đời để làm việc suốt đời**”. luôn định hướng đặt mục tiêu đào tạo gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp, chú trọng phát triển năng lực toàn diện cho người học.

Với phương châm “**Lấy người học làm trung tâm**”, đội ngũ GV của Khoa đã tích cực áp dụng các phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực thực tiễn, phát huy tính chủ động, sáng tạo và khả năng ứng dụng của người học vào nhu cầu xã hội. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa thường xuyên rà soát, cập nhật nội dung và phương pháp đào tạo nhằm bắt kịp xu hướng đổi mới giáo dục, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Nâng cao chuyên đổi số và xu hướng phát triển bền vững, đặc biệt là áp dụng các công nghệ kỹ thuật xây dựng tiên tiến các giải pháp mô hình trực quan vào quá trình đào tạo trong nhà trường ( áp dụng mô hình BIM, phương pháp giảng dạy mô hình 3D, ... ). Nhờ đó, SV tốt nghiệp có khả năng thích ứng nhanh, làm việc hiệu quả và đủ năng

lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế và đổi mới công nghệ kỹ thuật xây dựng thời đại 4.0 hiện nay.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.***

*1. Mô tả hiện trạng:*

Đối với Trường ĐHPT, triết lý giáo dục là nền tảng để xây dựng mục tiêu đào tạo, CĐR của CTĐT, từ đó phát triển các nội dung đào tạo và các phương pháp dạy và học nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo và CĐR. Qua quá trình xây dựng triết lý giáo dục với sự đóng góp ý kiến của các BLQ (*HĐT, CBGVNV, SV, NTD*), sự phê duyệt của chủ tịch HĐQT. Nhà trường đã chọn triết lý giáo dục: “Thực học – Thực nghiệp”. Triết lý giáo dục của Trường ĐHPT cũng được lồng ghép trong sứ mạng, mục tiêu phát triển và Chiến lược phát triển của Nhà trường. Triết lý giáo dục không chỉ kế thừa những giá trị cốt lõi của triết lý trước đây, mà còn được mở rộng và nhấn mạnh hơn nữa vai trò của người dạy trong việc thấu hiểu đúng mục đích của giáo dục, truyền đạt kiến thức một cách chọn lọc, thiết thực và hiệu quả đến người học. Trong đó, trọng tâm là giảng dạy thực chất, kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng chất lượng giáo dục, đồng thời yêu cầu NH phải nỗ lực hết mình, chủ động, không ngừng học tập để hoàn thiện bản thân. Điều này thể hiện rõ tầm nhìn chiến lược phát triển của Nhà trường trong việc trang bị cho SV không chỉ kiến thức và kỹ năng cần thiết, mà còn khơi dậy tinh thần học tập suốt đời, khả năng thích nghi và sự sẵn sàng đối mặt với những thách thức của thời đại. Dựa trên Triết lý giáo dục và Chiến lược phát triển của Nhà trường, Khoa KTCN đã xác định 4 giá trị cốt lõi như là mô hình triết lý xuyên suốt của Khoa: “Nhân văn – Hội nhập – Phát triển bền vững” [H4.04.01.01], [H4.04.01.02].

Song song đó, Triết lý giáo dục được trực tiếp chuyển tải vào trong các CTĐT, trong đó có CTĐT ngành KTXD được thể hiện trong mục tiêu của CTĐT: “*Chương trình đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy theo hệ tín chỉ ngành Kỹ thuật Xây dựng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chương trình đào tạo trang bị cho người học phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, và trách nhiệm nghề*

*nghiệp; thích nghi với môi trường làm việc đáp ứng được nhu cầu sử dụng của thực tiễn việc làm và hội nhập quốc tế” [H4.04.01.02], [H4.04.01.03].*

Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Trường được phổ biến rộng rãi thông qua nhiều hình thức: Trên website Trường; Các ấn phẩm giới thiệu (Brochure, tập kỷ yếu); Phòng truyền thống, phòng họp,...[H4.04.01.04]. Đồng thời, Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Trường còn được gửi qua hệ thống email nội bộ gửi đến toàn thể CBGVNV nhằm giúp các BLQ dễ dàng tiếp cận, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng và thực hiện hiệu quả triết lý này trong công tác chuyên môn, cụ thể: (1) Khoa xây dựng CTĐT hài hòa giữa HP chuyên môn và HP kỹ năng, thực hành, thực tập, giúp SV xây dựng tính kỷ luật, đạo đức và trách nhiệm; (2) GV lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp để đạt được CDR của HP, tăng cường áp dụng phương pháp lấy NH làm trung tâm, khuyến khích SV làm việc nhóm, chủ động đưa ra kết luận, tham gia tranh luận và phản biện giữa các nhóm... Theo kết quả khảo sát nội bộ, hầu hết các CB-GV đã phản hồi đều đồng ý ở tỷ lệ cao về sự phù hợp của Tầm nhìn - sứ mạng và Mục tiêu chiến lược của Nhà trường là mang tính lâu dài, bao quát các lĩnh vực và phản ánh được các vấn đề ưu tiên mà nhà trường cần thực hiện [H4.04.01.05], [H4.04.01.06], [H4.04.01.07].

Đối với SV, triết lý giáo dục được phổ biến ngay từ tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, giúp SV nhận thức được vai trò chủ động trong học tập, định hướng rõ mục tiêu phấn đấu theo định hướng đào tạo của Trường [H4.04.01.08]. Ngoài ra, mỗi học kỳ các GV là CVHT của các lớp tổ chức sinh hoạt lớp với SV, giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của Khoa, để SV có kế hoạch học tập phù hợp [H4.04.01.09]. Đối với NTD, các chuyên gia đầu ngành, GV cũng được Khoa trao đổi các nội dung về chủ trương, chiến lược, mục tiêu giáo dục của Nhà trường thông qua các buổi tọa đàm, hội thảo khoa học, khảo sát ý kiến để Khoa tiếp thu góp ý xây dựng CTĐT gắn với yêu cầu thực tiễn và thị trường lao động, thông qua các buổi sinh hoạt lớp tổng kết rà soát các trường hợp SV vắng học và nợ môn có kế hoạch cụ thể kịp hoàn thành bảo vệ đồ án tốt nghiệp. [H4.04.01.10], [H4.04.01.11].

## *2. Điểm mạnh:*

Trường ĐHPT có văn bản tuyên bố chính thức và rõ ràng về triết lý giáo dục. Triết lý giáo dục của Nhà trường được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan qua nhiều kênh thông tin khác nhau ( *Website nhà Trường và Website Khoa KTCN* ).

### 3. Điểm tồn tại:

Một số GV thỉnh giảng chưa quan tâm lắm đến triết lý giáo dục của Trường để chuyển tải vào các hoạt động giảng dạy cho phù hợp.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện /hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tăng cường công tác truyền thông về Triết lý giáo dục của Trường cho các BLQ, đặc biệt là các GV thỉnh giảng một cách sâu sắc hơn qua các hội nghị, hội thảo, các buổi sinh hoạt gặp gỡ của Khoa với GV trước khi bắt đầu mỗi học kỳ...         | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026            |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện định kỳ công tác rà soát, cập nhật về Triết lý giáo dục thông của Trường, Khoa cho phù hợp với giai đoạn phát triển. Đồng thời tiếp tục thực hiện phổ biến rộng rãi đến CBGVNV và người học của Trường hiểu rõ và thực hiện. | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026            |         |

### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra***

#### 1. Mô tả hiện trạng:

Để đạt chuẩn CĐR và phù hợp với Triết lý giáo dục của Nhà trường, tất cả GV Khoa KTCN đã chủ động xác định và áp dụng các tổ hợp phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp với đặc thù từng HP. Những phương pháp này được thể hiện rõ trong CTĐT và ĐCCT, đảm bảo tính thống nhất trong triển khai giảng dạy. Xu hướng giảm thuyết giảng, tăng tỷ lệ các phương pháp giảng dạy tương tác, lấy người học làm trung tâm nhằm phát huy tính chủ động học tập của SV được cải tiến qua các lần cập nhật CTĐT và ĐCCT môn học. GV giảng dạy ngành KTXD luôn linh hoạt kết hợp nhiều phương pháp như: Thuyết giảng, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, mô phỏng quy trình, và các hoạt động thực hành – nhằm giúp SV chủ động tiếp cận và vận dụng kiến thức vào thực tế, từ đó đạt được CĐR. Việc tích hợp giảng dạy truyền thống và các hoạt động tương tác, mô phỏng và ứng dụng công nghệ là định hướng xuyên suốt trong các lần cập nhật CTĐT [H4.04.02.01], [H4.04.02.02].

Song song đó, đội ngũ GV luôn chủ động nâng cao năng lực sư phạm, đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua việc tham gia các buổi sinh hoạt chuyên môn, tọa đàm học thuật và các khóa tập huấn nâng cao nghiệp vụ [H4.04.02.03].

CTĐT ngành KTXD cũng nhấn mạnh tính thực tiễn và trải nghiệm nghề nghiệp thông qua các HP kiến tập, thực tập được tổ chức định kỳ, tạo cơ hội cho SV rèn luyện kỹ năng, quan sát thực tiễn hoạt động xây dựng tại các chuyên tham quan công trình thực tế [H4.04.02.04], [H4.04.02.05].

Ngay từ năm nhất, SV đã được định hướng phương pháp tự học, kỹ năng học đại học và tìm hiểu về ngành KTXD thông qua các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa nhằm mục tiêu định hướng nghề nghiệp tốt hơn. Đây là nền tảng để SV xây dựng lộ trình học tập, phát triển bản thân và tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ năng mềm, và hoạt động ngoại khóa liên quan đến ngành nghề [H4.04.02.06], [H4.04.02.07]. Đồng thời, Trường có cổng thông tin trực tuyến cung cấp nhanh chóng các thông tin cần thiết cho SV, bao gồm CTĐT, CĐR các HP và hướng dẫn phương pháp học phù hợp, tạo điều kiện để SV tự định hướng quá trình học tập [H4.04.02.08]. Mỗi đầu năm học, Khoa đều tổ chức các buổi gặp gỡ tân SV và SV các khóa cũ để giới thiệu CTĐT, kế hoạch học tập, đồng thời nhấn mạnh phương pháp học hiệu quả nhằm giúp SV hiểu và nắm rõ định hướng đào tạo của ngành [H4.04.02.06].

Kết thúc mỗi học kỳ, mỗi khóa học, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức lấy ý kiến của SV về sự hài lòng đối với sự đa dạng về các hình thức giảng dạy cũng như sự phù hợp của PPDH, nội dung giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV qua các năm gần đây cho thấy tỷ lệ người học hài lòng với các phương pháp giảng dạy của GV khoa KTCN khá cao [H4.04.02.09].

### 2. Điểm mạnh:

Khoa luôn duy trì và tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CDR mỗi môn học và CTĐT. Người học được khuyến khích, tạo điều kiện chủ động tiếp cận các hoạt động học tập phù hợp.

### 3. Điểm tồn tại:

Chưa ứng dụng tích cực công nghệ số vào việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV;

Chưa tổ chức thường xuyên các buổi tọa đàm chuyên ngành, sinh hoạt học thuật nội bộ, dẫn đến chưa phát huy hết vai trò trao đổi chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, cập nhật kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực KTXD.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa tổ chức workshop về phương pháp học tập và NCKH đối cho SV.</li> <li>- Nhà trường và Khoa tăng cường nghiên cứu các ứng dụng công nghệ số vào việc tổ chức đánh giá kết quả học tập của SV nhằm đảm bảo các tiêu chí khoa học, khách quan, năng suất</li> </ul> | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026           |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dựa trên các kết quả khảo sát các bên liên quan về CTĐT để có điều chỉnh phù hợp, khai thác tối đa thực hành trực tiếp tại doanh nghiệp và đa dạng hơn các hoạt động học tập</li> </ul>                                                                              | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026           |         |

| TT | Mục tiêu | Nội dung                                                                                                                                                                                | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
|    |          | khác để SV ra trường dễ thích nghi với công việc thực tế.<br>- Tiếp tục cập nhật và hoàn thiện công thông tin học tập trực tuyến để người học có thể tiếp cận dễ dàng và toàn diện hơn. |                         |                                 |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.***

***1. Mô tả hiện trạng:***

CTĐT ngành KTXD của Trường ĐHPT được xây dựng với mục tiêu trang bị cho SV kiến thức nền tảng và chuyên sâu về áp dụng các phần mềm chuyên ngành ( Sap/ Etabs, Autocad, G8, Project,... ) vào tính toán thiết kế kết cấu công trình, bóc khối lượng & đấu thầu thanh quyết toán công trình, các thiết bị thí nghiệm & kiểm định chất lượng kết cấu. Đồng thời, chương trình chú trọng phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp vững vàng và các kỹ năng thiết yếu như tính toán kết cấu đáp ứng yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp. Bên cạnh kiến thức chuyên môn, chương trình cũng đặc biệt quan tâm đến việc phát triển kỹ năng mềm cho SV như: giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, làm việc nhóm, tư duy phản biện, phân tích và ra quyết định... nhằm giúp SV thích ứng nhanh và hội nhập tốt với môi trường làm việc toàn cầu. Toàn bộ ĐCCT thuộc CTĐT ngành KTXD đều mô tả rõ các phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc thù từng môn học, hướng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho SV. Các phương pháp giảng dạy tích cực như học theo dự án, thảo luận tình huống thực tế trong doanh nghiệp, làm việc nhóm, báo cáo thực hành và thuyết trình... được áp dụng hiệu quả. Những phương pháp này giúp SV phát huy tính chủ động, khả năng giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, làm việc nhóm và quản trị thời gian, từ đó sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong lĩnh vực KTXD hiện đại **[H4.04.02.01]**.

Trong tất cả ĐCCT, hoạt động tự học và tự nghiên cứu được thiết kế như một phần không thể thiếu, thông qua yêu cầu đọc tài liệu trước buổi học, chuẩn bị câu hỏi thảo

luận, nghiên cứu các mô hình thực tiễn trong doanh nghiệp, thực hiện tiểu luận chuyên đề, viết báo cáo phân tích... SV được khuyến khích tự khai thác tài nguyên học tập, sử dụng nguồn học liệu điện tử, và tiếp cận các công cụ công nghệ phục vụ học tập. Việc rèn luyện khả năng tự học còn được cụ thể hóa qua yêu cầu thực hiện thực tập tốt nghiệp, khóa luận, các tiểu luận..., giúp SV hình thành tư duy học tập chủ động, phát triển khả năng học tập suốt đời. Ngoài ra, cổng thông tin học tập trực tuyến của Khoa, Trường cũng đã hỗ trợ SV tích cực trong rèn luyện kỹ năng tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [H4.04.01.04], [H4.04.03.02].

Đội ngũ GV ngành KTXD thực hiện giảng dạy theo đúng nội dung đã mô tả trong ĐCCT, đồng thời linh hoạt điều chỉnh phương pháp phù hợp với trình độ và nhu cầu thực tế của từng lớp học. Bên cạnh hoạt động học tập trên lớp, SV còn được khuyến khích tham gia các hoạt động NCKH, hoạt động trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, từ đó tăng cường khả năng tự định hướng học tập và thích nghi với thay đổi nghề nghiệp [H4.04.02.04], [H4.04.03.03].

Trường và Khoa cũng tổ chức các buổi trao đổi học thuật, chương trình giao lưu chuyên môn nhằm hỗ trợ GV cập nhật các phương pháp giảng dạy hiện đại và bổ sung nguồn tư liệu phù hợp. Từ đó, nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng và thúc đẩy tư duy học tập suốt đời cho SV [H4.04.03.04]. Bên cạnh đó, hệ thống khảo sát của các BLQ được sử dụng để điều chỉnh và cải tiến liên tục các phương pháp giảng dạy, đảm bảo đào tạo SV đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu của thị trường lao động ngành KTXD hiện nay. [H4.04.02.06], [H4.04.03.05].

## *2. Điểm mạnh:*

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học được thể hiện trong ĐCCT HP. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết cho ngành KTXD hiện nay và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

## *3. Điểm tồn tại:*

SV chưa thật sự chủ động và quyết tâm trong việc học tập của mình, nhất là việc tự học, tự nghiên cứu thêm theo hướng dẫn.

## *4. Kế hoạch hành động:*



| STT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|---------|
| 1   | Khắc phục tồn tại  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa tăng cường thực hiện công tác định hướng, hỗ trợ, khơi dậy tính chủ động học tập trong SV trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của Khoa với SV.</li> <li>- GV giảng dạy tích cực động viên SV hơn nữa, tạo điều kiện để SV tham gia các hoạt động trong giờ học và việc tự học, tự nghiên cứu theo các chủ đề liên quan.</li> </ul> | Khoa KTCN               | Từ năm học 2024-2025           |         |
| 2   | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện đổi mới các hoạt động dạy và học cho phù hợp hơn với các yêu cầu thực tế của NH và NTD. Mô tả rõ ràng các PPDH trong ĐCCT HP.                                                                                                                                                                                                                                 | Khoa KTCN               | Từ năm học 2024-2025           |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4:***

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Văn bản về triết lý giáo dục của Trường được xây dựng và tuyên bố rõ ràng, được phổ biến rộng rãi tới các các bên liên quan trong và ngoài trường;

Khoa đã xây dựng một tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CĐR môn học và CTĐT. NH được tạo điều kiện chủ động tiếp cận các hoạt động học tập phù hợp;

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của NH được thể hiện trong ĐCCT HP. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết cho ngành KTXD và nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Một GV thỉnh giảng chưa quan tâm lắm đến triết lý giáo dục của Trường để chuyển tải vào các hoạt động giảng dạy cho phù hợp. SV của Khoa chưa thật sự chủ động trong

việc tham gia các hoạt động học tập tích cực trên lớp cũng như việc tự học, tự nghiên cứu thêm, chưa thích ứng tốt với các hoạt động tại nơi thực tập.

*Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 4:*

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 4 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

**Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

**Mở đầu:**

Việc đánh giá kết quả NH là một trong những yếu tố góp phần quan trọng trong việc dạy và học. Để đảm bảo được việc đánh giá kết quả học tập của NH một cách chính xác thì Ban lãnh đạo Khoa và Phòng QLĐT xây dựng kế hoạch đánh giá vào mỗi học kỳ, cùng với GV phải có phương pháp đánh giá phù hợp với từng khóa SV để có thể đo lường và đánh giá được mức độ của SV đã đạt được trong CĐR. Trong những năm qua, Trường và khoa sử dụng quy trình tổ chức thi tập trung với những môn lý thuyết, những môn thực hành sẽ được thi tùy theo tính đặc thù của môn để có thể đánh giá tốt nhất với từng môn học, trong đó có đầy đủ các quy định về việc chuẩn bị một kỳ thi cuối kỳ, ra đề thi, phân công giám thị, công bố điểm, phúc khảo, lưu trữ... Cũng như NH được thông tin một cách rõ ràng, minh bạch về các quy định khiếu nại để chủ động lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.***

*1. Mô tả hiện trạng*

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện dựa trên các quy định cụ thể theo Quy chế đào tạo theo tín chỉ của Bộ GDĐT và các quy trình nội bộ của Nhà trường [H5.05.01.01]. Song song với đó, bản mô tả chương trình đào tạo CTĐT và ĐCCT luôn được điều chỉnh, cập nhật phù hợp với các thay đổi về quy chế và nhằm đảm bảo việc đánh giá phù hợp với CĐR của ngành KTXD [H5.05.01.02]. Các Quy chế học vụ áp dụng trong Trường được công bố công khai cho các BLQ thông qua website, qua sổ tay SV, website Khoa KTCN,... với các biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng cho GV, NH hiểu rõ và thực hiện [H5.05.01.03]. Kế hoạch về đào tạo, thi cử, kiểm tra và đánh giá được thể

hiện qua Kế hoạch đào tạo của Trường, Khoa, lịch thi mỗi học kỳ, được công bố trên website, SV tự truy cập vào hệ thống để theo dõi và thực hiện **[H5.05.01.04]**.

Để đảm bảo việc đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá và tương ứng với mức độ đạt được CĐR, trong từng giai đoạn đánh giá. Nhà trường đã ban hành quy trình lựa chọn, thiết kế các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá NH theo CĐR và đánh giá sự phù hợp của các phương pháp kiểm tra đánh giá NH **[H5.05.01.05]**.

Trong bản mô tả CTĐT ngành KTXD có xây dựng các phương pháp về kiểm tra đánh giá NH; Trong mỗi ĐCCT môn học, GV phải xác định và thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá cho điểm quá trình và điểm cuối kỳ của môn học. Các bài kiểm tra đánh giá giữa kỳ, thi cuối kỳ GV phải đảm bảo nội dung kiểm tra nhằm đo lường mức độ đạt CĐR nào của môn học, cách thức kiểm tra phải phù hợp với đặc điểm của môn học và được thể hiện trong ĐCCT môn học **[H5.05.01.02]**.

1. Đánh giá đầu vào (tuyển sinh): Theo đề án tuyển sinh, Trường tổ chức xét tuyển theo 02 hình thức là dựa vào kết quả thi Trung học phổ thông quốc gia và kết quả học tập ở bậc Trung học phổ thông **[H5.05.01.06]**.

+ Đối với tiêu chí xét tuyển dựa vào kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia, NH phải tốt nghiệp phổ thông trước khi nhập học và đạt đủ điểm xét tuyển (tổng điểm 3 môn trong tổ hợp xét tuyển cộng với điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy định).

+ Đối với xét dựa trên kết quả học tập, NH phải tốt nghiệp phổ thông trước khi nhập học và đạt đủ điểm xét tuyển (điểm trung bình cả năm của lớp 12 hoặc điểm trung bình theo tổ hợp môn xét tuyển hoặc điểm trung bình chung theo tổ hợp môn của năm lớp 10, năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 cộng với điểm ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy chế).

+ Đánh giá quá trình/Đánh giá môn học: Đánh giá SV thông qua môn học là nhiệm vụ của GV từng môn học, GV chịu trách nhiệm về kết quả học tập của SV trước Bộ môn, Ngành, Khoa và Nhà trường. Nội dung này đã được cụ thể hóa trong Quy chế đào tạo theo tín chỉ do trường ĐHPT ban hành **[H05.05.01.01]**.

+ GV có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá quá trình khác nhau như: tự luận, trắc nghiệm, thực hành, thực tập, bài tập lớn, ... hoặc kết hợp các hình thức nói trên tùy

theo tính đặc thù của từng môn học, nhằm đảm bảo đánh giá được kiến thức, kỹ năng và năng lực của NH.

+ Đối với các HP, điểm tổng hợp đánh giá HP tính từ các điểm chuyên cần (10%), điểm thi giữa HP (30%) và điểm thi kết thúc HP (60%), có các tiêu chí đánh giá rõ ràng được thể hiện trong từng ĐCCT của từng HP **[H5.05.01.02]**.

Điểm đánh giá HP là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của HP nhân với trọng số tương ứng. Điểm HP làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ.

Căn cứ theo hình thức đánh giá của từng HP đã được phê duyệt, GV ra đề thi theo biểu mẫu thống nhất được quy định trong quy trình tổ chức thi học kì, nộp về Khoa trước khi kết thúc môn học 2 tuần; Trước khi đề thi và đáp án được chuyển về P.KT-ĐBCL-TT&PC, trưởng khoa/trưởng bộ môn chịu trách nhiệm phê duyệt đề thi. Việc tổ chức thi kết thúc môn học được P.KT-ĐBCL-TT&PC phụ trách, đảm bảo tổ chức thi học kì diễn ra nghiêm túc, đảm bảo chất lượng **[H5.05.01.07]**.

2. Đánh giá đầu ra khóa học: Việc đánh giá cuối khóa được thông qua khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập tốt nghiệp:

+ Đồ án tốt nghiệp (7 tín chỉ): Áp dụng đối với những SV không nợ môn. SV có thể tự đăng ký chọn đề tài và được GV hướng dẫn. Khi đồ án tốt nghiệp của SV đã hoàn thành, bước cuối cùng và quan trọng nhất là bảo vệ trước hội đồng chấm khóa luận. Đây là quá trình đánh giá tổng thể năng lực nghiên cứu và trình bày của SV. Thành viên hội đồng 3-5 thành viên, kết quả đồ án được đánh giá dựa trên điểm trung bình của các thành viên hội đồng **[H5.05.01.08]**.

+ Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ) ngành Kỹ thuật Xây dựng là một HP bắt buộc và quan trọng trong CTĐT. Đây là cơ hội để SV áp dụng kiến thức lý thuyết vào môi trường làm việc thực tế, đồng thời hoàn thiện báo cáo thực tập tốt nghiệp trước khi thực hiện đồ án tốt nghiệp. Thực tập tốt nghiệp cuối khóa được tiến hành theo hình thức thực tập tại doanh nghiệp nhằm giúp SV có điều kiện khảo sát thực tế, quan sát và ghi nhận thực tiễn của các kiến thức đã học tại giảng đường, tiếp cận các điều kiện kỹ thuật mà lý thuyết chưa đề cập đến do hạn chế thời gian. Các SV sẽ được GV của Khoa hướng dẫn tìm hiểu, phân tích và đánh giá các vấn đề thực tế. Tại doanh nghiệp, SV cũng được

hướng dẫn bởi Cán bộ phụ trách chuyên môn tại doanh nghiệp. Cuối kỳ thực tập, SV có nhiệm vụ viết báo cáo thực tập tốt nghiệp có sự xác nhận, đánh giá của cơ sở thực tập và GV trực tiếp hướng dẫn **[H5.05.01.08]**.

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của NH được thực hiện đánh giá theo học kỳ và thông qua 4 cấp đánh giá, bao gồm: cá nhân tự đánh giá, tập thể lớp đánh giá, hội đồng đánh giá cấp khoa và hội đồng đánh giá cấp Trường **[H5.05.01.09]**. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá (ý thức tham gia học tập; ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường; ý thức tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng; và ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể của Đảng, Đoàn, Hội, các tổ chức hợp pháp khác trong nhà trường hoặc có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của SV) được quy định theo thang điểm 100 và xếp loại từ kém đến xuất sắc.

Để được công nhận tốt nghiệp ngoài việc hoàn thành đủ số tín chỉ theo quy định và điểm trung bình tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên, NH phải có chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học, chứng chỉ GDQP và giáo dục thể chất **[H5.05.01.01]**.

Để đánh giá phù hợp trong quá trình học tập của NH với từng HP trong CTĐT, Trường ĐHPT lên kế hoạch khảo sát ý kiến SV và các BLQ thông qua phiếu khảo sát thể hiện 5 mức độ từ 1 đến 5, kết quả khảo sát được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổng hợp **[H5.05.01.10]**.

Quy chế học vụ và các quy định về thi, kiểm tra đánh giá NH của Trường để hướng dẫn chung cho các Khoa cũng được thường xuyên rà soát, điều chỉnh cho phù hợp. Để đảm bảo thực hiện các quy định trên, Trường ĐHPT đã lập kế hoạch thanh tra năm học, thành lập ban thanh tra, kiểm tra tình hình lên lớp và thi kết thúc HP **[H5.05.01.11]**.

## *2. Điểm mạnh:*

Các quy định về kiểm tra đánh giá NH được công bố công khai. Tổ hợp các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV được Khoa KTCN thiết kế đa dạng và phù hợp theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của NH.

Việc đánh giá đề tài tốt nghiệp được thực hiện theo đúng quy định với các tiêu chí đánh giá và thang chấm điểm rõ ràng, cụ thể.

### 3. Điểm tồn tại:

Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của CĐR đối với các HP chuyên ngành, nhưng với các HP chung toàn Trường như các khối ngành, việc đánh giá phần nhiều dừng ở nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích. CĐR về thái độ hầu như chỉ được đánh giá thông qua 10% điểm chuyên cần.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Việc đánh giá CĐR về thái độ vẫn dựa trên tiêu chí 10% điểm chuyên cần đến lớp đầy đủ, tuy nhiên các HP trực tiếp đề cập đến thái độ thực tập, với các HP thi vấn đáp, Khoa triển khai đánh giá kết quả học tập dựa trên toàn bộ quá trình học tập và điều này được thông báo cho SV ngay từ khi bắt đầu HP. | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2025           |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Định kì tổ chức tổng kết và rà soát mức độ bám sát CĐR trong nội dung các bài kiểm tra đánh giá kết quả của NH.                                                                                                                                                                                              | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2025           |         |

### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 5.2 Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học***

#### 1. Mô tả hiện trạng:

Trường ĐHPT đã ban hành đầy đủ các tài liệu và hướng dẫn liên quan đến quy trình kiểm tra, đánh giá trong đào tạo, bao gồm các nội dung cụ thể như: Thời gian, hình thức, phương pháp đánh giá; Tiêu chí và trọng số các thành phần đánh giá, cũng như cơ chế phản hồi của NH và GV. Các quy định này được áp dụng thống nhất trong các kỳ thi kết thúc HP, cũng như trong các hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên khác [H5.05.01.01], [H5.05.01.02].

Cụ thể, trong Chương III - Quy chế đào tạo của Nhà trường có nêu rõ về đánh giá kết quả học tập của SV. Trong đó, có xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH và cơ chế phản hồi của người học, GV về việc kiểm tra, đánh giá như sau:

- Đánh giá kết quả của một HP gồm có 3 phần chính là: (i) Điểm chuyên cần 10%: đánh giá về mức độ chuyên cần, thái độ học tập của người học; (ii) Điểm giữa kỳ 30%: có thể bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên trên lớp, đánh giá về thái độ và mức độ tham gia của NH bài học, tiểu luận, bài tập nhóm hay kiểm tra viết giữa kỳ, ...; (iii) Điểm thi kết thúc HP 60%. Điểm đánh giá thành phần và điểm trung bình của HP theo thang điểm 10 và sẽ chuyển đổi sang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ của Bộ GDĐT.

**Bảng 5.2.1. Các mức điểm trung bình đánh giá kết quả của học phần**

| Xếp loại  |                | Thang điểm 10 | Thang điểm 4 | Thang điểm chữ |
|-----------|----------------|---------------|--------------|----------------|
| Đạt       | Giỏi           | 8,5 → 10      | 4            | A              |
|           | Khá            | 7,5 → 8,4     | 3            | B              |
|           | Trung bình     | 5,5 → 6,9     | 2            | C              |
|           | Trung bình yếu | 4,0 → 5,4     | 1            | D              |
| Không đạt | Kém            | Dưới 4,0      | 0            | F              |

- Trong ĐCCT mỗi môn học cũng có nêu cụ thể hơn về các phương pháp kiểm tra, đánh giá của môn học đó, thời điểm sẽ tiến hành các bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, trọng số và hình thức, tiêu chí của các bài kiểm tra,... nhằm đáp ứng mục tiêu của HP và mức độ đạt được về CDR của HP. Về thời gian, bài kiểm tra giữa kì được thực hiện sau khi học xong  $\frac{1}{2}$  thời lượng môn học, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau khi kết thúc HP từ 1 đến 2 tuần. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá được ghi trong ĐCCT của học phần. Tất cả 100% ĐCCT của Khoa KTCN có xác định rõ trọng số đánh giá từng điểm đánh giá bộ phận của HP [H5.05.02.01].

- Về cơ chế phản hồi: NH phản hồi về kết quả đánh giá quá trình trực tiếp trên lớp sau khi được GV giảng dạy công bố kết quả vào tuần học cuối của môn học; NH phản hồi nếu có thắc mắc về kết quả thi kết thúc HP thông qua Khoa đến P.KT-ĐBCL-TT&PC theo quy trình phúc khảo đã được hướng dẫn [H5.05.02.02].

Nhằm đảm bảo tính công khai và giúp NH có thể nắm rõ về phương pháp đánh giá kết quả học tập của mình từ việc đánh giá mỗi HP, đến cách tính điểm cả quá trình tích

lũy trong CTĐT, cũng như CDR của ngành học... Các Quy chế đào tạo, quy định, tài liệu hướng dẫn cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong đến việc đánh giá kết quả học tập của NH đều được công bố công khai cho SV trên website của Trường, Khoa KTCN, Sổ tay SV, hệ thống email cá nhân của SV được Trường cấp [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03].

Ngoài ra, vào đầu khóa học, SV đều được tham dự tuần sinh hoạt công dân đầu khóa của Trường tổ chức và các buổi họp đầu năm của riêng SV Khoa KTCN cũng như sinh hoạt với cố vấn học tập để phổ biến cụ thể hơn cho SV về các nội dung liên quan trong khóa học, trong đó có việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của SV. SV được hướng dẫn cách để theo dõi và tự tính được kết quả học tập của mình [H5.05.02.03]. Thêm nữa, thực hiện theo quy chế đào tạo của Trường, vào đầu mỗi môn học, GV có trách nhiệm công bố ĐCCT môn học, yêu cầu của môn học, phương pháp kiểm tra đánh giá, thời điểm tiến hành các bài kiểm tra đánh giá, ... cho SV được rõ ràng trước khi bắt đầu môn học, để SV chủ động học tập đáp ứng được CDR của môn học đó.

## *2. Điểm mạnh:*

Nhà trường có quy định rõ ràng về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với NH ngay từ khi bắt đầu khóa học, học kỳ, môn học bằng nhiều hình thức. Toàn bộ GV của Khoa KTCN đều thực hiện việc thông báo quy định về đánh giá đến SV ngay từ đầu tuần 1 của quá trình giảng dạy. Những yêu cầu cụ thể về kỳ thi cuối kỳ được nhấn mạnh lại ít nhất một lần nữa ngay trước khi kết thúc quá trình giảng dạy; Bộ phận trợ lý của Khoa phối hợp với Phòng QLĐT, các đội ngũ cố vấn học tập hướng dẫn cụ thể về kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho SV hiểu rõ và thực hiện.

## *3. Điểm tồn tại:*

Còn nhiều SV chưa quan tâm đến các quy định về kiểm tra đánh giá khi được phổ biến vào đầu khóa, trước khi bắt đầu học phần, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình.

## *4. Kế hoạch hành động:*



| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/hoàn thành     | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | GV cố vấn học tập từng lớp tổ chức sinh hoạt hàng tháng để phổ biến các quy định, và đánh giá kết quả học tập. Hướng dẫn SV nếu có thắc mắc thì trước hết phải tự tìm hiểu trong Sổ tay SV / hỏi bạn bè/ tham khảo trên website trường trước khi liên hệ với Khoa/trường.                                                                                   | Khoa KTCN               | Định kỳ<br>(Từ năm học 2025-2026)  |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Thường xuyên cập nhật các quy định mới, quy chế của Bộ GDĐT, các thay đổi của CTĐT để kịp thời xây dựng, cải tiến các Quy định về thi, kiểm tra đánh giá NH cho phù hợp, đáp ứng mục tiêu đo lường mức độ đạt CĐR.<br>Đồng thời phổ biến rõ ràng, chi tiết đề tất cả SV nắm rõ về quy chế, cách thức thi khi kết thúc HP vào đầu khóa học, học kỳ, môn học. | Khoa KTCN               | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.***

***1. Mô tả hiện trạng:***

Trong quy chế đào tạo và các tài liệu hướng dẫn về kiểm tra, đánh giá học tập do Trường ĐHPT ban hành, đã quy định cụ thể và đầy đủ các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau. Các phương pháp này bao gồm kiểm tra thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và thi kết thúc học phần, tạo điều kiện để các Khoa, GV lựa chọn áp dụng phù hợp với mục tiêu, đặc điểm của từng HP và đối tượng NH [H5.05.01.01], [H5.05.01.02].

Đối với Khoa KTCN, GV linh hoạt lựa chọn tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp, đồng thời đảm bảo đúng quy định trong CTĐT và ĐCCT. GV có trách nhiệm phổ biến rõ ràng các hình thức đánh giá cho SV ngay từ đầu học phần; đồng thời, các phương pháp thi, kiểm tra cuối kỳ cũng phải được gửi về Phòng KT-ĐBCL-TT&PC vào đầu mỗi học kỳ [H5.05.03.01].

Các phương pháp đánh giá được áp dụng đa dạng, bao gồm: Kiểm tra viết tại lớp (tự luận, trắc nghiệm), bài tập cá nhân/nhóm, thuyết trình, tiểu luận, đồ án HP, báo cáo thực tập, đồ án tốt nghiệp...**[H5.05.03.02]**. Việc lựa chọn phương pháp đánh giá đều tuân thủ nguyên tắc đảm bảo đo lường được mức độ đạt CDR của HP, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. GV lập kế hoạch đánh giá cụ thể, công bố tiêu chí chấm điểm từ đầu HP, theo dõi điểm quá trình và thông báo kết quả thành phần cho SV trước khi kết thúc HP **[H5.05.03.03]**.

Thi kết thúc HP được tổ chức theo đúng quy định của Nhà trường. Hình thức thi được phê duyệt và công khai trong ĐCCT HP. Trong trường hợp có điều chỉnh, GV phải đề xuất để được Bộ môn, Khoa và BGH phê duyệt ngay từ đầu học kỳ. Đề thi do GV phụ trách thiết kế hoặc lấy từ ngân hàng đề thi, kèm theo đáp án, thang điểm rõ ràng và được duyệt, niêm phong trước khi bàn giao cho Phòng KT-ĐBCL-TTPC tổ chức thi **[H5.05.03.04]**.

Việc chấm bài thi được thực hiện nghiêm túc theo quy trình chuẩn hóa, mỗi HP có ít nhất 2 GV chấm để tăng độ tin cậy và tính công bằng. Các trường hợp sai lệch điểm số được rà soát thông qua đối chiếu bài thi và điểm thi trước khi chuyển kết quả chính thức cho Phòng QLĐT **[H5.05.03.05]**.

Sau khi công bố điểm trên hệ thống, SV có quyền phản hồi, khiếu nại hoặc xin phúc khảo trong vòng 7 ngày (không tính chủ nhật và ngày lễ). Việc phúc khảo được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng quy trình như lần chấm đầu tiên và có sự phối hợp giữa Phòng KT-ĐBCL-TT&PC và Khoa. Ghi nhận trong các năm gần đây cho thấy có rất ít trường hợp phúc khảo, phản ánh sự hài lòng cao của SV KTCN đối với tính chính xác, khách quan và minh bạch của công tác kiểm tra – đánh giá. **[H5.05.01.06]**.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ (SV, GV, Cựu SV) về mức độ hài lòng với quy trình và phương pháp đánh giá. Kết quả khảo sát cho thấy NH hài lòng với các tiêu chí liên quan đến độ tin cậy và tính công bằng của việc đánh giá. **[H5.05.01.10]**

Sau mỗi học kỳ, Phòng QLĐT và Phòng KT-ĐBCL-TT&PC cũng thực hiện phân tích phổ điểm của tất cả các HP, nhằm phát hiện những HP có phân bố điểm lệch chuẩn (tỷ lệ điểm A quá cao, hoặc điểm D/F cao bất thường). Báo cáo được gửi về các Khoa

để rà soát đề thi, phương pháp đánh giá, và từ đó điều chỉnh nếu cần thiết thông qua các cuộc họp chuyên môn, sơ kết – tổng kết học kỳ [H5.05.03.07], [H5.05.03.08].

## 2. Điểm mạnh:

Khoa KTCN áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với chuyên ngành Kế toán.

## 3. Điểm tồn tại:

Hiện nay, việc chưa xây dựng được ngân hàng đề thi theo hướng chuẩn hóa khiến cho đề thi của một số HP còn chưa phong phú, có nguy cơ trùng lặp giữa các đợt thi. Điều này có thể ảnh hưởng đến độ bao phủ CDR của HP và hạn chế khả năng phân hóa năng lực SV trong quá trình đánh giá.

## 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                             | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Khoa tiến hành rà soát, cập nhật đề thi, xây dựng ngân hàng đề thi chuẩn hóa đối với từng HP theo hướng đa dạng, phong phú về nội dung.                                              | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026           |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Đa dạng hơn nữa các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV đối với từng HP để đảm bảo kết quả đánh giá phản ánh được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của SV. | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026           |         |

## 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

**Tiêu chí 5.4 Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.**

### 1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có ban hành cụ thể các quy định về kiểm tra đánh giá NH, trong đó quy định về việc phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá của NH đầy đủ, kịp thời. Theo đó, điểm đánh giá quá trình, điểm giữa kỳ được GV công bố trên lớp, trong buổi học cuối

cùng của HP đó và GV giải đáp thắc mắc, giải quyết các khiếu nại của SV về điểm thành phần nếu có và sau đó GV nhập điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ vào hệ thống Quản lý đào tạo theo tài khoản P.QLĐT đã cung cấp. Đối với điểm thi kết thúc học phần, thời gian công bố chậm nhất là 10 ngày sau khi SV thi kết thúc HP đó. Sau khi biết kết quả kiểm tra đánh giá, SV có thể khiếu nại, phúc khảo kết quả thi nếu chưa hài lòng **[H5.05.04.01]**. SV cuối khóa còn có kế hoạch, lịch trình cụ thể cho việc thực tập, hoặc làm khóa luận tốt nghiệp, trên đó cũng quy định rõ ràng về thời gian công bố các kết quả của SV **[H5.05.04.02]**.

Các Quy chế, quy định, kế hoạch về việc phản hồi kết quả học tập cho NH được công bố công khai cho Khoa, GV, SV biết qua website của Trường, Khoa, Sổ tay SV, sinh hoạt công dân đầu khóa học, năm học, hệ thống email nội bộ của Khoa, GV và SV... để các đối tượng nắm rõ và thực hiện **[H5.05.01.03]**, **[H5.05.02.03]**.

Kết quả học tập của NH được phản hồi kịp thời bằng nhiều hình thức khác nhau như là: Đối với từng HP, cả học kỳ, năm học, khóa học của SV được cập nhật thường xuyên trên website Trường nhưng chỉ có cá nhân SV được Trường cấp tài khoản truy cập mới có thể xem được; Ngoài ra, Phòng QLĐT sẽ gửi kết quả tổng hợp cho từng Khoa để theo dõi chung tình hình học tập của SV Khoa, Khoa cũng có lưu 1 bảng điểm cứng có ký tên của GV, SV để khi cần có thể đối chiếu, kiểm tra; SV có thể tự in bảng kết quả học tập của mình trực tiếp trên website hoặc gửi yêu cầu cho Phòng QLĐT **[H5.05.04.01]**, **[H5.05.04.04]**.

Các thông tin phản hồi về kết quả học tập giúp cho NH kịp thời điều chỉnh kế hoạch học tập cá nhân hoặc nỗ lực phấn đấu hơn nữa để cải thiện kết quả học tập, hoàn thành khóa học kịp tiến độ. Khoa/ GV cố vấn sẽ căn cứ trên kết quả tổng hợp để kịp thời có kế hoạch giúp đỡ SV yếu kém trong quá trình học tập.

Khoa KTCN/CVHT của các lớp thường xuyên tổ chức buổi họp mặt với Ban cán sự các lớp, sinh hoạt lớp để nhắc lại các quy định có liên quan theo từng giai đoạn như cách tính điểm trung bình, điểm tích lũy hoặc các quy định về công tác kiểm tra đánh giá cũng như lắng nghe ý kiến phản hồi của đại diện SV về các hoạt động giảng dạy, học tập, thi cử, về khóa học, về cơ sở vật chất, chất lượng GV và cán bộ Khoa.... trong đó có tiêu chí phản hồi kết quả học tập. Ngoài ra, căn cứ trên kết quả học tập, GVCV

thường xuyên nhắc, tư vấn SV đăng ký cải thiện điểm đối với các HP chưa đạt [H5.05.04.05]. Khi kết thúc HP SV còn có thể phản hồi ý kiến về môn học trên hệ thống khảo sát online của Phòng KT-ĐBCL-TT&PC. Hằng năm, nhà trường cũng sẽ khảo sát các bên liên quan như SV năm cuối, cựu SV và NTD về chương trình đào tạo, chất lượng NH, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH. Kết quả sẽ được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC gửi đến các Khoa, trên cơ sở đó, Khoa sẽ định hướng và hiệu chỉnh công tác giảng dạy và đánh giá thi cử hoàn thiện hơn [H5.05.01.10], [H5.05.04.06]

## 2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống các văn bản, quy định, quy trình rõ ràng, chi tiết, chặt chẽ về công bố kết quả kiểm tra đánh giá cho NH. Kết quả học tập của NH được công bố kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp NH cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo.

## 3. Điểm tồn tại:

NH chưa có ý thức tự giác cải thiện việc học tập thông qua kết quả kiểm tra đánh giá.

## 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị, người thực hiện                  | Thời gian thực hiện/hoàn thành         | Ghi chú |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | GVCV các lớp thường xuyên nhắc nhở SV kiểm tra thời khóa biểu, sắp xếp đăng ký học cải thiện/học lại các HP có kết quả chưa đạt vào đầu mỗi kỳ.                                                                     | Khoa KTCN                                | Thường xuyên<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | - Tiếp tục rà soát hệ thống các văn bản, quy định, quy trình về kiểm tra đánh giá NH;<br>- Công bố kết quả học tập của NH kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp NH cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo. | P.QLĐT;<br>P.KT-ĐBCL-TT&PC;<br>Khoa KTCN | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026)     |         |

## 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 5.5 Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.***

***1. Mô tả hiện trạng:***

Để thống nhất việc tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của NH, đảm bảo sự công bằng, chặt chẽ và khách quan trong công tác đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của SV, góp phần nâng cao chất lượng của Nhà trường, các khiếu nại về kết quả học tập của NH được quy định trong Quy chế học vụ và hướng dẫn rõ ràng trong các Quy trình thi học kỳ, Quy trình xét tốt nghiệp với các biểu mẫu rõ ràng **[H5.05.01.01]**, **[H5.05.05.01]**.

Trong vòng 7 ngày kể từ khi điểm thi kết thúc HP được công bố (không tính ngày lễ và chủ nhật), nếu SV có khiếu nại, muốn xem lại bài thi hoặc muốn phúc khảo bài thi (kể cả bài thi hình thức tiểu luận, báo cáo kiến tập, thực tập) SV thực hiện theo quy trình như sau:

a. SV đến Khoa hoặc Phòng KT-ĐBCL-TT&PC để xin mẫu đơn xin phúc khảo hoặc tải mẫu đơn trên website Phòng <http://dbel.upt.edu.vn/>, điền đầy đủ thông tin;

b. SV đóng lệ phí phúc khảo bài thi theo quy định tại Phòng KH-TC, nộp đơn phúc khảo tại Phòng KT-ĐBCL-TT&PC hoặc nộp qua email Phòng phong [khaothi@upt.edu.vn](mailto:khaothi@upt.edu.vn) kèm hình ảnh biên lai đóng lệ phí;

c. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Khoa tổ chức thực hiện việc chấm phúc khảo bài thi của SV theo quy trình như chấm thi lần 1 và có Biên bản chấm phúc khảo;

d. Trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận đơn phúc khảo, P.KT-ĐBCL-TT&PC công bố kết quả phúc khảo bài thi cho SV, gửi đến Khoa liên quan và gửi biên bản đến P.QLĐT để cập nhật lại điểm thi nếu có thay đổi điểm.

Ngay từ năm thứ nhất, SV đã được Khoa, CVHT hướng dẫn về những quy định chung của Nhà trường, trong đó có quy định về thủ tục, quy trình khiếu nại về kết quả học tập và xem lại kết quả thi HP bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo Khoa, GV và SV biết để thực hiện như: Website của Trường, Khoa KTCN, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, cẩm nang SV, vào các buổi sinh hoạt công dân đầu năm học... **[H5.05.01.03]**, **[H5.05.02.03]**. Mặt khác, các phòng ban liên quan và cán bộ, GV Khoa KTCN luôn

quan tâm hướng dẫn và giải quyết nhanh chóng, tốt nhất các khiếu nại hoặc thắc mắc của NH về kết quả học tập của mình. Như vậy, NH hoàn toàn dễ dàng tiếp cận và thực hiện việc khiếu nại về kết quả học tập của mình nếu có.

Tính đến nay, theo thống kê sơ bộ về công tác phúc khảo, các HP do Khoa KTCN quản lý thuộc CTĐT ngành KTXD có số đơn phúc khảo ít. Điều này nằm khẳng định chất lượng của công tác tổ chức thi kết thúc HP, chấm thi và công bố kết quả đến NH.

### *2. Điểm mạnh:*

SV Khoa KTCN dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình thông qua hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn của Trường, Khoa;

Khoa KTCN luôn quan tâm giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập của NH trong suốt quá trình NH tham gia học tập tại trường dưới nhiều hình thức.

### *3. Điểm tồn tại:*

Một số SV chưa tập trung nên chưa hiểu rõ quy trình kiểm tra đánh giá cũng như khiếu nại khi được GV, CVHT phổ biến nên chưa biết cách theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc liên quan.

### *4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                   | Đơn vị, người thực hiện                   | Thời gian thực hiện/hoàn thành         | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Khoa tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan phổ biến rộng rãi quy trình kiểm tra, đánh giá, khiếu nại cho SV vào đầu mỗi năm học, học kỳ cũng như trong quá trình học.                 | P. QLĐT;<br>P.KT-ĐBCL-TT&PC;<br>Khoa KTCN | Thường xuyên<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục rà soát, cập nhật hệ thống văn bản, quy định về đánh giá, công bố kết quả học tập cho SV.<br>Hướng dẫn và giải quyết sớm các vấn đề khiếu nại của SV về kết quả học tập. (nếu có) | P. QLĐT;<br>P.KT-ĐBCL-TT&PC;<br>Khoa KTCN | Thường xuyên<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

### *5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

#### *Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Nhà trường có quy định rõ ràng về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với NH ngay từ khi bắt đầu khóa học, học kỳ, môn học.

Khoa KTCN áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp bám sát các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ; thực hiện đánh giá nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với chuyên ngành Kế toán

Kết quả học tập của NH được công bố kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp NH cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo. SV Khoa KTCN dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình thông qua hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn của Trường, Khoa. Nhà trường và Khoa luôn quan tâm giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập của người học trong suốt quá trình người học tham gia học tập tại trường dưới nhiều hình thức.

#### *Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần so với yêu cầu của các CĐR để có hướng điều chỉnh thích hợp hơn. Số lượng môn học được xây dựng ngân hàng đề thi chung còn khá ít.

Còn nhiều SV chưa quan tâm đến các quy định về kiểm tra đánh giá khi được phổ biến vào đầu khóa, trước khi bắt đầu học phần, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc liên quan.

#### *Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5:*

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí, trong đó cả 5 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

### **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

#### **Mở đầu:**



Trong thực tiễn, đội ngũ GV, NVC luôn là lực lượng nòng cốt của sự nghiệp giáo dục và đào tạo, là nhân tố chủ đạo quyết định việc nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện chiến lược phát triển của Trường. Trường có phát triển được đội ngũ GV về số lượng và chất lượng. Công việc này cũng được coi là công việc thường xuyên, liên tục của toàn Trường, từng Khoa và Phòng, Ban. Đội ngũ GV của Khoa KTCN được tuyển dụng có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Đảm bảo trình độ theo quy định, có đủ năng lực để phục vụ công tác giảng dạy và NCKH. Việc tuyển dụng GV cho Khoa KTCN được thực hiện công khai, minh bạch và đúng quy định. Bên cạnh đó, việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Nhà trường quản lý GV theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCD.

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD***

***1. Mô tả hiện trạng:***

Việc huy hoạch đội ngũ GV được thực hiện nghiêm túc, đáp ứng nhu cầu đào tạo và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Công tác tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ GV được Trường ĐHPT xác định là một trong những nhiệm vụ vô cùng quan trọng, đồng thời là nhân tố có ảnh hưởng lớn đến việc hoàn thành việc thực hiện sứ mạng và mục tiêu phát triển của Trường. Kế hoạch chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Trường được dựa trên KHCL phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2040 với mục tiêu chiến lược: *“Thực hiện hiệu quả chính sách thu hút và đào tạo nhân tài của tỉnh; Coi trọng phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp trong công tác tuyển dụng; Đồng thời xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút đội ngũ trí thức có trình độ cao, chuyên môn vững vàng về công tác tại Trường.”* Hàng năm, căn cứ vào chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Trường ĐHPT đã đề ra các mục tiêu cụ thể, các nhóm giải pháp nhằm tuyển dụng, thu hút, tiếp nhận nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc tại Trường [H06.06.01.01].

Bên cạnh đó, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Trường ĐHPT được cụ thể hóa trong Nghị quyết của HĐT về việc ban hành kế hoạch giai đoạn 2020–2025, tầm nhìn đến năm 2040. Theo đó, đến năm 2025, tổng số nhân sự toàn Trường dự kiến khoảng 350 người, trong đó tối thiểu 40% GV có trình độ tiến sĩ, 20% có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư và ít nhất 80% sử dụng thành thạo ngoại ngữ. Đến năm 2040, đội ngũ GV cơ hữu được nâng lên khoảng 1.000 người, trong đó ít nhất 70% có trình độ tiến sĩ, 30% trong số đó có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư và ít nhất 95% sử dụng thành thạo ngoại ngữ **[H06.06.01.02]**.

Để triển khai hiệu quả chiến lược phát triển nguồn nhân lực và phù hợp với điều kiện thực tiễn, Trường ĐHPT đã xây dựng kế hoạch nhu cầu nhân lực gắn với hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD, được lồng ghép trong đề án vị trí việc làm. Trong đề án vị trí việc làm, Trường đã xác định cụ thể định biên nhân sự, mô tả vị trí cần tuyển dụng, đồng thời chỉ rõ yêu cầu về số lượng và chất lượng đối với từng vị trí, làm căn cứ quan trọng cho công tác quy hoạch và tuyển dụng đội ngũ trong những năm tới **[H6.06.01.03]**. Trên cơ sở đó, Khoa KTCN đã lập KHCL của Khoa giai đoạn 2021-2025, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa đáp ứng nhu cầu đào tạo **[H6.06.01.04]**. Song song đó, kế hoạch tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Nhà trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và xu thế phát triển chung của Nhà trường trong quá trình tuyển dụng **[H6.06.01.05]**. **[H6.06.01.06]**. Đồng thời, Khoa cũng xây dựng bản mô tả vị trí việc làm cho GV nhằm xác định rõ nhiệm vụ, tiêu chuẩn và yêu cầu đối với từng vị trí, phục vụ hiệu quả công tác tuyển dụng, đánh giá và phát triển đội ngũ **[H6.06.01.07]**.

Để nâng cao cả về số lượng lẫn chất lượng GV để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động đào tạo và NCKH trong bối cảnh hội nhập. Hiện nay, đội ngũ GV trong ngành KTXD được quy hoạch theo các hướng chuyên ngành. Trong thời gian 5 năm vừa qua, để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy cho CTĐT, Nhà trường và lãnh đạo Khoa luôn quan tâm trong việc thu hút và tuyển dụng GV có trình độ về giảng dạy tại Khoa **[H6.06.01.08]**.

Hàng năm, căn cứ vào thông báo rà soát và đề xuất tuyển dụng nhân sự của Phòng TC-HC, Khoa tiến hành đánh giá thực trạng đội ngũ hiện có để xây dựng đề xuất tuyển dụng phù hợp **[H6.06.01.09]**. Việc đề xuất được thực hiện trên cơ sở xác định rõ nhu

cầu về số lượng, tiêu chí tuyển dụng cụ thể cho từng vị trí, nhằm bảo đảm đội ngũ nhân sự đáp ứng yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD **[H6.06.01.04]**. Trên cơ sở đề xuất nhân sự của Khoa, Phòng TC-HC có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch tuyển dụng và tuyển dụng bổ sung nhân sự cho các vị trí còn thiếu, nhằm kịp thời củng cố và nâng cao hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản lý của Nhà trường **[H6.06.01.10]**.

Đề tạo được sự chủ động, có tầm nhìn chiến lược trong công tác cán bộ, chuẩn bị từ xa và tạo nguồn cán bộ dồi dào đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển Nhà trường, Trường có chính sách quy hoạch nguồn CBQL, GV theo lộ trình đáp ứng mục tiêu đào tạo mà trong sứ mạng của Trường đã nêu **[H6.06.01.01]**. Đồng thời, Trường cũng xây dựng Quy trình tuyển dụng, được tiêu chí, tiêu chuẩn bổ nhiệm, tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, tập trung được trí tuệ tập thể trong lựa chọn cán bộ **[H6.06.01.11]**. Tất cả các thông tin tuyển dụng được công bố công khai minh bạch trên website của Trường, Email nội bộ và trên các phương tiện truyền thông khác... **[H6.06.01.12]**. Đồng thời, công tác quy hoạch cán bộ quản lý cũng được thực hiện theo trình tự, thủ tục rõ ràng trong quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ và miễn nhiệm cán bộ quản lý của Trường **[H06.06.01.13]**.

Nhà trường cũng đã ban hành quy trình mời giảng và quản lý hoạt động giảng dạy của GV, kèm theo các hướng dẫn và biểu mẫu cụ thể, rõ ràng. Quy trình này nhằm đảm bảo việc tuyển chọn đội ngũ GV có chuyên môn vững, đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy và tham gia hiệu quả vào các hoạt động NCKH **[H6.06.01.14]**. Trường đã ban hành các chính sách nhân sự cùng với chính sách thi đua, khen thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ, nhằm thu hút, giữ chân nhân tài và tạo động lực phát triển đội ngũ CBGVNV **[H6.06.01.15]**, **[H6.06.01.16]**.

Bên cạnh đó, Khoa KTCN nói riêng và Nhà trường nói chung luôn chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ toàn diện cho đội ngũ CBGVNV. Nội dung này được cụ thể hóa qua các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng định kỳ, tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp, PPGD và năng lực NCKH **[H6.06.01.17]**. Mặc khác, để khích lệ nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên, Nhà trường có những chính sách hỗ trợ và khen thưởng. Đối với những khóa tập huấn ngắn hạn, Nhà trường hỗ trợ toàn bộ kinh phí khi

tham gia tập huấn. Với những khóa tập huấn ngoài trường, nếu như không có đơn vị và tổ chức tài trợ, Nhà trường sẽ hỗ trợ kinh phí ăn ở, đi lại và một phần kinh phí khi tham gia khóa học. Đây cũng chính là một trong những cơ sở để Khoa và Nhà trường ghi nhận để đánh giá thành tích khen thưởng cuối mỗi năm học [H6.06.01.17], [H6.06.01.18].

### 2. Điểm mạnh:

Nhà trường và Khoa KTCN có chiến lược nhân sự và mục tiêu, giải pháp cụ thể; Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường; Quy trình và tiêu chuẩn tuyển dụng đối với tất cả vị trí đều rõ ràng, minh bạch, mang lại hiệu quả cao, tuyển chọn được các ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

### 3. Điểm tồn tại:

Số lượng cán bộ đạt chức danh GS, PGS hiện còn khá khiêm tốn. Đặc biệt, đội ngũ GV cơ hữu hiện chưa có cán bộ nào đạt chức danh GS. Điều này cũng dẫn đến phần nào ảnh hưởng đến uy tín học thuật và năng lực NCKH chuyên sâu của Khoa.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Chú trọng tuyển dụng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, chú trọng năng lực NCKH nhằm nâng cao số lượng và chất lượng công bố khoa học quốc tế.                                                                                                                                                                                 | P. TC-HC;<br>Khoa KTCN  | Từ năm học 2025-2026            |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Nhà trường tiếp tục rà soát, ban hành đầy đủ các văn bản quy chế, quy định trong đó có quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai và minh bạch về tuyển dụng, bổ nhiệm GV, có kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng đúng quy định nên đã xây dựng được đội ngũ GV của Trường nói chung và của Khoa KTCN nói riêng có trình độ chuyên | P. TC-HC;<br>Khoa KTCN  | Từ năm học 2025-2026            |         |

| TT | Mục tiêu | Nội dung                                                 | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|----------|----------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
|    |          | môn cao đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy, NCKH và PVCD. |                         |                                 |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

**Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng**

1. Mô tả hiện trạng:

Tổng số cán bộ của Khoa KTCN hiện nay (tính đến tháng 6/2025) có 27 cán bộ, trong đó có 25 GV cơ hữu tham gia giảng dạy các CTĐT của Khoa. Độ tuổi bình quân của cán bộ cơ hữu Khoa là 42.16 tuổi. Số cán bộ có học hàm PGS là 02 người chiếm 7,4% tổng số cán bộ; Số lượng cán bộ có học vị TS là 7 người (chiếm 25,94% tổng số cán bộ); Số cán bộ là Thạc sĩ có 9 người (chiếm 33,33% tổng số cán bộ); Số cán bộ là kỹ sư, kiến trúc sư và cử nhân có 09 người (chiếm 33,33% tổng số cán bộ). Nếu xét học hàm học vị trên tổng số GV thì số lượng GV có học hàm PGS chiếm 8%, số lượng GV có học vị Tiến sĩ chiếm 28%, còn số lượng GV là Thạc sĩ chiếm 32% [Trong số đó, số cán bộ tham gia giảng dạy và phục vụ ngành KTXD là 10 người, bao gồm 7 GV cơ hữu. Trong tổng số 7 GV có 01 PGS (chiếm 7,69%), 01 Tiến sĩ (chiếm 30,77%), 03 Thạc sĩ (chiếm 23,08%) và 2 Kỹ sư (chiếm 38,46%) %] [H6.06.01.07], [H6.06.01.14], [H6.06.02.01].

Ngoài ra, Khoa KTCN còn mời các GV thỉnh giảng là những chuyên gia có học hàm, học vị cao, giàu kinh nghiệm giảng dạy đến từ các Trường ĐH có uy tín như: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Trường Đại học Sư phạm Kỹ Thuật, Trường Đại học Văn Lang... Sự phối hợp giữa GV cơ hữu và GV thỉnh giảng đã tạo nên một đội ngũ giảng dạy có trình độ, kinh nghiệm đa dạng, giúp đảm bảo chất lượng đào tạo, cập nhật thực tiễn và đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của NH. Đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ GV/SV của CTĐT ngành KTXD luôn đáp ứng tốt các yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT.

**Bảng 6.2.1. Cơ cấu đội ngũ GV cơ hữu ngành KTXD (giai đoạn 2021-2025)**

| Năm  | Giới tính |    | Tuổi |       |       |       |     | Trình độ chuyên môn |     |    |     |        | Tổng |
|------|-----------|----|------|-------|-------|-------|-----|---------------------|-----|----|-----|--------|------|
|      | Nam       | Nữ | <30  | 30-40 | 41-50 | 51-60 | >60 | GS                  | PGS | TS | ThS | KS/KTS |      |
| 2021 | 12        | -  | -    | 8     | 3     | -     | 1   | -                   | 1   | 1  | 5   | 5      | 12   |
| 2022 | 12        | 2  | 1    | 6     | 5     | 1     | 1   | -                   | 1   | 2  | 10  | 1      | 14   |
| 2023 | 7         | 2  | 1    | 3     | 2     | 1     | 1   | -                   | 1   | 2  | 4   | 2      | 9    |
| 2024 | 5         | 2  | 1    | 2     | 2     | 1     | 1   | -                   | 1   | 1  | 3   | 2      | 7    |
| 2025 | 6         | 2  | -    | 4     | 2     | 1     | 1   | -                   | 1   | 1  | 3   | 3      | 8    |

Mặc dù, số lượng GV cơ hữu của Khoa có giảm trong các năm gần đây do tình hình yêu cầu nguồn nhân lực ngành KTCN của thị trường hiện nay có nhiều biến động. Tuy nhiên, tỷ lệ GV/NH luôn đảm bảo đáp ứng tốt các quy định của Bộ GD&ĐT và chất lượng đào tạo. Căn cứ vào nhu cầu tuyển sinh, kế hoạch đào tạo và tình hình cân đối nhân lực giảng dạy của Khoa, hằng năm Khoa đều chủ động xác định tỷ lệ GV/NH cho phù hợp. Tỷ lệ này được sử dụng làm cơ sở để phân bổ khối lượng giảng dạy, NCKH, hướng dẫn thực tập và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà trường. Đồng thời, tỷ lệ này được giám sát, cập nhật thường xuyên để làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch tuyển sinh, phân bổ nhân sự và tổ chức đào tạo phù hợp với thực tế quy mô NH từng năm **[H6.06.01.11], [H6.06.01.05], [H6.06.02.02]**.

Khối lượng công việc của GV được quy định rõ trong Quy định về chế độ làm việc đối với GV, trong đó quy định cụ thể về việc quy đổi khối lượng công việc theo giờ chuẩn **[H6.06.02.03]**. Quy định này bao gồm hướng dẫn chi tiết về cách thức quy đổi khối lượng giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác của đội ngũ GV sang tiết chuẩn, đồng thời đảm bảo việc đo lường được các hoạt động để phục vụ công tác giám sát, đánh giá và cải tiến chất lượng. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành các quy định cụ thể về khối lượng và thời gian làm việc theo từng đối tượng, nghĩa vụ tiết chuẩn, Quy trình quy đổi tiết chuẩn và tiết miễn giảm cũng như cơ chế thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn như giảng dạy, NCKH và hoạt động phục vụ khác của GV trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, quy định hoạt động chức và hoạt động của Nhà trường, quy định về thực hiện chế độ hợp đồng lao động, **[H6.06.02.04]**. Ngoài ra, Nhà trường còn ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại Trường, có nêu rõ định mức chuẩn khối lượng công việc NCKH của GV, tương ứng với nhiều loại hình và sản phẩm khoa học khác nhau **[H6.06.02.05]**.

Trên cơ sở bám sát các quy chế, quy định chung của Trường, KTCN đã chủ động xây dựng mô tả công việc chi tiết đối với từng vị trí công tác, bao gồm các chức danh quản lý và GV trong Khoa. Ngoài 02 nhiệm vụ trọng tâm là giảng dạy và NCKH, GV còn được phân công thực hiện các nhiệm vụ học thuật và quản lý khác như: Hướng dẫn SV thực tập tốt nghiệp; Tham gia coi thi, chấm thi, ra đề thi; Cố vấn học tập; Xây dựng và cập nhật CTĐT; Tổ chức hội thảo khoa học cũng như tham gia các hoạt động đoàn thể và phong trào thi đua của Khoa và Nhà trường. Đồng thời, hàng tháng Khoa tổ chức họp chuyên môn Khoa để triển khai một số công việc cụ thể, định kỳ và theo tình hình thực tế của Trường/Khoa nhằm bảo đảm khối lượng công việc của GV được cân đối và triển khai thực hiện tốt **[H6.06.02.06]**.

Định mức công tác giảng dạy và NCKH của GV được quy định rõ ràng, tính theo giờ chuẩn giảng dạy và được vận dụng linh hoạt tùy theo chức danh, trình độ và nhiệm vụ chuyên môn của từng cá nhân. Đây là căn cứ để Nhà trường và các đơn vị chức năng thực hiện việc giám sát, đánh giá khối lượng công việc, đồng thời là cơ sở để xét thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ vào cuối năm học. Theo quy định hiện hành, mỗi GV phải hoàn thành tối thiểu 350 giờ chuẩn giảng dạy và 100 giờ chuẩn NCKH trong một năm học. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, GV còn đảm nhận nhiều công tác chuyên môn và học thuật khác như: Biên soạn tài liệu giảng dạy, hướng dẫn SV viết NCKH, viết đề cương chi tiết học phần ĐCCT, tham gia xây dựng, cập nhật và điều chỉnh CTĐT, thực hiện vai trò cố vấn học tập, tham gia chấm thi, coi thi và các hoạt động đoàn thể, phong trào trong nhà trường **[H6.06.02.07]**, **[H6.06.02.08]**.

Đối với hoạt động NCKH, căn cứ vào định hướng phát triển chuyên môn và năng lực cá nhân, Khoa phân công nhiệm vụ NCKH phù hợp với từng GV. Hoạt động này được triển khai thông qua nhiều hình thức đa dạng như: thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường, viết và công bố bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín, tham gia viết tham luận tại hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước; biên soạn giáo trình, tài liệu học tập, cũng như hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH **[H6.06.02.05]**.

Vào cuối năm học, căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, nhiệm vụ được giao, mỗi CBGV thực hiện tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua Bảng tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác GV năm học **[H6.06.02.09]**. Sau đó sẽ được đánh giá bởi Khoa KTCN và cuối cùng do Hội đồng thi đua – khen

thường cấp trường đánh giá, bình xét kết quả thi đua cuối năm **[H6.06.02.10]**. Tiêu chí đánh giá phần lớn dựa vào khối lượng công việc mà GV đã thực hiện trong năm: Khối lượng NCKH do Phòng QLKH&HTQT thống kê; Khối lượng giảng dạy sẽ do Phòng QLĐT thống kê; Khối lượng về các hoạt động PVCD Phòng CTCTSV-HTDN thống kê **[H6.06.02.11]**. Phòng KHTC tổng hợp số lượng thời gian giảng dạy, NCKH và các hoạt động liên quan để thanh toán quyền lợi cho GV về số tiết vượt giờ giảng dạy, NCKH, thanh toán cho GV **[H6.06.02.12]**. Hàng năm, các GV hết hạn hợp đồng sẽ làm báo cáo kết quả công việc, lấy ý kiến của lãnh đạo và tập thể CBGV Khoa KTCN gửi về Phòng TC-HC tiến hành gia hạn hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng đối với GV không đạt yêu cầu **[H6.06.02.13]**.

## 2. Điểm mạnh:

Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành KTXD, đảm bảo tỉ lệ quy đổi GV/NH.

Công việc của đội ngũ GV được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD.

## 3. Điểm tồn tại:

Hoạt động NCKH của GV còn hạn chế mặc dù Nhà trường đã có chính sách và nhiều chế độ ưu đãi đối với GV tham gia NCKH.

## 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị/cá nhân thực hiện      | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò và ý nghĩa hoạt động NCKH ở Khoa;</li> <li>- Mở rộng mối quan hệ hợp tác nghiên cứu với các tổ chức trong và ngoài nước, tổ chức hội thảo và gặp gỡ các chuyên gia, hỗ trợ tài chính và kỹ thuật, đào tạo nghiên cứu, khuyến khích công bố</li> </ul> | BGH;<br>P.TC-HC;<br>Khoa KTCN | Từ năm học 2025-2026           |         |



| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị/cá nhân thực hiện | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------|---------|
|    |                    | khoa học và đánh giá ghi nhận đóng góp nghiên cứu của GV                                                                                                                                                 |                          |                                |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục duy trì và phát triển đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao. Duy trì tỷ lệ GV/SV hợp lý, đồng thời tăng cường công tác giám sát và đánh giá khối lượng công việc theo hướng minh bạch, đa chiều | P.TC-HC;<br>Khoa KTCN    | Từ năm học 2025-2026           |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

*1. Mô tả hiện trạng:*

Trường ĐHPT đã xác định việc phát triển đội ngũ GV là một yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến 2040. Mục tiêu này được thể hiện qua các chỉ tiêu cụ thể, nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Đồng thời, việc phát triển đội ngũ GV cũng đã được cụ thể hóa trong các Nghị quyết của Hội đồng Trường, trong đó đề ra các mục tiêu và giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2040. Để thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển đội ngũ GV, Trường ĐHPT đã xây dựng kế hoạch nhu cầu nhân lực với yêu cầu về phẩm chất đạo đức, năng lực học thuật phù hợp với từng vị trí được tích hợp trong Đề án vị trí việc làm [H6.06.01.03.01].

Trường ĐHPT đã ban hành các văn bản quy định rõ ràng về quy trình và tiêu chí tuyển dụng đội ngũ GV, nhằm đảm bảo lựa chọn được những ứng viên đáp ứng yêu cầu về phẩm chất đạo đức, năng lực học thuật và sự phù hợp với từng vị trí công việc, thông qua quy trình tuyển dụng [H6.06.03.02]. Quá trình tuyển chọn được thực hiện một cách nghiêm ngặt, bắt đầu từ khâu rà soát và đề xuất nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, xây dựng kế hoạch tuyển dụng, công bố thông báo tuyển dụng cho đến bước thành lập hội

đồng tuyển chọn để đánh giá và lựa chọn ứng viên một cách khách quan, minh bạch **[H6.06.03.03]**. Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn đối với từng vị trí được quy định cụ thể như sau: Có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng; Trình độ chuyên môn (*Trình độ Thạc sĩ trở lên, đúng chuyên ngành, đảm bảo tiêu chuẩn của vị trí việc làm dự tuyển và theo các tiêu chuẩn tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ; Trình độ ngoại ngữ: Bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam; Trình độ tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Có khả năng NCKH; Có đủ sức khỏe làm việc; Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; ...*). Bộ tiêu chí tuyển dụng được áp dụng giúp Nhà trường thuận lợi trong công tác đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự, vị trí công tác phù hợp với trình độ đào tạo và khả năng của từng người theo hướng chuyên môn hóa sẽ tạo môi trường thuận lợi để nhân sự có điều kiện phát huy sở trường, năng lực theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ đã được đào tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của Nhà trường.

Bên cạnh đó, sau khi kết thúc thời gian tập sự, GV sẽ được người hướng dẫn trực tiếp trong giai đoạn này thực hiện việc nhận xét, đánh giá toàn diện về chuyên môn, kỹ năng, thái độ làm việc và các tiêu chí liên quan khác. Đồng thời, GV phải ra Hội đồng giảng thử và được Hội đồng nhận xét, đánh giá. Trên cơ sở kết quả đánh giá đó, lãnh đạo Khoa sẽ xem xét và đề xuất với BGH ban hành quyết định chuyển GV chính thức hoặc ký hợp đồng lao động chính thức đối với GV theo mẫu biểu quy định **[H6.06.03.04]**

Căn cứ vào chiến lược phát triển theo từng giai đoạn và yêu cầu thực hiện công tác quy hoạch, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo ở các cấp thuộc Trường. Trên cơ sở đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý được triển khai theo định hướng phát triển chung và phù hợp với nhu cầu hoạt động thực tiễn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể **[H6.06.01.01]**. Việc bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý trong Nhà trường được thực hiện trên cơ sở xem xét trình độ chuyên môn, năng lực công tác và thành tích NCKH GV, nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Đối với một số vị trí cán bộ quản lý, tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm đã được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt

động của Nhà trường **[H6.06.03.05]**. Quy chế về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức và miễn nhiệm cán bộ quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường được thực hiện một cách công khai, minh bạch, với các tiêu chí bổ nhiệm được quy định rõ ràng. Toàn bộ quy trình đều tuân thủ đúng các quy định hiện hành, bảo đảm tính khách quan và phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường **[H6.06.03.06]**.

Các văn bản quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp GV được Nhà trường phổ biến rộng rãi đến toàn thể GV ứng viên thông qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm hệ thống Email nội bộ và Website chính thức của Trường **[H6.06.03.07]**. Các thông tin được công khai bao gồm điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng, yêu cầu về hồ sơ và mô tả công việc cụ thể đối với từng vị trí, nhằm tạo điều kiện để GV nắm bắt đầy đủ nội dung cần thiết trước khi nộp hồ sơ ứng tuyển **[H6.06.03.08]**.

Nhà trường thường xuyên tổ chức lấy ý kiến đóng góp của CBGVNV đối với các quy chế, quy định của Nhà trường, cũng như các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực. Ngoài ra, việc lấy ý kiến còn được triển khai thông qua các buổi họp giao ban của các lãnh đạo hàng tuần và họp giao ban hàng tháng toàn thể CBGVNV; Đại hội Công đoàn, Hội nghị người lao động, Buổi đối thoại định kỳ tại nơi làm việc, Email nội bộ của trường... **[H6.06.03.09]**.

Đồng thời, nhằm đánh giá chất lượng của đội ngũ GV theo định kỳ hàng tháng và hàng năm, Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản quy định về công tác đánh giá và xếp loại thi đua đối với CBGVNV đang công tác tại Trường. Việc đánh giá này không chỉ là cơ sở để mỗi cá nhân tự nhìn nhận, kiểm điểm và đánh giá lại kết quả công việc đã thực hiện trong năm, nhận diện những hạn chế còn tồn tại để đề ra phương hướng hoàn thiện bản thân, mà còn là căn cứ quan trọng cho công tác khen thưởng dựa trên kết quả làm việc vào cuối năm. Các văn bản hướng dẫn đã quy định rõ ràng về nội dung đánh giá, trình tự thực hiện, thẩm quyền đánh giá cũng như bộ tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá kết quả công việc của CBGVNV **[H6.06.03.10]**.

## *2. Điểm mạnh:*

Trường ĐHPT có chiến lược phát triển đội ngũ GV rõ ràng, phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường. Quy trình tuyển dụng được thực hiện minh bạch với

các tiêu chí cụ thể, trong đó ưu tiên những ứng viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm và năng lực nghiên cứu tốt.

Công tác bổ nhiệm, đánh giá, thi đua – khen thưởng được triển khai công khai, minh bạch và đúng quy định hiện hành. Các thông tin liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá và các chính sách phát triển đội ngũ được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBGVNV góp phần nâng cao tính minh bạch và sự đồng thuận trong toàn Trường.

### 3. Điểm tồn tại:

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được Trường công bố rộng rãi và minh bạch trên các kênh thông tin chính thức. Tuy nhiên vẫn còn những hạn chế nhất định về số lượng ứng viên có học hàm, học vị cao như Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ...

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị, người thực hiện           | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng. Cụ thể, ngoài việc đăng tải thông tin trên website và các kênh nội bộ, Nhà trường sẽ đẩy mạnh công bố tuyển dụng trên các nền tảng báo điện tử, truyền hình, mạng xã hội chuyên ngành, đồng thời tận dụng mạng lưới cựu SV để lan tỏa thông tin và kết nối với các ứng viên có năng lực và kinh nghiệm phù hợp. | P.TC-HC;<br>Ban TTTT<br>Khoa KTCN | Từ năm học 2025-2026            |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Phát huy tính nghiêm túc và minh bạch trong công tác tuyển dụng GV cũng như công tác bổ nhiệm CBQL của Khoa KTCN hàng năm. Nhà trường tăng cường tổ chức nghiêm túc công khai theo đúng quy định, tuân thủ                                                                                                                                                                                         | BGH;<br>P.TC-HC;<br>Khoa KTCN     | Từ năm học 2025-2026            |         |

| TT | Mục tiêu | Nội dung                                                                                   | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|---------|
|    |          | theo các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, cụ thể và được phổ biến công khai trong toàn Trường. |                         |                                |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

***Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.***

***1. Mô tả hiện trạng:***

Trường ĐHPT đã xây dựng các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV (*Ví dụ: Năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các PPGD, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng*). Hiện tại, tất cả GV của ngành KTCN đều có khả năng tự thiết kế và thực hiện ĐCCT môn học, PPDH của các GV đa dạng, không chỉ đáp ứng yêu cầu riêng của từng học phần thuộc ngành KTCN mà còn phù hợp với đặc thù của Khoa KTCN. Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV để đánh giá kết quả thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thành tích lao động của CBGVNV [H6.06.04.01]. Thông qua ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV và kết quả khảo sát Nhà trường/Khoa sẽ tiến hành phân loại GV để có định hướng bồi dưỡng, đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển thực tế của Trường [H6.06.04.02].

Trường ĐHPT có đánh giá năng lực hằng năm của GV. Hàng năm, vào những ngày lễ lớn (*Ngày thành lập trường, ngày khai giảng, ngày Hiến chương Nhà giáo 20/11 và Lễ tổng kết năm học,...*), Nhà trường tổ chức khen thưởng những cá nhân, tập thể đã đạt thành tích cao trong đào tạo, NCKH và PVCĐ. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, khoa học. Khối lượng, chất lượng NCKH; Chất lượng thực hiện các công tác chung của Khoa, Trường theo sự phân công của lãnh đạo; Mức độ chấp hành nội quy của Trường, PVCĐ. Kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá mức độ

hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học là kết luận cuối cùng về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của CBGVNV **[H6.06.04.03]**.

Để đánh giá năng lực của GV Khoa, vào cuối năm học, tất cả CBGVNV thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác cá nhân. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, các nhiệm vụ được giao và kế hoạch công tác cá nhân đề ra vào đầu năm học, cá nhân tự đánh giá kết quả công việc theo 4 mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó, Khoa tiến hành họp với toàn bộ GV để thống nhất lấy ý kiến bình xét thi đua theo đúng quy định của Nhà trường và gửi kết quả cho Hội đồng thi đua – khen thưởng cấp trường đánh giá để bình xét kết quả thi đua cuối năm. Ngoài ra, việc đánh giá năng lực GV Khoa từ phía SV cũng được thực hiện định kỳ thường xuyên. Dựa vào đó, nhà trường và Ban lãnh đạo Khoa có biện pháp nhắc nhở, trao đổi tạo điều kiện cho các GV có năng lực chưa cao, tự điều chỉnh để từng bước hoàn thiện và nâng cao năng lực nhằm đảm bảo công tác giảng dạy và NCKH của mình ngày càng hoàn thiện hơn. Thống kê trên Phiếu đánh giá phân loại nhân sự hàng năm cho thấy tất cả các GV của Khoa đều có đủ năng lực để hoàn thành nhiệm vụ từ mức tốt trở lên **[H6.06.04.03]**, **[H6.06.04.04]**. Đặc biệt, GV sử dụng nhiều phương tiện giảng dạy, sử dụng nhiều cách thức khác nhau để đánh giá việc học tập của SV. Chính vì vậy, kết quả lấy ý kiến phản hồi từ NH về HĐGD của GV Khoa (*việc khảo sát ý kiến được tiến hành mỗi năm 2 lần tại cuối mỗi học kỳ*) đều được SV đánh giá khá cao (*đạt 89.6% tỷ lệ đồng ý*). Toàn bộ dữ liệu thông tin góp ý của SV được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC trích xuất dữ liệu và gửi Email cho từng cá nhân và Khoa. Căn cứ trên các phiếu nhận xét của NH là nguồn dữ liệu cần thiết để Nhà trường và Khoa KTCN thực hiện các điều chỉnh quan trọng trong việc lựa chọn, sắp xếp GV cho từng môn học sao cho phù hợp với yêu cầu đảm bảo chất lượng và nguyện vọng học tập của SV **[H6.06.04.04]**.

## 2. Điểm mạnh:

Năng lực của GV Khoa KTCN được xác định rõ ràng và được đánh giá chính xác dựa vào các phương thức, quy trình cụ thể do Nhà trường ban hành.

## 3. Điểm tồn tại:

Hiện nay, năng lực NCKH của đội ngũ GV trong Khoa còn chưa đồng đều, chủ yếu do GV phải dành nhiều thời gian cho công tác giảng dạy và các nhiệm vụ chuyên môn khác, dẫn đến hạn chế về thời gian và nguồn lực dành cho hoạt động nghiên cứu.

*4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện     | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Khoa sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể, tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, thường xuyên nghiên cứu sách báo tài liệu, chủ động tham dự các buổi sinh hoạt khoa học nghiệm thu các đề tài về NCKH của đồng nghiệp để học tập kinh nghiệm, tự nâng cao kiến thức, kỹ năng về NCKH cho bản thân. | BGH;<br>TC-HC;<br>Khoa KTCN | Từ năm học 2025-2026           |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục rà soát việc đánh giá năng lực của GV. Hằng năm, xác định rõ ràng các phương thức, quy trình cụ thể. Thực hiện định kỳ đánh giá năng lực GV.                                                                                                                                     | Khoa KTCN                   | Từ năm học 2025-2026           |         |

*5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).*

***Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

*1. Mô tả hiện trạng:*

Trong những năm qua, Trường ĐHPT luôn coi việc phát triển đội ngũ CBGV là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, phải được tiến hành thường xuyên, liên tục. Chính vì vậy, xác định nhu cầu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là bước đầu tiên quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Trường ĐHPT [H6.06.05.01]. Dựa trên định hướng chiến lược phát triển của Trường, KTCN đã xây dựng Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021 – 2025, trong đó xác định rõ đào tạo và bồi

dưỡng đội ngũ là nhiệm vụ trọng tâm, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH của Khoa **[H6.06.05.02]**.

Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Nhà trường và Khoa KTCN đã nghiên cứu khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Nhà trường thực hiện phân tích nhu cầu trên cơ sở quy hoạch và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Trường, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của CBGV để lập kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa. Kế hoạch phải dựa trên nguyên tắc công khai, công bằng và hiệu quả **[H6.06.05.03]**.

Nhà trường đã triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. Trước tiên, Nhà trường đã có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. Nhà trường cũng dành một tỷ lệ ngân sách nhất định để chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV **[H6.06.05.03]**. Nhà trường có các chế độ, chính sách để khuyến khích đội ngũ GV tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ như: GV đi học theo hình thức tập trung được miễn giảm 100% khối lượng giảng dạy, 100% NCKH, được nhà trường hỗ trợ học phí, được hưởng lương cơ bản **[H6.06.05.04]**.

Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT, phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường và được triển khai thực hiện. Đồng thời, Khoa KTCN đã lập kế hoạch về nhu cầu đào tạo cho GV dựa trên nhu cầu về nguồn nhân lực và nguyện vọng của các GV **[H6.06.05.05]**.

Công tác đào tạo cho đội ngũ cán bộ, GV trẻ mới tuyển dụng của Khoa được Nhà trường chú trọng thực hiện, nhằm giúp đội ngũ mới này nhanh chóng tiếp cận, hòa nhập, tìm hiểu về Trường để nắm bắt và định hướng làm việc phù hợp như đã nêu trong. Thực tế, các cán bộ, GV Khoa KTCN trẻ nên rất nhiệt tình, có nhu cầu tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, tham dự các hội nghị, hội thảo chuyên đề. Các nhu cầu này cũng được Nhà trường và Khoa hỗ trợ về thời gian để tham gia khóa học, hội thảo **[H6.06.05.06]**.

Căn cứ kế hoạch chiến lược về nhân sự, dựa trên yêu cầu của CTĐT ngành KTXD và dựa trên các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm được phê duyệt, Nhà trường triển khai các hình thức đào tạo bồi dưỡng như sau: (i) Đào tạo tại chỗ: Về nội quy, chính



sách, lề lối làm việc, PPGD; (ii) Đào tạo nội bộ: Các lớp ngoại ngữ như tiếng Anh, vi tính văn phòng, các kỹ năng mềm, (giao tiếp, làm việc đội nhóm, quản lý thời gian...), PPGD, tập huấn cán bộ coi thi; (iii) Đào tạo chuyên sâu: Do Phòng TC-HC chủ động liên hệ hoặc tiếp nhận thông tin đào tạo của các tổ chức bên ngoài về các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù như nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về công tác ĐBCL và tự đánh giá chất lượng giáo dục, hoặc các CTĐT sau đại học; (iv) Tự đào tạo chuyên sâu: Do cá nhân CBGVNV có nhu cầu theo học các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù hoặc các CTĐT sau đại học và nộp chứng chỉ, chứng nhận về văn phòng Khoa và Trường sau mỗi khóa đào tạo. Nhà trường và Khoa cũng công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài, tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ của Khoa tham gia dự tuyển [H6.06.05.07].

**Bảng 6.5.1. Danh sách thông kê CBGV Khoa KTCN học tập bổ sung nâng cao trình độ chuyên môn (GD 2021-2025)**

| TT | Họ và tên               | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành  | Bắt đầu đào tạo |
|----|-------------------------|------------------|---------------|-----------------|
| 1  | Nguyễn Tấn Ý            | Tiến sĩ          | Kỹ thuật điện | 2020            |
| 2  | Phùng Tấn Đức           | Thạc sĩ          | Kỹ thuật điện | 2023            |
|    |                         | Văn bằng 2       | Ngôn ngữ Anh  | 2024            |
| 3  | Nguyễn Thụy Thuý Nguyên | Thạc sĩ          | Kỹ thuật điện | 2023            |
|    |                         | Văn bằng 2       | Ngôn ngữ Anh  | 2024            |
| 4  | Dương Tấn Mạnh          | Thạc sĩ          | Kỹ thuật ô tô | 2025            |
| 5  | Trần Duy Lâm            | Thạc sĩ          | Kỹ thuật ô tô | 2023            |

Việc triển khai công tác đào tạo bồi dưỡng đã nhận được sự đồng thuận và tích cực tham gia của toàn thể CBGV của Khoa, thông qua các hình thức khảo sát, họp rút kinh nghiệm để Nhà trường có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo, giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực ngày càng đa dạng và đạt được hiệu quả cao. Đây là những thành quả miệt mài nỗ lực học tập sau thời gian công tác tại Khoa, xứng đáng để Khoa KTCN và Nhà trường ghi nhận và khen thưởng. Điều này cũng khẳng định được rằng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV Khoa nói riêng và toàn trường nói chung, luôn luôn được xác định và được Nhà trường triển khai đáp ứng nhu cầu thực tế này.

## 2. Điểm mạnh:

Công tác xác định nhu cầu và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa KTCN thực hiện bài bản, có định hướng chiến lược rõ ràng và phù hợp với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Nhà trường và Ban lãnh đạo Khoa đã có những biện pháp và chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các GV của Khoa tham gia học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, giao lưu trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, NCKH trong và ngoài nước.

### 3. Điểm tồn tại:

Việc tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn của GV giữa các năm vẫn chưa đồng đều, chưa tạo được sự liên tục và đồng bộ trong toàn Khoa. Đặc biệt, hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ở bậc Tiến sĩ còn hạn chế do một số GV chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện cần thiết (*ngoại ngữ, thời gian, điều kiện tài chính...*).

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Khoa sẽ tiếp tục khuyến khích các CBGV của Khoa tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chương trình hợp tác quốc tế, các Hội thảo và NCKH trong và ngoài nước nhằm không ngừng nâng cao năng lực đội ngũ của Khoa và của Trường nói chung. | Khoa KTCN               | Từ năm học 2025-2026            |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Nhà trường cần đẩy mạnh chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để các GV của Khoa tham gia học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, NCKH trong và ngoài nước.                                                                        | P.TC-HC;<br>Khoa KTCN   | Từ năm học 2025-2026            |         |

### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

***Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

***1. Mô tả hiện trạng:***

Để đảm bảo tính minh bạch và công bằng, Nhà trường đã xây dựng các quy trình, quy chế và tiêu chí đánh giá rõ ràng, làm cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả công việc, xếp loại thi đua, công nhận và khen thưởng **[H6.06.06.01]**. Trên cơ sở các quy chế, quy định của Trường, Khoa KTCN đã xây dựng bảng mô tả công việc cụ thể cho từng vị trí quản lý và từng GV trong Khoa. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, các GV còn được phân công thực hiện các nhiệm vụ khác như: Hướng dẫn thực tập, coi thi, xây dựng CTĐT,... Việc phân công được thực hiện một cách rõ ràng, minh bạch, căn cứ vào năng lực chuyên môn và khối lượng công việc, nhằm đảm bảo hiệu quả và chất lượng trong thực hiện nhiệm vụ được giao **[H6.06.06.02]**.

Công tác đánh giá kết quả công việc của GV được thực hiện công khai, minh bạch và theo quy trình chặt chẽ từ cấp Khoa đến cấp Trường. Kết quả đánh giá được Nhà trường công khai thông qua hình thức gửi Email đến toàn thể cá nhân và đơn vị trong Trường, đảm bảo sự minh bạch, đồng thuận và trách nhiệm giải trình. Quy trình tổ chức đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV hằng năm được thực hiện theo các bước sau: **[H6.06.06.03]**.

- *Tự đánh giá của GV*: Trường ban hành các quy định cụ thể về trách nhiệm và tiêu chí đánh giá đối với từng GV. Theo đó, trước ngày 15/7 hằng năm, từng cá nhân thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xây dựng kế hoạch công tác cho năm học tiếp theo, đồng thời tự xếp loại và đề xuất danh hiệu thi đua tương ứng;

- *Đánh giá tại cấp Khoa*: Trên cơ sở bản tự đánh giá của GV, Khoa tiến hành họp toàn thể để thảo luận, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và tham gia các hoạt động của từng cá nhân. Kết quả cuộc họp là cơ sở để bình chọn danh hiệu thi đua theo đúng tiêu chuẩn, quy định của Trường;

- *Đánh giá tại cấp Trường – Hội đồng Thi đua, Khen thưởng*: Sau khi các đơn vị hoàn tất đánh giá và đề xuất danh hiệu thi đua, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp

Trường tiến hành họp để thẩm định, đánh giá và chính thức xét duyệt, xếp loại thi đua cho toàn thể CBGVNV;

Bên cạnh hình thức đánh giá nội bộ từ cấp Khoa và cấp Trường, hoạt động đánh giá hiệu quả công việc của GV còn được thực hiện thông qua kênh đánh giá từ NH ở tất cả các hệ đào tạo. Cụ thể, vào cuối mỗi học kỳ, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV thông qua phần mềm xem điểm thi. Trong những năm gần đây, kết quả khảo sát từ SV cho thấy mức độ hài lòng cao đối với hoạt động giảng dạy của đội ngũ GV **[H6.06.04.04]**.

Từ năm 2021, Nhà trường đã triển khai thực hiện quy định đánh giá, phân loại GV theo từng tháng. Quy trình đánh giá được tiến hành trên cơ sở cá nhân tự đánh giá và lãnh đạo Khoa đánh giá. Phòng TC-HC là đơn vị chủ trì, có trách nhiệm tổng hợp và tham mưu cho BGH ra quyết định phân loại GV theo bốn mức: Loại A (*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*), loại B (*Hoàn thành tốt nhiệm vụ*), loại C (*Hoàn thành nhiệm vụ*) và loại D (*Không hoàn thành nhiệm vụ*). Kết quả phân loại này là căn cứ để chi trả lương hàng tháng, chi lương tháng 13, xét danh hiệu thi đua và nâng lương thường xuyên theo quy định **[H6.06.06.05]**. Đối với GV có kết quả xếp loại cuối năm từ loại B trở lên và đáp ứng các tiêu chí về định mức giảng dạy, NCKH, PVCD theo quy định, sẽ được xem xét tăng lương 5% trên mức lương bậc hiện tại.

Từ kết quả đánh giá hiệu quả công việc, hằng năm Nhà trường triển khai chế độ khen thưởng tương ứng nhằm ghi nhận và động viên kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích. Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, Hiệu trưởng ban hành quyết định đối với các hình thức thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền, đồng thời đề xuất các danh hiệu, hình thức thi đua khen thưởng ở cấp cao hơn. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thực hiện hiệu quả công tác khen thưởng theo chuyên đề và khen thưởng đột xuất đối với những cá nhân có đóng góp nổi bật cho sự phát triển chung của Trường **[H6.06.06.06]**.

Kết quả đánh giá công việc của GV cũng được sử dụng làm căn cứ quan trọng trong việc xác định định hướng đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ hoạt động giảng dạy, NCKH. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để Nhà trường xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, điều động đội ngũ GV một cách phù hợp. Trên nền tảng đó, Nhà trường đã

xây dựng và triển khai các chính sách thiết thực nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ GV như hỗ trợ học phí cho cán bộ theo học các chương trình đào tạo tại Trường và tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn nhằm phát triển kỹ năng, chuyên môn nghề nghiệp [H6.06.06.07].

Ngoài ra, tất cả CBNVGV của Trường đều được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả công việc. Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát sự hài lòng và lấy ý kiến của CBNVGV về các quy chế, quy trình đánh giá hiệu quả công việc, chính sách khen thưởng. Kết quả khảo sát sẽ là căn cứ để Nhà trường rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện quy trình, quy chế quản trị kết quả công việc của GV, nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H6.06.06.08].

### *2. Điểm mạnh:*

Dựa trên các chính sách và xây dựng các văn bản quy định cụ thể, Trường đã triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV rất nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Các quy định này được bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CBGV trong toàn Trường.

### *3. Điểm tồn tại:*

Nhà trường chưa lượng hóa rõ các tiêu chí cụ thể về hoạt động PVCĐ trong bảng đánh giá công tác năm học, dẫn đến khó khăn trong việc quản trị kết quả công việc cá nhân theo hướng toàn diện.

### *4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                    | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | Rà soát, bổ sung thêm các tiêu chí cụ thể về PVCĐ vào các quy định nhiệm vụ của GV nhằm quản trị kết quả công việc của CBGV về hoạt động PVCĐ được hiệu quả và rõ ràng hơn. | P.TC-HC;<br>Khoa KTCN   | Từ năm học 2025-2026           |         |

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị, người thực hiện       | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|---------|
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục định kỳ triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV. Chú trọng chính sách và xây dựng các văn bản quy định cụ thể, nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Các quy định này được bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CBGV trong toàn Trường. | BGH;<br>P.TC-HC;<br>Khoa KTCN | Từ năm học 2025-2026           |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

***Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng hoạt động NCKH mà GV phải thực hiện, phù hợp với các quy định của Chính phủ và Bộ GD&ĐT [H6.06.07.01]. Một số quy định liên quan đến các chính sách về NCKH nhằm đảm bảo tính minh bạch, chuẩn mực và nâng cao chất lượng trong hoạt động NCKH, trong đó có các quy định về vấn đề sở hữu trí tuệ, Quy trình, hướng dẫn đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ; Quy trình chuyển giao công nghệ; quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức nhà giáo trong hoạt động NCKH; Quy định về trích dẫn và chống đạo văn,...[H6.06.07.02].

Sau năm 2019, trên cơ sở định hướng, mục tiêu và kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của địa phương, khu vực cũng như nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, Nhà trường đã cập nhật, sửa đổi, ban hành Quy chế quản lý hoạt động KH&CN và điều chỉnh, bổ sung Quy định về chế độ làm việc của GV [H6.06.07.03]. Theo đó, Nhà trường đã quy định mức chuẩn về thời gian làm việc và định mức chuẩn khối lượng công việc NCKH của GV, tương ứng với nhiều loại hình và sản phẩm khoa học khác nhau. Cụ thể, nghĩa vụ NCKH đối với GV được quy định là 100 giờ NCKH/năm học, tương đương

với 586 giờ hành chính. Kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ cụ thể như: Thực hiện đề tài NCKH, viết bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong và ngoài nước, các báo cáo tham luận tại hội nghị hội thảo các cấp, biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, xây dựng CTĐT, hướng dẫn SV NCKH, tham gia hội đồng xét duyệt đề tài NCKH các cấp,... Đội ngũ GV của Khoa KTCN có trình độ chuyên môn vững vàng, năng lực nghiên cứu và giảng dạy ngày càng được nâng cao, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học và hội nhập quốc tế **[H6.06.07.04]**.

Ở cấp Trường, Phòng QLKH&HTQT là đơn vị đầu mối, thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát, kiểm tra, giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường và việc giám sát, rà soát các hoạt động NCKH được tiến hành định kỳ hằng năm, đề ra phương hướng hoạt động NCKH của năm sau **[H6.06.07.05]**. Ở cấp Khoa, hoạt động khoa học và công nghệ đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi HĐKH Khoa **[H6.06.07.06]** và được Khoa theo dõi, giám sát, đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu chất lượng định kỳ **[H6.06.07.07]**.

Việc giám sát và rà soát các hoạt động NCKH được tiến hành định kỳ hằng năm, qua đó đề xuất phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo. Việc đăng ký nhiệm vụ khoa học của GV được xét chọn công khai, với tiêu chí rõ ràng được quy định cụ thể trong Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường. Các sản phẩm NCKH được tuyển chọn, đánh giá nghiệm thu theo đúng quy định **[H6.06.07.08]**.

Trong giai đoạn 2021–2025, các GV ngành KTXD đã chú trọng vào việc biên soạn giáo trình các môn học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Cụ thể, giáo trình “*Sức bền vật liệu*” đã được hoàn thiện, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong năm học 2023–2024. Trong năm học 2024–2025, ngành sẽ tiếp tục triển khai nghiệm thu giáo trình “*Cơ học lý thuyết*” để phục vụ công tác giảng dạy trong năm học mới **[H6.06.07.09]**.

Đối với hoạt động NCKH, các GV ngành KTXD đã tích cực tham gia thực hiện các đề tài NCKH các cấp. Trong năm học vừa qua, một số đề tài cấp cơ sở đã được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và gắn kết lý thuyết với thực tiễn. Đặc biệt, một số kết quả nghiên cứu đã được đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, khẳng định chất lượng và tính ứng dụng của công trình nghiên cứu. Cụ

thể năm học 2021-2022, TS. Nguyễn Tấn Ý là thành viên đề tài “*Nghiên cứu thiết kế chế tạo máy ủ phân gà dạng bồn đứng năng suất 2m<sup>3</sup>/ngày*”, đề tài cấp tỉnh thuộc Sở KH&CN TP.HCM và nội dung này được đăng trên Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Kỳ I-tháng 03/2022, trang 54-62. Năm học 2024–2025, GV tiếp tục đăng ký và thực hiện các đề tài NCKH, tập trung vào các hướng nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực KTXD, qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu và đổi mới PPGD. Bên cạnh đó, KS. Trần Duy Lâm đang triển khai và thực hiện đề tài cấp cơ sở “*Nghiên cứu đặc tính khí động học ô tô sử dụng mô phỏng dòng chảy (Computational Fluid Dynamics)*”. Kết quả việc thực hiện những đề tài này sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và gắn kết lý thuyết với thực tiễn.

Năm học 2021-2022, Khoa đã tổ chức hội thi sáng tạo Khoa học Kỹ thuật Trường ĐHPT, nhằm khơi dậy và phát huy niềm đam mê sáng tạo khoa học kỹ thuật của SV trường nói chung và SV khoa nói riêng. Những đề tài tham gia hội thi thể hiện khả năng tư duy, sáng tạo của SV. Kết quả của các đề tài này có khả năng nhân rộng và ứng dụng vào thực tiễn, đời sống trong nhiều lĩnh vực khác nhau có thể kể đến như: Bộ điều khiển điện nước thanh long tự động, ứng dụng cảm biến quang để vận hành hệ thống rửa xe, xe tránh vật cản ứng dụng trên xe tự động lái, mô hình đèn giao thông sử dụng năng lượng mặt trời... [H6.06.07.10].

Nhìn chung, hoạt động NCKH của GV và SV ngành KTXD hiện vẫn còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc Khoa mới được thành lập vào năm 2020, đội ngũ GV của ngành còn hạn chế về số lượng và phần lớn đều còn khá trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc thực hiện và hướng dẫn NCKH. Bên cạnh đó, GV hiện nay chủ yếu tập trung toàn thời gian cho công tác giảng dạy và tham gia các chương trình tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn, nên chưa có điều kiện và thời gian để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu. Trong thời gian gần đây, GV ngành KTXD đã và đang tích cực đề xuất một số đề tài NCKH cũng như biên soạn các giáo trình chuyên môn, gửi Phòng QLKH&HTQT và Hội đồng Khoa học nhà trường xem xét, thẩm định và triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, hoạt động NCKH của SV cũng sẽ được ngành chú trọng đẩy mạnh trong thời gian tới, thông qua việc định hướng đề tài phù hợp, hỗ trợ GV hướng dẫn và tạo điều kiện để SV tiếp cận với phương pháp nghiên cứu ngay từ những năm đầu ĐH.



Hàng năm, căn cứ thống kê kết quả hoạt động NCKH của GV để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Mức quy đổi từ các hoạt động NCKH được quy định cụ thể trong Quy định chế độ làm việc của GV. Đây là căn cứ để đối sánh, đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động NCKH của từng GV và đánh giá phân loại GV hàng năm **[H6.06.03.11]**. **Song song đó**, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến GV và SV về hoạt động NCKH và xem đó như là một kênh thông tin quan trọng, nhằm cải tiến chất lượng hoạt động này được tốt hơn. Đồng thời, trường cũng tạo điều kiện cho các GV trao đổi các xu hướng nghiên cứu mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, thúc đẩy phong trào NCKH của Khoa **[H6.06.07.12]**.

### *2. Điểm mạnh:*

Trường đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện và các chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH.

### *3. Điểm tồn tại:*

Số lượng đề tài NCKH của CBGV ở Khoa KTCN còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do lịch giảng dạy và học tập khá dày, khiến GV chủ yếu tập trung vào công tác giảng dạy. Điều này phần nào ảnh hưởng đến thời gian và nguồn lực dành cho hoạt động NCKH trong toàn ngành. Bên cạnh những khó khăn về nhân lực và thời gian, kinh phí dành cho hoạt động NCKH của GV còn hạn chế.

### *4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị, người thực hiện                          | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tăng cường các đề tài nghiên cứu có tính thực tiễn áp dụng cao; Tăng số lượng các bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi và hoàn thiện chính sách thu hút GV tham gia NCKH.   | BGH;<br>P.QLKH&<br>HTQT;<br>P.TCHC;<br>Khoa KTCN | Từ năm học 2025-2026            |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Cải thiện các chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của GV bằng nhiều hình thức như: Đầu tư, khen thưởng xứng đáng đối với các GV có các ấn phẩm nghiên cứu được xuất bản, các đề tài từ cấp trường, cấp tỉnh trở lên. | BGH;<br>P.QLKH&<br>HTQT;<br>P.TCHC;<br>Khoa KTCN | Từ năm học 2025-2026            |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

#### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 6:***

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Ngành KTXD với đội ngũ GV có trình độ cao, có kiến thức thực tiễn và hoạt động NCKH với chất lượng tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo SV. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ luôn được sự quan tâm và tạo điều kiện của Trường. Hằng năm, việc đánh giá GV được Nhà trường và ngành thực hiện qua nhiều hình thức để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Đội ngũ GV đảm bảo hoàn thành định mức số giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy tốt. Trong NCKH, đội ngũ GV tiếp tục nỗ lực phát huy vai trò, chủ trì các đề tài và tham gia các loại hình nghiên cứu, đăng bài trên các tạp chí. Công tác đánh giá, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của khoa và Trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Số lượng GV đạt chức danh GS, PGS còn ít, chưa có GV cơ hữu nào là Giáo sư. Mặc dù Trường đã có chính sách khuyến khích, hoạt động NCKH vẫn hạn chế do GV thiếu thời gian và nguồn lực, năng lực nghiên cứu chưa đồng đều.

Việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt ở bậc Tiến sĩ, còn ít do GV còn vướng các điều kiện về ngoại ngữ, thời gian, tài chính. Ngoài ra, tiêu chí đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng chưa được lượng hóa rõ ràng, gây khó khăn trong việc đánh giá toàn diện công việc GV.

*Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6:*

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 6 có 06 tiêu chí, trong đó cả 06 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

**Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

**Mở đầu:**

Trường quan tâm quy hoạch và tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách bài bản, đáp ứng đầy đủ yêu cầu phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD tại các đơn vị đào tạo, trong đó có Khoa KTCN. Nhà trường cũng thiết lập hệ thống quản lý kết quả công việc một cách chặt chẽ, giúp theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu suất lao động một cách minh bạch, khách quan. Song song đó, kế hoạch đào tạo – bồi dưỡng chuyên môn và phát triển nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên cũng được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao năng lực cá nhân và chất lượng phục vụ chung, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho việc nâng cao chất lượng đào tạo và các hoạt động chuyên môn tại Khoa cũng như toàn Trường.

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.***

*1. Mô tả hiện trạng:*

Trường ĐHPT đã xác định việc quy hoạch đội ngũ nhân viên, định hướng rõ phát triển nhân lực theo từng nội dung, từng ngành nghề dựa trên những thế mạnh, yêu cầu của Tỉnh, từ đó đưa ra những yêu cầu, định hướng đáp ứng nhu cầu thực tế nhằm phát triển đội ngũ nhân viên có năng lực và tâm huyết nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động

đào tạo, NCKH và PVCĐ cho Nhà trường. Cụ thể, Trường ĐHPT đã ban hành các Chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến 2040; Kế hoạch phát triển nhân sự giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2040 **[H7.07.01.01]**. Trong đó, Nhà trường đã xây dựng các chiến lược phát triển nguồn nhân sự, cụ thể là có các kế hoạch quy hoạch nguồn nhân lực đối với từng nhóm chức danh và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại các đơn vị Phòng/Khoa/Ban và Bộ môn nhằm lựa chọn đội ngũ nhân viên hỗ trợ phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Dựa vào các chiến lược phát triển nguồn nhân sự của Nhà trường qua các giai đoạn và những báo cáo nhu cầu nhân sự của từng đơn vị **[H7.07.01.02]**. Nhà trường giao cho Phòng TC-HC thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho BGH trong công tác tổ chức cán bộ, quản lý nhân sự; công tác đào tạo, bồi dưỡng và được cụ thể hóa các nhiệm vụ trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị được ban hành năm 2021 và Đề án xây dựng vị trí việc làm năm 2018 và được rà soát và cập nhật lại vào năm 2022 **[H7.07.01.03]**, **[H7.07.01.04]**. Từ đề án vị trí việc làm đã được xây dựng, hằng năm Nhà trường đều có các kế hoạch tuyển dụng nhằm đáp ứng các nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ cho ngành KTXD **[H7.07.01.05]**. Bên cạnh đó, Trường cũng đã có ban hành về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành giáo dục và đào tạo **[H7.07.01.06]**.

Hiện nay, nhân viên làm việc tại các bộ phận hỗ trợ cho Khoa như: Phòng TC-HC, Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng KHTC, Phòng QLKH&HTQT, Thư viện,... đảm bảo cả về số lượng và chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Cụ thể, nhân viên hỗ trợ đến từ nhiều phòng ban khác nhau trong Nhà trường, trong đó mỗi phòng ban có những chức năng, nhiệm vụ riêng biệt nhằm đảm bảo cho các nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ của ngành KTXD đã thực hiện một cách hiệu quả và nhanh chóng. Tất cả các chức năng, nhiệm vụ của các vị trí nhân viên hỗ trợ đều được quy định rõ ràng trong bảng mô tả công việc của nhân viên ở từng đơn vị **[H7.07.01.06]**. Ngoài ra, số lượng nhân viên hỗ trợ khá đông và đa số có trình độ từ ĐH trở lên, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, phù hợp với vị trí việc làm đảm bảo cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của khoa được hoàn thành tốt và đúng tiến độ **[H7.07.01.07]**.

Hàng năm, dựa vào các phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị, Nhà trường quy hoạch lại đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban nhằm đẩy mạnh và tạo hiệu quả hơn nữa trong công tác hỗ trợ cho các ngành đào tạo trong đó có ngành KTXD [H7.07.01.08].

Ngoài ra, hằng năm Nhà trường triển khai khảo sát ý kiến của NH về chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo sát cho thấy NH khá hài lòng với sự phục vụ và hỗ trợ của đội ngũ nhân viên Nhà trường trong các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.07.01.09].

### *2. Điểm mạnh:*

Trường ĐHPT có các chiến lược phát triển nhân sự lâu dài, trong đó có đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Hàng năm, Trường luôn phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên, từ đó có các chính sách thu hút, tuyển dụng, quy hoạch nhằm phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ;

Đội ngũ cán bộ nhân viên hỗ trợ có năng lực, trình độ chuyên môn đạt yêu cầu của Nhà trường đề ra đồng thời phù hợp với nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ; có số lượng đông đảo, năng động, nhiệt tình làm việc có hiệu quả, giải quyết được các vấn đề một cách nhanh chóng và hiệu quả.

### *3. Điểm tồn tại:*

Một số CBNV hỗ trợ của các đơn vị thường hay biến động, nên việc quy hoạch đội ngũ nhân viên còn chưa đảm bảo tính ổn định, lâu dài.

### *4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                              | Đơn vị, người thực hiện       | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | - Nhà trường cần tăng cường chính sách quy hoạch đội ngũ nhân viên phù hợp giữa vị trí việc làm với trình độ chuyên môn, năng lực để đảm bảo tính ổn định lâu dài của đội ngũ CBNV hỗ trợ             | BGH;<br>P.TC-HC,<br>Khoa KTCN | Từ năm học 2025-2026           |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên, từ đó có các chính sách thu hút, tuyển dụng, quy hoạch nhằm phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. | BGH;<br>P.TC-HC,<br>Khoa KTCN |                                |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai***

***1. Mô tả hiện trạng:***

Để tuyển chọn được đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng nhu cầu sử dụng và bổ sung lực lượng lao động cần thiết nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược đã xây dựng, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng và cụ thể. Về tiêu chuẩn tuyển dụng, ngoài tiêu chuẩn chung, còn có các tiêu chuẩn cụ thể đối với từng vị trí việc làm [H7.07.02.01].

Nhà trường có ban hành văn bản quy định về tuyển dụng nhân viên với các tiêu chí đảm bảo yêu cầu chung về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, tin học văn phòng. Việc sắp xếp bố trí nhân lực theo đúng các tiêu chí của Nhà trường. Quy trình bổ nhiệm dựa theo điều 8 của Quy định tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy chế bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm nhân sự lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường ĐHPT và thành lập Hội đồng tuyển dụng [H07.07.02.02].

***\*Tiêu chuẩn chung:***

- Có lý lịch rõ ràng;
- Có đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ;

- Không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

*\*Tiêu chuẩn cụ thể (Đối với chức danh nhân viên):*

- Có bằng ĐH trở lên phù hợp với chuyên ngành dự tuyển;
- Có ít nhất 01 năm kinh nghiệm ở vị trí tương đương.

Ví dụ tuyển dụng nhân viên vị trí giáo vụ Khoa, Nhà trường công bố các tiêu chí như ở bảng sau:

**Bảng 7.2.1: Thông báo tuyển dụng vị trí Trợ lý khoa**

| <b>Vị trí tuyển dụng</b> | <b>Trợ lý khoa</b>                                                                                                                                                                                                    |
|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hình thức làm việc       | Toàn thời gian                                                                                                                                                                                                        |
| Mô tả công việc          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các công việc hành chính phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập tại khoa;</li> <li>- Thực hiện công tác khác theo yêu cầu của lãnh đạo.</li> </ul>               |
| Kinh nghiệm              | - Ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm thư ký hành chính trong lĩnh vực giáo dục.                                                                                                                                           |
| Yêu cầu bằng cấp         | - Tốt nghiệp đại học trở lên.                                                                                                                                                                                         |
| Yêu cầu khác             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành thạo tin học văn phòng;</li> <li>- Kỹ năng giao tiếp tốt;</li> <li>- Cần thận, chính xác;</li> <li>- Có tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng làm việc ngoài giờ.</li> </ul> |
| Hạn chót nộp hồ sơ       | 30 ngày kể từ ngày thông báo                                                                                                                                                                                          |

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Phòng TC-HC xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích và khảo sát nhu cầu của các đơn vị chuyển lên. Cụ thể, hàng năm Nhà trường xem xét công việc cụ thể được phân công và hoàn thành trong báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị, làm cơ sở đánh giá về khối lượng công việc được giao, mức độ hoàn thành để xác định kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm bổ sung nhân sự, giúp các đơn vị đáp ứng được nhu cầu hỗ trợ của các đơn vị và của Khoa [H7.07.02.03].

Nhà trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm các CB quản lý và nhân

viên theo đúng quy trình. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ. Cụ thể, tiêu chí quy định trong tuyển dụng, lựa chọn của Khoa KTCN bao gồm 05 tiêu chí chung theo quy định; các tiêu chí đặc điểm chuyên môn nghiệp vụ như: Năng khiếu, giới tính, các chứng chỉ quản lý, trình độ đào tạo trên chuẩn của vị trí tuyển dụng; 02 tiêu chí tuyển chọn CBNV, kỹ thuật viên.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được quy định rõ trong quyết định số 157/QĐ-ĐHPT về việc Ban hành Quy trình tuyển dụng và quản lý nhân viên Trường ĐHPT bao gồm:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng;
- Trình độ chuyên môn: Đúng chuyên ngành, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng;
- Trình độ ngoại ngữ: Bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Trình độ tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;
- Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp với vị trí dự tuyển;
- Có đủ sức khỏe làm việc, ngoại hình cân đối;
- Chữ viết rõ ràng; không nói ngọng, nói lắp.

Các bước tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình được ban hành [H7.07.02.04]. Dựa trên kế hoạch phát triển đội ngũ của Khoa, Nhà trường sẽ xác định định mức tuyển dụng hàng năm căn cứ trên kế hoạch tuyển dụng và phát triển của Trường [H7.07.02.05]. Việc sắp xếp, bố trí đội ngũ nhân viên được tùy thuộc theo yêu cầu của công việc và có đánh giá thi đua - khen thưởng cuối năm [H7.07.02.06].

Ngoài ra, Phòng TC-HC còn dựa vào các báo cáo phân tích dữ liệu phản hồi từ các BLQ về đội ngũ nhân viên hỗ trợ và dựa vào báo cáo tổng kết cuối năm của các đơn vị để xây dựng các tiêu chí tuyển dụng và điều chuyển nhân viên. Căn cứ trên chỉ tiêu về đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường và căn cứ trên đề nghị tuyển dụng của Lãnh đạo



Khoa, Phòng TC-HC sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa. Việc điều chuyển nhân sự giữa các bộ phận trong Trường được Phòng TC-HC thực hiện tùy theo nhu cầu của các đơn vị và năng lực cá nhân của từng NV [H7.07.02.07].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể CBGVNV và được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường. Tất cả nội dung về tuyển dụng được thông báo công khai về tiêu chuẩn, số lượng, hình thức thi tuyển trên website Trường, qua hệ thống Email, website của Phòng TC-HC và trên các phương tiện truyền thông khác như báo giấy, báo điện tử... Việc bổ nhiệm, điều chuyển NV được Phòng TC-HC công bố bằng email nội bộ và qua các cuộc họp giao ban hàng tháng [H7.07.02.08]. Ngoài ra, để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Nhà trường còn thành lập Hội đồng tuyển dụng và cập nhật nhân sự phù hợp thực tế hoạt động theo từng năm học, đặc biệt trong Hội đồng này có đại diện của lãnh đạo Khoa. Kết quả tuyển dụng được báo cho ứng viên biết và công bố công khai sau khi ứng viên được Hội đồng đồng ý tuyển dụng [H7.07.02.09].

Số lượng NV được tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm hàng năm được phổ biến công khai cho đội ngũ GV, NV trong Nhà trường được biết. Các chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV được Nhà trường công bố công khai trên website của trường, các phương tiện thông tin đại chúng và được niêm yết tại Phòng TC-HC [H7.07.02.10]. Để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập. Sau khi có kết quả tuyển dụng, Phòng TC-HC có trách nhiệm niêm yết và công bố theo đúng quy định. Khi đã trúng tuyển, ứng viên phải trải qua thời gian tập sự theo quy định. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự và đạt được các yêu cầu của Nhà trường, người tập sự sẽ được chính thức nhận việc [H7.07.02.11].

## *2. Điểm mạnh:*

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Các tiêu chí tuyển dụng của Trường được xác định rõ ràng, minh bạch và công khai, đảm bảo mọi CBGVNV được lựa chọn đều đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyên môn và tiêu chuẩn chất lượng. Quy trình tuyển dụng và phân công nhiệm vụ được tổ chức bài bản, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và phát huy năng lực cá nhân. Nhờ có quy trình

tuyển dụng chặt chẽ, Khoa KTCN đã tuyển được đội ngũ CBGVNV có trình độ chuyên môn cao, mọi vị trí tuyển dụng đều tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chí do Trường ban hành, góp phần duy trì chất lượng đào tạo và quản lý chuyên môn hiệu quả.

### 3. Điểm tồn tại:

Mặc dù các thông báo tuyển dụng của Trường được công khai rộng rãi, tuy nhiên số lượng ứng viên nộp hồ sơ trong các đợt tuyển dụng vẫn còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do Trường nằm ở địa phương, chưa phải trung tâm kinh tế - giáo dục lớn nên chưa thực sự thu hút được nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao. Phần lớn nhân sự chất lượng cao hiện nay vẫn tập trung tại các thành phố lớn.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị, người thực hiện        | Thời gian thực hiện/hoàn thành         | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | - Nhà trường cần có về chính sách ưu đãi và cam kết trong tuyển dụng. Tăng cường truyền thông về thông tin tuyển dụng;<br>- Các Khoa, phòng ban tích cực giới thiệu nguồn nhân lực chất lượng cao cho trường xem xét tuyển dụng. | BGH;<br>P.TC-HC;<br>Các đơn vị | Thường xuyên<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | - Tiếp tục xây dựng các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng và có quy hoạch lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển và phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông.                                                                | BGH;<br>P.TC-HC;<br>Các đơn vị | Thường xuyên<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

### ***Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.***

#### 1. Mô tả hiện trạng:

Tại Trường ĐHPT công tác đánh giá năng lực đội ngũ CBGVNV nói chung và đội ngũ nhân sự của Khoa KTCN nói riêng, được thực hiện một cách bài bản, có hệ thống và minh bạch. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và ban hành các văn bản chính thức quy định rõ ràng về quy trình và tiêu chí đánh giá năng lực, bao gồm trình độ chuyên

môn, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm và kết quả thực hiện công việc. Các quy định này được phổ biến công khai tên hệ thống hoạch định nguồn nhân lực, đặc biệt là trong Đề án Vị trí việc làm và Quy chế về công tác thi đua khen thưởng của Trường **[H7.07.03.01]**.

Việc đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên được thực hiện dưới nhiều cấp và theo đúng quy trình: Từ tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá qua cuộc họp tổng kết năm học và bỏ phiếu bầu chọn danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua. Trường các đơn vị dựa vào các kết quả trên để đánh giá xếp loại lao động và cuối cùng là phần đánh giá của Hội đồng đánh giá Nhà trường **[H7.07.03.02]**.

Tùy vào từng vị trí công việc cụ thể mà Nhà trường có những quy định, tiêu chí đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ, năng lực cũng như các kỹ năng cần thiết. Đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà trường, các GV kiêm nhiệm công việc CVHT luôn có giờ trực công việc cụ thể (2 buổi/tuần) **[H7.07.03.03]**.

Để có thể xác định, phân loại được năng lực của đội ngũ NV bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các BLQ, hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ của CB-GV-NV được Nhà trường xây dựng là một quá trình gồm các bước từ xác định nội dung, mục tiêu công việc đến theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện công việc giữa các BLQ và NV nhằm đảm bảo các nhiệm vụ và mục tiêu công việc được thực hiện thành công, đóng góp vào mục tiêu chung của Trường. Nội dung này được thực hiện hiệu quả sẽ là một trong những công cụ giúp Nhà trường lựa chọn được nguồn nhân lực ưu tú, trả lương hiệu quả, công bằng, kích thích được năng suất lao động. Hệ thống quản lý việc thực hiện công việc của Trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm tổng hợp bảng đánh giá hiệu quả công việc của CB-GV-NV hàng năm **[H7.07.03.04], [H7.07.03.05]**.

Tại Khoa KTCN đội ngũ nhân viên hỗ trợ luôn được ghi nhận có tinh thần trách nhiệm cao, nhiều năm liền đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, có cá nhân đạt Chiến sĩ thi

đưa cấp cơ sở và được xét nâng lương trước thời hạn. Đây là sự ghi nhận xứng đáng từ Khoa và Nhà trường đối với những đóng góp thiết thực của đội ngũ **[H7.07.03.06]**.

Tuy nhiên, đội ngũ NV chưa tham gia nhiều trong công tác PVCD. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích dành riêng cho CBNV hỗ trợ trong việc tham gia NCKH. Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn thực hiện việc đánh giá chất lượng công việc và phân loại thi đua cho các cán bộ hỗ trợ nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức; Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Ngoài hệ thống đánh giá năng lực NV theo quy trình của Nhà trường, mức độ đáp ứng đội ngũ NV các đơn vị còn được đánh giá bởi GV và SV hàng năm do Phòng KT- ĐBCL-TT&PC tổ chức khảo sát độc lập **[H7.07.03.07]**. Kết quả khảo sát cho thấy sự nhất trí cao với CBGVNV đánh giá công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên là phù hợp. Bên cạnh đó, trước khi ban hành chính thức các quy định, quy trình, quy chế, thì Nhà trường luôn phổ biến rộng rãi cho CBGVNV thông qua hệ thống email nội bộ của Trường gửi các văn bản dự thảo, nhằm tổ chức lấy ý kiến của tất cả CBGVNV trong trường góp ý cho các quy chế, quy định đã ban hành để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp **[H7.07.03.08]**.

## *2. Điểm mạnh:*

Nhà trường đã xây dựng quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực cho đội ngũ nhân viên, bao gồm các tiêu chí về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và mức độ hài lòng của các BLQ. Việc đánh giá được thực hiện định kỳ, có phân loại năng lực đội ngũ và đảm bảo tính công bằng, minh bạch thông qua nhiều bước, từ tự đánh giá đến thẩm định và ra quyết định của Hội đồng Thi đua - khen thưởng hàng năm..

## *3. Điểm tồn tại:*

Đội ngũ NV chưa tham gia nhiều trong công tác PVCD. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích dành riêng cho CBNV hỗ trợ trong việc tham gia NCKH. Nhà trường đã triển khai việc khảo sát ý kiến từ NH và CBGVNV.

## *4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện                        | Thời gian thực hiện/ hoàn thành    | Ghi chú |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Cải tiến các chính sách cũng như các quy định nhằm động viên khuyến khích đội ngũ CBNV hoàn thành nhiệm vụ, làm tốt vai trò hỗ trợ cho công tác đào tạo, đồng thời tích cực tham gia PVCD và NCKH nếu có thể. | BGH;<br>P.TC-HC;<br>P.KHTC                     | Từ năm học 2025-2026               |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Duy trì hoạt động đánh giá, phân loại năng lực đội ngũ CBNV một cách công bằng, công khai thông qua các bước đánh giá nhiều cấp và qua ý kiến đánh giá của NH và GV về đội ngũ NV.                            | P. TC-HC;<br>KhoaKTCN;<br>P.KT- ĐBCL-<br>TT&PC | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

##### *1. Mô tả hiện trạng:*

Công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của CBNV hỗ trợ của Nhà trường được thực hiện một cách có tổ chức và có kế hoạch [H7.07.04.01]. Nhà trường đã triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên căn cứ vào kết quả đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên [H7.07.04.02].

Ngoài các chính sách hỗ trợ CBGVNV nâng cao chuyên môn nghiệp vụ đã được nêu rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ; Nhà trường còn hỗ trợ tìm học bổng và thực hiện các thủ tục cần thiết đối với CBGVNV cơ hữu có nguyện vọng và năng lực theo học các chương trình đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ theo chương trình học bổng trong hoặc ngoài nước. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, CBGVNV sẽ được tiếp nhận và bố trí công tác tại đơn vị cũ hoặc bổ nhiệm vào các vị trí cao hơn, đồng thời được hưởng các chế độ đãi ngộ tương đương học hàm, học vị mới. Thời gian theo học các chương trình này được tính vào thâm niên công tác tại Trường [H7.07.04.03].

Mặt khác, trong các Chỉ tiêu chất lượng của Khoa có rà soát các chứng chỉ của CBNV, ai chưa đủ thì đề xuất bắt buộc, ai có mong muốn học lên thì lập danh sách nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng của NV. Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và tạo điều kiện cho đội ngũ NV hỗ trợ được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với từng vị trí công tác của NV như nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ quản lý và sử dụng phần mềm quản lý, ... **[H7.07.04.04]**.

Trong 5 năm qua, các cán bộ của Nhà trường nói chung, của Khoa KTCN nói riêng thường xuyên được Nhà trường và Khoa cử tham gia các đợt học tập, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ ngay tại trường hoặc tại các tỉnh/thành phố khác **[H7.07.04.05]**.

Để xác định đúng nhu cầu đào tạo Nhà trường đã tiến hành điều tra tổng thể trình độ và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ, thực hiện phân tích nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm. Cụ thể, vào đầu năm học, đội ngũ NV các đơn vị đăng ký đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng về nhu cầu phát triển nhân lực của đơn vị và Nhà Trường. Các đơn vị tiếp nhận, tổng hợp và báo cáo về Phòng TC-HC tập hợp, phân tích nhu cầu và đưa vào kế hoạch công tác năm học **[H7.07.04.06]**.

Phòng TC-HC triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV dựa trên các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm được phê duyệt với các hình thức đào tạo bồi dưỡng sau: (i) Đào tạo tại chỗ: về nội quy, chính sách, lề lối làm việc, phương pháp giảng dạy; (ii) Đào tạo nội bộ: các lớp Anh văn giao tiếp, vi tính văn phòng, các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian...); (iii) Đào tạo chuyên sâu: do Phòng TC-HC chủ động liên hệ hoặc tiếp nhận thông tin đào tạo của các tổ chức bên ngoài về các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù hoặc SDH; (iv) Tự đào tạo chuyên sâu: do cá nhân CB-GV-NV có nhu cầu theo học các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù hoặc SDH và nộp chứng chỉ, chứng nhận về Phòng TC-HC sau mỗi khóa đào tạo **[H7.07.04.06]**, **[H7.07.04.07]**. Đối với các NV trẻ mới tuyển dụng được Phòng TC-HC gửi về các đơn vị thử việc 2 tháng, việc đánh giá nhân sự mới một phần được dựa trên đánh giá nhận xét của đơn vị mà NV về thực tập. Riêng đối với GV mới sẽ có thời gian 1 năm tập sự, hết thời gian tập sự phòng TC-HC sẽ thành lập hội đồng đánh giá nhận xét và quyết định GV có đủ khả năng để tiếp tục giảng dạy và

NCKH hay không **[H7.07.04.08]**.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch phân bổ ngân sách cho các hoạt động năm học trong đó có ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ NV. Nhà trường cũng đã ban hành các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân sự trong đó thể hiện rõ các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài; chính sách hỗ trợ kinh phí cho CBGVNV tham gia các CTĐT trong và ngoài nước. Cụ thể, đối với CBGVNV được Trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng (trong nước hoặc nước ngoài): Được bố trí nghỉ làm việc để đi học theo lịch của cơ sở đào tạo; Được Trường hỗ trợ tiền học phí (nếu có); Trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng CBGVNV được hưởng tiền lương và các chế độ khác theo các quy định hiện hành của Trường **[H7.07.04.09]**.

Tuy nhiên, công tác và cơ chế hỗ trợ cho CBGVNV trong việc học tập và nâng cao trình độ chuyên môn tại Trường vẫn chưa thực sự tạo được động lực, do còn mang nặng tính tự túc từ phía cá nhân CBGVNV.

## *2. Điểm mạnh:*

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ NV và CB hỗ trợ. Căn cứ nhu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV, Phòng TC-HC có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và triển khai kế hoạch để đáp ứng nhu cầu của đội ngũ này.

## *3. Điểm tồn tại:*

Công tác và cơ chế hỗ trợ cho CB NV học tập nâng cao trình độ của Nhà trường chưa đủ kích thích CB NV vì còn mang tính tự túc từ CBGV.

## *4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                     | Đơn vị, người thực hiện       | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | Xây dựng và tổ chức thêm nhiều hoạt động, khóa tập huấn, đồng thời có cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ NV và CB hỗ trợ có thể | BGH;<br>P.TC-HC;<br>Khoa KTCN | Từ năm học 2025-2026           |         |

|   |                    |                                                                                                                              |                        |                       |  |
|---|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|--|
|   |                    | tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.                                                                  |                        |                       |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục rà soát và xác định nhu cầu về việc nâng cao chuyên môn của đội ngũ NV và CB hỗ trợ để có kế hoạch đào tạo phù hợp. | P. TC-HC;<br>Khoa KTCN | Từ năm học 2025-2026) |  |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD***

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ này, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Hệ thống các quy định, quy chế này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học [H7.07.04.10].

Các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương đã giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Hàng năm, vào những ngày lễ lớn (*Ngày thành lập trường, ngày Khai giảng, ngày Hiến chương Nhà giáo 20/11 và Tổng kết năm học...*) Nhà trường tổ chức khen thưởng những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong công tác các cấp (*Trường, thành phố, trung ương,...*). Điều đó chính là yếu tố động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích cực hơn trong công tác, sẵn sàng đóng góp công sức cho hoạt động của Khoa KTCN và Nhà trường [H7.07.04.11].

Ngoài việc công nhận và khen thưởng, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước hạn đối với các nhân viên đạt được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua các Cấp nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ NV phấn đấu hoàn thành thành xuất sắc nhiệm vụ được giao qua từng năm học [H7.07.05.12].



Để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ của đội ngũ NV hỗ trợ, tất cả nhân viên hỗ trợ của Khoa đều có kế hoạch cụ thể, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành... Từ đó, nhân viên hỗ trợ có thể cập nhật các kế hoạch cá nhân để tạo thành kênh theo dõi, giám sát của Nhà trường. Nhà trường và Lãnh đạo Khoa KTCN đã triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên các quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công, dựa trên kế hoạch công tác cá nhân mà mỗi nhân viên đã xây dựng **[H7.07.05.13]**. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; Mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; Đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường và mức độ tham gia các hoạt động khác từ theo dõi của Phòng TC-HC, thông tin ghi nhận và báo cáo của Ban Thanh tra; Phòng QLĐT, thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, kết quả tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của Lãnh đạo Khoa KTCN, Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường đánh giá hiệu quả công việc của mỗi nhân viên hỗ trợ **[H7.07.04.14]**.

Nhằm đạt sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ nhân viên trong Nhà trường về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác, trước khi ban hành các văn bản quy định chính thức, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của tất cả CBGVNV trong trường góp ý cho các quy chế quy định đã ban hành để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp. Khoa KTCN cũng thường xuyên có các buổi họp định kỳ để lấy ý kiến một cách dân chủ, làm cơ sở đề xuất với Nhà trường các kiến nghị của Khoa về đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Qua đó tất cả nhân viên đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Điều đó giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin khách quan xây dựng các quy chế quy định giúp Nhà trường quản trị kết quả công việc của CBGVNV được hiệu quả **[H7.07.04.15]**.

Kết quả đánh giá các cấp được công khai tại các buổi họp và trên tài khoản cá nhân của nhân viên. Các danh hiệu thi đua khen thưởng được đăng tải trên email nội bộ của Trường. Vì vậy, 100% nhân viên Khoa KTCN hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường. Tính đến thời điểm này, chưa có trường hợp nào của nhân viên Khoa khiếu nại về kết quả đánh giá hoặc xét thi đua khen thưởng.

## *2. Điểm mạnh:*

Khoa, Trường có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ NV hỗ trợ, có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ và có chính sách khen thưởng kịp thời và minh bạch. Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. 100% NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc.

### 3. Điểm tồn tại:

Chỉ tiêu khen thưởng, danh hiệu thi đua hàng năm còn hạn chế, nên số lượng nhân viên đạt các danh hiệu thi đua còn ít, các hình thức khen thưởng cho đối tượng này chưa được đa dạng, chưa tạo động lực để đội ngũ CBNV tham gia hỗ trợ nhiều hơn nữa cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Các tiêu chí đánh giá chất lượng công việc còn nhiều điểm chưa lượng hóa được mức độ cụ thể hoàn thành công việc vì nhân viên có nhiều nhiệm vụ, chức năng khác biệt nhau.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị, người thực hiện           | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường cần có chính sách động viên, khen thưởng cho những nhân viên đạt thành tích cao trong việc hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCD bằng cách tăng chỉ tiêu khen thưởng cho các đối tượng này và có các hình thức khen thưởng đa dạng hơn;</li> <li>- Hoàn thiện bộ tiêu chuẩn đánh giá CBNV theo hướng định lượng phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của Trường, nghiên cứu kết hợp giữa việc đánh giá kết quả công việc với ưu tiên phát triển đội ngũ về chuyên môn.</li> </ul> | P.TC-HC;<br>P.KH-TC;<br>Khoa KTCN | Từ năm học 2025-2026            |         |
| 2  | Phát huy          | Tiếp tục rà soát và thực hiện đầy đủ thường xuyên quy định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | P.TC-HC;<br>P.KH-TC;              | Từ năm học 2025-2026            |         |

| TT | Mục tiêu  | Nội dung                                                                                                                                                                   | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
|    | điểm mạnh | về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, gồm cả các quy định về khen thưởng và công nhận hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. | Các đơn vị              |                                 |         |

***Kết luận về Tiêu chuẩn 7:***

***Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:***

Căn cứ nhu cầu và dự báo nguồn nhân lực hỗ trợ, Nhà trường và Khoa đã lập kế hoạch, tuyển dụng, thu hút đội ngũ NV hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Đội ngũ NV hỗ trợ của Trường có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về tuyển dụng của Nhà trường đã được công bố công khai. Trường, Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho CB hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ NV được thực hiện định kỳ hằng năm một cách công bằng và đúng theo quy định.

***Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:***

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều. Công tác và cơ chế hỗ trợ cho CBNV học tập nâng cao trình độ của Nhà trường chưa đủ khích lệ CBNV vì còn mang tính tự túc từ phía CBNV. Đội ngũ NV chưa tiên phong trong công tác PVCĐ. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích cho CBNV tham gia NCKH.

***Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:***

Căn cứ kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí, trong đó cả 05 tiêu chí đều đạt mức 4/7 điểm.

**Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

**Mở đầu:**

NH là trung tâm của các hoạt động GD&ĐT. Với quan điểm “*Lấy NH làm trung tâm*” và mục tiêu đào tạo hướng tới phục vụ NH, trong những năm qua, Khoa đã ưu

tiên, chú trọng đặc biệt đến NH. Khoa luôn chủ động và phối hợp với Trường trong tất cả các hoạt động có liên quan tới NH và hỗ trợ NH như: Hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy chế, quy định về đào tạo; Đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách, điều kiện hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, khám sức khỏe, an toàn trong học tập và sinh hoạt...; Thực hiện hiệu quả công tác tư vấn, hỗ trợ học tập, đạo đức và lối sống. Sự kết hợp giữa chuyên môn với các tổ chức đoàn thể đã hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho NH; Có biện pháp cụ thể, tác động tích cực để hỗ trợ NH; Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách, các nội quy của Trường cho NH; Hỗ trợ có hiệu quả nhằm tăng tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo; NH có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm; Tham gia hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy và đào tạo của Khoa.

Chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH là điều kiện cơ bản nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định uy tín của Khoa cũng như Trường trong đào tạo và NCKH. NH đã và đang phát huy truyền thống của Khoa và Trường, góp phần đưa Trường ĐHPT trở thành một trường ĐH có chất lượng cao trong hệ thống các trường ĐH trong cả nước.

***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.***

***1. Mô tả hiện trạng:***

Trước mỗi năm tuyển sinh, Trường ĐHPT đều xây dựng kế hoạch, chính sách cũng như truyền thông cho công tác tuyển sinh. Đề án, thông tin tuyển sinh của Trường được xây dựng, ban hành dựa trên các quy định của Nhà nước và quy chế của Bộ GD&ĐT. Công tác tuyển sinh của Khoa gắn liền với công tác tuyển sinh chung của Trường nên hoạt động tuyển sinh được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo quy định chung của Bộ GD&ĐT và Trường về chất lượng đầu vào. Trong thông tin tuyển sinh và Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường, chính sách tuyển sinh của Trường luôn xác định rõ ràng về chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, quy trình xét tuyển, đối tượng ưu tiên,... **[H8.08.01.01]**. Đặc biệt, hằng năm trước khi xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh, Nhà trường tổ chức các cuộc họp phân tích kết quả tuyển sinh năm trước, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực năm tới (phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của cơ sở giáo dục, phù

hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương) để xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh riêng **[H8.08.01.02]**.

Trong những năm qua, phương thức xét tuyển của Nhà trường cũng có những thay đổi linh hoạt. Cụ thể, Năm 2015, trường xây dựng có 02 phương thức xét tuyển gồm: (1) Xét tuyển kết quả thi THPT Quốc gia; (2) Xét tuyển học bạ THPT. Tuy nhiên, từ năm 2020 đến nay, thực hiện đổi mới trong việc tổ chức thi và xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHPT đã xây Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ĐH theo 02 phương thức xét tuyển nói trên và đã mở rộng thêm một phương thức xét tuyển là dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức. Những thay đổi này giúp đa dạng hóa cơ hội tuyển sinh, đảm bảo tính linh hoạt trong việc xét tuyển và tuyển chọn SV phù hợp với từng ngành đào tạo nói chung và của ngành KTCN riêng **[H8.08.01.03]**.

Các thông tin về tuyển sinh được trường và Khoa công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Trường, trong các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và các tỉnh lân cận do Trường tổ chức. Thông qua các buổi tư vấn tuyển sinh, các cán bộ tư vấn tuyển sinh của Trường, của Khoa sẽ cung cấp thông tin thông qua các tài liệu như: Đề án tuyển sinh, thông tin tuyển sinh, tờ rơi Thông tin tuyển sinh hoặc tư vấn trực tiếp cho học sinh để làm rõ hơn về các quy định, điều kiện và hình thức tuyển sinh của Trường cũng như các thông tin cần biết về các ngành đào tạo của Trường trong đó có ngành KTXD, giúp phụ huynh và thí sinh có thêm thông tin về các ngành học, chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng ưu tiên, quy trình xét tuyển,.. của Trường. Từ đó, thí sinh sẽ lựa chọn được ngành học phù hợp với sở trường của bản thân và nhu cầu của thị trường lao động. Thông qua hoạt động tư vấn tuyển sinh, Trường cũng nắm bắt được nhu cầu của NH đối với các ngành đào tạo từ đó có thêm thông tin để xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tổ hợp môn thi xét tuyển cho các ngành. Các thông tin có được từ hoạt động tuyển sinh sẽ được Ban tuyển sinh tổng hợp, phân tích và tham mưu cho Hội đồng tuyển sinh xây dựng Đề án tuyển sinh hàng năm. Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội, Trường chú trọng đẩy mạnh truyền thông hình ảnh của Trường cũng như thông tin chi tiết về các ngành đào tạo trong đó có ngành KTXD trên mạng xã hội để thí sinh và phụ huynh có thêm kênh

thông tin để tìm hiểu về chính sách tuyển sinh của Trường đối với các ngành đào tạo **[H8.08.01.04], [H8.08.01.05], [H8.08.01.06], [H8.08.01.07]**.

Kết thúc năm tuyển sinh, việc phân tích các số liệu tuyển sinh như chỉ số phân tích về điểm trúng tuyển, chỉ số trúng tuyển theo ngành luôn được đưa vào Báo cáo kết quả tuyển sinh để làm căn cứ cho thực hiện và triển khai kế hoạch các năm tiếp theo **[H8.08.01.07], [H8.08.01.08], [H8.08.01.09]**.

Chính sách tuyển sinh được Nhà trường xây dựng theo đúng các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, dựa trên sự góp ý của các BLQ, phân tích tình hình tuyển sinh, nhập học của năm trước và tình hình tuyển sinh chung từ đó dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cần tuyển. Trước các kỳ tuyển sinh, Nhà trường đã dựa vào dự báo nhu cầu về nhân lực của từng ngành nghề để có chính sách tuyển sinh phù hợp. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã tổ chức ngày hội việc làm, gặp mặt các cựu SV, NTD để lắng nghe ý kiến đóng góp về CTĐT, về các kỹ năng SV cần phải có, về nhu cầu nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp hiện nay **H8.08.01.10], [H8.08.01.11], [H8.08.01.12], [H8.08.01.13]**.

Đồng thời, sau khi kết thúc mỗi năm tuyển sinh Hội đồng tuyển sinh luôn có các cuộc họp rút kinh nghiệm, có báo cáo tổng kết tuyển sinh để thực hiện các đợt tuyển sinh năm sau tốt hơn **[H8.08.01.14]**.

## *2. Điểm mạnh:*

Chính sách tuyển sinh của Trường được thực hiện theo đúng Quy chế của Bộ GD&ĐT. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai trên các phương tiện thông tin của Nhà trường như website, Fanpage của Trường và được cập nhật hằng năm. Công tác tuyển sinh của Nhà trường, đặc biệt là ngành KTXD, được triển khai theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, đảm bảo số lượng thí sinh phù hợp và không ngừng nâng cao chất lượng tuyển sinh.

## *3. Điểm tồn tại:*

Mặc dù Trường/Khoa đã tích cực đẩy mạnh công tác tuyển sinh và áp dụng nhiều hình thức xét tuyển đa dạng, linh hoạt. Tuy nhiên, số lượng thí sinh dự tuyển và đăng ký nhập học vẫn còn thấp so với mặt bằng chung.

## *4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện                 | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tăng cường công tác tuyển sinh đối với ngành KTXD, triển khai các giải pháp truyền thông và tư vấn hiệu quả nhằm thu hút nhiều thí sinh đăng ký xét tuyển hơn trong các kỳ tuyển sinh tiếp theo.                                                                                                                                              | P.QLĐT;<br>Ban tuyển sinh;<br>Khoa KTCN | Hàng năm<br>(Từ năm 2025-2026) |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | - Nhà trường thực hiện cập nhật định kỳ các quy định liên quan đến tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành;<br>- Tiếp tục cải tiến chính sách tuyển sinh, cập nhật thông tin và hình ảnh trên các nền tảng chính thức của trường và Khoa, đồng thời triển khai các chiến lược thu hút NH một cách hệ thống. | P.QLĐT; Ban tuyển sinh;<br>Khoa KTCN    | Hàng năm<br>(Từ năm 2025-2026) |         |

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

**Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá.**

##### 1. Mô tả hiện trạng:

Mỗi năm, BGH tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Tuyển sinh nhằm xác định tiêu chí lựa chọn thí sinh, phương thức thi hoặc xét tuyển, cũng như cách thức tuyển chọn phù hợp cho từng chương trình đào tạo. Dựa trên quy chế tuyển sinh do Bộ GD&ĐT ban hành và dữ liệu báo cáo từ Phòng QLĐT, Nhà trường tiến hành phân tích kết quả tuyển sinh của năm trước, đồng thời dự báo nhu cầu nhân lực trong năm tới, đảm bảo định hướng phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của cơ sở giáo dục và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong giai đoạn 2020-2025, trường triển khai tuyển sinh theo 03 phương thức: (1) Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT; (2) Xét tuyển theo điểm thi THPT Quốc gia; (3) Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. HCM tổ chức. Từ báo cáo của P.QLĐT các cuộc họp xây dựng đề án tuyển sinh cũng phân tích tỷ lệ nhập học theo từng phương thức, đồng

thời đưa ra các đề xuất về phân bổ chỉ tiêu xét tuyển giữa các hình thức. Bên cạnh đó, dựa trên các ý kiến đóng góp từ các BLQ, Nhà trường xây dựng chính sách và đề án tuyển sinh riêng, đảm bảo các tiêu chí và phương pháp lựa chọn thí sinh phù hợp với từng phương thức xét tuyển [H8.08.01.01], [H8.08.01.02], [H8.08.01.14], [H8.08.01.06], [H8.08.01.10], [H8.08.01.11], [H8.08.02.01].

Hàng năm, dựa trên quy chế tuyển sinh và quy định xác định chỉ tiêu của Bộ GD&ĐT cùng với nhu cầu của xã hội, Nhà trường xác định và công bố chỉ tiêu tuyển sinh Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh của ngành KTXD cũng như của Nhà trường được xác định rõ ràng trong chương trình đào tạo và chính sách tuyển sinh, với quy trình thi tuyển và xét tuyển minh bạch [H8.08.01.03].

Nhà trường đã xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó kết hợp đồng thời 03 phương thức xét tuyển. Để phù hợp với nhu cầu của Nhà trường, phụ huynh, học sinh và đặc thù địa phương, trường thực hiện điều chỉnh và bổ sung đề án tuyển sinh hàng năm, thay đổi tổ hợp môn, cũng như điều chỉnh tỷ lệ xét tuyển. Trong năm 2024, Nhà trường áp dụng phân bổ xét tuyển như sau: 25% xét theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, 70% xét theo học bạ THPT và 5% xét theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. HCM tổ chức. Tiêu chí xét tuyển theo từng phương thức:

- Phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước khi nhập học; và thí sinh có điểm đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng do Trường ĐHPT quy định.

- Phương thức xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT: Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông trước khi nhập học và thí sinh đạt được một trong số các tiêu chí sau:

- Điểm trung bình của cả năm học lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên;
- Điểm trung bình 3 môn thuộc nhóm môn (Khối) xét tuyển của cả năm học lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên;
- Điểm trung bình của cả năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên;



- Điểm trung bình 3 môn thuộc nhóm môn (Khối) xét tuyển của năm học lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên;
- Điểm trung bình học kỳ 1 lớp 11, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên;
- Điểm trung bình 3 môn thuộc nhóm môn (khối) xét tuyển của học kỳ 1 lớp 11, học kỳ 2 lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên.
- Phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi ĐGNL do Đại học quốc gia TP.HCM tổ chức: Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông; Thí sinh đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức và có kết quả đạt từ mức điểm xét tuyển do Trường ĐHPT quy định.

Với sự đa dạng về phương thức xét tuyển và điều kiện xét tuyển tạo điều kiện để thí sinh có cơ hội trúng tuyển vào Trường và ngành. Khi chưa tuyển đủ chỉ tiêu, Nhà trường sẽ ban hành thông báo tuyển sinh cho các đợt tiếp theo thông qua tất cả các kênh thông tin. Điểm chuẩn của từng đợt xét tuyển bổ sung có thể thay đổi để phù hợp với tình hình số lượng và chất lượng thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển. Nhằm thu hút những học sinh THPT khá, giỏi tham gia học tập tại trường, Nhà trường đưa ra chính sách học bổng: (1) Học sinh khá: được giảm 50% học phí học kỳ I năm nhất; (2) Học sinh giỏi: được giảm 100% học phí học kỳ I năm nhất. Đây là ưu điểm lớn trong công tác tuyển sinh và thu hút học sinh của Nhà trường [H8.08.01.04], [H8.08.01.06], [H8.08.02.02], [H8.08.02.03].

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh, hằng năm Nhà trường thực hiện quy trình rà soát, đánh giá và cải tiến tiêu chí cùng phương pháp tuyển chọn NH một cách thường xuyên. Mục tiêu trọng tâm là đảm bảo tuyển đúng và đủ chỉ tiêu đề ra, đồng thời lựa chọn được thí sinh có chất lượng phù hợp với từng ngành đào tạo. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Hội đồng Tuyển sinh tổ chức họp nhằm phân tích, đánh giá tình hình tuyển sinh của Nhà trường cũng như xu hướng chung trong cả nước, dựa trên các kết quả tổng hợp về công tác tuyển sinh và số lượng thí sinh nhập học. Hội đồng cũng xem xét các cơ hội và thách thức để rút kinh nghiệm và cải tiến phương thức tuyển sinh, từ việc xác định tổ hợp môn xét tuyển, phương pháp tuyển chọn, khu vực tuyển sinh, đến các hoạt động truyền thông. Từ các phân tích và đánh giá này, Hội đồng Tuyển sinh xây dựng kế hoạch

tuyển sinh cho khóa mới nhằm nâng cao hiệu quả, đạt đúng và đủ chỉ tiêu đề ra, đồng thời đáp ứng nguyện vọng của phụ huynh và học sinh. Nhà trường cũng lựa chọn các tổ hợp môn phù hợp với từng ngành học để xét tuyển, đảm bảo tính liên quan và yêu cầu tối thiểu đối với thí sinh **[H8.08.01.14]**, **[H8.08.01.07]**, **[H8.08.01.11]**.

Theo quy trình xét tuyển hàng năm **[H8.08.02.01]**, trước khi công bố mức điểm chuẩn cho từng ngành, Hội đồng Tuyển sinh sẽ họp thống nhất mức điểm chuẩn và thông báo rộng rãi trên các kênh thông tin của Nhà trường **[H8.08.01.14]**. Chẳng hạn, đối với phương thức xét tuyển bằng học bạ THPT, thí sinh phải đảm bảo đạt mức điểm tối thiểu theo yêu cầu. Ngưỡng điểm này được Hội đồng nghiên cứu, tổng hợp và phân tích dựa trên nhiều yếu tố nhằm xác định mức điểm phù hợp với từng chương trình đào tạo. Trên cơ sở đề án tuyển sinh và chỉ tiêu được giao, đối với các ngành chưa đạt đủ số lượng tuyển sinh, Nhà trường sẽ ban hành thông báo tuyển sinh bổ sung thông qua tất cả các kênh thông tin **[H8.08.01.08]**, **[H8.08.01.09]**.

Hàng năm, Nhà trường không ngừng rà soát, đánh giá, cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, dựa trên các kết quả tổng kết, số lượng thí sinh nhập học, HĐTS sẽ tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình của Nhà trường và trên cả nước, phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến các tiêu chí tuyển (các tổ hợp môn xét tuyển), phương pháp tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông... **[H8.08.02.08]**. Trên cơ sở này xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho khóa mới hoàn chỉnh hơn, nhằm đạt kết quả tốt hơn, đúng và đủ chỉ tiêu, kịp thời đáp ứng nguyện vọng của phụ huynh và học sinh có cơ hội vào đại học.

Ngoài ra, sau khi trúng tuyển, SV có cơ hội tham gia buổi gặp mặt đầu năm với Lãnh đạo Khoa, Trợ lý và giảng viên, nơi các em được giới thiệu về ngành học, định hướng nghề nghiệp, chương trình đào tạo, phương pháp học tập đại học và các yêu cầu về chuẩn đầu ra. Bên cạnh đó, thông qua các hoạt động gặp gỡ giữa cựu SV và doanh nghiệp trong ngày hội việc làm, Nhà trường cũng tiếp nhận những đóng góp về các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV đầu vào, qua đó điều chỉnh kế hoạch tuyển sinh và đào tạo sao cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn của xã hội, giúp thu hút nhiều SV theo học **[H8.08.02.05]**, **[H8.08.02.06]**, **[H8.08.01.12]**.

## 2. Điểm mạnh:

Nhà trường và Khoa triển khai các chính sách tuyển sinh phù hợp, tuân thủ chặt chẽ quy chế tuyển sinh do Bộ GD&ĐT ban hành, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh khi đăng ký xét tuyển, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và khách quan. Các tiêu chí cùng phương thức tuyển chọn được công khai rộng rãi, giúp xã hội và thí sinh dễ dàng theo dõi, giám sát quá trình tuyển sinh.

## 3. Điểm tồn tại:

Trường chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh một cách bài bản.

## 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị, người thực hiện           | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Nhà trường và Khoa KTCN sẽ tổ chức khảo sát thêm ý kiến các BLQ khác là phụ huynh học sinh về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh hàng năm.                                                                                  | P.QLĐT;<br>Ban TTTT,<br>Khoa KTCN | Hàng năm<br>(Từ năm 2025-2026) |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | - Tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh hàng năm theo đúng quy chế tuyển sinh với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH và phù hợp với ngành đào tạo;<br>- Công khai tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH trên các kênh thông tin truyền thông. | P.QLĐT;<br>Ban TTTT,<br>Khoa KTCN | Hàng năm<br>(Từ năm 2025-2026) |         |

## 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

**Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.**

### 1. Mô tả hiện trạng:

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ...Nhà trường phân công các đơn vị chuyên trách như Khoa KTCN, Phòng CTSV & HTDN và

Phòng QLĐT thực hiện các hoạt động hỗ trợ và giám sát sự tiến bộ của SV. Tại Khoa KTCN, các lực lượng chủ chốt gồm lãnh đạo Khoa, cố vấn học tập, thư ký Khoa và Ban Cán sự lớp đóng vai trò kết nối giữa Nhà trường với SV. Để nâng cao hiệu quả hoạt động, Nhà trường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho đội ngũ này qua từng năm học [H8.08.03.01], [H8.08.03.02], [H8.08.03.03], [H8.08.03.04], [H8.08.03.015].

Ban Cán sự lớp đảm nhiệm việc hỗ trợ công tác học tập, rèn luyện và các hoạt động sinh hoạt theo kế hoạch của Nhà trường và Khoa. Đồng thời, họ theo dõi tình hình SV, thường xuyên liên hệ và báo cáo với CVHT. CVHT tổ chức họp lớp định kỳ hàng tháng nhằm cập nhật thông tin, phổ biến quy định mới, giúp giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện. Để đảm bảo điều hành hiệu quả, Nhà trường còn phân công một Phó Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo công tác này trong toàn Trường. Nhằm theo dõi sự tiến bộ của SV, Nhà trường đã triển khai hệ thống giám sát chặt chẽ, bao gồm giám sát hoạt động đào tạo, học tập, xử lý học vụ, rèn luyện và ngoại trú [H8.08.03.06], [H8.08.03.07].

Ngoài hệ thống phần mềm quản lý, Nhà trường còn sử dụng nhiều kênh thông tin khác nhau để theo dõi tình hình học tập và rèn luyện. Cụm mỗi học kỳ, Phòng QLĐT thống kê kết quả học tập của SV, tính toán tỷ lệ SV bị điểm F trên tổng số SV, tỷ lệ này được tính toán theo từng môn học, từng học kỳ. Cùng với việc thống kê điểm Phòng QLĐT cũng trao đổi với các Khoa để lấy ý kiến, tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề học tập của SV. Phòng QLĐT cũng thống kê tình hình bỏ học để báo cáo cho BGH. Thông qua các cuộc họp giao ban của BGH, giao ban toàn trường, họp Khoa, các kết quả này được phân tích và tìm ra nguyên nhân. Tiếp theo đó, Phòng QLĐT cũng tổ chức các cuộc họp nhằm lấy ý kiến góp ý của các BLQ về giải pháp hạn chế tình trạng nghỉ học, cảnh báo học vụ. Về tình trạng nghỉ học do hoàn cảnh gia đình khó khăn, một số ý kiến đề xuất: Phòng QLĐT và Phòng CTSV&HTDN tìm kiếm thêm các nguồn học bổng cho SV nghèo vượt khó, tăng cường hỗ trợ SV trong các thủ vay vốn ngân hàng chính sách. Nhà trường và Khoa đã phối hợp thiết lập CTĐT với thời gian đào tạo SV ngành KTXD từ 4.5 năm xuống còn 4 năm để SV có cơ hội học đại học trong thời gian ngắn nhất có thể để SV yên tâm học ra trường sớm tránh tình trạng bỏ học vì thời gian đào tạo dài; Giúp NH nhận thức rằng việc học là vô cùng cần thiết, là điều bắt buộc, học

cho mình, học để có kiến thức, để biết, để làm và để sống...từ đó sẽ học một cách tích cực hơn [H8.08.03.08], [H8.08.03.09], [H8.08.03.10], [H8.08.03.11], [H8.08.03.12], [H8.08.03.13].

Cuối mỗi học kỳ, Phòng CTSV-HTDN gửi thông báo đến các Khoa về việc tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của SV theo 5 tiêu chí: ý thức học tập, chấp hành nội quy, tham gia hoạt động xã hội, trách nhiệm công dân và kết quả tham gia các tổ chức SV. CVHT họp lớp để đánh giá rèn luyện, sau đó Khoa thống kê danh sách và gửi lên Phòng CTSV-HTDN để tổng hợp báo cáo trong các cuộc họp giao ban [H8.08.03.11]. Nhà trường sử dụng hình thức điểm danh SV qua sổ theo dõi tình hình lên lớp, điểm chuyên cần và kết quả xử lý học vụ nhằm đánh giá quá trình học tập [H8.08.03.14]. Ngoài ra, hằng năm Nhà trường và Khoa cũng có tổ chức các buổi gặp gỡ SV nhằm lắng nghe phản hồi, chia sẻ kinh nghiệm học tập và tiếp nhận ý kiến đóng góp [H8.08.03.15].

Trường ĐHPT phát huy tính dân chủ và tích cực của NH thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu có kết quả đánh giá NH trong cả tiến trình học tập. Kết thúc mỗi HP, SV truy cập vào website Trường ĐHPT theo link: <http://pdt.upt.edu.vn/sinhvien/> đăng nhập vào tài khoản mật khẩu Trường ĐHPT đã cung cấp để xem điểm. Đồng thời, SV phải hoàn thành phiếu khảo sát đánh giá môn học. Dựa trên những đánh giá của SV, Nhà trường xây dựng những kế hoạch để cải tiến chất lượng đào tạo trong những môn học sau. Ngoài ra, SV còn có thể bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình thông qua các kênh Facebook, trang Fanpage Trường ĐHPT <https://www.facebook.com/upt.edu.vn/> qua Zalo, Email ĐHPT. Trường luôn luôn chú trọng về chất lượng đầu ra của SV, cũng như tích cực tổ chức các hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV thông qua website liên kết với doanh nghiệp cũng như các KH tổ chức ngày hội việc làm cho SV năm cuối [H8.08.01.12].

Với đặc điểm là Trường ĐH Tư thục và ở địa phương nên Trường ĐHPT có số lượng và chất lượng SV đầu vào không cao. Vì lẽ đó, HĐT, BGH và Khoa thường xuyên quan tâm chăm sóc SV, theo dõi kết quả học tập, rèn luyện, theo dõi tỷ lệ bỏ học, và xem đây là một nhiệm vụ quan trọng. Từ các kết quả thống kê của các phòng và của Khoa, Nhà trường/Khoa đề ra nhiều biện pháp khắc phục nhanh chóng nhằm hạn chế tối đa tỷ lệ bỏ học, cải thiện kết quả học tập và rèn luyện, cụ thể: (1) Cảnh báo học vụ sớm cho SV và phụ huynh qua việc: gửi thư, gặp mặt trực tiếp, gọi điện thoại, trao đổi qua Facebook...; (2) Tăng cường nhân sự tại mỗi khoa hỗ trợ về công tác SV để theo

đổi tỷ lệ lên lớp của SV, nếu SV nào vắng trên 2 buổi/môn học, gọi điện thoại trực tiếp cho SV hoặc phụ huynh để tìm hiểu lý do; (3) phân bổ hợp lý khối lượng học tập đảm bảo người có học lực trung bình cũng có thể hoàn thành CTĐT đúng thời hạn.

BGH yêu cầu các Khoa và các phòng/ban có liên quan, có biện pháp giúp những SV năm đầu còn gặp khó khăn trong việc thích nghi với môi trường học tập cũng như cách học tập mới ở bậc Đại học; Áp dụng nhiều biện pháp để những SV có kết quả học tập, rèn luyện yếu kém có thể nâng cao kết quả. Ngoài ra, Khoa còn có trách nhiệm theo dõi, nhắc nhở SV trong sinh hoạt lớp, họp cán bộ lớp phân công giúp đỡ; Phối hợp với GV theo dõi tình hình đến lớp của SV và có những biện pháp xử lý, hỗ trợ kịp thời; Tổ chức hội thảo tư vấn phương pháp học tập. Bên cạnh đó, trợ lý Khoa sẽ gọi điện thoại, gửi thư cho phụ huynh và SV về vấn đề cảnh báo học vụ. Về phía GV, chủ động tăng tiết dạy thêm và tăng giao tiếp qua Email, qua mạng xã hội, qua gặp ngoài giờ cho những đối tượng này để hỗ trợ tối đa cho SV còn gặp khó khăn trong học tập... Khoa cũng phân công GV hướng dẫn tư vấn cho SV về việc chọn nơi thực tập, làm luận văn tốt nghiệp; hỗ trợ thêm các kênh thông tin tìm kiếm chỗ thực tập/thực hành và tìm kiếm việc làm bán thời gian cho SV đang học hoặc toàn thời gian cho SV tốt nghiệp ra trường... **[H8.08.03.16]**.

### *2. Điểm mạnh:*

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV chuyên ngành KTXD được thiết kế và triển khai linh hoạt dưới nhiều hình thức khác nhau. Nhờ đó, Khoa có thể theo dõi sát sao kết quả học tập và khối lượng học tập của NH, giúp đánh giá chính xác sự tiến bộ của SV, từ đó đưa ra các biện pháp hỗ trợ phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

### *3. Điểm tồn tại:*

Việc SV khai báo thông tin liên lạc chưa chính xác trong nhiều trường hợp gây ra khó khăn cho Khoa trong quá trình kết nối với SV và phụ huynh. Điều này ảnh hưởng đến khả năng hỗ trợ, hướng dẫn cũng như giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt thời gian học tập.

### *4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị, người thực hiện                  | Thời gian thực hiện/ hoàn thành        | Ghi chú |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Nhà trường và Khoa sẽ phối hợp trong việc cập nhật thêm các thông tin liên lạc của SV và phụ huynh về địa chỉ nơi ở; facebook và một số trang mạng xã hội khác,... để phục vụ cho quá trình hỗ trợ NH.                                              | P.QLĐT;<br>P.CTCTSV & HTDN;<br>Khoa KTCN | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026)     |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Trường và Khoa KTCN tăng cường giám sát và hỗ trợ NH bằng cách bổ sung nhân sự, áp dụng công nghệ 4.0 và triển khai các biện pháp giám sát hiệu quả. Những cải tiến này giúp tối ưu hóa quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo và hỗ trợ SV kịp thời. | P.QLĐT,<br>Khoa KTCN<br>Các đơn vị       | Thường xuyên<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.***

***1. Mô tả hiện trạng:***

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được Nhà trường giao cho một số đơn vị chuyên trách thực hiện. Đây là công tác không thể thiếu của Trường ĐHPT nhằm nâng cao chất lượng dạy học, NCKH, đảm bảo các hoạt động ngoại khóa diễn ra thường xuyên. Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN, và các Khoa chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH cũng như các hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ... Khoa KTCN phân công một số GV (là những GV có kinh nghiệm) làm CVHT, Thư ký Khoa chịu trách nhiệm trực tiếp các hoạt động này. Thêm vào đó, Khoa KTCN đã lên kế hoạch và thực hiện tổ chức Hướng nghiệp cho SV ngành KTXD nhằm giúp SV tìm hiểu về nghiệp vụ và kinh nghiệm chuyên ngành làm việc, thông qua công tác trao đổi với chuyên gia ngành. Phối hợp với Khoa, Ban Cán sự lớp là lực lượng nòng cốt hỗ trợ Khoa tổ chức thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động

sinh hoạt khác. Ban Cán sự lớp chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình SV, thường xuyên liên lạc với Cố vấn học tập nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường. Về phía nhà Trường, một Phó Hiệu trưởng được phân công trực tiếp chỉ đạo công tác này trong toàn Trường **[H8.08.03.12], [H8.08.04.01], [H8.08.04.02]**.

Phòng CTCTSV&HTDN và các Khoa chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho SV, mở rộng các mối quan hệ với các doanh nghiệp, tăng cường phối hợp thực tiễn để nâng cao công tác giảng dạy học tập của Nhà trường, giới thiệu SV cho các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, giới thiệu việc làm thực tập cho SV năm cuối. Ngoài ra, Phòng CTCTSV&HTDN còn thường xuyên mời các cơ quan, doanh nghiệp tham dự các buổi hội thảo, các buổi tư vấn phổ biến kinh nghiệm chinh phục nhà tuyển dụng, tổ chức ngày Hội việc làm... **[H8.08.01.12], [H8.08.01.13]**.

Thông qua một số quy trình và kế hoạch công tác của các đơn vị, các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập được xây dựng và triển khai một cách chặt chẽ.

+ Về công tác đào tạo, NCKH SV: Triển khai và giám sát công tác đào tạo qua Quy chế đào tạo của Trường; hệ thống các quy trình nghiệp vụ như: Quy trình hướng dẫn và chấm khóa luận tốt nghiệp, báo cáo thực tập; Quy trình xét tốt nghiệp; Quy trình tổ chức thi học kỳ **[H8.08.03.08], [H8.08.04.03]**. Đầu năm học, Trường thành lập Ban thường trực tuyển sinh và xây dựng kế hoạch tuần sinh hoạt công dân rất chi tiết, tân SV và SV sẽ được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, CTĐT và các văn bản hướng dẫn của Nhà trường; các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của SV trong quá trình tuyển sinh, hỗ trợ đăng ký nhập học và tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học. Khi vào Website của Phòng QLĐT, Khoa, Phòng CTCTSV&HTDN hoặc xem Sổ tay SV,... SV sẽ được hỗ trợ các thông tin liên quan đến công tác đào tạo. Ngoài ra, để hỗ trợ tối đa cho NH, và chắc chắn mọi thông tin đều đến được với từng SV, Trường còn cung cấp cho mỗi SV một tài khoản email cá nhân, thông qua đó, SV sẽ biết được CTĐT, các thông báo và hướng dẫn đóng học phí, thời khóa biểu, lịch thi, kết quả thi, cảnh báo học vụ, phúc khảo, thực tập, tốt nghiệp, việc làm... **[H8.08.02.05 ], [H8.08.04.04], [H8.08.04.05]**. Khoa, CVHT được giao nhiệm vụ tham gia sinh hoạt lớp, tổ chức cuộc gặp SV đầu năm để giới thiệu về định hướng phát triển của Trường hiện



nay, CTĐT, phương thức đào tạo, phương pháp học tập, các quy định, biểu mẫu hướng dẫn các hoạt động tại Trường và giải đáp một số thắc mắc của tân SV và SV các khóa. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức đối thoại giữa SV và lãnh đạo Nhà trường hằng năm nhằm thu thập thông tin phản hồi của SV về tất cả các phương diện của Trường, Khoa [H8.08.03.15], [H8.08.04.06], [H8.08.04.07].

NCKH của SV là hoạt động luôn được Nhà trường và Khoa quan tâm, khuyến khích. SV được tạo điều kiện tham gia các đề tài, chương trình nghiên cứu và trao đổi học tập cùng các GV và NCV của Trường. Để hỗ trợ cho việc học tập và NCKH của SV, thư viện Nhà trường ngày càng được trang bị, cập nhật đủ giáo trình, tài liệu học tập sát với từng CTĐT. Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động Thư viện cũng được Nhà trường chú trọng. Cơ sở dữ liệu trực tuyến được cập nhật liên tục nhằm hỗ trợ tối đa cho SV về nguồn tài liệu học tập và NCKH [H8.08.04.08].

+ Về các hoạt động ngoại khóa, các dịch vụ hỗ trợ khác: Phòng CTCTSV&HTDN giữ vai trò chính trong công tác quản lý giáo dục về phẩm chất đạo đức, nhân cách của SV. Nội dung trọng tâm của công tác này bao gồm: giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong SV; Thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, chăm lo và hỗ trợ SV; Đánh giá rèn luyện SV toàn Trường; Phát động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, câu lạc bộ; Giữ liên lạc với Cựu SV; Tổ chức các chương trình sự kiện cấp trường. Để thực hiện tốt các động phục vụ và hỗ trợ NH, Phòng CTCTSV&HTDN đã xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể [H8.08.04.09].

Trường đã thiết lập hệ thống thông tin trải rộng trong toàn trường với nhiều kênh thông tin đa dạng, phong phú nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV được tiếp cận, nắm bắt những chủ trương, chính sách của Nhà trường, hiểu biết những quy trình, thủ tục, các quy định, quy chế cũng như những chương trình, sự kiện cấp Khoa, cấp Trường. Đặc biệt, cổng thông tin điện tử Trường là trang ngôn luận chính thống của Nhà trường, mọi thông tin liên quan đều được thể hiện một cách trực quan, cụ thể, rõ ràng thông qua chuyên mục SV [H8.08.04.10].

Trường xây dựng Quỹ học bổng dành cho SV với nhiều chương trình học bổng phong phú để động viên, khích lệ SV đạt thành tích cao trong học tập, hoạt động phong trào, đồng thời hỗ trợ SV gặp hoàn cảnh khó khăn về tài chính. Ngoài ra, SV cũng có

thể nhận được các học bổng được tài trợ bởi chính các đối tác, doanh nghiệp ký kết hợp tác với Trường ĐHPT. Nhà trường đảm bảo SV được tiếp cận đầy đủ các thông tin về chương trình học bổng trong và ngoài Trường qua chuyên mục Học bổng hỗ trợ SV, thống kê nguồn học bổng, tổng hợp theo dõi tình hình SV nhận học bổng **[H8.08.04.11]**, **[H8.08.04.12]**.

Về hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao: Đầu năm học, Đoàn trường ĐH Phan Thiết sẽ lên kế hoạch hoạt động trong năm. Trong kế hoạch sẽ đưa ra các thông tin cụ thể về mục tiêu của hoạt động, nội dung hoạt động, dự trù kinh phí và thời gian thực hiện. Nhờ đó, các phòng/khoa có thể tiếp cận thông tin, lên kế hoạch thực hiện cho phòng/khoa và có những góp ý phù hợp nhằm hỗ trợ các hoạt động được tốt hơn. Một số kế hoạch triển khai các hoạt động chính trong năm học: chương trình chào đón tân SV, các giải bóng đá cho SV nam/nữ và các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn. Hiện nay, Trường ĐHPT có 4 câu lạc bộ do Đoàn TN và Hội SV trực tiếp quản lý tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao để thu hút đông đảo SV tham gia. Khoa KTCN đã chỉ đạo Ban chấp hành đoàn Khoa, GV phụ trách các mảng hoạt động phong trào tổ chức các hoạt động ngoại khóa trong suốt năm học; tham gia cuộc thi Khúc hát tri ân, các giải bóng đá mini, cuộc thi cắm hoa, hội chợ ẩm thực và trò chơi, hội thao Trường ĐHPT **[H8.08.04.13]**.

Về sức khỏe SV: Hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe (sơ cứu khi có tai nạn, khám sức khỏe, bảo hiểm y tế), tư vấn tâm lý cho SV. Việc khám sức khỏe cho SV được tổ chức khi SV nhập học. SV được Nhà trường hỗ trợ đăng ký bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn cho SV. Bên cạnh đó, SV được còn được tư vấn tâm lý miễn phí khi có nhu cầu. Trung bình mỗi năm học Phòng Y tế Trường ĐHPT đã khám và cấp phát thuốc cho hơn 1.000 lượt người, cấp cứu tại chỗ trên 50 trường hợp **[H8.08.04.14]**.

Định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho SV hằng năm, Trường ĐHPT đều tổ chức ngày Hội việc làm cho SV với sự tham gia của hơn 30 doanh nghiệp mỗi năm và có hơn 1000 vị trí việc làm cho các bạn ứng tuyển **[H8.08.04.02]**.

Tỷ lệ SV tốt nghiệp đầu vào và tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm: Nhìn chung, tỷ lệ tốt nghiệp trung bình của SV nằm ở mức tương đối thấp. Vì Do đây là khóa đầu tiên

mới tốt nghiệp và thời gian thực hiện khảo sát trùng thời gian tốt nghiệp, nên tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm còn hạn chế **[H8.08.04.15]**.

Dịch vụ tiện ích: Hiện nay KTX Trường ĐHPT đáp ứng được khoảng 80% nhu cầu chỗ ở nội trú của SV. Căn tin hiện nay có cung cấp dịch vụ karaoke giải trí và truyền hình trực tiếp các giải đấu lớn của Đội tuyển Việt Nam phục vụ nhu cầu của SV. Thư viện đã tăng thời gian mở cửa các phòng tự học cho SV, nhất là vào các đợt thi học kỳ. Đa số các phòng học đã được lắp điều hòa và các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho học tập **[H8.08.04.16]**.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV về khóa học và về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ **[H8.08.04.17]**. Các kết quả khảo sát sẽ được báo cáo cho BGH và cho các đơn vị liên quan để cải tiến chất lượng công tác hỗ trợ NH. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được Nhà trường triển khai theo một nguyên tắc nhất quán xuyên suốt trong mọi hoạt động, có kế hoạch, triển khai, rà soát và cải tiến các kết quả hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ NH cho thấy SV Khoa KTCN hài lòng cao về hoạt động này **[H8.08.04.18]**.

## *2. Điểm mạnh:*

Nhà trường đã xây dựng một hệ thống hỗ trợ SV toàn diện, từ học tập, NCKH đến các hoạt động ngoại khóa. Sự phân công rõ ràng giữa các đơn vị giúp đảm bảo tính liên kết, đa dạng và hiệu quả trong công tác hỗ trợ. Những biện pháp này đã góp phần nâng cao chất lượng học tập và cải thiện cơ hội việc làm cho SV; Đội ngũ cố vấn học tập và trợ lý Khoa của Khoa KTCN là những người giàu kinh nghiệm, tận tâm và luôn sẵn sàng hỗ trợ SV một cách kịp thời.

## *3. Điểm tồn tại:*

Những hoạt động ngoại khóa và tư vấn việc làm cho SV ngành KTXD còn chưa được đa dạng; Một số SV chưa tích cực trong việc tham gia tích cực các hoạt động tư vấn và hoạt động ngoại khóa.

## *4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị, người thực hiện                      | Thời gian thực hiện/hoàn thành    | Ghi chú |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa phối hợp với các đơn vị sẽ tổ chức thêm các hoạt động phong trào, học thuật, ngoại khóa hấp dẫn hơn và tích cực phổ biến rộng rãi thông tin về các hoạt động cho SV kịp thời, nhanh chóng thông qua tất cả các kênh, trang mạng xã hội khác;</li> <li>- Gặp gỡ, trao đổi, tìm hiểu để giúp đỡ SV mạnh dạn, tích cực trong việc tham gia các hoạt động hỗ trợ NH của Nhà trường.</li> </ul> | Khoa KTCN;<br>P.CTCTSV & HTDN;<br>Các đơn vị | Thường niên<br>(Từ năm 2025-2026) |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giám sát, hỗ trợ NH đồng bộ, gắn kết ở từ cấp Trường đến Khoa. Khích lệ và động viên đội ngũ CBNV hỗ trợ để phát huy tinh thần nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ SV                                                                                                                                                                                                                                         | BGH;<br>P.QLĐT;<br>Khoa KTCN;<br>Các đơn vị. | Thường niên<br>(Từ năm 2025-2026) |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.***

***1. Mô tả hiện trạng***

Trường ĐHPT đảm bảo hệ thống giảng đường, phòng học và phòng thực hành đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và SV ngành Kỹ thuật ô tô. Nhờ vị trí tại Phan Thiết – một trung tâm du lịch với hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển, chương trình đào tạo ngành KTXD có điều kiện thuận lợi để kết hợp với thực tiễn. Trường sở hữu khuôn viên rộng 12hecta, được thiết kế theo hướng hiện đại, xanh, sạch, đẹp. Các khu giảng đường, phòng làm việc, phòng/khoa, khu xưởng thực hành và ký túc xá được bố trí hợp lý, tạo môi trường học tập thuận lợi. Mọi phòng học đều trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết, đảm bảo điều kiện giảng dạy tốt nhất. Nhà trường có bộ phận chuyên trách giám sát, thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, nâng cấp CSVC và hạ tầng, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu [H8.08.05.01]. Nhà trường xây dựng quy tắc ứng xử và nội quy áp dụng chung cho SV, cán bộ, giảng viên và nhân viên, giúp đảm bảo sự chuyên nghiệp trong môi trường đào tạo [H8.08.05.02].

Khoa KTCN tạo điều kiện thuận lợi để SV ngành KTXD học tập và sinh hoạt trong môi trường hỗ trợ tối đa. SV có thể dễ dàng liên hệ với Trợ lý Khoa hoặc GV để được tư vấn kịp thời. Các thông tin về học tập, hỗ trợ SV, hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ được Khoa cập nhật nhanh chóng, rõ ràng. Đối với những SV gặp khó khăn tài chính hoặc vấn đề tâm lý ảnh hưởng đến việc học, Trợ lý Khoa phối hợp với CVHT để đưa ra phương án hỗ trợ. Định kỳ hằng năm, Nhà trường và Khoa tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến SV về môi trường học tập và các điều kiện liên quan **[H8.08.05.03]**.

Nhà trường chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy, tổ chức tập huấn hằng năm để nâng cao nhận thức và kỹ năng xử lý tình huống **[H8.08.05.04]**. Đồng thời, việc đảm bảo nguồn nước sạch và kiểm soát chất lượng thực phẩm cũng được thực hiện nghiêm túc nhằm bảo vệ sức khỏe SV, giảng viên và nhân viên **[H8.08.05.05]**.

Với số lượng SV lưu trú tại ký túc xá đông đảo, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được Trường đặc biệt quan tâm. Nhà trường tiến hành kiểm tra thường xuyên, lập báo cáo thực hiện và xin ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm tại bếp ăn tập thể từ Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Thuận **[H8.08.05.05]**.

SV Khoa KTCN được tham gia đầy đủ các chương trình bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và các buổi tư vấn sức khỏe học đường do Trường tổ chức **[H8.08.05.06]**. Khoa KTCN thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao nhằm tăng cường sự gắn kết giữa SV. Hằng năm, Khoa phối hợp tổ chức Giải bóng đá nam, Giải cầu lông, Hội thao trí tuệ UPT và nhiều chương trình văn nghệ thu hút sự tham gia của đông đảo SV trong toàn Trường **[H8.08.04.13]**.

## *2. Điểm mạnh:*

Nhà trường không ngừng xây dựng và hoàn thiện môi trường sinh thái, học tập và thực hành, đồng thời đẩy mạnh đầu tư vào công tác y tế học đường và phòng cháy chữa cháy. Việc kiểm tra, đánh giá và cải tiến diễn ra thường xuyên nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và sinh hoạt cho SV. Bên cạnh đó, văn hóa ứng xử trong Nhà trường được duy trì theo tinh thần văn minh, lịch sự và thân thiện, góp phần tạo môi trường học tập tích cực.

## *3. Điểm tồn tại:*

Nhà trường chưa trang bị CSVC phục vụ riêng cho những người có nhu cầu đặc biệt (dị tật cơ thể).

*4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị, người thực hiện               | Thời gian thực hiện/hoàn thành        | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Rà soát số SV có nhu cầu đặc biệt cần hỗ trợ hằng năm để có kế hoạch trang bị CSVC phù hợp, cũng như các hoạt động hỗ trợ khác để tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập tại Trường.                                                 | Khoa KTCN;<br>P.QLĐT;<br>P.TCHC       | Thường niên<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục nâng cấp về CSVC, môi trường cảnh quan phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động ngoại khóa của SV, đảm bảo an toàn và tạo tâm lý thoải mái cho SV.<br>Tiếp tục duy trì những điểm mạnh về Văn hóa ứng xử của SV trường. | BGH;<br>P.TCHC,<br>P.CTCTSV &<br>HTDN | Thường niên<br>(Từ năm 2025-2026)     |         |

*5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)*

***Kết luận về Tiêu chuẩn 8:***

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Công tác tuyển sinh của Trường, Khoa thực hiện theo đúng quy định của Bộ GDĐT và đề án tuyển sinh của Trường với các phương thức tuyển sinh đa dạng, tiêu chí rõ ràng và được quảng bá rộng rãi trên khắp các phương tiện truyền thông. Đồng thời được liên tục rà soát, đánh giá và cải tiến hằng năm để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào học tại Trường cũng như vào ngành KTXD;

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của NH được xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp Khoa nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH;

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến việc phát triển và nâng cao giá trị không gian kiến trúc, cải thiện CSVC, cảnh quan, đáp ứng được các yêu cầu về môi trường tâm lý, xã hội, khơi nguồn cảm hứng tư duy sáng tạo cho NH.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Mặc dù Nhà trường đã xây dựng được các hình thức tuyển sinh đa dạng, có nhiều chính sách học bổng, ưu đãi học phí nhưng số lượng HS tham gia đăng ký nhập học tại Trường và ngành KTXD chưa đạt chỉ tiêu hằng năm. Trường và Khoa KTCN chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh một cách bài bản. Số lượng và loại hình các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khoá... của SV ngành KTXD chưa phong phú.

*Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 8:*

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 8 gồm có 5 tiêu chí, trong đó có 5 tiêu chí đạt điểm 4/7.

**Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

**Mở đầu**

Trường Đại học Phan Thiết có hệ thống Cơ sở vật chất (CSVC) và các trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) của Nhà trường nói chung và ngành KTXD. Trong những năm gần đây, Nhà trường tăng cường mở rộng, đầu tư về CSVC, cải thiện và xây dựng mới các hệ thống phòng học, phòng thực hành với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, cần thiết phục vụ cho nhu cầu dạy và học của giảng viên và sinh viên.

Hiện nay, Nhà trường vẫn đang tiếp tục triển khai công tác quy hoạch, giải tỏa mặt bằng, mở rộng hơn nữa diện tích đất, nhằm phục vụ cho các kế hoạch, xây dựng và mở rộng về hệ thống phòng học, phòng thực hành, khuôn viên cho toàn trường nói chung và cho ngành KTXD nói riêng.

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

*1. Mô tả hiện trạng:*

Diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng là 119.875,9 m<sup>2</sup>; trong đó, diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học là 11.494,82m<sup>2</sup>. Tỷ lệ diện tích đất/sinh viên 47,42m<sup>2</sup>/sv, diện tích sàn/sinh viên 4,55m<sup>2</sup>/sv. Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Trường. Cụ thể bao gồm: 59 phòng học, 7 phòng thí nghiệm, 7 phòng thực hành, 1 xưởng thực hành ô tô, phòng đồ án giành cho khoa kỹ thuật công nghệ, phòng thực hành trắc địa, 6 phòng học đa phương tiện, 1 phòng hội trường, 1 thư viện, 1 phòng tự học và 1 phòng thư viện điện tử. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng được bố trí phù hợp, thuận tiện, an toàn, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, bao gồm: bàn, ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy in, hệ thống chiếu sáng, hệ thống thông gió,...và các trang thiết bị khác, đảm bảo tỷ lệ, diện tích phù hợp theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT hiện hành.

Dãy nhà trệt, được thiết kế theo lối kiến trúc Châu Âu được chọn là nơi bố trí văn phòng các Khoa bên cạnh đó xưởng thực hành trắc địa là nơi thực hành thực tập chính của các môn chuyên ngành. Xưởng thực hành được trang bị đầy đủ trang thiết bị dụng cụ thực hành ngoài ra còn có phòng học thực hành điện, bàn ghế, kệ sách, tủ hồ sơ, có kết nối mạng Internet, mạng Wifi, hỗ trợ các bạn sinh viên khoa nghiên cứu học tập ...

Hệ thống phòng học, với 29 phòng học, 01 hội trường có sức chứa lên đến 500 người với đầy đủ hệ thống âm thanh, ánh sáng, các phòng học đều được đầu tư đầy đủ các trang thiết bị phòng học như hệ thống máy chiếu, bàn ghế, bàn giáo viên, hệ thống wifi được phủ sóng trên toàn trường, hỗ trợ cho việc dạy và học.

Trong định hướng phát triển bền vững ngành Kỹ thuật Xây dựng, Trường Đại học Phan Thiết đặc biệt chú trọng xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất nhằm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đào tạo lý thuyết, thực hành cũng như nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã thiết lập một hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng được quy hoạch bài bản, thể hiện rõ qua sơ đồ bố trí tổng thể **[H9.09.01.01]**, bảo đảm tính khoa học trong sử dụng không gian, thuận tiện cho người học và giảng viên.

Các phòng học lý thuyết được bố trí tại các tầng trung tâm của khu giảng đường chính, có diện tích phù hợp, được trang bị hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy chiếu, màn hình LCD, bảng tương tác và thiết bị trình chiếu hiện đại. Những điều kiện



này không chỉ phục vụ tốt cho việc giảng dạy truyền thống mà còn tạo nền tảng vững chắc cho các hình thức đào tạo kết hợp hoặc trực tuyến.

Riêng đối với ngành Kỹ thuật Xây dựng, nhà trường đã đầu tư xây dựng và trang bị các phòng chức năng chuyên ngành như: phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng, phòng mô hình Kết cấu công trình, phòng thực hành Địa chất – Trắc địa, giúp sinh viên tiếp cận trực tiếp với các công cụ, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho việc kiểm định, thiết kế, và mô phỏng công trình. Tất cả trang thiết bị đều được liệt kê chi tiết trong danh mục cơ sở vật chất và quản lý chặt chẽ qua sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng và bảo trì thiết bị [H9.09.01.02], bảo đảm tính sẵn sàng và an toàn khi vận hành.

Để không ngừng cải tiến và thích ứng với sự phát triển của công nghệ xây dựng, nhà trường duy trì kế hoạch mua mới, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị hằng năm [H9.09.01.03], đồng thời cập nhật danh mục thiết bị theo nhu cầu thực tế từ các đơn vị chuyên môn và phản hồi của sinh viên. Việc đầu tư này được đảm bảo bởi nguồn kinh phí ổn định, minh bạch và ưu tiên cho ngành kỹ thuật [H9.09.01.04]., thể hiện cam kết mạnh mẽ của nhà trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo thực hành và nghiên cứu ứng dụng.

Bên cạnh đó, thông qua thống kê diện tích phòng học, phòng làm việc và các khu chức năng [H9.09.01.05], nhà trường bảo đảm tỷ lệ diện tích/sinh viên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời đủ linh hoạt để tổ chức các hoạt động học thuật, nghiên cứu, hội thảo, và tương tác doanh nghiệp trong môi trường sư phạm chuyên nghiệp.

Có thể khẳng định rằng, hệ thống cơ sở vật chất và không gian học tập – làm việc của Trường Đại học Phan Thiết nói chung, và của ngành Kỹ thuật Xây dựng nói riêng, đã được xây dựng và phát triển theo hướng hiện đại, phù hợp và bền vững. Đây là nền tảng vững chắc góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo, tăng cường trải nghiệm học tập thực tiễn và thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học có tính ứng dụng cao cho sinh viên trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa mạnh mẽ tại Việt Nam.

## *2. Điểm mạnh:*

Các phòng làm việc và phòng học đều được trang bị đầy đủ các thiết bị, công cụ phù hợp với nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH. Có hệ thống phòng thực hành được trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ cho giảng dạy và học tập.

### 3. Điểm tồn tại:

Diện tích phòng làm việc của Khoa còn nhỏ, chưa có phòng sinh hoạt cho từng bộ môn Khoa; Bàn làm việc của CB-GV-NV khoa phải bố trí khá gần nhau, chưa có không gian thoải mái để làm việc.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                   | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành    | Ghi chú |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | - Đề xuất Nhà trường bổ sung thêm một phòng làm việc nhằm tổ chức sinh hoạt bộ môn; xây dựng hệ thống các phòng làm việc, phòng khoa có diện tích lớn hơn. | BGH;<br>P.TCHC          | Từ năm học 2025-2026               |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Thường xuyên rà soát nhu cầu để nâng cấp hệ thống trang thiết bị, công cụ dạy học, thực hành phù hợp với nhu cầu học tập, giảng dạy.                       | P.TCHC                  | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

**Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

#### 1. Mô tả hiện trạng:

Thư viện Trường Đại học Phan Thiết đóng vai trò là trung tâm tri thức hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đặc biệt trong các ngành mang tính ứng dụng kỹ thuật cao như Kỹ thuật Xây dựng. Trong giai đoạn vừa qua, nhà trường đã từng bước hoàn thiện hệ thống thư viện cả về không gian bố trí, nội dung học liệu và công cụ quản lý, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu học tập, nghiên cứu của giảng viên và sinh viên ngành.

Thư viện được bố trí theo mô hình mở, khoa học, thuận tiện cho việc tra cứu, học tập cá nhân và làm việc nhóm, thể hiện rõ trong sơ đồ phân khu chức năng

**[H9.09.02.01].** Khu vực tài liệu ngành Kỹ thuật Xây dựng được sắp xếp riêng biệt, dễ nhận diện với đầy đủ các loại hình học liệu: giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành, luận văn – đồ án tốt nghiệp các khóa trước.

Danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu phục vụ chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Xây dựng được xây dựng đầy đủ và cập nhật thường xuyên **[H9.09.02.02]**. Thư viện hiện có hơn 1.500 đầu sách chuyên ngành, trong đó có hơn 70% là giáo trình và tài liệu tiếng Việt phục vụ trực tiếp các học phần thuộc khung chương trình đào tạo, còn lại là sách tiếng Anh, tạp chí quốc tế và tài liệu kỹ thuật nâng cao. Các nội dung này bám sát với đề cương chi tiết từng môn học **[H9.09.02.03]**, đảm bảo tính tương thích và hỗ trợ hiệu quả cho quá trình học tập, tự học và nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ, thư viện đã ban hành đầy đủ quy định mượn – trả sách, quy chế sử dụng không gian thư viện và hệ thống theo dõi việc sử dụng tài liệu qua phần mềm quản lý **[H9.09.02.04]**. Các công cụ này cho phép kiểm soát được tần suất mượn sách, nhu cầu học liệu của người học theo từng học kỳ, từ đó phục vụ tốt hơn công tác lập kế hoạch bổ sung tài liệu.

Nhà trường hàng năm đều có văn bản đề xuất nhu cầu, kế hoạch đầu tư, dự toán và thanh toán các khoản chi cho thư viện, tập trung vào việc cập nhật giáo trình mới, bổ sung sách ngoại văn, đầu tư tài liệu số và nâng cấp hệ thống tra cứu online **[H9.09.02.05]**. Các kế hoạch đầu tư đều xuất phát từ phản hồi của giảng viên, sinh viên và các bên liên quan, được tổng hợp qua khảo sát định kỳ **[H9.09.02.06]**. Kết quả cho thấy đa số người học hài lòng về mức độ cập nhật và tính phù hợp của học liệu với chương trình đào tạo, đồng thời mong muốn thư viện tiếp tục tăng cường tài liệu số và liên kết thư viện điện tử quốc tế.

Danh mục tài liệu chuyên ngành Kỹ thuật Xây dựng được rà soát, bổ sung và cập nhật định kỳ hằng năm trong chu kỳ đánh giá **[H9.09.02.07]**, giúp đảm bảo sự đồng bộ giữa học liệu và sự thay đổi của nội dung chương trình đào tạo, đặc biệt trong bối cảnh ngành xây dựng ngày càng ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới như BIM, phần mềm phân tích kết cấu, quản lý dự án công trình thông minh.

Tổng thể, thư viện Trường Đại học Phan Thiết đã và đang đóng vai trò quan trọng trong hệ sinh thái hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu cho ngành Kỹ thuật Xây dựng. Với hệ

thông tài liệu ngày càng hoàn thiện, được quản lý khoa học, cập nhật định kỳ và hướng đến chuyển đổi số, thư viện đã góp phần nâng cao năng lực tự học, tư duy phản biện và khả năng tiếp cận công nghệ hiện đại của sinh viên – đáp ứng yêu cầu của một kỹ sư xây dựng trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0.

### 2. Điểm mạnh:

Thư viện của Nhà trường có không gian thoáng mát, các đầu sách được cập nhật hằng năm để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và Khoa. Xây dựng đầy đủ các quy trình sử dụng thư viện và hướng dẫn cho toàn thể SV và CBGV biết và thực hiện.

### 3. Điểm tồn tại:

Mặc dù Nhà trường đã có sự quan tâm, chú trọng đầu tư, xây dựng, mở rộng thư viện, tuy nhiên diện tích dành cho thư viện còn khá nhỏ. Việc khai thác nguồn tài liệu mua của nước ngoài vẫn còn hạn chế. Cách quản lý của Thư viện chưa được hiện đại hóa.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị, người thực hiện                    | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường đang triển khai dự án mở rộng đầu tư CSV, hạ tầng, trong đó có việc xây dựng khu thư viện mới, mở rộng hơn về diện tích. Đồng thời phát triển đầu sách, tài liệu cứng và tài liệu điện tử đáp ứng cho việc học tập và nghiên cứu.</li> <li>- Đổi mới phần mềm quản lý và công tác quản lý thư viện.</li> </ul> | BGH;<br>P.TCHC;<br>Thư viện;<br>Bộ phận IT | Từ năm học 2025-2026           |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật đầu sách mới các ngành học. Xây dựng các hoạt động nâng cao văn hóa đọc sách cho SV nhằm nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu thông qua việc đọc sách.</li> <li>- Định kỳ tham khảo ý kiến các bên liên quan để tiếp tục</li> </ul>                                                                           | Thư viện;<br>Khoa KTCN;<br>P.QLĐT          | Từ năm học 2025-2026           |         |

| TT | Mục tiêu | Nội dung                                 | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|----------|------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
|    |          | cải tiến hoạt động phục vụ của thư viện. |                         |                                 |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

***1. Mô tả hiện trạng:***

Ngành Kỹ thuật Xây dựng tại Trường Đại học Phan Thiết được chú trọng đầu tư hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành với quy mô, chức năng và trang thiết bị phù hợp nhằm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Căn cứ vào sơ đồ bố trí các phòng chức năng và thống kê danh mục trang thiết bị hiện có [H9.09.03.01] [H9.09.03.02], nhà trường đã tổ chức các không gian thực hành chuyên biệt như: phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng, phòng thí nghiệm Cơ học đất, phòng thực hành Sức bền vật liệu, phòng mô phỏng kết cấu bê tông cốt thép, cùng các thiết bị đo đạc, trắc địa, máy toàn đạc điện tử, thiết bị kiểm tra chất lượng bê tông, thiết bị mô phỏng ứng suất – biến dạng... đảm bảo phục vụ đúng theo yêu cầu thực hành của chương trình đào tạo.

Toàn bộ các phòng thí nghiệm và thực hành đều được xây dựng nội quy, quy định sử dụng, tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo đảm an toàn lao động [H9.09.03.03]. Ngoài ra, sổ nhật ký sử dụng thiết bị được lập và cập nhật thường xuyên để theo dõi mức độ khai thác, bảo trì và kiểm tra tình trạng hoạt động của từng thiết bị [H9.09.03.04] [H9.09.03.05]. Việc này không chỉ giúp tối ưu hóa hiệu suất sử dụng mà còn đảm bảo thiết bị luôn trong trạng thái sẵn sàng phục vụ giảng dạy và nghiên cứu.

Nhà trường đã có kế hoạch đầu tư, nâng cấp, mua sắm thiết bị định kỳ hàng năm trên cơ sở tổng hợp nhu cầu từ các đơn vị chuyên môn và phản hồi của giảng viên, sinh viên [H9.09.03.06] [H9.09.03.06]. Trong giai đoạn 2021–2024, tập trung vào việc nâng cấp hệ thống máy nén bê tông, máy kéo uốn, máy kiểm tra độ sụt của bê tông, bổ sung phần mềm mô phỏng kết cấu SAP2000, ETABS và các công cụ hỗ trợ thiết kế kiến trúc AutoCAD, Revit... Việc đầu tư này bám sát xu hướng đổi mới công nghệ trong ngành

xây dựng, giúp sinh viên tiếp cận sớm với các công cụ thiết kế – phân tích công trình hiện đại.

Bên cạnh đó, việc cập nhật danh mục thiết bị được thực hiện định kỳ mỗi năm [H9.09.03.08] và công bố công khai nhằm minh bạch hóa quá trình đầu tư và phục vụ tốt công tác kiểm định chất lượng. Kết quả khảo sát ý kiến người học, giảng viên và nhà tuyển dụng cho thấy sự hài lòng cao về chất lượng và mức độ phù hợp của hệ thống phòng thực hành – thí nghiệm trong việc hỗ trợ sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và triển khai nghiên cứu khoa học thực tiễn.

Tổng thể, hệ thống phòng thí nghiệm – thực hành của ngành Kỹ thuật Xây dựng tại Trường Đại học Phan Thiết được đầu tư đầy đủ, quản lý hiệu quả và cập nhật thường xuyên. Điều này không chỉ đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra của chương trình mà còn tạo điều kiện để người học phát triển toàn diện năng lực chuyên môn, sẵn sàng thích ứng với môi trường làm việc thực tế trong ngành xây dựng ngày càng hiện đại và đổi mới.

## 2. Điểm mạnh:

Nhà trường có quan tâm đầu tư, nâng cấp các phòng thí nghiệm, thực hành với các trang thiết bị mới, hiện đại, đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và NCKH.

Nhà trường và Khoa đã ban hành các quy định về quản lý và sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành đảm bảo an toàn và hiệu quả.

## 3. Điểm tồn tại:

Vẫn còn một số thiết bị cũ chưa được bổ sung và thay thế kịp thời. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đôi lúc chưa được kịp thời.

## 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                    | Đơn vị, người thực hiện             | Thời gian thực hiện/ hoàn thành    | Ghi chú |
|----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | Rà soát, đánh giá toàn bộ các thiết bị thí nghiệm, thực hành, xây dựng kế hoạch đề xuất Nhà trường thay thế kịp thời các thiết bị đã cũ để đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo, NCKH. | P.TCHC;<br>Khoa KTCN;<br>Các đơn vị | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị, người thực hiện                 | Thời gian thực hiện/ hoàn thành    | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|---------|
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Sớm triển khai việc đầu tư mở rộng, nâng cấp hạ tầng, CSVN, trong đó có các phòng thực hành chuyên ngành cho khoa để tăng cường tổ chức cho SV học thực hành, nâng cao khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn cho SV. | HĐT;<br>BGH;<br>P.TCHC;<br>Khoa<br>KTCN | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

*1. Mô tả hiện trạng:*

Ngành Kỹ thuật Xây dựng – Trường Đại học Phan Thiết hiện đang khai thác hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) hiện đại, được đầu tư đồng bộ và cập nhật thường xuyên để phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Theo [H9.09.04.01], nhà trường đã thống kê và trang bị trên 100 máy tính cấu hình mạnh tại các phòng thực hành, khoa kỹ thuật nhà trường cũng đầu tư phòng đồ án được trang bị máy tính có cấu hình mạnh đủ khả năng chạy các phần mềm chuyên ngành như AutoCAD, Revit, SAP2000, Etabs, SketchUp,... Ngoài ra, hệ thống thiết bị CNTT khác như máy in, máy chiếu, wifi, thiết bị hội nghị trực tuyến cũng được đầu tư đầy đủ. Bên cạnh đó, trang thông tin điện tử của trường tại địa chỉ [www.upt.edu.vn](http://www.upt.edu.vn) cùng hệ thống quản lý học tập LMS giúp sinh viên và giảng viên dễ dàng truy cập tài liệu, học tập trực tuyến và tham gia các lớp học từ xa.

Để đảm bảo vận hành ổn định và hiệu quả, nhà trường xây dựng sổ sách theo dõi việc bảo trì và vận hành hệ thống CNTT [H9.09.04.02]. Phòng Công nghệ Thông tin phối hợp với các khoa thực hiện kiểm tra định kỳ thiết bị, phần mềm, mạng truyền thông và các phòng máy tính. Các hoạt động bảo trì đều được ghi nhận cụ thể trong biên bản và lưu trữ đầy đủ. Đặc biệt, các phòng học trực tuyến và phòng máy phục vụ ngành Kỹ thuật Xây dựng được kiểm tra định kỳ để bảo đảm chất lượng trong các học phần ứng dụng kỹ thuật số và mô phỏng xây dựng.

Đối với **[H9.09.04.03]**, kết quả khảo sát ý kiến của giảng viên, sinh viên và các bên liên quan cho thấy mức độ hài lòng cao về hệ thống CNTT hiện tại. Giảng viên đánh giá cao việc được hỗ trợ sử dụng phần mềm chuyên môn trong giảng dạy, sinh viên có thể truy cập bài giảng, tài liệu, nộp bài và làm bài kiểm tra trực tuyến thuận lợi. Một số nhà tuyển dụng cũng phản hồi tích cực rằng sinh viên ngành Kỹ thuật Xây dựng sau khi tốt nghiệp có kỹ năng sử dụng phần mềm kỹ thuật tốt, bắt kịp yêu cầu của công việc thực tế.

Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát và cập nhật danh mục phần mềm, phần cứng và thiết bị CNTT **[H9.09.04.04]**, để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động ổn định và phù hợp với nhu cầu đào tạo. Trong năm học gần nhất, trường đã đầu tư thêm 20 máy tính cấu hình cao và bổ sung bản quyền phần mềm AutoCAD, Revit và Microsoft Office 365. Việc cập nhật này dựa trên đề xuất từ các khoa và bộ phận chuyên môn, thể hiện sự quan tâm liên tục đến cải tiến chất lượng đào tạo.

Về mặt tổ chức quản lý, **[H9.09.04.05]**, cho thấy nhà trường đã ban hành văn bản phân công rõ ràng bộ phận phụ trách hệ thống CNTT. Phòng Công nghệ Thông tin là đơn vị chính thực hiện quản lý, bảo trì, vận hành hạ tầng CNTT, trong khi tại Khoa Kỹ thuật – Công nghệ có cán bộ chuyên trách CNTT đảm bảo hỗ trợ trực tiếp cho giảng viên và sinh viên trong quá trình sử dụng công nghệ phục vụ đào tạo.

## *2. Điểm mạnh:*

Nhà trường tăng cường đầu tư hiện đại hóa hạ tầng cho CNTT, hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Toàn trường đã được phủ sóng Wifi, tạo điều kiện rất thuận lợi cho CB-GV-NV trong việc cập nhật, chia sẻ thông tin.

## *3. Điểm tồn tại:*

Máy tính tại một vài phòng làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc của CB, GV và sắp tới là phục vụ cho quản lý và dạy trực tuyến một số học phần.

## *4. Kế hoạch hành động:*



| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                           | Đơn vị, người thực hiện                          | Thời gian thực hiện/hoàn thành         | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Nhà trường tiếp tục triển khai đề đầu tư CSVN, hạ tầng để thực hiện dạy học trực tuyến; tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế số máy tính cấu hình thấp. | BGH;<br>Ban TTTT;<br>P.TCHC;<br>P.KHTC           | Từ năm học 2025-2026                   |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tăng cường các biện pháp khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống CNTT hiện tại của Trường để phục vụ công tác đào tạo và NCKH.                                     | Ban TTTT;<br>P.QLĐT;<br>Khoa KTCN;<br>Các đơn vị | Thường xuyên<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

**Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật**

1. Mô tả hiện trạng:

Trong bối cảnh đào tạo kỹ thuật ngày càng gắn liền với thực hành thực tế, làm việc trong môi trường công trường và sử dụng các thiết bị xây dựng chuyên dụng, Trường Đại học Phan Thiết đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện và bền vững, nhất là đối với sinh viên ngành Kỹ thuật Xây dựng – nhóm đối tượng thường xuyên tiếp cận với máy móc cơ giới, thiết bị đo đạc, vật liệu xây dựng và môi trường thực hành có nguy cơ cao về an toàn lao động.

Nhằm đảm bảo an toàn cho người học trong quá trình học tập và thực hành, nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định cụ thể các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn, bao gồm: nội quy phòng thí nghiệm – thực hành, quy trình xử lý sự cố trên công trường mô phỏng, hướng dẫn sử dụng thiết bị xây dựng an toàn, quy định sử dụng bảo hộ cá nhân, và các tiêu chuẩn vệ sinh trong khu vực học tập và thực hành. Các văn bản này được niêm yết tại các khu vực có liên quan và được cập nhật định kỳ nhằm phù hợp với thực tiễn và yêu cầu chương trình đào tạo ngành xây dựng [H9.09.05.01].

Bên cạnh đó, Trường tổ chức hằng năm các buổi tập huấn và diễn tập ứng phó khẩn cấp như: phòng cháy chữa cháy, sơ cứu chấn thương xây dựng, xử lý tai nạn vật rơi, thoát hiểm tại công trường, và biện pháp xử lý tai nạn kỹ thuật trong xưởng thực hành bê tông, nền móng, kết cấu thép.... Các hoạt động này có sự tham gia của sinh viên

ngành Kỹ thuật Xây dựng, giảng viên và cán bộ kỹ thuật, qua đó giúp người học nâng cao ý thức phòng tránh và kỹ năng xử lý tình huống nguy hiểm khi tiếp xúc với môi trường thực hành ngành nghề đặc thù **[H9.09.05.02]**.

Công tác thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được tổng kết định kỳ thông qua các báo cáo đánh giá nội bộ do Khoa Kỹ thuật – Công nghệ, phối hợp với Phòng Quản trị thiết bị và các đơn vị liên quan thực hiện. Các báo cáo sơ kết – tổng kết không chỉ ghi nhận các kết quả đạt được mà còn đề xuất nhiều biện pháp cải tiến thiết thực như: bổ sung trang thiết bị bảo hộ cá nhân (mũ bảo hộ, găng tay, kính chắn), nâng cấp hệ thống chiếu sáng trong khu vực đúc mẫu bê tông, cải thiện hệ thống thông gió ở phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và tăng cường hệ thống cảnh báo nguy hiểm trong khu vực thực hành kết cấu **[H9.09.05.03]**.

Hiện tại, Nhà trường chưa xây dựng hệ thống phản hồi chính thức từ người học khuyết tật, tuy nhiên đã nhận thức được vai trò quan trọng của việc tiếp thu ý kiến từ các đối tượng học tập đặc thù để hoàn thiện chính sách an toàn toàn diện và hòa nhập. Trong chiến lược phát triển sắp tới, Trường sẽ triển khai khảo sát đánh giá khả năng tiếp cận cơ sở vật chất của người học khuyết tật, đồng thời xây dựng cơ chế tiếp nhận phản hồi linh hoạt và hiệu quả nhằm hướng đến một môi trường học tập bình đẳng và nhân văn, đặc biệt đối với ngành Kỹ thuật Xây dựng vốn đòi hỏi cao về thể chất và môi trường thực địa **[H9.09.05.04]**.

## *2. Điểm mạnh:*

Nhà trường rất quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV và SV; khuôn viên Nhà trường luôn xanh-sạch-đẹp, tạo môi trường tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Định kỳ Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho CB, GV và SV.

## *3. Điểm tồn tại:*

Hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra.

## *4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị, người thực hiện                     | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Nhà trường đầu tư sửa chữa, nâng cấp KTX, có biện pháp đổi mới cách quản lý KTX, tạo điều kiện tốt nhất về nơi ăn ở cho SV.                                                                                                | P.TCHC;<br>Ban QLKTX;<br>P.CTCTSV &<br>HTDN | Hàng năm<br>(Từ năm 2025-2026)  |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục quan tâm, hoàn thiện hơn nữa về công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB và SV. Tổ chức thêm các lớp tập huấn cho CBNV, GV, SV về các biện pháp phòng chống dịch bệnh, giữ gìn vệ sinh môi trường. | P.Y tế;<br>P.TCHC;<br>P.CTCTSV &<br>HTDN    | Hàng năm<br>(Từ năm 2025-2026)  |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

**Kết luận về Tiêu chuẩn 9:**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Ngành Kỹ thuật Xây dựng là lĩnh vực có tính thực hành cao, đòi hỏi người học thường xuyên tiếp xúc với môi trường mô phỏng công trường, thiết bị đo đạc kỹ thuật, vật liệu xây dựng, và các phần mềm mô phỏng thiết kế – kết cấu – thi công. Vì vậy, hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ thông tin đóng vai trò quyết định trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng năng lực đầu ra cũng như yêu cầu nghề nghiệp thực tiễn.

Trong những năm qua, Trường ĐHPT đã có chiến lược đầu tư rõ ràng và đồng bộ vào cơ sở vật chất cho ngành Kỹ thuật Xây dựng, dưới sự định hướng và phối hợp triển khai của Khoa Kỹ thuật – Công nghệ. Các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành xây dựng, khu vực thí nghiệm vật liệu, kết cấu và nền móng được bố trí hợp lý, trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ giảng dạy, thực hành và nghiên cứu ứng dụng. Song song đó, hệ thống thư viện – học liệu được tổ chức khoa học, cập nhật tài nguyên chuyên ngành xây dựng và kết nối với không gian học liệu số, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận thông tin chuyên sâu.

Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu, bao gồm mạng máy tính, phần mềm chuyên ngành, hệ thống học trực tuyến, máy chủ và các nền tảng

hỗ trợ quản lý học tập, đã được đầu tư và cập nhật thường xuyên. Điều này góp phần nâng cao tính linh hoạt trong phương pháp giảng dạy và hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập và làm đồ án tốt nghiệp.

Nhà trường cũng rất chú trọng đến việc đảm bảo an toàn, sức khỏe và môi trường trong quá trình học tập và thực hành, đặc biệt trong các xưởng và phòng thí nghiệm có yếu tố rủi ro cao. Các nội quy, quy trình ứng phó khẩn cấp và diễn tập phòng cháy, sơ cứu tai nạn được tổ chức định kỳ, góp phần nâng cao ý thức phòng ngừa và kỹ năng xử lý tình huống cho sinh viên. Ngoài ra, Trường cũng từng bước lồng ghép yếu tố tiếp cận cho người học khuyết tật, thể hiện sự nhân văn, công bằng trong định hướng phát triển giáo dục toàn diện và hòa nhập.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Tuy nhiên, một số mặt vẫn cần tiếp tục hoàn thiện như: tăng cường đầu tư thiết bị phục vụ thực hành mô phỏng thi công công trình quy mô lớn, mở rộng phần mềm thiết kế – kiểm định kết cấu, triển khai khảo sát phản hồi từ người học và doanh nghiệp về mức độ hài lòng với cơ sở vật chất, cũng như nâng cấp khả năng khai thác học liệu số theo hướng chủ động – thông minh hơn.

*Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 8:*

Căn cứ kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí, trong đó có 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm và 2 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

**Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.**

**Mở đầu:**

Từ khi thành lập khoa cho đến nay, Khoa luôn ý thức rõ nhiệm vụ nâng cao chất lượng giảng dạy. Từ đó thúc đẩy đến hành động thực tiễn, các giảng viên của khoa không ngừng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của các ngành học trong đó có ngành KTXD. Khoa hàng năm phát triển chương trình dạy học đảm bảo cho sinh viên đạt được chuẩn đầu ra của ngành KTXD. Trong quá trình học và đặc biệt là sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể áp dụng một cách linh hoạt các kỹ năng, kiến thức trong nhà trường vào thực tiễn công việc, thực tiễn cuộc sống, đáp ứng tốt các yêu cầu của nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, khoa và Trường không

ngừng đầu tư trang thiết bị thực hành, hệ thống thông tin, thư viện, hệ thống mạng internet... để việc giảng dạy của giảng viên và việc học của sinh viên đạt chất lượng cao.

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.***

***1. Mô tả hiện trạng:***

CTDH ngành KTXD được thiết kế và điều chỉnh dựa trên nội dung thông tư mới của Bộ GDĐT, văn bản quy định, hướng dẫn xây dựng và thẩm định CTĐT và CDR của trường [H10.10.01.01]. CTDH ngành KTXD đã được điều chỉnh vào năm 2021, 2022 và 2024 theo kế hoạch rà soát CTDH định kỳ chung của nhà trường và kế hoạch cụ thể của Khoa [H10.10.01.02].

Ngoài ra, theo Kế hoạch ĐBCL hằng năm của Trường, Phòng KT-ĐBCL-TTPC cũng khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan, qua đó cũng thu thập ý kiến phản hồi liên quan đến CTĐT [H10.10.01.03], [H10.10.01.05].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được Khoa lấy làm nguồn dữ liệu quan trọng, làm căn cứ để tiến hành điều chỉnh và phát triển CTDH một cách hiệu quả và phù hợp với thực tế. Các bên liên quan bao gồm doanh nghiệp sử dụng lao động, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cán bộ giảng viên, nhân viên, cựu SV và SV đang học tập tại Trường. Việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến (link khảo sát), gửi phiếu khảo sát, phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại, tổ chức hội thảo...theo quy định, các biểu mẫu khảo sát của Nhà trường ban hành [H10.10.01.04], cụ thể như sau:

Đối với SV đang học, hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của tất cả SV về hoạt động giảng dạy học phần của GV và của SV năm cuối về CTDH trên phiếu khảo sát/phần mềm khảo sát trực tuyến thông qua tài khoản cá nhân của SV. Ngoài ra, định kỳ hằng năm nhà trường còn tổ chức hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với sinh viên, các buổi sinh hoạt, đối thoại giữa lãnh đạo Khoa với sinh viên [H10.10.01.05], [H10.10.01.06].

Đối với GV, Khoa lấy ý kiến của GV cơ hữu và GV thỉnh giảng đang giảng dạy, các chuyên gia đầu ngành về CĐR và CTDH bằng các buổi họp chuyên môn, họp lấy ý kiến, phiếu khảo sát, hội thảo lấy ý kiến. Ý kiến của các thầy cô giúp điều chỉnh CĐR và CTDH phù hợp với thời gian giảng dạy và năng lực của người học [H10.10.01.07], [H10.10.01.08].

Đối với nhà tuyển dụng, cựu SV Khoa lấy ý kiến bằng nhiều hình thức như: gửi phiếu khảo sát trực tiếp, qua email, zalo, hoặc phỏng vấn qua điện thoại. Bên cạnh đó, hằng năm, theo quy định của Nhà trường khi kết thúc mỗi đợt thực tập, các cơ sở thực tập đều gửi nhận xét, đánh giá về CTDH và năng lực SV để Khoa có cơ sở điều chỉnh CTDH cho phù hợp thực tiễn [H10.10.01.07], [H10.10.01.09], [H10.10.01.10]. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được Khoa thu thập theo hệ thống như trên, đảm bảo đầy đủ các dữ liệu cần thiết, có tính khoa học, độ tin cậy về nhu cầu nguồn nhân lực từ các bên liên quan. Khoa dựa trên cơ sở dữ liệu phản hồi tiến hành tổng hợp, phân tích và chọn lọc những ý kiến phù hợp để làm căn cứ thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTDH ngành KTXD [H10.10.01.11], [H10.10.01.12]. Cụ thể, căn cứ phản hồi của nhà tuyển dụng và giảng viên, Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh CTDH như sau: Các học phần được phân bổ trải đều thành 11 học kỳ với số tín chỉ cho từng học kỳ tương đương nhau dao động từ 13-16 tín chỉ/học kỳ. Thống nhất sử dụng tên học kỳ theo số thứ tự từng học kỳ, không sử dụng tên học kỳ hè. Gộp chung hai học phần “Đại số tuyến tính” (2 tín chỉ) và “Giải tích” (3 tín chỉ) thành một học phần “Toán cao cấp” (3 tín chỉ). Thay đổi số tín chỉ học phần “Đồ án tốt nghiệp” (8TC) thành (7TC). Học phần “Kỹ năng mềm” được phân bổ cố định ở học kỳ 10.

Định kỳ hằng năm Phòng KT-ĐBCL-TTPC còn phối hợp với Khoa tiến hành khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy từng học phần, khảo sát ý kiến SV cuối khóa về CTDH, khảo sát ý kiến GV về CTDH, khảo sát ý kiến cựu SV về tình hình việc làm, các yêu cầu của nhà tuyển dụng, khảo sát ý kiến doanh nghiệp về CTDH, chất lượng SV tốt nghiệp ngành KTXD, nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp trong tương lai. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Phòng KT-ĐBCL-TTPC tiến hành tổng hợp và gửi tới Khoa, để tham khảo, bổ sung thông tin cho việc rà soát và điều chỉnh CTDH đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.01.4], [H10.10.01.05], [H10.10.01.06], [H10.10.01.09], [H10.10.01.10].

## 2. Điểm mạnh:

Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch cụ thể rõ ràng về việc tổ chức khảo sát ý kiến SV, cựu SV, GV, CBNV, NTD. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với nhiều hình thức đa dạng như: đối thoại trực tiếp, phiếu khảo sát, link khảo sát, email, zalo, hội thảo lấy ý kiến...

Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao được sử dụng để thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTDH.

## 3. Điểm tồn tại:

Ngành KTXD có quyết định mở ngành từ năm 2021 đến thời điểm làm báo cáo kiểm định chất lượng năm 2025 chỉ mới có 1 khóa sinh viên đầu tiên tốt nghiệp. Do đó, còn hạn chế thời gian về việc ghi nhận dữ liệu khảo sát của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng.

Tỷ lệ phản hồi của các đối tượng là sinh viên, nhà tuyển dụng còn khá thấp có thể do thiếu quan tâm hoặc không có thời gian tham gia khảo sát. Một số khảo sát mang tính cảm tính, còn sơ sài và chưa phản ánh đúng trọng tâm vấn đề.

## 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị, người thực hiện           | Thời gian thực hiện/ hoàn thành    | Ghi chú |
|----|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối ưu hóa việc thiết kế khảo sát: ngắn gọn, rõ ràng, tập trung vào vấn đề trọng tâm.</li> <li>- Kết hợp các chuyên công tác đến thăm và tặng quà doanh nghiệp, qua đó hướng dẫn doanh nghiệp khảo sát trực tiếp tại chỗ và thu thập kết quả.</li> <li>- Áp dụng các công cụ khảo sát trực tuyến, phân tích dữ liệu tự động để tiết kiệm thời gian.</li> </ul> | Khoa KTCN;<br>P.KT-ĐBCI-<br>TT&PC | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |
| 2  | Phát huy          | Khoa sử dụng phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để đánh giá, điều chỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Khoa KTCN;<br>P.QLĐT              | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

| TT | Mục tiêu  | Nội dung                                                                                                      | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
|    | điểm mạnh | CTDH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và xu hướng của xã hội. |                         |                                 |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.***

*1. Mô tả hiện trạng:*

Việc thiết kế và phát triển CTĐT ngành KTXD được thực hiện theo quy định chung của Bộ GD&ĐT và quy trình thống nhất do Nhà trường ban hành. [H10.10.01.01]

Việc rà soát, đánh giá, cải tiến, thiết kế CTĐT được thực hiện theo kế hoạch cụ thể [H10.10.01.02]. Sau khi nhận kế hoạch chung từ trường, Khoa tiến hành thành lập tổ soạn thảo CTĐT và CDR phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên. Việc khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện trên diện rộng và là dữ liệu quan trọng để xây dựng và điều chỉnh CTDH. [H10.10.01.05], [H10.10.01.06], [H10.10.01.07], [H10.10.01.08], [H10.10.01.09], [H10.10.01.10], [H10.10.01.11].

Ngoài ra, Khoa còn thực hiện đối sánh với các CTĐT tiên tiến của các trường Đại học lớn trong nước để làm căn cứ điều chỉnh, nâng cao chất lượng CTĐT [H10.10.02.01]. Sau đó, Khoa tiến hành làm báo cáo rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT, đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT, CDR ngành KTXD. Khoa cũng tiến hành họp Hội đồng Khoa học Đào tạo cấp Khoa để thống nhất các nội dung điều chỉnh, làm báo cáo chi tiết những nội dung cần sửa đổi cập nhật, hoàn thiện CTĐT đã điều chỉnh gửi cho Phòng Quản lý Đào tạo và Hội đồng Khoa học Đào tạo trường xem xét, thẩm định và ra quyết định ban hành. [H10.10.02.02], [H10.10.01.12].

CTDH ngành KTXD đã được rà soát, điều chỉnh định kỳ 02 năm một lần để phù hợp với tình hình cụ thể trong từng giai đoạn phát triển. Cụ thể năm 2021 Phòng QLĐT rà soát, cập nhật phụ lục hướng dẫn về xây dựng CDR và CTĐT cụ thể, rõ ràng và mang tính định lượng hơn. Năm 2022, thực hiện theo quyết định 1982/QĐ-TTg ngày



18/10/2016 QĐ phê duyệt khung trình độ Quốc gia Việt Nam và TT23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021, phòng QLĐT tiếp tục ban hành kế hoạch điều chỉnh CTĐT, CĐR nhằm đáp ứng CĐR ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam với 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết đồng thời đối với ngành KTXD là ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù bậc 7 cần điều chỉnh cân đối lại số tín chỉ lý thuyết và thực hành đảm bảo theo thông tư 17/2021 của Bộ GDĐT quy định. Bên cạnh đó, năm 2022 Phòng QLĐT cũng ban hành lại các biểu mẫu liên quan đến điều chỉnh CTĐT nhằm khắc phục những điểm chưa phù hợp và cải tiến chất lượng của những chương trình sau kiểm định, biểu mẫu đảm bảo sự thống nhất chung cho tất cả các ngành của các Khoa. Năm 2024 tiếp tục điều chỉnh theo định kỳ để thống nhất các nội dung chung áp dụng cho tất cả các ngành, cụ thể như sau: Toán cao cấp phân bổ trong học kỳ 1, giảm bớt học phần tiếng anh 4 trong CTĐT, bổ sung thêm học phần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (2TC) vào CTĐT theo định hướng chung của Bộ GDĐT và giúp người học thích ứng nhanh với môi trường làm việc luôn thay đổi. [H10.10.01.12], [H10.10.01.02].

## *2. Điểm mạnh:*

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được thực hiện chặt chẽ, đồng bộ theo đúng quy trình, biểu mẫu của Trường ban hành và được cập nhật kịp thời, điều chỉnh theo thông tư, quy định mới của Bộ GDĐT.

Trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH, ngành KTXD luôn nhận được ý kiến đánh giá, góp ý của các bên liên quan. Vì thế, CTDH được xây dựng, triển khai, cải tiến một cách hiệu quả.

## *3. Điểm tồn tại:*

Vì một số lý do khách quan, chưa thể tiến hành đối sánh với chương trình của các trường đại học ngoài nước để cải tiến CTDH.

Chưa thật sự có nhiều học phần tự chọn để sinh viên lựa chọn học.

Dữ liệu khảo sát các bên liên quan (sinh viên tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) chưa cao do tính đến thời điểm viết báo cáo tự đánh giá CTĐT chưa có sinh viên ra tốt nghiệp.

## *4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị, người thực hiện                    | Thời gian thực hiện/ hoàn thành    | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Trong chu kỳ cải tiến tiếp theo, tham khảo CTĐT của 1 số trường đại học ngoài nước, mở rộng lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan đa dạng hơn để cải tiến theo hướng phù hợp với nhu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế. | Khoa KTCN;<br>P.QLĐT;<br>P.CTCTSV&<br>HTDN | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |
|    |                    | Nghiên cứu tăng số lượng các học phần tự chọn đảm bảo tính cân đối giữa các học phần bắt buộc và tự chọn                                                                                                                | Khoa KTCN;<br>P.QLĐT                       |                                    |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục rà soát, cập nhật quy trình về xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR và CTĐT đáp ứng các Quy định hiện hành của Bộ GDĐT.                                                                                           | P.QLĐT;<br>Các khoa                        | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.***

*1. Mô tả hiện trạng:*

Trường Đại học Phan Thiết đã ban hành quy định lựa chọn, thiết kế các phương pháp dạy và học và phương pháp kiểm tra đánh giá người học để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra, làm căn cứ rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra. **[H10.10.03.01]**.

Quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Hàng năm, Khoa đều xây dựng kế hoạch giảng dạy, phân bổ môn học phù hợp cho giảng viên theo kế hoạch chung của trường **[H10.10.03.02]**.

Bên cạnh đó, nhằm đánh giá, rà soát quá trình giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên, đảm bảo quá trình dạy học tương thích, phù hợp với CDR, hướng đến đạt mục tiêu học phần, Khoa đã triển khai việc thiết kế đề cương chi tiết cho mỗi học phần theo biểu mẫu mới của Phòng QLĐT ban hành cùng với quy trình hướng dẫn việc rà

soát, cải tiến cụ thể. Trong đề cương chi tiết học phần khi thiết kế nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá người học và nội dung giảng dạy đều đánh giá sự tương thích, phù hợp với các CDR học phần để đạt được mục tiêu của học phần. **[H10.10.03.03]**.

Ngoài ra, nhằm kiểm tra mức độ thực hiện của giảng viên và quá trình học tập của sinh viên, Trường đã triển khai kế hoạch dự giờ tới từng đơn vị. Từ đó, Khoa đã triển khai thực hiện kế hoạch dự giờ cho từng học kỳ, lập danh sách các giảng viên được dự giờ cũng như phân công giảng viên tham gia dự giờ, thời gian dự giờ, học phần cụ thể. Việc đánh giá chất lượng bài giảng của GV được thông qua các tiêu chí như nội dung bài giảng, PPGD, mức độ tương tác giữa GV và SV, giữa SV với SV... từ đó đưa ra nhận xét, góp ý. Ngoài ra, đối với những GV mới tuyển dụng hoặc GV chưa có kinh nghiệm, thâm niên giảng dạy, GV sẽ phải tham dự hội đồng giảng thử theo quy định của Trường để đánh giá năng lực sư phạm cũng như chất lượng bài giảng trước khi được phép giảng dạy chính thức **[H10.10.03.04]**.

Để đảm bảo hoạt động dạy và học được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, phòng KT-ĐBCL-TT&PC còn tiến hành kiểm tra hoạt động giảng dạy của các GV và học tập của SV tại các giảng đường theo thời khóa biểu. Trong trường hợp GV nghỉ dạy thì phải có báo cáo cụ thể và sắp xếp lịch dạy bù kịp thời để đảm bảo tiến độ giảng dạy. Kết quả theo dõi được Khoa và Phòng KT-ĐBCL-TTPC làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của các GV **[H10.10.03.05]**.

Bên cạnh đó, để đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, phòng KT-ĐBCL-TT&PC của Trường tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên đối với một số học phần. Kết quả khảo sát thu được là cơ sở để Trường rà soát, đánh giá lại hoạt động giảng dạy của giảng viên, đồng thời kết quả khảo sát sẽ được chuyển đến từng GV phụ trách môn học, Lãnh đạo Khoa, thông qua đó GV nắm bắt và điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp hơn. **[H10.10.01.06]**.

Hàng năm trường còn tổ chức Hội nghị “Đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo” tạo điều kiện để các giảng viên tham gia viết báo cáo tham luận về đổi mới phương pháp giảng dạy. Tính đến nay, Khoa đã tham gia đóng góp 9 bài tham luận giảng viên và 3 tham luận sinh viên được lưu trữ trong cuốn kỷ yếu hội nghị **[H10.10.03.06]**.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR được quy định cụ thể trong quy chế đào tạo trình độ đại học, quy định về thi kết thúc học phần, các quy định về hoạt động thanh tra, kiểm tra thường xuyên hoạt động giảng dạy – học tập, quy định về ngân hàng đề thi, .... **[H10.10.03.07]**. Ngoài ra, ĐCCT các HP đều thể hiện rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá **[H10.10.01.06]**.

Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần đảm bảo đánh giá được mức độ đạt được CĐR, đáp ứng mục tiêu của CĐR học phần về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học. Trường trao toàn quyền chủ động cho giảng viên trong việc ra đề thi, chấm thi và nhập điểm lên hệ thống theo đúng quy chế. Lãnh đạo Khoa chịu trách nhiệm giám sát hoạt động này thông qua việc nộp đề thi, đáp án và dò bảng điểm theo đúng yêu cầu. Bên cạnh đó, phòng Thanh tra tiến hành kiểm tra hoạt động tổ chức thi cuối kỳ của các khoa để đảm bảo tính nghiêm túc và chất lượng của kỳ thi. Hằng năm, Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TTPC triển khai cho các Khoa rà soát, đánh giá chất lượng đề thi thông qua việc phân tích phổ điểm thi của các học phần, từ đó sẽ đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng đề thi nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR học phần **[H10.10.03.08]**.

Trong quá trình học tập, ngoài các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả theo hình thức và phương pháp nêu trên. Hằng năm khoa đều tiến hành tổ chức cho sinh viên năm thứ 4 đi thực tập tại các doanh nghiệp, các công ty nhằm tăng cường cơ hội cọ xát thực tế với công việc trước khi ra trường. Đồng thời, sinh viên sẽ được trao dồi thêm năng lực bản thân và có cơ hội ứng dụng những kiến thức đã học trên ghế nhà Trường vào thực tế. Sau khi kết thúc đợt thực tập, các doanh nghiệp và công ty tiếp nhận thực tập đã gửi phản hồi về đánh giá năng lực thực tập của sinh viên từ đó làm cơ sở để đánh giá kết quả người học. Quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp được triển khai đúng theo quy định của Nhà trường. Các bước thực hiện như: thành lập Hội đồng chấm khóa luận, xây dựng phiếu chấm điểm, phiếu nhận xét của giảng viên hướng dẫn, giảng viên phản biện và thành viên hội đồng đều được thực hiện đầy đủ, đảm bảo tính khách quan, minh bạch và đúng quy trình. Việc tổ chức chấm khóa luận góp phần đánh giá toàn diện năng lực sinh viên, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, trình bày cho sinh viên năm cuối **[H10.10.01.09]**, **[H10.10.03.09]**.

## 2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã thực hiện rà soát và đánh giá thường xuyên về quá trình dạy học, và đánh giá kết quả học tập của người học thông qua các quy chế, quy định, hướng dẫn và báo cáo kết quả làm cơ sở để điều chỉnh liên tục quá trình dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với CĐR, đồng thời phù hợp với nguồn lực cũng như bối cảnh.

## 3. Điểm tồn tại:

Chủ yếu giảng viên Khoa tập trung hoàn thành tốt công tác giảng dạy nên Khoa chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho từng học phần.

## 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị, người thực hiện                  | Thời gian thực hiện/ hoàn thành    | Ghi chú |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Cần chú trọng công tác rà soát, đánh giá chất lượng đề thi, nghiên cứu xây dựng ngân hàng đề thi nhằm đánh giá tính khách quan, công bằng, đảm bảo độ tin cậy và mang tính phân loại cao để đánh giá kết quả người học | Khoa KTCN;<br>P.QLĐT;<br>P.KT-ĐBCL-TT&PC | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Duy trì quy trình cũng như việc đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá hoạt động tổ chức dạy và học, đánh giá kết quả học tập đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.                                             | P.QLĐT;<br>P.KT-ĐBCL-TT&PC;<br>Khoa KTCN | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

## 5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

**Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.**

### 1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường luôn coi công tác NCKH là một nhiệm vụ quan trọng cùng với quá trình đổi mới nội dung và phương pháp dạy học. Cụ thể, hàng năm, Phòng

QLKH&HTQT đều xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH giảng viên, sinh viên và thông báo rộng rãi để các Khoa chuyên môn đăng ký đề xuất các đề tài NCKH cấp trường, cấp tỉnh. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Chủ trì, tham gia đề tài các cấp, công bố các công trình khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, hướng dẫn sinh viên NCKH, viết sách giáo trình, bài báo khoa học... Nhà trường đã có những chính sách ưu đãi để đẩy mạnh công tác NCKH và được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ [H10.10.04.01].

Khoa luôn tập trung nghiên cứu và áp dụng vào thực tế các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Điều này được thể hiện qua các bài tham luận tham dự Hội nghị đổi mới sáng tạo trong dạy và học được tổ chức thường niên như “ Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học tại trường Đại học Phan Thiết”, “Dạy học trực tuyến: thuận lợi, khó khăn và tăng cường giải pháp hiệu quả trong dạy và học, “ Chia sẻ một số giải pháp chăm sóc sinh viên nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tại Khoa Kỹ thuật Công nghệ”, “ Đổi mới phương pháp giảng dạy và phát triển bền vững giáo dục trong bối cảnh hội nhập và đại dịch”... [H10.10.03.06].

Ngoài ra, năm học 2021-2022 giảng viên ngành KTXD đã chú trọng hơn trong công tác NCKH bằng hình thức viết báo, cụ thể TS.KTS Châu Thanh Hùng đã có 3 bài báo đăng trên Tạp chí Xây dựng năm 2022 “Tăng cường quản lý nhà nước về cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Thuận trong điều kiện biến đổi khí hậu”, nhiều dự báo khả quan hơn cho ngành xây dựng Việt Nam”, “Công tác lập, quản lý quy hoạch đô thị tại Việt Nam” đều được. Năm học 2024-2025, TS. Phạm Quốc Trường đã có 2 bài báo “Giải pháp hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư vào Đồng bằng sông Cửu Long theo hình thái chuyển đổi xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu”, “ Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư vào đồng bằng sông Cửu Long theo hình thái chuyển đổi xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu” đăng trên Tạp chí Kinh tế và dự báo, 1 bài báo tiếng anh đăng trên Tạp chí xây dựng “Identifying factors affecting cost management of investment projects in construction of technical infrastructure under the public-private partnership (PPP) approach” [H10.10.04.02].

Nhìn chung hoạt động NCKH của giảng viên và sinh viên đối với ngành KTXD còn khá hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do Khoa chỉ mới thành lập năm 2020, đội ngũ

giảng viên ngành KTXD còn hạn chế về số lượng và còn khá non trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm về phương pháp nghiên cứu khoa học. Chủ yếu giảng viên dành toàn thời gian cho công tác giảng dạy và tập huấn đào tạo nâng cao chất lượng chuyên môn. Trong thời gian gần đây, giảng viên ngành KTXD đã và đang đề xuất một số đề tài NCKH giảng viên, giáo trình chuyên môn gửi phòng QLKH&HTQT và Hội đồng Khoa học trường xem xét và triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, các đề tài NCKH sinh viên cũng sẽ được chú trọng hơn trong thời gian tới.

## 2. Điểm mạnh:

Đội ngũ giảng viên trẻ khi đề xuất các đề tài NCKH sẽ mang nhiều tính mới, sáng tạo, sử dụng các công nghệ mới để thực hiện và ứng dụng hiệu quả vào thực tế.

## 3. Điểm tồn tại:

Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên hiện vẫn còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do lịch giảng dạy và học tập khá dày, khiến giảng viên chủ yếu tập trung vào công tác giảng dạy, còn sinh viên ưu tiên hoàn thành các môn học và đồ án đúng theo tiến độ và thời hạn quy định. Điều này phần nào ảnh hưởng đến thời gian và nguồn lực dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học trong toàn ngành.

Kinh phí dành cho NCKH giảng viên và sinh viên còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị, người thực hiện           | Thời gian thực hiện/hoàn thành     | Ghi chú |
|----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | Phân bổ lịch giảng dạy hợp lý để GV cân đối giữa số giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đảm bảo theo quy định của trường.                                                                                                        | BGH;<br>P.QLKH-HTQT;<br>Khoa KTCN | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |
|    |                   | Đề xuất Nhà trường điều chỉnh quy chế Chi tiêu nội bộ, tăng đầu tư kinh phí thực hiện dành cho NCKH của GV và SV vì đề tài NCKH của khối ngành Kỹ thuật đòi hỏi thời gian thực hiện dài và phải đầu tư nhiều kinh phí để | P.QLKH&HTQT;<br>Khoa KTCN         |                                    |         |

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                       | Đơn vị, người thực hiện              | Thời gian thực hiện/hoàn thành     | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|---------|
|    |                    | tạo ra sản phẩm cuối cùng của đề tài.                                                                                          |                                      |                                    |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục đề xuất các đề tài mang tính ứng dụng cao. Sử dụng các công nghệ hiện đại, phần mềm chuyên ngành để thực hiện đề tài. | P.QLKH&HTQT;<br>P.QLĐT;<br>Khoa KTCN | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

***1. Mô tả hiện trạng:***

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến thường xuyên, có kế hoạch rõ ràng. Trường ĐHPT có những văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng trong đó có liên quan đến dịch vụ hỗ trợ GV và SV [H10.10.05.01], [H10.10.05.02]. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập được Nhà trường và Khoa đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng. CSVC của Khoa gắn liền với CSVC của Nhà Trường (bao gồm phòng học và các thiết bị) [H10.10.05.03]. Thư viện trường đã triển khai thành công cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ toàn diện cho công tác đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống thư viện điện tử này có thể truy cập thông qua trang website chính thức tại địa chỉ lib.upt.edu.vn, mang đến cho SV và GV nguồn tài liệu phong phú và đa dạng, hỗ trợ đắc lực cho quá trình học tập và giảng dạy [H10.10.05.04]. Đồng thời, Nhà trường chú trọng kết nối với thư viện của các CSGD đại học khác để mở rộng khả năng tiếp cận tài nguyên phong phú và đa dạng hơn. Thư viện Trường ĐHPT là thành viên của Hiệp hội Thư viện miền nam, kết nối thư viện điện tử với Thư viện Trường Đại học Tây Đô vào tháng 08/2023, Thư viện Trường ĐHPT đã chính thức kết nối vào thư viện số dùng chung của Trung tâm Tri thức số thuộc Viện Nghiên cứu và Phát triển Tri thức số Việt Nam [H10.10.05.05].



Nhà trường luôn nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy dựa trên kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ thực hành thí nghiệm, đầu tư máy móc phục vụ thực hành giảng dạy hay không gian tự học. Tất cả kế hoạch đều thực hiện theo quy trình hợp lý vận dụng linh hoạt theo từng thời điểm và luôn hỗ trợ kịp thời cho hoạt động dạy và học của GV và SV. Nhà trường thực hiện duy trì cơ sở vật chất bằng việc kiểm tra và thay thế các trang thiết bị hỏng hóc trước khi năm học mới bắt đầu **[H10.10.05.06]**, **[H10.10.05.07]**. Tình hình sử dụng và khai thác CSVC được theo dõi thông qua sổ theo dõi thường xuyên và kiểm kê tài sản cuối năm **[H10.10.05.08]**. Căn cứ vào kết quả đánh giá, Nhà trường có kế hoạch đầu tư hàng năm bằng nguồn kinh phí của trường. Ngoài ra, Nhà trường phân bổ kinh phí hàng năm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ **[H10.10.05.09]**.

Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, nếu phát sinh hư hỏng, các CB phụ trách đề nghị Phòng TC-HC kiểm tra để có biện pháp sửa chữa hoặc mua mới thay thế phù hợp. Việc sửa chữa, thay thế trang thiết bị được tiến hành kịp thời, đảm bảo hiệu quả sử dụng trong dạy-học phục vụ cho CTĐT. Đặc biệt, bộ phận phụ trách cơ sở vật chất của Nhà trường cũng thường xuyên rà soát để xử lý các vấn đề phát sinh kịp thời **[H10.10.05.10]**.

Tại Thư viện, tài liệu học tập luôn được đánh giá và bổ sung **[H10.10.05.11]**. Hàng năm, thư viện có kế hoạch bổ sung nguồn tài liệu dựa trên cơ sở đề xuất của các Khoa chuyên môn, từ đó xây dựng nguồn dữ liệu đa dạng cho người học **[H10.10.05.12]**.

Dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe học đường cũng được Trường rất quan tâm. Các kế hoạch nâng cấp dịch vụ y tế cũng được thống kê hàng năm lập kế hoạch thực hiện và đánh giá hiệu quả sử dụng **[H10.10.05.13]**.

Hàng năm Nhà trường cũng có kế hoạch và đã tiến hành khảo sát CB, GV và SV về mức độ đáp ứng của CSVC và các dịch vụ hỗ trợ. Căn cứ trên các kết quả trên, Nhà trường tiến hành phân tích hiện trạng và khả năng đáp ứng nhu cầu của CSVC và dịch vụ hỗ trợ đối với các hoạt động đào tạo **[H10.10.05.14]**.

Ngoài việc lấy ý kiến đánh giá của SV về điều kiện CSVC phục vụ trực tiếp cho việc học, Khoa cũng đánh giá những dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến hoạt động đời sống của SV thông qua các Cố vấn học tập, Hội SV và Đoàn Thanh niên. Những dịch

vụ này (chất lượng phòng ở KTX, hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe cho SV, công tác hỗ trợ của cố vấn học tập,...) cũng ít nhiều có ảnh hưởng đến chất lượng học tập của SV và cảm nhận hài lòng của SV về môi trường đại học nói chung, về Khoa KTCN nói riêng. Nhìn chung, SV của Khoa hài lòng với chất lượng của các hoạt động hỗ trợ này ở mức trung bình cao. Để phát huy vai trò của Cố vấn học tập, Khoa cũng sát sao trong việc nhắc nhở các Cố vấn học tập ngoài việc duy trì lịch làm việc cố định với SV (một lần/tháng), cố vấn học tập nên thường xuyên tiếp xúc với SV trong các giờ giải lao giữa các tiết học để nắm bắt tình hình SV kỹ hơn. Hầu hết, các CBGVNV trong Khoa luôn sẵn sàng tư vấn cho SV mỗi khi các em có nhu cầu. Dịch vụ hỗ trợ SV đa dạng và hiệu quả như: tìm kiếm học bổng, ngày hội kết nối doanh nghiệp và việc làm sinh viên,... [H10.10.05.15]. Phòng CTCTSV và QHDN với mục đích trở thành địa chỉ tin cậy để người học tìm đến chia sẻ, tìm hiểu; cung cấp những thông tin cần thiết, các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ phục vụ cuộc sống, học tập, sinh hoạt và tìm kiếm cơ hội, việc làm; kết nối cựu người học, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng [H10.10.05.16].

## *2. Điểm mạnh:*

Nhà trường có văn bản hướng dẫn cụ thể liên quan đến dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV; tiến hành đánh giá định kỳ về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập thông qua cơ chế phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là sinh viên cuối khóa; cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV hằng năm dựa trên kết quả đánh giá định kỳ. Cụ thể, Nhà trường đã và đang tích cực đầu tư cho CSVC, hạ tầng phục vụ đào tạo, NCKH của CBGV, SV Trường; trang bị những thiết bị hiện đại, không gian thoải mái cho các giảng đường nhằm phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và tăng cường nguồn học liệu mở.

## *3. Điểm tồn tại:*

Một số phản hồi của các bên liên quan về CSVC, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Các thiết bị, máy móc ở một số giảng đường đôi khi có sự cố; Chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực trong Nhà trường còn yếu.

## *4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị, người thực hiện     | Thời gian thực hiện/hoàn thành     | Ghi chú |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Nhà trường tạo điều kiện đáp ứng kịp thời các phản hồi của các bên liên quan về CSVC, tiện ích nếu phù hợp.                                                                                                                                                                                         | P.TC-HC;<br>P.KT-ĐBCL-TT&PC | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Nhà trường thường xuyên rà soát lại chất lượng của các thiết bị, máy móc ở các giảng đường và thay thế, sửa chữa, kịp thời khắc phục các sự cố hỏng hóc trang thiết bị; Nâng cấp hệ thống wifi đủ mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho GV, SV khai thác và chia sẻ thông tin trong học tập, nghiên cứu. | P.TC-HC<br>Ban TT-TT&QTM    | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

**Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.**

1. Mô tả hiện trạng:

Việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để điều chỉnh các khâu trong công tác đào tạo nhằm liên tục cải tiến chất lượng đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản bao gồm Quy định đảm bảo chất lượng, quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị và quy trình, hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để triển khai một cách hệ thống [H10.10.06.01]. Trong đó, công tác khảo sát, lấy ý kiến phản hồi được giao cho phòng KT,ĐBCL,TT&PC, các đơn vị chức năng và các khoa phối hợp thực hiện theo quy trình thống nhất, bao gồm các bước từ việc xây dựng kế hoạch, thu thập, tổ chức thực hiện, xử lý, báo cáo, chuyển nhận và lưu trữ thông tin, cải tiến và giám sát hoạt động cải tiến việc thực hiện lấy ý kiến phản hồi [H10.10.06.02].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được xem xét, đánh giá nhằm liên tục cải tiến nâng cao được chất lượng phản hồi. Các nội dung xem xét, đánh giá được thực hiện từ quy trình khảo sát, công cụ thực hiện và cấu trúc, nội dung phiếu hỏi. Nhà trường thường xuyên thực hiện các hoạt động: khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy,

hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV; khảo sát ý kiến của SV năm cuối về chất lượng CTĐT; khảo sát ý kiến của SV mới tốt nghiệp về tình hình việc làm và CTĐT; khảo sát cựu SV, nhà sử dụng lao động về CĐR và CTĐT; khảo sát ý kiến người học về CSVC và hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo,... [H10.10.06.03], [H10.10.06.04], [H10.10.06.05], [H10.10.06.06], [H10.10.06.07], [H10.10.06.08]. Mỗi loại hình khảo sát được quy định cụ thể về việc tổ chức khảo sát và việc tích hợp dữ liệu, viết báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát. Ngoài ra, Phòng QLĐT xây dựng quy trình và bộ phiếu khảo sát các bên liên quan để riêng về xây dựng CTĐT, phục vụ hoạt động rà soát điều chỉnh, xây dựng các CTĐT theo định kỳ 2 năm 1 lần. Các khoa căn cứ kế hoạch và các biểu mẫu hướng dẫn chung của Nhà trường để thực hiện theo từng ngành học.

Việc khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức: khảo sát online qua phần mềm, phát phiếu hỏi, email, điện thoại, hội thảo, họp mặt, gặp gỡ các bên liên quan,... [H10.10.06.09], [H10.10.06.10].

Dựa trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan trong trường và kiến nghị của chuyên gia đánh giá ngoài. Phòng KT-ĐBCL-TTPC, P.QLĐT đã điều chỉnh, cải tiến mới bộ phiếu khảo sát, quy trình khảo sát, phương pháp thực hiện các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan [H10.10.06.11]. Quy trình và bộ phiếu khảo sát các bên liên quan được lấy ý kiến tất cả các Khoa, GV trong trường, ý kiến BGH trước khi ban hành.

Ngoài ra, Khoa và các đơn vị có liên quan cũng tổ chức họp thảo luận về các ý kiến phản hồi trong đơn vị nhằm đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng trong năm học tiếp theo và báo cáo cho Nhà trường [H10.10.06.12]. Dựa trên kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa, Nhà trường đã trang bị thêm thiết bị để nâng cao chất lượng Cơ sở vật chất tại trường; cụ thể, xây dựng thêm nhà để xe cho sinh viên, trang bị thêm máy lạnh ở một số phòng học, các phòng học còn lại được trang bị thêm quạt, bổ sung thêm máy tính ở các phòng học thực hành,...

## *2. Điểm mạnh:*

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường quy định qua các văn bản và đã đảm bảo có tính hệ thống và được đánh giá, cải tiến.

## *3. Điểm tồn tại:*

Khoa chưa thu hút được nhiều NTD tham gia khảo sát, lấy ý kiến để cải tiến chất lượng CTĐT. Ngoài ra, các kết quả khảo sát và tầm quan trọng của các kết quả này chưa được phổ biến rộng rãi đến CBGVNV, SV và NTD, do đó các đối tượng này có thể chưa hiểu hết tầm quan trọng của các khảo sát.

*4. Kế hoạch hành động:*

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị, người thực hiện                   | Thời gian thực hiện/ hoàn thành    | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Khoa KTCN cần xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ thông tin liên lạc các NTD có sử dụng SV tốt nghiệp CTĐT ngành KTXD, hoặc các đơn vị nhận SV ngành KTXD thực tập giữa khóa và cuối khóa, để có thể kết nối được nhiều hơn các NTD tham gia đánh giá. Ngoài ra, từ đó Khoa cũng có thể thiết lập kênh kết nối liên lạc hiệu quả giữa Khoa (đơn vị đào tạo) và doanh nghiệp (đơn vị sử dụng), ví dụ như gửi thư cảm ơn, hoặc hỏi nhận xét đánh giá tới các NTD này sau mỗi kỳ thực tập của SV. | Khoa KTCN                                 | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục đánh giá, hoàn thiện cơ chế và hệ thống thu thập ý kiến từ các bên liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | P.KT-ĐBCL-TT&PC;<br>P.QLĐT;<br>Các đơn vị | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

*5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)*

***Kết luận về Tiêu chuẩn 10:***

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023, Nhà trường đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo thông qua một số hoạt động chính như sau:

- Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan đã được Nhà trường sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT;

- Việc thiết kế và phát triển, được thiết lập, được đánh giá và cải tiến 02 lần trong 5 năm gần đây cho phù hợp với các văn bản của Bộ GD&ĐT, ĐHTN và nhu cầu của các bên liên quan;

- Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Nhà trường đã xây dựng cơ chế để tất cả các đơn vị trong toàn trường thường xuyên cùng tham gia vào việc rà soát công tác đánh giá người học, phương pháp giảng dạy trong mỗi khoảng thời gian thực hiện CTĐT;

- Đội ngũ giảng viên trẻ khi đề xuất các đề tài NCKH sẽ mang nhiều tính mới, sáng tạo, sử dụng các công nghệ mới để thực hiện và ứng dụng hiệu quả vào thực tế;

- Nhà trường đã và đang tích cực đầu tư cho CSVC, hạ tầng phục vụ đào tạo, NCKH của CBGV, SV Trường; trang bị những thiết bị hiện đại, không gian thoải mái cho các giảng đường nhằm phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và tăng cường nguồn học liệu mở;

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường quy định qua các văn bản và đã đảm bảo có tính hệ thống và được đánh giá, cải tiến.

*Những điểm còn hạn chế:*

- Do Khoa mới thành lập năm 2020 nên còn hạn chế thời gian về việc ghi nhận dữ liệu khảo sát của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng;

- Tỷ lệ phản hồi của các đối tượng là sinh viên, nhà tuyển dụng còn khá thấp;

- Vì một số lý do khách quan, chưa thể tiến hành đối sánh với chương trình của các trường đại học ngoài nước để cải tiến CTDH;

- Chưa thật sự có nhiều học phần tự chọn để sinh viên lựa chọn học;

- Dữ liệu khảo sát các bên liên quan (sinh viên tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) chưa cao do tính đến thời điểm viết báo cáo tự đánh giá CTĐT chưa có sinh viên ra tốt nghiệp.

- Chủ yếu giảng viên Khoa tập trung hoàn thành tốt công tác giảng dạy nên Khoa chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho từng học phần;

- Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên hiện vẫn còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do lịch giảng dạy và học tập khá dày, khiến giảng viên chủ yếu tập trung vào công tác giảng dạy, còn sinh viên ưu tiên hoàn thành các môn học và đồ án đúng theo tiến độ và thời hạn quy định. Điều này phần nào ảnh hưởng đến thời gian và nguồn lực dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học trong toàn ngành. Kinh phí dành cho NCKH giảng viên và sinh viên còn hạn chế;

- Một số phản hồi của các bên liên quan về CSVC, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời. Chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực trong Nhà trường còn yếu;

- Khoa chưa thu hút được nhiều NTD tham gia khảo sát, lấy ý kiến để cải tiến chất lượng CTĐT. Ngoài ra, các kết quả khảo sát và tầm quan trọng của các kết quả này chưa được phổ biến rộng rãi đến CBGVNV, SV và NTD, do đó các đối tượng này có thể chưa hiểu hết tầm quan trọng của các khảo sát.

#### *Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 10:*

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí, trong đó có 03 tiêu chí đạt điểm 4/7 và 02 tiêu chí đạt điểm 5/7.

### **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

#### **Mở đầu:**

Nhằm đảm bảo chất lượng và CĐR, việc định kỳ đánh giá kết quả đầu ra được xem là một trong số những cách thức quan trọng của Khoa và Trường nhằm thực hiện nhiệm vụ nêu trên. Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KTOTO được xác định một cách rõ ràng, thể hiện được sự cam kết với người học, xã hội và được công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. CĐR của ngành KTOTO được xác định tương thích với yêu cầu của thị trường lao động và được đánh giá bởi các bên liên quan. SV tốt nghiệp ngành KTOTO đáp ứng được yêu cầu của các BLQ. Công tác NCKH của SV được Nhà trường và Khoa chú trọng, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai thực hiện. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng dịch vụ giáo dục, CTDH, kết quả đào tạo được xác lập và giám sát. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm của SV ngành KTOTO được xác lập và được đối sánh qua các năm để từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT.

***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

***1. Mô tả hiện trạng:***

Trường ĐHPT tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Trong quá trình đào tạo, trường ĐHPT đã thiết kế CTĐT, bố trí các HP một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian để SV hoàn thành chương trình học. Đối với các CTĐT Đại học hệ chính quy, các ngành có thời gian thiết kế chuẩn là 4 năm [H11.11.01.01].

Trước khi bước vào năm học mới, Phòng QLĐT và các Khoa lập kế hoạch đào tạo trong đó có xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả các CTĐT. Số lượng SV thôi học ngành KTOTO được Khoa KTCN nhật thường xuyên ngay khi có trường hợp SV thôi học. Số lượng, danh sách SV tốt nghiệp được cập nhật 2 lần trong 1 năm, sau mỗi đợt tổ chức xét công nhận tốt nghiệp của Trường. Đồng thời, căn cứ vào việc đánh giá kết quả học tập, kết quả rèn luyện và tỷ lệ thôi học các năm trước đây để làm cơ sở dự báo tỷ lệ trên. Qua đó, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của SV toàn trường và của SV ngành KTOTO được dự đoán, xác lập, và đánh giá, phân tích, đối sánh qua các năm và giữa các ngành đào tạo trong Trường và báo cáo BGH trong các Kế hoạch năm học và Báo cáo tổng kết năm học của Khoa KTCN và Phòng QLĐT [H11.11.01.02]. Nhà trường có hệ thống quản lý, theo dõi giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của SV thông qua các hoạt động như cảnh báo học vụ (Phòng QLĐT phối hợp các Khoa), phần mềm quản lý điểm (Phòng QLĐT), đánh giá kết quả rèn luyện của SV (Phòng CTCTSV phối hợp với các Khoa). Trong quá trình học tập, NH phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được đề ra trong CTĐT, trong ĐCCT môn học [H11.11.01.01].

Căn cứ theo Quy chế đào tạo theo hệ thống chế tín chỉ của Bộ GDĐT, Trường ĐHPT ban hành quy chế đào tạo để theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả học tập, tỷ lệ tốt nghiệp của SV hàng năm nhằm đưa ra các biện pháp cải tiến phù hợp [H11.11.01.03]. Trường cũng ban hành chức năng nhiệm vụ của P.QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, chức năng nhiệm vụ của từng Khoa để các cán bộ nhân viên chuyên trách theo dõi tỷ lệ này, báo cáo lãnh đạo và hỗ trợ SV cải thiện kết quả học tập. Trong đó P.QLĐT phụ trách quản lý điểm của NH trên phần mềm quản lý điểm, theo dõi kết quả học tập của



NH, công bố kịp thời, đầy đủ về kết quả học tập cho NH qua hệ thống quản lý trên website của Trường và gửi kết quả học tập về cho Khoa theo học kỳ, năm học **[H11.11.01.04]**. Đồng thời căn cứ trên kết quả học tập để thông báo cảnh báo học vụ theo quy chế học vụ của Trường **[H11.11.01.05]**. Bên cạnh đó, các trợ lý khoa, CVHT các Khoa chuyên môn căn cứ trên kết quả học tập để nhắc nhở và đôn đốc NH có kế hoạch học tập nhằm cải thiện kết quả học tập tốt hơn. Song song với việc theo dõi kết quả học tập, Trường ĐHPT cũng ban hành quy chế đánh giá rèn luyện để Phòng CTCTSV&HTDN phối hợp với các Khoa chuyên môn đánh giá và theo dõi kết quả rèn luyện của SV theo từng học kỳ, năm học **[H11.11.01.06]**.

Về phía Khoa, trợ lý của Khoa cũng phụ trách lưu trữ, theo dõi và cập nhật thường xuyên thông tin, kết quả học tập, danh sách bảo lưu, thôi học, tốt nghiệp... của SV ngành KTOTO để báo cáo về Phòng QLĐT. Số lượng, danh sách SV thôi học được Khoa cập nhật thường xuyên ngay khi có trường hợp SV thôi học. Ngoài ra Khoa còn thực hiện tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của SV hằng năm bằng cách liên hệ trực tiếp hoặc qua điện thoại, email, facebook,... của SV để có biện pháp động viên trở lại học tập hoặc hướng dẫn SV hoàn thành điều kiện để tốt nghiệp trong thời hạn cho phép. Qua tìm hiểu cho thấy SV ngành KTOTO nghỉ học do nhiều nguyên nhân như: chưa có kế hoạch và phương pháp học tập tốt, hoàn cảnh khó khăn, đi làm thêm nên không tập trung đến kết quả học tập, chuyển ngành khác, chưa hoàn thành các chứng chỉ điều kiện đầu ra như Tin học, ngoại ngữ **[H11.11.01.07]**.

Để thực hiện các biện pháp nhằm giảm tối đa tỷ lệ SV nghỉ học giữa chừng và tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn về phía Khoa thường xuyên thực hiện các công tác như: tổ chức sinh hoạt Khoa, lớp đầu mỗi năm học và trong năm học để phổ biến quy định về học tập, rèn luyện, điều kiện để tốt nghiệp cho SV nắm vững, thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa đội ngũ Ban cán sự lớp và CVHT của Khoa để theo dõi quá trình học tập rèn luyện SV, lập danh sách những SV nghỉ học từ 3 buổi trở lên/môn học mời những SV này lên trao đổi tìm lý do, trường hợp cần thiết sẽ liên hệ với phụ huynh của SV để trao đổi; tổ chức tư vấn phương pháp học tập cho SV; tư vấn sắp xếp lịch làm ngoài giờ và lịch học hợp lý (đối với SV đi làm thêm),... **[H11.11.01.08]**.

Bên cạnh đó, để SV gắn bó với ngành học, Khoa và Trường đã rà soát, điều chỉnh CTDH, đưa các môn cơ sở ngành vào dạy ở năm đầu nhằm gây hứng thú cho SV, bổ

sung các học phần Hướng nghiệp giúp SV tiếp cận với môi trường học tập như tổ chức các chuyên đề của ngành ô tô; tổ chức hội nghị dạy tốt - học tốt...[H11.11.01.09].

Về phía Nhà trường cũng đã có nhiều biện pháp nhằm cải tiến các chỉ số về thôi học, tốt nghiệp của SV như: Phổ biến đầy đủ quy chế về đào tạo, thời gian đào tạo, các điều kiện tốt nghiệp trong buổi sinh hoạt đầu khóa học, phát hành sổ tay SV, các thông tin về kết quả học tập từng học kỳ, kết quả điểm số tích lũy qua các năm học cũng được cung cấp đầy đủ, kịp thời cho SV qua website của trường và khoa giúp SV có thể sắp xếp thời gian để bố trí lịch học cá nhân cụ thể từng học kỳ, chủ động lên kế hoạch học tập nhằm tốt nghiệp đúng hoặc sớm tiến độ [H11.11.01.10]. Tăng cường các hoạt động hỗ trợ SV để đảm bảo điều kiện học tập như: Hỗ trợ vay vốn SV, xét học bổng Tiếp bước cho em đến trường, học bổng tuyển sinh cho SV năm nhất và các học bổng, phần thưởng học tập trong các năm học, cho SV gia hạn học phí... [H11.11.01.11]. Tổ chức xét tốt nghiệp cho SV 2 lần/1 năm để tạo điều kiện cho SV đủ điều kiện có thể được tốt nghiệp sớm nhất có thể. Một số SV chưa đủ điều kiện để xét tốt nghiệp đúng tiến độ, có thể bổ sung các điều kiện trong khoảng thời gian cho phép có quy định trong Quy chế Đào tạo của Trường để được xét công nhận tốt nghiệp. Phòng CTCTSV&HTDN chịu trách nhiệm hỗ trợ công tác SV, đánh giá rèn luyện, làm công tác tư tưởng góp phần làm giảm tỷ lệ thôi học của SV [H11.11.01.12].

Ngoài ra, hằng năm Phòng CTCTSV&HTDN kết hợp cùng các đơn vị trong Trường tổ chức các buổi đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường, Lãnh đạo các đơn vị và SV để tìm hiểu nguyên nhân và giải đáp thắc mắc, hỗ trợ SV kịp thời [H11.11.01.13].

## *2. Điểm mạnh:*

Khoa đã xác lập và triển khai hiệu quả công tác theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp của SV thông qua việc phối hợp chặt chẽ với Phòng QLĐT và các đơn vị chức năng. Dữ liệu về số lượng SV tốt nghiệp, bảo lưu, thôi học được cập nhật thường xuyên; đồng thời, Khoa chủ động dự báo, phân tích tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp qua các năm và giữa các khóa, làm căn cứ đề xuất cải tiến trong quá trình đào tạo.

Thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ SV như: liên hệ trực tiếp để tìm hiểu nguyên nhân nghỉ học, tổ chức sinh hoạt đầu khóa và giữa kỳ nhằm phổ biến quy chế học tập – rèn luyện, cảnh báo học vụ, tư vấn sắp xếp thời gian học hợp lý. Bên cạnh đó, Khoa điều

chính CTĐT theo hướng tăng sự hứng thú cho SV, như đưa các môn cơ sở ngành vào năm đầu, tổ chức chuyên đề hướng nghiệp, hội nghị học tốt – dạy tốt. Thông qua việc cập nhật thường xuyên kết quả học tập, rèn luyện và kịp thời cảnh báo SV có nguy cơ nghỉ học, Khoa đã chủ động trong công tác hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn.

### 3. Điểm tồn tại:

Mặc dù đã triển khai nhiều giải pháp, tỷ lệ SV ngành KTOTO thôi học nhưng tỷ lệ vẫn còn tương đối cao. Việc phân tích nguyên nhân thôi học còn dựa nhiều vào phương pháp thủ công, chưa có hệ thống theo dõi tập trung hoặc phần mềm hỗ trợ phân tích dữ liệu chuyên sâu.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                              | Đơn vị/Cá nhân người thực hiện         | Thời gian thực hiện/hoàn thành          | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tích cực thực hiện các biện pháp hỗ trợ SV nhằm giảm tỷ lệ SV thôi học và tốt nghiệp muộn.                                                            | Khoa KTCN, P.QLĐT                      | Thường xuyên<br>(Từ năm học 2025-2026)  |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Các bộ phận chuyên trách tăng cường ứng dụng CNTT để tiếp tục thực hiện cập nhật, giám sát thường xuyên và định kỳ tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV. | P.QLĐT;<br>Khoa KTCN;<br>P.CTCTSV&HTDN | Thường xuyên.<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

## **Tiêu chí 11.2 Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

### 1. Mô tả hiện trạng:

Vào đầu khóa học, SV sẽ được phổ biến về thời gian đào tạo của khóa học, điều kiện được tốt nghiệp trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, sổ tay SV và website trường [H11.11.01.10],[H11.11.02.01]. Phòng QLĐT tổng hợp các thông tin về kết quả học tập của SV theo từng học kỳ, năm học gửi về cho Khoa KTCN cũng như cập nhật lên hệ thống điểm để SV xem kết quả học tập và điểm số tích lũy đã hoàn thành hay

chưa hoàn thành. Qua đó, SV có thể sắp xếp thời gian để bố trí lịch học cá nhân cho hợp lý, chủ động lên kế hoạch học tập nhằm tốt nghiệp đúng hoặc sớm tiến độ **[H11.11.02.02]**.

Hàng năm, Trường ĐHPT tổ chức xét tốt nghiệp 2 lần vào cuối mỗi học kỳ chính để SV đủ điều kiện tốt nghiệp có thể nộp đơn đề nghị xét tốt nghiệp **[H11.11.02.03]**. Phòng QLĐT sẽ thống kê số lượng SV tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp gửi đến các khoa nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV và báo cáo cho BGH. Qua đó, Khoa KTCN có thể đối chiếu lại thời lượng thiết kế CTĐT có phù hợp với thực tế không **[H11.11.02.04]**. CTĐT ngành KTOTO được thiết kế với thời lượng là 4 năm, thời gian tối đa là 8 năm, phù hợp với sức học của SV cũng như đảm bảo thời gian tốt nghiệp đúng tiến độ. Ngoài ra, để được tốt nghiệp thì SV phải hoàn thành các điều kiện của CĐR như các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học cơ bản, nâng cao, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất.

Bên cạnh việc tư vấn, hỗ trợ SV hoàn thành khóa học đúng tiến độ, Nhà trường còn tạo điều kiện để SV có học lực tốt có thể đăng ký học vượt để có thể tốt nghiệp sớm tiến độ **[H11.11.02.05]**. Những SV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có các kết quả thi của mỗi học kỳ, Khoa KTCN phối hợp cùng Phòng QLĐT tiến hành xét học vụ, và gửi kết quả đến những SV bị cảnh báo kết quả học tập. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ nhằm giúp cho SV có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình, hạn chế SV bỏ học ở mức thấp nhất **[H11.11.01.11]**. Đồng thời, Khoa tiến hành họp mặt SV đầu mỗi năm học, theo dõi tình hình học của SV thông qua CVHT và Ban cán sự lớp. Đối với SV năm cuối, CVHT họp với lớp, động viên, khuyến khích và hướng dẫn SV thực hiện tốt các học phần, chương trình thực tập tốt nghiệp cũng như khóa luận tốt nghiệp. Đây là những biện pháp thiết thực nhằm giảm tỷ lệ bỏ học và giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ **[H11.11.01.08]**. Những SV không tốt nghiệp đúng tiến độ đa số do SV chưa tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT theo quy định; do còn nợ một số môn học hoặc thiếu các môn điều kiện (tin học, ngoại ngữ). Khoa luôn quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ cho SV mở các lớp học vụ theo yêu cầu, tạo điều kiện cho những SV trả nợ học phần và xét tốt nghiệp sớm nhất có thể nếu SV đủ điều kiện xét tốt nghiệp và đang trong thời gian đào tạo cho phép **[H11.11.02.06]**.

## 2. Điểm mạnh:

Hàng năm, Khoa và Trường đã tiến hành thống kê, theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành KTOTO các khóa học một cách có hệ thống. Có thực hiện nhiều biện pháp tích cực hỗ trợ giúp tỷ lệ SV tốt nghiệp tăng lên, thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa học có giảm bớt.

## 3. Điểm tồn tại:

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành KTOTO còn cao hơn thời gian tốt nghiệp đúng hạn được thiết kế cho khóa học. Khoa chưa tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa học.

## 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành         | Ghi chú |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tích cực thực hiện các biện pháp hỗ trợ SV nhằm giảm tỷ lệ SV tốt nghiệp muộn như phân công GV cố vấn lớp giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, rà soát sớm các điều kiện đầu ra của SV năm cuối để có biện pháp nhắc nhở, hỗ trợ kịp thời. | Khoa KTCN;<br>P.QLĐT    | Thường xuyên<br>(Từ năm học 2025-2026)  |         |
|    |                    | Tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành KTOTO với cùng ngành đào tạo tại các trường ĐH khác trong và ngoài nước để tìm hiểu, phân tích nguyên nhân và dự đoán xu thế nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp, kịp thời.         | Khoa KTCN;<br>P.QLĐT    | Định kỳ hằng năm (Từ năm học 2025-2026) |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Các bộ phận chuyên trách tăng cường ứng dụng CNTT để tiếp tục thực hiện cập nhật, giám sát thường xuyên và định kỳ thời gian tốt nghiệp của SV.                                                                                                   | Khoa KTCN;<br>P.QLĐT    | Thường xuyên<br>(Từ năm học 2025-2026)  |         |

## 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

### **Tiêu chí 11.3 Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

#### *1. Mô tả hiện trạng:*

Việc thống kê, lưu trữ danh sách người học tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác,... được phối hợp thực hiện bởi P. KT-ĐBCL-TTPC, P.QLĐT và các Khoa theo Quy trình về khảo ý kiến SV đã tốt nghiệp do Nhà trường ban hành và Kế hoạch thực hiện khảo sát hằng năm, Quy trình và biểu mẫu khảo sát được cập nhật và điều chỉnh đảm bảo yêu cầu về thu thập thông tin theo quy định của Bộ GDĐT (công văn số 3943/BDGDĐT-GDĐH) và mở rộng thêm các thông tin theo nhu cầu của Trường và yêu cầu trong các bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD và CTĐT của Bộ GDĐT [H11.11.03.01]. Theo đó, P.KT-ĐBCL-TTPC gửi đường link khảo sát online đến email của tất cả SV tốt nghiệp 1 năm do P.QLĐT cung cấp danh sách và thông tin. Sau một thời gian nhất định, những cựu SV không phản hồi qua email P.KT-ĐBCL-TT&PC sẽ yêu cầu các Khoa hỗ trợ gọi điện thoại trực tiếp cho cựu SV hoặc liên hệ qua facebook, zalo, người thân,... đảm bảo thu được dữ liệu tin cậy và đáp ứng yêu cầu quy định. Kết quả khảo sát sẽ được P.KT-ĐBCL-TTPC tổng hợp báo cáo đối sánh tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm giữa các năm, giữa các CTĐT trong Trường với cùng hình thức đào tạo, sau đó gửi báo cáo và dữ liệu đến tất cả các Khoa để theo dõi, giám sát và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng của Khoa [H11.11.03.02], [H11.11.03.03].

Đồng thời, Nhà trường và Khoa luôn tăng cường phối hợp với doanh nghiệp để hỗ trợ việc làm, thực tập cho SV [H11.11.03.02]. Tổ chức các ngày hội việc làm, tăng các kênh thông tin việc làm trên website Trường, tăng cường đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ cho SV. CTĐT ngành KTOTO được lồng ghép nhiều hoạt động thực hành, hướng nghiệp, thực tập tốt nghiệp, giúp SV có cơ hội trải nghiệm thực tế và tìm được việc làm phù hợp ngay khi chưa tốt nghiệp [H11.11.03.05], [H11.11.03.06].

Ngoài ra, Trường còn giao nhiệm vụ hỗ trợ việc làm cho SV cho Phòng CTCTSV&HTDN, đơn vị đầu mối liên hệ giữa SV, cựu SV và doanh nghiệp. Phòng thường xuyên phối hợp tổ chức hội chợ việc làm, giúp SV tiếp cận nhà tuyển dụng [H11.11.03.06].

Trường cũng duy trì hoạt động Hội cựu SV, tổ chức gặp mặt hằng năm để cập nhật thông tin việc làm của cựu SV và ghi nhận nhu cầu tuyển dụng từ doanh nghiệp, từ đó điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn [H11.11.03.07].

## 2. Điểm mạnh:

Khoa đã phối hợp hiệu quả với các đơn vị liên quan trong việc khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp thông qua quy trình, biểu mẫu được cập nhật định kỳ, đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ GD&ĐT. Việc thu thập dữ liệu được thực hiện qua nhiều kênh như email, điện thoại, mạng xã hội, giúp tăng độ tin cậy.

Kết quả khảo sát được đối sánh theo từng năm và giữa các ngành, từ đó Khoa có cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến phù hợp. Bên cạnh đó, Khoa chú trọng hỗ trợ SV tìm việc làm thông qua việc tăng cường liên kết với doanh nghiệp, tổ chức ngày hội việc làm, đăng tải thông tin tuyển dụng trên website và lồng ghép kỹ năng mềm, ngoại ngữ vào chương trình đào tạo. Chương trình ngành CNKTOTO còn tích hợp nhiều hoạt động thực hành, hướng nghiệp, thực tập tốt nghiệp, giúp SV sớm thích nghi với thị trường lao động.

## 3. Điểm tồn tại:

Tỷ lệ SV ngành KTOTO có việc làm sau tốt nghiệp vẫn còn thấp so với các ngành khác. Ngoài ra, tỷ lệ SV phản hồi khảo sát còn hạn chế, ảnh hưởng đến độ chính xác và tính đại diện của dữ liệu. Tỷ lệ SV ngành KTOTO có việc làm còn thấp. Khoa chưa thực hiện đối sánh trong nước và quốc tế đối với tỉ lệ có việc làm của SV ngành KTOTO.

## 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu          | Nội dung                                                                                                                                       | Đơn vị, người thực hiện        | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại | Thực hiện đối sánh tỷ lệ việc làm ngành KTOTO với các trường trong và ngoài nước, phân tích nguyên nhân, xu thế nhằm đưa ra giải pháp phù hợp. | Khoa KTCN;<br>P. KT-ĐBCL-TT&PC | Từ năm 2025-2026               |         |

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                        | Đơn vị, người thực hiện                                    | Thời gian thực hiện/hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thống kê, theo dõi tỷ lệ và chất lượng việc làm của SV sau tốt nghiệp. | P.KT-ĐBCL-TT&PC;<br>P.CTCTSV&HTDN;<br>P.QLĐT;<br>Khoa KTCN | Hàng năm<br>(Từ năm 2025-2026) |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

**Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

1. Mô tả hiện trạng:

Phát triển hoạt động NCKH trong trường ĐH là một trong những nhiệm vụ quan trọng được Nhà trường và Khoa quan tâm không kém hoạt động đào tạo. Trong đó có hoạt động NCKH của SV. Căn cứ Kế hoạch chiến lược về KHCN của Trường theo giai đoạn, P. QLKH&HTQT sẽ xây dựng kế hoạch hàng năm với các chỉ số chính về loại hình và khối lượng nghiên cứu rõ ràng, cụ thể cho hoạt động NCKH của GV và cho SV [H11.11.04.01]. Ngoài ra, P. CTCTSV&HTDN còn xây dựng các chỉ tiêu về NCKH cho SV đạt chuẩn SV5T [H11.11.04.02]. Căn cứ vào kế hoạch NCKH trong năm của toàn Trường, Khoa lập danh mục các đề tài NCKH của CBGV và SV Khoa, hướng dẫn SV đăng ký đề tài. Ngoài ra, hằng năm, P. QLKH-HTQT sẽ tổng kết thống kê hoạt động NCKH của SV trong năm và gửi lại thông tin để Khoa theo dõi, giám sát [H11.11.04.03].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa thường tổ chức hội nghị, hội thảo về KHCN dành cho SV [H11.11.04.04]. Đề tài NCKH của SV có thể được thực hiện theo cá nhân hoặc nhóm nghiên cứu (không quá 3 tác giả/đề tài), đề tài đăng ký sẽ được các tác giả trình bày, trao đổi trong cuộc họp chung của Khoa tổ chức nhằm mục đích giúp SV xác định rõ hơn tên đề tài, mục tiêu, phương pháp và trình tự tiến hành nghiên cứu [H11.11.04.05], [H11.11.04.06].

Việc tổ chức hoạt động NCKH cho SV của Trường tuân theo Thông tư 19/2011/TT-BGDĐT ban hành quy định về hoạt động NCKH của SV trong các CSGD đại học của Bộ GDĐT. Ngoài ra, hoạt động theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và



chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của SV được thực hiện Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường. Phòng QLKH-HTQT chịu trách nhiệm về các đề tài NCKH từ cấp Trường trở lên, hướng dẫn SV lập hồ sơ, theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả. SV được hỗ trợ chính bởi các GV của Khoa như chọn đề tài, lập đề cương nghiên cứu, làm thực nghiệm, sửa bài, đánh giá... Đối với các hoạt động nghiên cứu là những đồ án, khóa luận tốt nghiệp, tùy theo ngành đào tạo, đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp được áp dụng cho SV đạt mức quy định của Trường. Khoa sẽ phân công và công bố danh sách GV hướng dẫn SV thực hiện nghiên cứu. Các đề tài có chất lượng tốt sẽ được báo cáo trước HĐKH của Khoa. **[H11.11.04.03], [H11.11.04.07]**.

Chính sách về NCKH của SV cũng được HĐT đưa vào nghị quyết để thực hiện. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH (trong đó có hoạt động NCKH của SV), chuyển giao công nghệ và PVCĐ. Nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV, HĐQT đã tăng cường hỗ trợ về tài chính: tăng định mức NCKH, tăng định mức khen thưởng cho những SV đạt thành tích cao trong NCKH và các cuộc thi học thuật các cấp **[H11.11.04.08], [H11.11.04.09]**.

Việc rà soát tiến độ, chỉ tiêu các hoạt động NCKH của SV được thực hiện hằng năm do P. QLKH-HTQT tổng kết thống kê hoạt động NCKH của GV, SV trong năm từ các Khoa, đơn vị và gửi lại thông tin để Khoa theo dõi, giám sát **[H11.11.04.03]**. Việc rà soát kết quả SV làm tiểu luận, báo cáo thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp do GV giảng dạy và các Khoa và P.QLĐT thực hiện theo quy chế đào tạo. Kết quả NCKH của các dạng hoạt động này thể hiện qua kết quả tốt nghiệp của SV **[H11.11.04.06]**. Cuối mỗi năm học, Khoa tổng kết hoạt động NCKH của CBGV và của SV trong Khoa, thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV giữa các năm, giữa các CTĐT trong Trường để xây dựng kế hoạch NCKH cho năm học mới **[H11.11.01.03]**.

## *2. Điểm mạnh:*

Nhà trường có xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học, thực hiện đối sánh và có những đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của người học.

Nhà trường đã ban hành các văn bản chi tiết về NCKH của SV và triển khai sâu rộng đến tất cả đối tượng SV. Hoạt động SV NCKH, hoạt động khởi nghiệp được Khoa ngày càng chú trọng, quan tâm, điều chỉnh trong những năm gần đây, do đó, số lượng đề tài NCKH của SV đang có xu hướng tăng lên.

### 3. Điểm tồn tại:

Nhiều SV còn chưa hiểu rõ vai trò của việc tham gia NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH của Khoa, Trường nên số lượng SV tham gia các đề tài NCKH còn ít. Một số SV lựa chọn chưa đúng đề tài nên chưa đủ khả năng nghiên cứu, việc triển khai nghiên cứu thực tế của một số đề tài gặp khó khăn về thời gian, kinh phí. Khoa chưa thực hiện đối sánh trong nước và quốc tế về các hoạt động NCKH của SV.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                                                                            | Đơn vị, người thực hiện               | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tăng cường tổ chức các Hội thảo về NCKH, hướng dẫn phương pháp NCKH cho SV hằng năm. Đồng thời có những chính sách thực tế để khuyến khích cho SV tham gia NCKH.                                    | BGH;<br>P.QLKH&<br>HTQT;<br>Khoa KTCN | Từ năm học 2025-2026            |         |
|    |                    | Rà soát thường xuyên tình hình đăng ký và tiến độ thực hiện các đề tài NCKH của SV đã đăng ký để có những biện pháp tích cực để hỗ trợ SV hoàn thành sản phẩm NCKH.                                 | P.QLKH&<br>HTQT;<br>Khoa KTCN         |                                 |         |
|    |                    | Thực hiện thống kê, đối sánh hằng năm về kết quả hoạt động NCKH của SV Khoa để có những kế hoạch cải tiến phù hợp.                                                                                  | P.QLKH&<br>HTQT;<br>Khoa KTCN         |                                 |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | - Tiếp tục cải thiện các quy định chi tiết về NCKH của SV, hệ thống theo dõi giám sát NCKH SV.<br>- Đẩy mạnh và truyền thông tốt hơn vai trò của CLB NCKH nhằm khơi gợi SV niềm đam mê NCKH cho SV. | P.QLKH&<br>HTQT;<br>Khoa KTCN         | Từ năm học 2025-2026            |         |

### 5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

## **Tiêu chí 11.5 Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

### *1. Mô tả hiện trạng:*

Để thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan Nhà trường đã ban hành hai quy trình về khảo ý kiến các bên liên quan trong và ngoài trường với các biểu mẫu có các tiêu chí rõ ràng được xây dựng và điều chỉnh cập nhật cho phù hợp với yêu cầu về ĐBCL. Đối với các đối tượng khảo sát trong Trường gồm SV, CB-GV-NV để khảo sát đánh giá về chất lượng chất lượng dạy học, cơ sở vật chất, dịch vụ hỗ trợ, các hoạt động NCKH và PVCĐ của Trường. Đối với các đối tượng khảo sát ngoài Trường gồm cựu SV, Nhà tuyển dụng/Doanh nghiệp để khảo sát về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp và chất lượng, mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp cũng như đánh giá về CTĐT của Trường, ngoài ra còn thực hiện khảo sát các đối tượng hợp tác tổ chức hoặc thụ hưởng các hoạt động NCKH và PVCĐ của Trường để đánh giá về chất lượng các hoạt động này. P. KT-ĐBCL-TTPC là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng quy trình, biểu mẫu và tổ chức và hướng dẫn các đơn vị phối hợp tổ chức các hoạt động khảo sát ý kiến của Trường. Kết quả và dữ liệu khảo sát cũng được gửi đến các đơn vị liên quan để xác lập, giám sát và đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động của Trường, Khoa hằng năm [H11.11.05.01]; kèm theo đó là các Kế hoạch thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan hằng năm để các đơn vị phối hợp thực hiện [H11.11.05.02].

Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan được triển khai bằng nhiều phương pháp khác nhau như: online qua email, khảo sát bằng phiếu hỏi trực tiếp, gọi điện thoại, facebook, zalo, họp, hội thảo..., nhưng từ năm học 2020-2021 sẽ chủ yếu thực hiện bằng phương pháp khảo sát online bằng cách gửi đường link khảo sát qua email của các đối tượng được các Khoa, đơn vị thu thập thông tin và cung cấp cho P.KT-ĐBCL-TT&PC. Nếu kết quả thu được chưa đảm bảo số lượng yêu cầu thì các đơn vị liên quan sẽ phối hợp tiếp tục thực hiện các phương pháp khác để đảm bảo kết quả thu được là đáng tin cậy nhất có thể.

Tỷ lệ hài lòng của SV đối với hoạt động giảng dạy các môn học được khảo sát online qua phần mềm xem điểm của SV sau khi kết thúc mỗi học kỳ, với các nội dung (TC1) PPGD, (TC2) Nội dung giảng dạy, (TC3) Kiểm tra, đánh giá môn học; Kết quả cho thấy tỷ lệ hài lòng của SV ngành KTOTO đối với hoạt động giảng dạy đối cao và được cải thiện hơn trong các học kỳ gần đây [H11.11.03.03].

**Bảng 11.5.1. Tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy của GV**

| STT         | GV thuộc Khoa | Tỷ lệ hài lòng của SV về HĐGD các môn học (%) |       |           |      |           |      |           |      |           |
|-------------|---------------|-----------------------------------------------|-------|-----------|------|-----------|------|-----------|------|-----------|
|             |               | 2020-2021                                     |       | 2021-2022 |      | 2022-2023 |      | 2023-2024 |      | 2024-2025 |
|             |               | HK1                                           | HK2   | HK1       | HK2  | HK1       | HK2  | HK1       | HK2  | HK1       |
| 1           | KTCN          | 92.5                                          | 96.4  | 90        | 97.1 | 90.4      | 97.2 | 91.8      | 91.8 | 89.6      |
| 2           | DL            | 95.8                                          | 93.13 | 96.9      | 91.8 | 93.9      | 95.1 | 86.3      | 89.7 | 91.9      |
| 3           | TC-KT-NH      | 96.8                                          | 96.82 | 97.4      | 95.8 | 97.2      | 95.2 | 91.5      | 90.8 | 87.6      |
| 4           | NN            | 95.1                                          | 93.27 | 94.8      | 93.5 | 93.3      | 96   | 84.2      | 83.1 | 85.2      |
| 5           | QTKD          | 94.6                                          | 95.12 | 96        | 97.2 | 93.9      | 96.5 | 84.9      | 84.6 | 83.6      |
| 6           | CNTT          | 96.4                                          | 93.98 | 92.5      | 98   | 92        | 93.6 | 84.7      | 85.1 | 81.8      |
| 7           | LKT           | 93.9                                          | 83.72 | 93.8      | 93.6 | 96.2      | 97.6 | 83        | 85.5 | 82.6      |
| 8           | CB            | 97.3                                          | 91.55 | 99.4      | 93.8 | 93.4      | 93.4 | 84.9      | 84.2 | 84.9      |
| 9           | KHSK          | 0                                             | 0     | 0         | 0    | 100       | 92.5 | 94.4      | 92.6 | 94.9      |
| Toàn trường |               | 95.3                                          | 92.98 | 95.1      | 95.1 | 94.5      | 95.2 | 87.3      | 87.5 | 86.9      |

Tuy nhiên, tỷ lệ hài lòng của SV đối với toàn khóa học thông qua khảo sát ý kiến SV năm cuối về các nội dung (1) Mục tiêu và nội dung chương trình học; (2) Hoạt động giảng dạy trong khóa học; (3) Tổ chức đào tạo và đánh giá SV; (4) Tài liệu và CSVC phục vụ học tập; (5) Tư vấn, hỗ trợ SV; (6) Cảm nhận về kết quả đạt được từ khóa học có kết quả chưa thật sự cao. Trong đó, nội dung về tài liệu học tập và CSVC là cần phải cải thiện nhiều hơn nữa để tăng tỷ lệ hài lòng của SV [H11.11.05.03].

Tỷ lệ có việc làm của SV ngành KTOTO đang khảo sát và sẽ cập nhật khi có kết quả. Mức độ hài lòng của NTD đối với SV tốt nghiệp của Trường khá tốt (>80%), SV tốt nghiệp đa số đáp ứng được yêu cầu, hài lòng cao từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về kiến thức ngành và thái độ làm việc. Về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm thì có sự phân tán, không đồng đều ở các bạn cựu SV, doanh nghiệp đánh giá một số SV có kỹ năng khá tốt nhưng một số lại không như mong đợi, cần được đào tạo thêm về các kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc. Điều này cũng hoàn toàn hợp lý vì SV mới ra trường, một số bạn cũng chưa từng hoặc ít đi làm thêm trước đó nên chưa có kinh nghiệm trong giao tiếp và xử lý các tình huống thực tế nơi làm việc. Đặc biệt, SV ngành

KTOTO cần được tăng cường thêm kỹ năng về chuyên môn và rèn luyện tính chăm chỉ trong công việc [H11.11.03.03].

Ngoài các hoạt động khảo sát sự hài lòng các bên liên quan của Trường, Khoa cũng có những hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng để xây dựng, điều chỉnh CTĐT và CĐR định kỳ [H11.11.03.03].

Các kênh thông tin khác để Khoa KTCN, thu nhận ý kiến của các bên liên quan là thông qua email Khoa, điện thoại Khoa, các cuộc họp giao ban, các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Khoa, Trường với SV; các hội thảo hội nghị; ngày Hội việc làm, gặp mặt cựu SV, gặp gỡ doanh nghiệp... [H11.11.05.04], [H11.11.01.13].

Ngoài hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan của P. KT-ĐBCL-TTPC, từng bộ phận chức năng đều tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan theo quy định chức năng nhiệm vụ của đơn vị để cải tiến công việc như: P.QLKH-HTQT khảo sát về các hoạt động NCKH; P.CTCTCTSV&HTDN khảo sát về hoạt động PVCD; Thư viện tổ chức khảo sát ý kiến bạn đọc về nhu cầu và chất lượng dịch vụ; P.TCHC khảo sát về nhu cầu và tình hình phục vụ CSVN... [H11.11.05.05], [H11.11.05.06].

Các thông tin thu được Nhà trường giao trách nhiệm cho các đơn vị, Khoa chủ trì xử lý, phân tích, xây dựng các biện pháp cải tiến chất lượng CTĐT, các hoạt động đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu, nâng cao tỷ lệ hài lòng của các bên liên quan. Ngoài ra, các quy trình, công cụ khảo sát cũng được cải tiến cho phù hợp hơn, khoa học hơn, đảm bảo thu thập được những thông tin cần thiết cho hoạt động đánh giá và nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa, của Trường. Tuy nhiên, Khoa chưa thực hiện đối sánh trong nước và quốc tế với các chỉ số hài lòng của các bên liên quan. [H11.11.05.07], [H11.11.05.08], [H11.11.05.09].

## *2. Điểm mạnh:*

Khoa đã tích cực phối hợp với các đơn vị trong Trường triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ theo quy trình và biểu mẫu rõ ràng, thường xuyên cập nhật, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với yêu cầu đảm bảo chất lượng. Việc khảo sát được thực hiện đa dạng qua nhiều phương thức như online, phiếu hỏi, điện thoại, mạng xã hội, hội thảo,... giúp nâng cao tỷ lệ phản hồi. Kết quả khảo sát được tổng hợp, đối sánh giữa các

năm và giữa các đơn vị, từ đó làm cơ sở để Khoa cải tiến chất lượng đào tạo và dịch vụ hỗ trợ.

Tỷ lệ hài lòng của SV ngành KTOTO đối với hoạt động giảng dạy đạt mức cao và có xu hướng tăng qua các học kỳ. Các nhà tuyển dụng cũng đánh giá cao kiến thức chuyên môn và thái độ làm việc của SV tốt nghiệp. Khoa còn chủ động tiếp nhận phản hồi từ doanh nghiệp, cử SV qua các hội thảo, hội nghị, ngày hội việc làm, từ đó cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo định kỳ. Ngoài ra, các bộ phận chức năng trong Trường cũng thực hiện khảo sát độc lập về các mảng công việc chuyên trách, góp phần bổ sung dữ liệu toàn diện phục vụ cải tiến chất lượng.

### 3. Điểm tồn tại:

Tỷ lệ hài lòng của SV năm cuối đối với toàn khóa học vẫn còn hạn chế, đặc biệt ở các nội dung về tài liệu học tập và cơ sở vật chất. Một số nhà tuyển dụng nhận định kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm của SV chưa đồng đều, vẫn cần được tăng cường, nhất là đối với SV ít trải nghiệm thực tế. Bên cạnh đó, hoạt động đối sánh mức độ hài lòng với các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế chưa được Khoa thực hiện, dẫn đến thiếu cơ sở so sánh khách quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và đào tạo.

### 4. Kế hoạch hành động:

| TT | Mục tiêu           | Nội dung                                                                                                                                       | Đơn vị, người thực hiện                                  | Thời gian thực hiện/hoàn thành             | Ghi chú |
|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
| 1  | Khắc phục tồn tại  | Tăng cường đào tạo Tiếng Anh và kỹ năng mềm cho SV phù hợp với yêu cầu thực tế.                                                                | P.QLĐT;<br>Khoa KTCN                                     | Thường xuyên<br>(Từ năm học 2025-2026)     |         |
|    |                    | Tiến hành đối sánh các chỉ số thu được về sự hài lòng của các bên liên quan với các ngành KTOTO ở các trường ĐH khác trong và ngoài nước.      | Khoa KTCN                                                | Hàng năm<br>(Từ năm học 2025-2026)         |         |
| 2  | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục cập nhật các công cụ khảo sát cho khoa học và phù hợp với thực tiễn. Tổ chức thực hiện hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ định kỳ hằng | P.KT-ĐBCL-TT&PC;<br>P.QLĐT;<br>Khoa KTCN;<br>Các đơn vị. | Định kỳ hằng năm<br>(Từ năm học 2025-2026) |         |

| TT | Mục tiêu | Nội dung                                                    | Đơn vị, người thực hiện | Thời gian thực hiện/ hoàn thành | Ghi chú |
|----|----------|-------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------|
|    |          | năm để theo dõi, giám sát, đối sánh và cải tiến chất lượng. |                         |                                 |         |

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

***Kết luận về Tiêu chuẩn 11:***

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Khoa KTCN đã thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát và cải tiến kết quả đầu ra của chương trình đào tạo ngành KTOTO thông qua việc thu thập và phân tích các chỉ số như: tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, mức độ hài lòng của các bên liên quan và hoạt động NCKH của SV. Nhiều biện pháp hỗ trợ SV đã được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, giảm thiểu SV bỏ học và tăng khả năng tìm được việc làm sau tốt nghiệp.

Các hoạt động khảo sát ý kiến của SV, cựu SV, nhà tuyển dụng được thực hiện định kỳ với công cụ và quy trình rõ ràng, giúp Khoa nắm bắt nhu cầu thực tiễn và từng bước cải thiện chất lượng đào tạo. Hoạt động NCKH của SV có hệ thống theo dõi, giám sát và được khuyến khích triển khai thường xuyên. Mức độ hài lòng của SV đối với hoạt động giảng dạy cũng đạt tỷ lệ cao và có xu hướng tăng ổn định.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục như: tỷ lệ SV thôi học còn cao, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn chưa như mong đợi, một số SV chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện đầu ra đúng tiến độ. Hoạt động NCKH của SV chưa thật sự lan tỏa mạnh mẽ, nhiều SV còn thiếu động lực tham gia hoặc gặp khó khăn trong triển khai đề tài. Kỹ năng mềm, đặc biệt là kỹ năng ngoại ngữ và giao tiếp thực tế của SV tốt nghiệp còn hạn chế so với yêu cầu công việc.

*Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 11:*

Căn cứ kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí, trong đó có cả 05 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

### PHẦN III. KẾT LUẬN

#### 1. Tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy của CTĐT ngành KTXD

##### 1.1. Mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo

CTĐT bậc ĐH ngành KTXD có mục tiêu được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của GDĐH với CĐR được xác định rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu chung, yêu cầu chuyên môn của NH, yêu cầu của NTD, được định kỳ rà soát điều chỉnh, được công bố công khai trên website của Nhà trường.

##### 1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT KTXD đã cung cấp đầy đủ thông tin và nội dung cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện và cải tiến chất lượng CTĐT. Tất cả đề cương các HP thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, logic, nội dung cụ thể, chi tiết giúp GV và SV có thể thực hiện được việc dạy và học, các BLQ có thể nắm bắt và giám sát tốt. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP ngành KTXD được rà soát, cập nhật và công bố công khai để các BLQ có thể tiếp cận.

##### 1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH và toàn bộ ĐCCT các HP của ngành KTXD được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận CĐR cũng như qua việc lựa chọn các PPGD, kiểm tra đánh giá của GV Khoa đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các HP để đạt được CĐR của CTĐT cử nhân ngành KTXD.

Các HP thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các HP kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH ngành KTXD có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các HP trong chương trình được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được Trường và Khoa KTCN rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ. Chương trình khi được điều chỉnh có tham khảo các chương trình tiên tiến trong nước đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ ĐH và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định trong CĐR của ngành KTXD.



#### *1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Văn bản về triết lý giáo dục của Trường được xây dựng và tuyên bố rõ ràng, được phổ biến rộng rãi tới các các bên liên quan trong và ngoài trường;

Khoa đã xây dựng một tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CĐR môn học và CTĐT. NH được tạo điều kiện chủ động tiếp cận các hoạt động học tập phù hợp;

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của NH được thể hiện trong ĐCCT HP. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết cho ngành KTXD và nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

#### *1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học*

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của ngành KTXD có điểm mạnh là đã được triển khai rất đa dạng, phù hợp với từng HP cũng như với đặc thù ngành, tạo sự hài lòng, hứng khởi, động lực cho GV, SV. Các phương pháp này đã phát huy và mang lại hiệu quả trên thực tế, bảo đảm cho SV ngành KTXD sau tốt nghiệp đáp ứng được mục tiêu đào tạo, CĐR của CTĐT, có kỹ năng nghề và khả năng học tập suốt đời, góp phần hoàn thành sứ mệnh của Trường ĐHPT.

#### *1.6. Đội ngũ GV, NCV*

Ngành KTXD với đội ngũ GV có trình độ cao, có kiến thức thực tiễn và hoạt động NCKH với chất lượng tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo SV. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ luôn được sự quan tâm và tạo điều kiện của Trường. Hằng năm, việc đánh giá GV được Nhà trường và ngành thực hiện qua nhiều hình thức để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Đội ngũ GV đều đảm bảo được trình độ chuyên môn và năng lực ngoại ngữ, tin học. Trong giảng dạy, đội ngũ GV đảm bảo hoàn thành định mức số giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy tốt. Trong NCKH, đội ngũ GV tiếp tục nỗ lực phát huy vai trò, chủ trì các đề tài và tham gia các loại hình nghiên cứu, đăng bài trên các tạp chí. Công tác đánh giá, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của khoa và Trường

cụ thể, đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

### *1.7. Đội ngũ nhân viên*

Đội ngũ nhân viên của Trường đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về tuyển dụng chặt chẽ và tiêu chí rõ ràng của Nhà trường đã được công bố công khai. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

Căn cứ nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ CBNV từ các Khoa, đơn vị, Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ cho CBNV bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ và có chính sách khen thưởng kịp thời, minh bạch.

### *1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Trong những năm qua, chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH được Nhà trường và Khoa xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, khâu then chốt trong hoạt động đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường và Khoa, thể hiện rõ qua các điểm mạnh sau: Chính sách tuyển sinh của Trường được thực hiện theo đúng Quy chế của Bộ GD&ĐT, được xác định rõ ràng, công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như website của Trường và được cập nhật hàng năm.

Trường có phần mềm đào tạo đã được phân cấp, SV được cấp 01 tài khoản riêng để theo dõi kết quả học tập và điều chỉnh điểm khi cần thiết. Trường có hệ thống CVHT xuyên suốt để hỗ trợ và giám sát sự tiến bộ của SV. Trường đã cung cấp đầy đủ thông tin cho SV, kịp thời tháo gỡ những khó khăn liên quan đến học tập, rèn luyện trong quá trình học tập tại Trường với chuyên ngành KTXD

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của NH được xây dựng và triển khai thực hiện

hiệu quả dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp Khoa nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH;

Bên cạnh đó, Trường và Khoa đã có nhiều hoạt động, đa dạng về loại hình, có nhiều CLB kỹ năng giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Trường thường xuyên cải tạo CSVC, cải thiện môi trường cảnh quan nhằm duy trì môi trường văn hóa học đường, môi trường sư phạm hiện đại, năng động cho tập thể CBGVNV&SV.

#### *1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Thông qua việc đầu tư cải tạo, sửa chữa, mua sắm hàng năm, Trường ĐHPT hiện có đầy đủ các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phục vụ cho đào tạo NCKH nói chung và đào tạo cho ngành KTXD nói riêng. Cùng với đó là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý, đào tạo, dạy học đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH nói chung cũng như là đào tạo NCKH cho ngành KTXD nói riêng. Bên cạnh các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Trường còn có các khu hoạt động thể dục thể thao, khu vực hội trường phục vụ nhu cầu văn hóa văn nghệ, thể thao của NH, cũng như của CB, GV công tác tại Trường. Công tác PCCC, an ninh an toàn được thực hiện theo đúng quy định, có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan công an trên địa bàn.

#### *1.10. Nâng cao chất lượng*

Khoa KTCN, Trường ĐHPT đã từng bước nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo như việc thiết kế chương trình đào tạo được căn cứ vào chuẩn đầu ra ngành KTXD, hoạt động rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện thường xuyên, đúng quy chế để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR; công tác coi chấm thi đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức thi/kiểm tra đã đánh giá được kiến thức, kỹ năng và thái độ của NH ở từng học phần theo CĐR. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá hàng năm và cải tiến; Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến nhằm tạo môi trường học tập tốt nhất cho NH.

#### *1.11. Kết quả đầu ra*

Khoa KTCN đã thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát và cải tiến kết quả đầu ra của CTĐT ngành KTXD thông qua việc thu thập và phân tích các chỉ số như: tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, mức độ hài lòng của các bên liên quan và hoạt động NCKH của SV. Nhiều biện pháp hỗ trợ SV đã được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, giảm thiểu SV bỏ học và tăng khả năng tìm được việc làm sau tốt nghiệp.

Các hoạt động khảo sát ý kiến của SV, cựu SV, nhà tuyển dụng được thực hiện định kỳ với công cụ và quy trình rõ ràng, giúp Khoa nắm bắt nhu cầu thực tiễn và từng bước cải thiện chất lượng đào tạo. Hoạt động NCKH của SV có hệ thống theo dõi, giám sát và được khuyến khích triển khai thường xuyên. Mức độ hài lòng của SV đối với hoạt động giảng dạy cũng đạt tỷ lệ cao và có xu hướng tăng ổn định.

## **2. Tóm tắt những điểm tồn tại cần cải tiến của CTĐT ngành KTXD**

### *2.1. Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo*

Việc lấy ý kiến phản hồi của cựu SV, NTD và các BLQ để góp ý cho CDR của CTĐT ngành KTXD vẫn chưa được thực hiện thường xuyên, số lượng lấy ý kiến chưa nhiều. Việc đối sánh CDR với các Trường trong nước còn hạn chế, chưa thực hiện đối sánh mở rộng ra nước ngoài

### *2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo*

Việc lấy ý kiến các BLQ về chất lượng của ĐCCT các HP còn hạn chế về số lượng và chưa có nhiều NTD tham gia vào việc đóng góp ý kiến cho việc điều chỉnh và cập nhật ĐCCT các HP của CTĐT ngành KTXD. Một bộ phận SV chưa chủ động tìm hiểu kỹ các thông tin đã được công bố, dẫn đến việc phải trao đổi lại với GVCN/CTVH về những nội dung đã có sẵn trong tài liệu. Chưa có cơ chế hoặc công cụ để đánh giá mức độ tiếp cận thông tin của các BLQ, gây khó khăn trong việc đo lường hiệu quả công bố và tiềm ẩn nguy cơ một số đối tượng chưa nắm bắt đầy đủ thông tin dù đã được công khai. Việc truyền thông, quảng bá CTĐT đến các đối tượng ngoài Nhà trường còn chưa hiệu quả.

### *2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*

Quá trình khảo sát các BLQ về sự đóng góp cho công tác xây dựng CTDH còn hạn chế, chủ yếu là đóng góp các ý kiến về cấu trúc CTĐT.

CĐR của một số HP chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá HP. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá HP cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CĐR của CTĐT.

#### *2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Một số GV thỉnh giảng chưa quan tâm lắm đến triết lý giáo dục của Trường để chuyển tải vào các hoạt động giảng dạy cho phù hợp. SV của Khoa chưa thật sự chủ động trong việc tham gia các hoạt động học tập tích cực trên lớp cũng như việc tự học, tự nghiên cứu thêm, chưa thích ứng tốt với các hoạt động tại nơi thực tập.

#### *2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học*

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần so với yêu cầu của các CĐR để có hướng điều chỉnh thích hợp hơn. Còn một số SV chưa quan tâm đến các quy định về kiểm tra đánh giá khi được phổ biến vào đầu khóa, trước khi bắt đầu HP, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc liên quan.

#### *2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Số lượng GV đạt chức danh GS, PGS còn ít, chưa có GV cơ hữu nào là Giáo sư. Mặc dù Trường đã có chính sách khuyến khích, hoạt động NCKH vẫn hạn chế do GV thiếu thời gian và nguồn lực, năng lực nghiên cứu chưa đồng đều.

Việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt ở bậc Tiến sĩ, còn ít do GV còn vướng các điều kiện về ngoại ngữ, thời gian, tài chính. Ngoài ra, tiêu chí đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng chưa được lượng hóa rõ ràng, gây khó khăn trong việc đánh giá toàn diện công việc GV.

#### *2.7. Đội ngũ nhân viên*

Đội ngũ nhân viên thường hay biến động, mặc dù các thông báo tuyển dụng được công khai, nhưng số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều, tính ổn định của đội ngũ CBNV các đơn vị chưa được ổn định lâu dài.

Số lượng NV hỗ trợ đạt các danh hiệu thi đua còn ít, các hình thức khen thưởng cho đối tượng này chưa được đa dạng.

### *2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Mặc dù Nhà trường đã xây dựng được các hình thức tuyển sinh đa dạng, có nhiều chính sách học bổng, ưu đãi học phí nhưng số lượng HS tham gia đăng ký nhập học tại Trường và ngành KTXD chưa đạt chỉ tiêu hằng năm. Trường và Khoa KTCN chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh một cách bài bản. Số lượng và loại hình các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khoá... của SV ngành KTXD chưa phong phú.

### *2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Một số trang thiết bị dùng cho hoạt động đào tạo, NCKH của ngành KTXD do được trang cấp từ lâu hiện đã xuống cấp, hiệu quả khai thác còn chưa cao. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai chưa thật sự lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

### *2.10. Nâng cao chất lượng*

Trong công tác rà soát rà soát, đánh giá quy trình phát triển CTDH, việc khảo sát lấy ý kiến đóng góp về quy trình xây dựng, phát triển CTDH của đối tượng NTD còn hạn chế, cựu SV đề cải tiến quy trình xây dựng CTDH phù hợp với khả năng của SV, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu của xã hội. Một số khảo sát mang tính cảm tính, còn sơ sài và chưa phản ánh đúng trọng tâm vấn đề.

Việc đối sánh CTĐT với các chương trình của các trường ĐH ngoài nước chưa được thực hiện. Hiện nay, đội ngũ GV của Khoa chủ yếu tập trung vào việc hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, do đó Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi chính thức cho từng HP.

Nhà trường chưa triển khai đánh giá hiệu quả đầu tư về CSVC, hệ thống công nghệ thông tin, các phòng thí nghiệm, các dịch vụ hỗ trợ khác một cách bài bản. Việc ứng dụng CNTT trong việc quản lý CSVC của Nhà trường còn hạn chế.

### *2.11. Kết quả đầu ra*

Vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục như: tỷ lệ SV thôi học còn cao, tỷ lệ tốt

nghiệp đúng hạn chưa như mong đợi, một số SV chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện đầu ra đúng tiến độ. Hoạt động NCKH của SV chưa thật sự lan tỏa mạnh mẽ, nhiều SV còn thiếu động lực tham gia hoặc gặp khó khăn trong triển khai đề tài. Kỹ năng mềm, đặc biệt là kỹ năng ngoại ngữ và giao tiếp thực tế của SV tốt nghiệp còn hạn chế so với yêu cầu công việc.

### **3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành KTXD**

#### *3.1. Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo*

Nhà trường tiếp tục thực hiện mục tiêu của CTĐT ngành KTXD, bảo đảm phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. CDR được định kỳ rà soát, cập nhật trên cơ sở lấy ý kiến của các BLQ, đồng thời căn cứ vào các quy định liên quan của Bộ GD&ĐT và của ngành, nhằm bảo đảm chất lượng và tính phù hợp của CTĐT với yêu cầu thực tiễn.

#### *3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo*

Nhà trường định kỳ rà soát và tiếp tục bám sát các yêu cầu của Bộ GD&ĐT, của Nhà trường, các BLQ cũng như xu hướng đào tạo ngành KTXD nhằm điều chỉnh bản mô tả CTĐT, bảo đảm tính khoa học, cụ thể và luôn được cập nhật. Đồng thời, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện ĐCCT các HP ngành KTXD theo đúng quy định, với công tác rà soát, đánh giá và cập nhật được thực hiện định kỳ 2 năm/lần nhằm bảo đảm sự phù hợp với mục tiêu đào tạo và yêu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó, công tác truyền thông và công bố công khai ĐCCT các HP được tăng cường, giúp các BLQ dễ dàng tiếp cận, tra cứu và theo dõi thông tin một cách đầy đủ, kịp thời và minh bạch. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP cũng được liên tục cập nhật trên các kênh thông tin của Trường và Khoa, đồng thời thông báo kịp thời đến SV các khóa.

#### *3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*

Nhà trường duy trì và cập nhật định kỳ CTĐT ngành KTXD dựa trên phản hồi của các BLQ và các bên liên quan nhằm bảo đảm sự phù hợp với thực tiễn và CDR. CTĐT tiếp tục được kế thừa, điều chỉnh và thiết kế theo hướng kết nối chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn, đáp ứng tốt năng lực của SV và nhu cầu xã hội. Đề cương các HP được rà soát, hoàn thiện định kỳ nhằm bảo đảm nội dung, PPGD và đánh giá luôn nhất quán với CDR và mục tiêu đào tạo. GV của Khoa ngày càng nâng cao ý thức chủ động trong việc

điều chỉnh, cập nhật nội dung từng HP, góp phần hỗ trợ SV đạt được kết quả đầu ra. Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm cho GV về phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ và kỹ thuật đánh giá theo hướng phát triển năng lực, từ đó không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả đào tạo.

### *3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Nhà trường và Khoa tiếp tục thực hiện định kỳ công tác rà soát, cập nhật Triết lý giáo dục nhằm bảo đảm sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển, đồng thời phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBGVNV và người học để mọi thành viên hiểu rõ và thực hiện nhất quán. Trên cơ sở kết quả khảo sát từ các bên liên quan về CTĐT, Nhà trường điều chỉnh các nội dung giảng dạy phù hợp hơn, tăng cường khai thác hiệu quả hoạt động thực hành trực tiếp tại doanh nghiệp và đa dạng hóa các hình thức học tập, giúp SV tốt nghiệp dễ dàng thích nghi với môi trường làm việc thực tế. Bên cạnh đó, việc cập nhật và hoàn thiện cổng thông tin học tập trực tuyến tiếp tục được chú trọng nhằm hỗ trợ người học tiếp cận thông tin một cách dễ dàng và toàn diện. Các hoạt động dạy và học cũng được đổi mới thường xuyên để đáp ứng yêu cầu thực tiễn từ phía nhà tuyển dụng (NTD) và ngành nghề (NH), trong đó các PPDH được mô tả rõ ràng trong ĐCCT các HP để bảo đảm tính minh bạch và nhất quán trong quá trình triển khai giảng dạy.

### *3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học*

Khoa định kỳ tổ chức tổng kết, rà soát mức độ bám sát CDR trong nội dung các bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH, nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa mục tiêu đào tạo và hình thức đánh giá. Đồng thời, thường xuyên cập nhật các quy định mới của Bộ GD&ĐT và các điều chỉnh trong CTĐT để kịp thời hoàn thiện hệ thống văn bản, quy định về thi, kiểm tra, đánh giá người học một cách phù hợp và hiệu quả. Quy chế thi và hình thức đánh giá được phổ biến rõ ràng, chi tiết đến SV ngay từ đầu học kỳ hoặc đầu mỗi môn học, giúp SV nắm bắt đầy đủ và thực hiện đúng quy định. Các phương pháp đánh giá trong từng học phần tiếp tục được đa dạng hóa để phản ánh đầy đủ kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của SV. Kết quả học tập được công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời, giúp SV theo dõi, điều chỉnh kế hoạch học tập phù hợp. Khoa cũng phối hợp với các đơn vị liên quan để phổ biến quy trình kiểm tra, đánh giá



và giải quyết khiếu nại đến SV, đồng thời hướng dẫn xử lý nhanh chóng, hiệu quả các trường hợp khiếu nại (nếu có), nhằm bảo đảm quyền lợi và sự công bằng cho người học.

### 3.6. *Đội ngũ GV, NCV*

Nhà trường tiếp tục rà soát, ban hành đầy đủ các văn bản quy định với quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai về tuyển dụng, bổ nhiệm GV, góp phần xây dựng đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy, NCKH và PVCD của Trường và Khoa KTCN. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm CBQL được tổ chức nghiêm túc, minh bạch, đúng quy định. Tỷ lệ GV/SV được duy trì hợp lý; công tác giám sát, đánh giá năng lực và khối lượng công việc của GV thực hiện định kỳ, gắn với phản hồi của NH nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ. Đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ GV tham gia bồi dưỡng chuyên môn, học tập, NCKH trong và ngoài nước. Công tác đánh giá hiệu quả công việc GV được thực hiện thường xuyên, với quy trình rõ ràng và điều chỉnh phù hợp từng giai đoạn, tạo động lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Đồng thời, tiếp tục cải thiện chính sách thúc đẩy NCKH thông qua đầu tư, khen thưởng xứng đáng đối với GV có công bố khoa học hoặc thực hiện đề tài từ cấp trường đến cấp tỉnh.

### 3.7. *Đội ngũ nhân viên*

Nhà trường và Khoa tiếp tục thực hiện phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm xây dựng các chính sách phù hợp trong thu hút, tuyển dụng và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD. Các tiêu chí tuyển dụng tiếp tục được xây dựng rõ ràng, có định hướng quy hoạch, đồng thời được công khai minh bạch trên các phương tiện truyền thông để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác bổ nhiệm, điều chuyển nhân sự. Hoạt động đánh giá, phân loại năng lực đội ngũ CBNV được duy trì thường xuyên, bảo đảm tính công bằng, khách quan thông qua nhiều cấp đánh giá và có tham khảo ý kiến từ NH, GV về hiệu quả làm việc của đội ngũ NV. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa tiếp tục rà soát, xác định rõ nhu cầu nâng cao chuyên môn của đội ngũ CBNV hỗ trợ, đồng thời triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phù hợp để đáp ứng yêu cầu công việc. Các quy định về theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc, bao gồm chính sách khen thưởng và công nhận thành tích, cũng tiếp tục được rà soát, điều chỉnh để nâng cao động lực làm việc và hiệu quả cống hiến của đội ngũ nhân viên.

### *3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Nhà trường định kỳ cập nhật các quy định tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, bảo đảm tuân thủ đúng quy định hiện hành. Chính sách tuyển sinh tiếp tục được cải tiến, thông tin và hình ảnh được cập nhật trên các nền tảng chính thức của Trường và Khoa, đồng thời triển khai các chiến lược thu hút NH một cách hệ thống, hiệu quả. Công tác tuyển sinh được thực hiện đúng quy chế, với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn phù hợp với từng ngành, được công khai minh bạch. Trường và Khoa KTCN tăng cường giám sát, hỗ trợ NH thông qua bổ sung nhân sự, ứng dụng công nghệ 4.0 và triển khai các biện pháp quản lý hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Hệ thống hỗ trợ NH được hoàn thiện từ cấp Trường đến Khoa, gắn với việc khích lệ đội ngũ CBNV nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ SV. Đồng thời, Trường tiếp tục nâng cấp CSVC, cải thiện môi trường học tập, nghiên cứu và sinh hoạt, đảm bảo an toàn, thân thiện cho SV; tiếp tục duy trì và phát huy văn hóa ứng xử tích cực trong SV.

### *3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Nhà trường thường xuyên rà soát nhu cầu để nâng cấp hệ thống trang thiết bị, công cụ dạy học và thực hành, bảo đảm phù hợp với yêu cầu giảng dạy và học tập. Việc cập nhật đầu sách mới theo từng ngành học được duy trì, đồng thời tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao văn hóa đọc trong SV, góp phần nâng cao chất lượng học tập và nghiên cứu. Thư viện định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan để cải tiến hoạt động phục vụ. Nhà trường cũng đẩy mạnh đầu tư mở rộng, nâng cấp hạ tầng, CSVC, đặc biệt là các phòng thực hành chuyên ngành, tạo điều kiện cho SV tăng cường thực hành và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Hệ thống CNTT hiện có tiếp tục được khai thác hiệu quả phục vụ cho đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó, công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV và SV luôn được quan tâm; các lớp tập huấn về phòng chống dịch bệnh và giữ gìn vệ sinh môi trường được tổ chức định kỳ nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng ngừa trong toàn trường.

### *3.10. Nâng cao chất lượng*

Khoa sử dụng phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở để đánh giá và điều chỉnh CTDH, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và bảo đảm sự phù hợp với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và xu hướng xã hội. Đồng thời, Khoa sẽ tiếp tục rà soát, cập nhật quy

trình xây dựng, điều chỉnh CDR và CTĐT, bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong giai đoạn tiếp theo. Việc đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và hoạt động giảng dạy được duy trì, bảo đảm sự tương thích với CDR. Trong thời gian tới, giảng viên ngành KTXD sẽ tiếp tục đề xuất các đề tài NCKH mang tính ứng dụng cao, gắn với thực tiễn sản xuất và đào tạo. Khoa cũng tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng dịch vụ hỗ trợ, tăng cường khai thác nguồn lực để đầu tư, cải tiến CSVC phục vụ đào tạo. Đồng thời, việc giám sát thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi và sử dụng kết quả khảo sát sẽ được duy trì chặt chẽ, nhằm bảo đảm tính hiệu quả và thực chất trong công tác cải tiến chất lượng.

### *3.11. Kết quả đầu ra*

Các bộ phận chuyên trách tăng cường ứng dụng CNTT để thường xuyên và định kỳ cập nhật, giám sát tỷ lệ thôi học, thời gian và tỷ lệ tốt nghiệp của SV, góp phần hỗ trợ công tác quản lý đào tạo hiệu quả hơn. Đồng thời, tiếp tục theo dõi, thống kê tỷ lệ và chất lượng việc làm của SV sau tốt nghiệp nhằm đánh giá mức độ đáp ứng của CTĐT với yêu cầu thực tiễn. Công tác NCKH của SV cũng được chú trọng thông qua việc cải tiến các quy định chi tiết và hoàn thiện hệ thống theo dõi, giám sát hoạt động NCKH. Khoa đẩy mạnh truyền thông về vai trò của CLB NCKH để khơi dậy niềm đam mê nghiên cứu trong SV. Bên cạnh đó, các công cụ khảo sát tiếp tục được cập nhật theo hướng khoa học, phù hợp với thực tiễn, và các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan được tổ chức định kỳ hằng năm để theo dõi, đối sánh và cải tiến chất lượng đào tạo một cách hiệu quả.

## **4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Phan Thiết.

Mã: DPT

Tên CTĐT: CTĐT trình độ đại học ngành KTXD

Mã CTĐT: 7340301

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí    | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|----------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|--------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                            | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức<br>trung<br>bình     | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
|                            | ❶              | ❷ | ❸ | ❹   | ❺ | ❻ | ❼ |                          |                    |                                 |
| <b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 3                  | 100                             |
| Tiêu chí 1.1               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.2               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.3               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 3                  | 100                             |
| Tiêu chí 2.1               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.2               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.3               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 3                  | 100                             |
| Tiêu chí 3.1               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.2               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.3               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 3                  | 100                             |
| Tiêu chí 4.1               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.2               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.3               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 5.1               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.2               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.3               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.4               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.5               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 7                  | 100                             |
| Tiêu chí 6.1               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.2               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.3               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.4               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|--------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức<br>trung<br>bình     | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
|                         | ❶              | ❷ | ❸ | ❹   | ❺ | ❻ | ❼ |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.5            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.6            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.7            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 7.1            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.2            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.3            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.4            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 7.5            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 8.1            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.2            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.3            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.4            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 8.5            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                |   |   |     |   |   |   | 4,40                     | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 9.1            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.2            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.3            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.4            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 9.5            |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                |   |   |     |   |   |   | 4,33                     | 6                  | 100                             |
| Tiêu chí 10.1           |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.2           |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.3           |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.4           |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.5           |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                                 |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí     | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-----------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|--------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                             | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức<br>trung<br>bình     | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
|                             | ①              | ② | ③ | ④   | ⑤ | ⑥ | ⑦ |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 10.6               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b><i>Tiêu chuẩn 11</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 4,00                     | 4                  | 80                              |
| Tiêu chí 11.1               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.2               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.3               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.4               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| Tiêu chí 11.5               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                                 |
| <b>Đánh giá chung CTĐT</b>  |                |   |   |     |   |   |   | <b>4,07</b>              | <b>50</b>          | <b>100</b>                      |

Bình Thuận, ngày      tháng 6 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- Cục Quản lý chất lượng - BGDDĐT;
- TTKĐCLGD Sài Gòn;
- HĐT, BGH Trường (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.

**PGS. TS. Võ Khắc Thường**

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### Phụ lục I

### CƠ SỞ DỮ LIỆU

#### KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 20/6/2025)

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Tiếng Anh: University of Phan Thiet

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: Trường ĐHPT

Tiếng Anh: UPT

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Số 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Số 02 Đại lộ Võ Nguyên Giáp, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (0252) 2461372-2461373

E-mail: [dhphanthiet@upt.edu.vn](mailto:dhphanthiet@upt.edu.vn)

Website: [www.upt.edu.vn](http://www.upt.edu.vn)

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2009

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2009

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2013

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☐ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☒

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

#### II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Kỹ thuật Công nghệ

Tiếng Anh: Faculty of Engineering Technology

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa KTCN

Tiếng Anh: FET

14. Tên trước đây (nếu có):

Tiếng Việt: Khoa Kỹ thuật

Tiếng Anh: Faculty of Engineering

15. Mã CTĐT: 7580201

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Số 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

18. Số điện thoại liên hệ: (0252) 628 2424

E-mail: [khoa\\_kt@upt.edu.vn](mailto:khoa_kt@upt.edu.vn) Website: <http://kythuat.upt.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2019

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2021

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2025

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Được thành lập theo quyết định số 416/QĐ-ĐHPT ngày 30/12/2019 của Chủ tịch HĐQT trường Đại học Phan Thiết. Khoa KTCN hiện đang đào tạo 03 ngành là KTXD, Kỹ thuật Xây dựng và Kỹ thuật cơ khí trình độ đại học và tiếp tục phát triển các CTĐT. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu của Khoa tính đến 20/6/2025 có 25 CBGV cơ hữu,

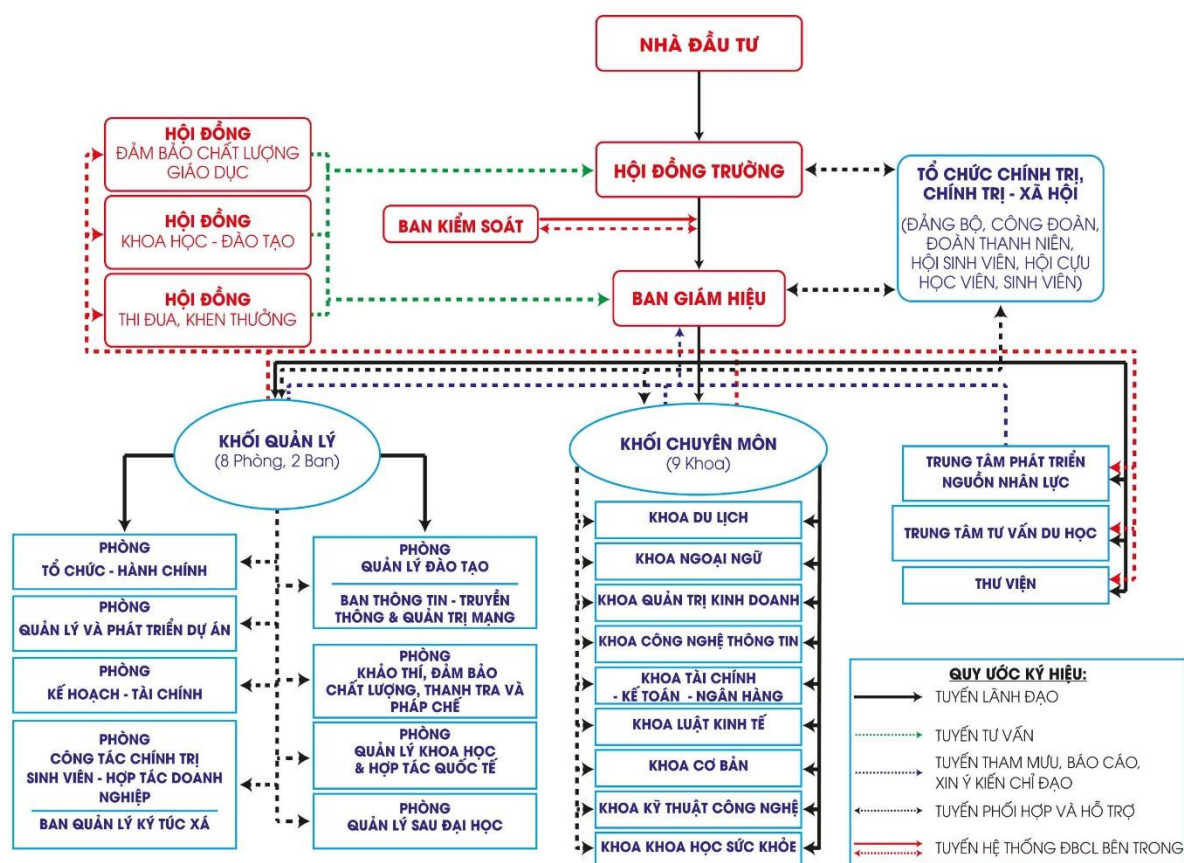


trong đó có 2 PGS, 8 Tiến sĩ, 7 ThS và 8 Đại học. Ngoài ra, Khoa còn có một số GV thỉnh giảng là các GS, PGS, Tiến sĩ, Thạc sĩ có kinh nghiệm và uy tín cao từ các Viện nghiên cứu, các trường ĐH trong nước và các doanh nghiệp về lĩnh vực ô tô, xây dựng và cơ khí tại TP. HCM trực tiếp tham gia giảng dạy và NCKH góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa. Khoa đã có các ký kết hợp tác với các doanh nghiệp.....

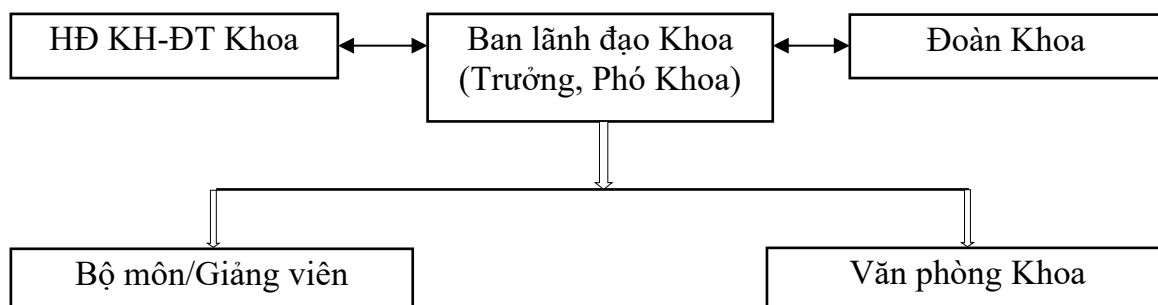
Khoa KTCN thường xuyên củng cố, phát triển Tổ ĐBCL của Khoa và thực hiện đầy đủ các hoạt động ĐBCL chung của Trường và các hoạt động ĐBCL của Khoa, bộ môn đối với các CTĐT của Khoa phụ trách.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (về sơ đồ riêng).

a) Cơ cấu tổ chức của Nhà trường bao gồm: HĐT, BGH (gồm Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng); Hội đồng KH-ĐT; Hội đồng ĐBCL; Hội đồng thi đua khen thưởng; 09 Khoa đào tạo (Khoa Cơ bản, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Tài chính - Kế Toán - Ngân hàng, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Luật Kinh tế, Khoa Du Lịch, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Kỹ thuật công nghệ, Khoa Khoa học sức khỏe); 7 phòng và 2 ban thuộc phòng (Phòng TC-HC, Phòng QL&PTDA, Phòng QLĐT, Phòng KH-TC, Phòng QLKH&HTQT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng CTCTSV&HTDN); Thư viện; 2 trung tâm chức năng (Trung tâm PTNNL, Trung tâm tư vấn du học) và các tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội cựu SV, HV).



### b) Cơ cấu tổ chức Khoa KTCN



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

| TT                                 | Các bộ phận | Họ và tên      | Năm sinh | Học vị, chức danh, chức vụ | Điện thoại | Email                |
|------------------------------------|-------------|----------------|----------|----------------------------|------------|----------------------|
| <b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b> |             |                |          |                            |            |                      |
| <b>Ban giám hiệu</b>               |             |                |          |                            |            |                      |
| 1                                  | BGH         | Võ Khắc Thường | 1957     | NGUT.PGS.TS, Hiệu trưởng   | 0903703753 | thuongvk @upt.edu.vn |

| TT                           | Các bộ phận                               | Họ và tên              | Năm sinh | Học vị, chức danh, chức vụ | Điện thoại | Email                         |
|------------------------------|-------------------------------------------|------------------------|----------|----------------------------|------------|-------------------------------|
| 2                            | BGH                                       | Đinh Phi Hồ            | 1957     | PGS.TS, P. Hiệu trưởng     | 0938170757 | dpho @upt.edu.vn              |
| 3                            | BGH                                       | Nguyễn Phước Quý Quang | 1974     | TS, P. Hiệu trưởng         | 0772108899 | Nguyenphuocquyquang@gmail.com |
| 4                            | BGH                                       | Võ Khắc Trường Thanh   | 1984     | TS, P. Hiệu trưởng         | 0767896999 | thanhvkt@upt.edu.vn           |
| <b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b> |                                           |                        |          |                            |            |                               |
| I.                           | Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị              |                        |          |                            |            |                               |
| 1.                           | Khoa KTCN                                 | Nguyễn Tấn Ý           | 1988     | TS, Trưởng khoa            | 0902006108 | nty@upt.edu.vn                |
| 2.                           | Khoa KTCN                                 | Phan Thế Nhân          | 1979     | TS, P. Trưởng Khoa         |            | ptnhan@upt.edu.vn             |
| 3.                           | Khoa KTCN                                 | Đào Thị Kim Anh        | 1987     | ThS, P. Trưởng Khoa        | 0932129287 | dtkanh@upt.edu.vn             |
| II.                          | Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội |                        |          |                            |            |                               |
| 1.                           | Đảng bộ                                   | Đinh Phi Hồ            | 1957     | PGS.TS, Bí Thư             | 0938170757 | dpho @upt.edu.vn              |
| 2.                           | Đoàn thanh niên                           | Lê Ngọc Duy            | 1996     | ThS, Bí Thư                | 0793832868 | lnduy @upt.edu.vn             |
| 3.                           | Hội SV                                    | Lê Ngọc Duy            | 1996     | ThS, Bí Thư                | 0793832868 | lnduy @upt.edu.vn             |
| 4.                           | Công đoàn trường                          | Lâm Ngọc Điệp          | 1958     | ThS, Chủ tịch              | 0983899193 | lndiep @upt.edu.vn            |
| III                          | Các phòng, ban                            |                        |          |                            |            |                               |
| 1                            | Phòng QLĐT                                | Võ Khắc Trường Thi     | 1983     | TS, Trưởng phòng           | 0783938686 | thivkt @upt.edu.vn            |
| 2                            | Phòng CTCTSV & HTDN                       | Nguyễn Như Trường      | 1988     | ThS, Trưởng Phòng          | 0981963233 | nntruong @upt.edu.vn          |
| 3                            | Phòng TC-HC                               | Lê Anh Linh            | 1987     | ThS, Trưởng phòng          | 0938734350 | lalinh@upt.edu.vn             |

| TT | Các bộ phận         | Họ và tên              | Năm sinh | Học vị, chức danh, chức vụ | Điện thoại | Email                |
|----|---------------------|------------------------|----------|----------------------------|------------|----------------------|
| 4  | Phòng QLKH-HTQT     | Trần Tình              | 1974     | TS, Trưởng phòng           | 0913754312 | ttinh @upt.edu.vn    |
| 5  | Phòng KT-ĐBCL-TT&PC | Nguyễn Thị Kiều Vi     | 1989     | ThS, Trưởng Phòng          | 0388182785 | nkvi @upt.edu.vn     |
| 6  | Phòng KH-TC         | Nguyễn Anh Đông        | 1968     | ĐH, Trưởng phòng           | 0933166766 | nadong @upt.edu.vn   |
| 8  | Phòng QL&PTDA       | Nguyễn Phước Quý Quang | 1974     | TS, Trưởng phòng           | 0913928990 | npqquang @upt.edu.vn |
| 9  | Trung tâm PTNNL     | Phạm Thị Minh Hạnh     | 1965     | TS, Giám đốc               | 0903823415 | ptmhanh @upt.edu.vn  |
| 10 | Thư viện            | Huỳnh Thị Thanh Hậu    | 1993     | CN, Nhân viên              | 0902086206 | htthau @upt.edu.vn   |
| 11 | Ban TTTT&QTM        | Lương Quốc Vũ          | 1991     | ThS, Trưởng ban            | 0785253368 | lqv @upt.edu.vn      |

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Có      Không

Chính quy

☒      ☐

Không chính quy

☐      ☒

Từ xa ☐ ☒

Liên kết đào tạo với nước ngoài ☐ ☒

Liên kết đào tạo trong nước ☐ ☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 03

#### IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

| TT  | Phân loại                                                                                              | Nam | Nữ | Tổng số |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|---------|
| I   | Đội ngũ cơ hữu <sup>1</sup><br><i>Trong đó:</i>                                                        | 21  | 4  | 25      |
| I.1 | Đội ngũ trong biên chế                                                                                 | 0   | 0  | 0       |
| I.2 | Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn                        | 21  | 4  | 25      |
| II  | Các đối tượng khác<br>Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>2</sup> ) | -   | -  | -       |
|     | Tổng số                                                                                                | 21  | 4  | 25      |

34. Thống kê, phân loại giảng viên

| TT  | Trình độ, học vị, chức danh | Số lượng GV | GV cơ hữu                             |                                                      |                                 | GV thỉnh giảng trong nước | GV quốc tế |
|-----|-----------------------------|-------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------|
|     |                             |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                           |            |
| (1) | (2)                         | (3)         | (4)                                   | (5)                                                  | (6)                             | (7)                       | (8)        |
| 1   | Giáo sư, Viện sĩ            | 0           | 0                                     | 0                                                    | 0                               | -                         | -          |
| 2   | Phó Giáo sư                 | 1           | 0                                     | 1                                                    | 0                               | -                         | -          |
| 3   | Tiến sĩ khoa học            | 0           | 0                                     | 0                                                    | 0                               | -                         | -          |
| 4   | Tiến sĩ                     | 1           | 0                                     | 1                                                    | 0                               | -                         | -          |
| 5   | Thạc sĩ                     | 3           | 0                                     | 3                                                    | 0                               | -                         | -          |

<sup>1</sup>Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>2</sup>Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>3</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

| TT  | Trình độ, học vị, chức danh | Số lượng GV | GV cơ hữu                             |                                                      |                                 | GV thỉnh giảng trong nước | GV quốc tế |
|-----|-----------------------------|-------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------|
|     |                             |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                           |            |
| (1) | (2)                         | (3)         | (4)                                   | (5)                                                  | (6)                             | (7)                       | (8)        |
| 6   | Đại học                     | 2           | 0                                     | 2                                                    | 0                               | -                         | -          |
| 7   | Cao đẳng                    | 0           | 0                                     | 0                                                    | 0                               | -                         | -          |
| 8   | Trình độ khác               | 0           | 0                                     | 0                                                    | 0                               | -                         | -          |
|     | <b>Tổng số</b>              | <b>7</b>    | <b>0</b>                              | <b>7</b>                                             | <b>0</b>                        | <b>-</b>                  | <b>-</b>   |

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 7 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 34 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

| TT  | Trình độ, học vị, chức danh | Hệ số quy đổi | Số lượng GV | GV cơ hữu                             |                                         |                                 | GV thỉnh giảng | GV quốc tế | GV quy đổi |
|-----|-----------------------------|---------------|-------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------|----------------|------------|------------|
|     |                             |               |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                |            |            |
| (1) | (2)                         | (3)           | (4)         | (5)                                   | (6)                                     | (7)                             | (8)            | (9)        | (10)       |
|     | Hệ số quy đổi               |               |             | 1,0                                   | 1,0                                     | 0,3                             | 0,2            | 0,2        |            |
| 1   | Giáo sư, Viện sĩ            | 5,0           | 0           | 0                                     | 0                                       | 0                               | -              | -          | 0          |
| 2   | Phó Giáo sư                 | 3,0           | 1           | 0                                     | 1                                       | 0                               | -              | -          | 3          |
| 3   | Tiến sĩ khoa học            | 3,0           | 0           | 0                                     | 0                                       | 0                               | -              | -          | 0          |
| 4   | Tiến sĩ                     | 2             | 1           | 0                                     | 1                                       | 0                               | -              | -          | 2          |
| 5   | Thạc sĩ                     | 1             | 3           | 0                                     | 3                                       | 0                               | -              | -          | 3          |

| TT  | Trình độ, học vị, chức danh | Hệ số quy đổi | Số lượng GV | GV cơ hữu                             |                                         |                                 | GV thỉnh giảng | GV quốc tế | GV quy đổi |
|-----|-----------------------------|---------------|-------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------|----------------|------------|------------|
|     |                             |               |             | GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy | GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy | GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý |                |            |            |
| (1) | (2)                         | (3)           | (4)         | (5)                                   | (6)                                     | (7)                             | (8)            | (9)        | (10)       |
|     | Hệ số quy đổi               |               |             | 1,0                                   | 1,0                                     | 0,3                             | 0,2            | 0,2        |            |
| 6   | Đại học                     | 0,3           | 2           | 0                                     | 2                                       | 0                               | -              | -          | 0.6        |
|     | Tổng                        |               | 7           | 0                                     | 7                                       | 0                               | -              | -          | 8.6        |

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

| TT | Trình độ/ học vị | Số lượng | Tỷ lệ (%) | Phân loại theo giới tính (ng) |    | Phân loại theo tuổi (người) |       |       |       |      |
|----|------------------|----------|-----------|-------------------------------|----|-----------------------------|-------|-------|-------|------|
|    |                  |          |           | Nam                           | Nữ | < 30                        | 30-40 | 41-50 | 51-60 | > 60 |
| 1  | Giáo sư, Viện sĩ | 0        | 0         | 0                             | 0  | 0                           | 0     | 0     | 0     | 0    |
| 2  | Phó Giáo sư      | 1        | 14.3      | 1                             | 0  | 0                           | 0     | 0     | 0     | 1    |
| 3  | Tiến sĩ khoa học | 0        | 0         | 0                             | 0  | 0                           | 0     | 0     | 0     | 0    |
| 4  | Tiến sĩ          | 1        | 14.3      | 1                             | 0  | 0                           | 0     | 0     | 1     | 0    |
| 5  | Thạc sĩ          | 3        | 42.8      | 1                             | 2  | 0                           | 2     | 1     | 0     | 0    |
| 6  | Đại học          | 2        | 28.6      | 2                             | 0  | 0                           | 2     | 0     | 0     | 0    |
|    | Tổng             | 7        | 100       | 5                             | 2  | 0                           | 4     | 1     | 1     | 1    |

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 44,1 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 28,6%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 42,9%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

| TT | Tần suất sử dụng                                                    | Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học |             |
|----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|
|    |                                                                     | Ngoại ngữ                                        | Tin học     |
| 1  | Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)                     | 100%                                             | 100%        |
| 2  | Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)                |                                                  |             |
| 3  | Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)               |                                                  |             |
| 4  | Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)                |                                                  |             |
| 5  | Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc) |                                                  |             |
|    | <b>Tổng</b>                                                         | <b>100%</b>                                      | <b>100%</b> |

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

| Năm học   | Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người) | Số trúng tuyển (người) | Tỷ lệ cạnh tranh | Số nhập học thực tế (người) | Điểm tuyển đầu vào/thang điểm | Điểm trung bình của SV được tuyển | Số lượng SV quốc tế nhập học (người) |
|-----------|--------------------------------------|------------------------|------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|
| 2020-2021 | 0                                    | 0                      | 0                | 0                           | 0                             | -                                 | 0                                    |
| 2021-2022 | 39                                   | 39                     | 0                | 15                          | 14                            | -                                 | 0                                    |
| 2022-2023 | 27                                   | 27                     | 0                | 20                          | 15                            | 17.7                              | 0                                    |
| 2023-2024 | 18                                   | 18                     | 0                | 15                          | 15                            | -                                 | 0                                    |
| 2024-2025 | 11                                   | 11                     | 0                | 13                          | 15                            | 22.2                              | 0                                    |

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

| Các tiêu chí          | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023-2024 | 2024-2025 |
|-----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1. Nghiên cứu sinh    | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 2. Học viên cao học   | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 3. Sinh viên đại học  |           |           |           |           |           |
| Trong đó:             |           |           |           |           |           |
| Hệ chính quy          |           | 15        | 20        | 15        | 13        |
| Hệ không chính quy    | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 4. Sinh viên cao đẳng |           |           |           |           |           |
| Trong đó:             |           |           |           |           |           |



| Các tiêu chí       | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023-2024 | 2024-2025 |
|--------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Hệ chính quy       | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| Hệ không chính quy | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 5. Học sinh TCCN   |           |           |           |           |           |
| Trong đó:          |           |           |           |           |           |
| Hệ chính quy       | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| Hệ không chính quy | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 6. Khác...         |           |           |           |           |           |

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: *Đơn vị: người*

|                                  | Năm học   |           |           |           |           |
|----------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                                  | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023-2024 | 2024-2025 |
| Số lượng (người)                 | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số người học | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

| Các tiêu chí                                                                    | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023-2024 | 2024-2025 |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )                                     | 5.668,72  | 5.668,72  | 5.668,72  | 5.668,72  | 5.668,72  |
| 2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)           | 291       | 286       | 257       | 282       | 270       |
| 3. Người học được ở trong ký túc xá (người)                                     | 291       | 286       | 257       | 282       | 270       |
| 4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người) | 19.4      | 19.8      | 22        | 20        | 21        |

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

|                                  | Năm học   |           |           |           |           |
|----------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                                  | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023-2024 | 2024-2025 |
| Số lượng (người)                 | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

| Các tiêu chí                                         | Năm tốt nghiệp |      |      |      |      |
|------------------------------------------------------|----------------|------|------|------|------|
|                                                      | 2021           | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
| 1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ | 0              | 0    | 0    | 0    | 0    |
| 2. Học viên tốt nghiệp cao học                       | 0              | 0    | 0    | 0    | 0    |
| 3. Sinh viên tốt nghiệp đại học<br>Trong đó:         | 0              | 0    | 0    | 0    | 0    |
| Hệ chính quy                                         | 0              | 0    | 0    | 0    | 4    |
| Hệ không chính quy                                   | 0              | 0    | 0    | 0    | 0    |
| 4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng<br>Trong đó:        | 0              | 0    | 0    | 0    | 0    |
| Hệ chính quy                                         | 0              | 0    | 0    | 0    | 0    |
| Hệ không chính quy                                   | 0              | 0    | 0    | 0    | 0    |
| 5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp<br>Trong đó:        | 0              | 0    | 0    | 0    | 0    |
| Hệ chính quy                                         | 0              | 0    | 0    | 0    | 0    |
| Hệ không chính quy                                   | 0              | 0    | 0    | 0    | 0    |
| 6. Khác...                                           |                |      |      |      |      |

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

| Các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                              | Năm tốt nghiệp |      |      |      |        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|------|------|--------|
|                                                                                                                                                                                                                                                           | 2021           | 2022 | 2023 | 2024 | 2025   |
| 1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).                                                                                                                                                                                                                 | 0              | 0    | 0    | 0    | 4      |
| 2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).                                                                                                                                                                                                    | 0              | 0    | 0    | 0    | 26,67% |
| 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:<br>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4<br>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây: |                |      |      |      |        |
| 3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).                                                                                                                                    | 0              | 0    | 0    | 0    | 75%    |
| 3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).                                                                                                                         | 0              | 0    | 0    | 0    | 25%    |
| 3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp                                                                                                                               | 0              | 0    | 0    | 0    | 0%     |
| 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:                                                                                                                                                                                           | 0              | 0    | 0    | 0    | 100%   |

| Các tiêu chí                                                                                           | Năm tốt nghiệp |      |      |      |      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|------|------|------|
|                                                                                                        | 2021           | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
| A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5              |                |      |      |      |      |
| B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:      |                |      |      |      |      |
| 4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).                                               | 0              | 0    | 0    | 0    | 100% |
| - Sau 6 tháng tốt nghiệp.                                                                              |                |      |      |      |      |
| - Sau 12 tháng tốt nghiệp.                                                                             |                |      |      |      |      |
| 4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).                                               | 0              | 0    | 0    | 0    | 100% |
| 4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ)                                    | 0              | 0    | 0    | 0    | 9.8  |
| 5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:                 |                |      |      |      |      |
| A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. |                |      |      |      |      |
| B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:       |                |      |      |      |      |
| 5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).                      |                |      |      |      | 76%  |
| 5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).                |                |      |      |      | 24%  |
| 5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).                   |                |      |      |      | 0%   |

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

| TT  | Phân loại đề tài    | Hệ số** | Số lượng  |           |           |           |           |                   |
|-----|---------------------|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-------------------|
|     |                     |         | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023-2024 | 2024-2025 | Tổng (đã quy đổi) |
| (1) | (2)                 | (3)     | (4)       | (5)       | (6)       | (7)       | (8)       | (9)               |
| 1   | Đề tài cấp NN       | 2,0     | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
| 2   | Đề tài cấp Bộ/Tỉnh* | 1,0     | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
| 3   | Đề tài cấp trường   | 0,5     | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
| 4   | Tổng                |         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 1

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0.08

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

| TT | Năm         | Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ) | Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%) | Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người) |
|----|-------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 2020 – 2024 | 0                                                      | 0                                                                                                           | 0                                                                                      |

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

| Số lượng đề tài   | Số lượng cán bộ tham gia |                |                   | Ghi chú |
|-------------------|--------------------------|----------------|-------------------|---------|
|                   | Đề tài cấp NN            | Đề tài cấp Bộ* | Đề tài cấp trường |         |
| Từ 1 đến 3 đề tài | 0                        | 0              | 0                 |         |
| Từ 4 đến 6 đề tài | 0                        | 0              | 0                 |         |
| Trên 6 đề tài     | 0                        | 0              | 0                 |         |

| Số lượng đề tài         | Số lượng cán bộ tham gia |                |                   | Ghi chú |
|-------------------------|--------------------------|----------------|-------------------|---------|
|                         | Đề tài cấp NN            | Đề tài cấp Bộ* | Đề tài cấp trường |         |
| Tổng số cán bộ tham gia | 0                        | 0              | 0                 |         |

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

| TT | Phân loại sách   | Hệ số** | Số lượng  |           |           |           |           | Tổng (đã quy đổi) |
|----|------------------|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-------------------|
|    |                  |         | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023-2024 | 2024-2025 |                   |
| 1  | Sách chuyên khảo | 2,0     | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
| 2  | Sách giáo trình  | 1,5     | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
| 3  | Sách tham khảo   | 1,0     | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
| 4  | Sách hướng dẫn   | 0,5     | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
| 5  | Tổng             |         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

| Số lượng sách           | Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách |                 |                |                |
|-------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------|----------------|
|                         | Sách chuyên khảo                          | Sách giáo trình | Sách tham khảo | Sách hướng dẫn |
| Từ 1 đến 3 cuốn sách    | 0                                         | 0               | 0              | 0              |
| Từ 4 đến 6 cuốn sách    | 0                                         | 0               | 0              | 0              |
| Trên 6 cuốn sách        | 0                                         | 0               | 0              | 0              |
| Tổng số cán bộ tham gia | 0                                         | 0               | 0              | 0              |

50. Số lượng bài của các đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

| TT | Phân loại tạp chí        | Hệ số* | Số lượng  |           |           |           |           | Tổng (đã quy đổi) |
|----|--------------------------|--------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-------------------|
|    |                          |        | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023-2024 | 2024-2025 |                   |
| 1  | Tạp chí khoa học quốc tế | 1,5    | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |

| TT | Phân loại tạp chí                     | Hệ số*<br>* | Số lượng  |           |           |           |           | Tổng (đã quy đổi) |
|----|---------------------------------------|-------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-------------------|
|    |                                       |             | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023-2024 | 2024-2025 |                   |
| 2  | Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước | 1,0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
| 3  | Tạp chí/ tập san của cấp trường       | 0,5         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
|    | <b>Tổng</b>                           |             | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

| Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí | Nơi đăng                                   |                                       |                             |
|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|
|                                                     | Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...) | Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước | Tạp chí/ tập san cấp trường |
| Từ 1 đến 5 bài báo                                  | 0                                          | 0                                     | 0                           |
| Từ 6 đến 10 bài báo                                 | 0                                          | 0                                     | 0                           |
| Từ 11 đến 15 bài báo                                | 0                                          | 0                                     | 0                           |
| Trên 15 bài báo                                     | 0                                          | 0                                     | 0                           |
| <b>Tổng số cán bộ tham gia</b>                      | <b>0</b>                                   | <b>0</b>                              | <b>0</b>                    |

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

| TT | Phân loại hội thảo  | Hệ số** | Số lượng  |           |           |           |           | Tổng (đã quy đổi) |
|----|---------------------|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-------------------|
|    |                     |         | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023-2024 | 2024-2025 |                   |
| 1  | Hội thảo quốc tế    | 1,0     | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
| 2  | Hội thảo trong nước | 0,5     | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
| 3  | Hội thảo cấp trường | 0,25    | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |
| 4  | <b>Tổng</b>         |         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         | 0                 |

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**\*\*Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 0

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

| Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo | Cấp hội thảo     |                     |                   |
|-----------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------|-------------------|
|                                                                       | Hội thảo quốc tế | Hội thảo trong nước | Hội thảo ở trường |
| Từ 1 đến 5 báo cáo                                                    | 0                | 0                   | 0                 |
| Từ 6 đến 10 báo cáo                                                   | 0                | 0                   | 0                 |
| Từ 11 đến 15 báo cáo                                                  | 0                | 0                   | 0                 |
| Trên 15 báo cáo                                                       | 0                | 0                   | 0                 |
| <b>Tổng số cán bộ tham gia</b>                                        | <b>0</b>         | <b>0</b>            | <b>0</b>          |

*(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)*

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

| Năm         | Số bằng phát minh, sáng chế được cấp<br>(ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp) |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 2020 – 2025 | 0                                                                                       |

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

| Số lượng đề tài                   | Số lượng người học tham gia |                |                   | Ghi chú |
|-----------------------------------|-----------------------------|----------------|-------------------|---------|
|                                   | Đề tài cấp NN               | Đề tài cấp Bộ* | Đề tài cấp trường |         |
| Từ 1 đến 3 đề tài                 | 0                           | 0              | 0                 |         |
| Từ 4 đến 6 đề tài                 | 0                           | 0              | 0                 |         |
| Trên 6 đề tài                     | 0                           | 0              | 0                 |         |
| <b>Tổng số người học tham gia</b> | <b>0</b>                    | <b>0</b>       | <b>0</b>          |         |

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

*(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)*

| TT | Thành tích nghiên cứu khoa học                | Số lượng  |           |           |           |           |
|----|-----------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|    |                                               | 2020-2021 | 2021-2022 | 2022-2023 | 2023-2024 | 2024-2025 |
| 1  | Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo  | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 2  | Số bài báo được đăng, công trình được công bố | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 119.875,9

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 119.875,9

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

Nơi làm việc: 3.325      Nơi học: 9.717      Nơi vui chơi giải trí: 2.400

59. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

Tổng diện tích phòng học: 9.717

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,67

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 191

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

Dùng cho hệ thống văn phòng: 7

Dùng cho người học học tập: 271

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0.09

## VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 7

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100



Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 28,6

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 42,9

## 2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 54

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 7,7

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 26.67%

## 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 75%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 25%

## 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 100%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 9.8

## 5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 76%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 24%

## 6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,09

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,67

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 20

*(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).*

## Phụ lục II

### CÁC TƯ LIỆU, TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, nhóm chuyên trách; Kế hoạch TĐG (kèm theo file hình ảnh)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 74 /QĐ-ĐHPT

Bình Thuận, ngày 15 tháng 02 năm 2025

#### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học  
chính quy ngành Kỹ thuật xây dựng

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phan Thiết;

Căn cứ quyết định số 134/QĐ-ĐHPT ngày 02/4/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Phan Thiết;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trường khoa Khoa Kỹ thuật Công nghệ và Trường phòng Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Kỹ thuật xây dựng gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Kỹ thuật xây dựng theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Các ông/bà trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.



PGS.TS. Võ Khắc Thường



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

(Kèm theo Quyết định số 74 /QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Phan Thiết)

| TT | Họ và tên                      | Chức danh,<br>chức vụ                                                                    | Nhiệm vụ               |
|----|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1  | PGS.TS. Võ Khắc Thường         | Hiệu trưởng                                                                              | Chủ tịch               |
| 2  | PGS.TS. Đinh Phi Hồ            | Phó Hiệu trưởng,<br>Bí thư Đảng ủy Trường                                                | Phó Chủ tịch           |
| 3  | TS. Nguyễn Tấn Ý               | Trưởng Khoa Kỹ thuật Công<br>nghệ (KTCN)                                                 | Phó Chủ tịch           |
| 4  | ThS. Nguyễn Thị Kiều Vi        | Trưởng phòng Khảo thí - Đảm<br>bảo chất lượng - Thanh tra và<br>Pháp chế (KT-ĐBCL-TT&PC) | Thành viên -<br>Thư ký |
| 5  | ThS. Nguyễn Hữu Hoài<br>Chương | Giảng viên Khoa KTCN                                                                     | Thành viên             |
| 6  | ThS. Trần Duy Lân              | Giảng viên Khoa KTCN                                                                     | Thành viên             |
| 7  | TS. Võ Khắc Trường Thi         | Trưởng phòng Quản lý đào tạo<br>(QLĐT)                                                   | Thành viên             |
| 8  | ThS. Lê Anh Linh               | Trưởng phòng Tổ chức - Hành<br>chính (TC-HC)                                             | Thành viên             |
| 9  | TS. Trần Tinh                  | Trưởng phòng Quản lý khoa<br>học và Hợp tác quốc tế<br>(QLKH&HTQT)                       | Thành viên             |
| 10 | ThS. Nguyễn Như Trường         | Trưởng phòng Công tác chính<br>trị sinh viên và Hợp tác doanh<br>nghiệp (CTCTSV&HTDN)    | Thành viên             |
| 11 | Nguyễn Phi Long                | Đại diện Sinh viên ngành Kỹ<br>thuật xây dựng                                            | Thành viên             |

(Danh sách gồm có 11 người).


**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**  
 (Kèm theo Quyết định số 74/QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng  
 Trường Đại học Phan Thiết)

| TT | Họ và tên               | Chức danh, chức vụ            | Nhiệm vụ   |
|----|-------------------------|-------------------------------|------------|
| 1  | Nguyễn Thị Kiều Vi      | Trưởng phòng KT-ĐBCL-TT&PC    | Trưởng Ban |
| 2  | Trần Phúc Ngồn          | Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC | Thành viên |
| 3  | Nguyễn Thị Kim Quyên    | Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC | Thành viên |
| 4  | Trần Minh Quân          | Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC | Thành viên |
| 5  | Phùng Tấn Đức           | Giảng viên Khoa KTCN          | Thành viên |
| 6  | Nguyễn Thị Thu Hà       | Trợ lý Khoa KTCN              | Thành viên |
| 7  | Bạch Tấn Hiệp           | Nhân viên Khoa KTCN           | Thành viên |
| 8  | Dương Tấn Mạnh          | Nhân viên Khoa KTCN           | Thành viên |
| 9  | Nguyễn Thụy Thùy Nguyên | Nhân viên Khoa KTCN           | Thành viên |
| 10 | Nguyễn Thị Kim Quyên    | Nhân viên phòng TC-HC         | Thành viên |
| 11 | Võ Đức Nhân             | Nhân viên phòng TC-HC         | Thành viên |
| 12 | Nguyễn Thị Minh Nga     | Phó Trưởng phòng QLĐT         | Thành viên |
| 13 | Trần Mai Mỹ Hòa         | Nhân viên phòng QLĐT          | Thành viên |
| 14 | Lương Hoài Trinh        | Nhân viên phòng QLĐT          | Thành viên |
| 15 | Phạm Ngọc Linh Chi      | Nhân viên phòng QLĐT          | Thành viên |
| 16 | Nguyễn Kim Long         | Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN   | Thành viên |
| 17 | Nguyễn Hữu Hà           | Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN   | Thành viên |
| 18 | Vũ Thụy Diễm Chi        | Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT    | Thành viên |
| 19 | Huỳnh Thị Thanh Hậu     | Nhân viên Thư viện            | Thành viên |
| 20 | Nguyễn Minh Thanh       | Nhân viên phòng KH-TC         | Thành viên |

(Danh sách gồm có 20 người).




**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**  
 (Kèm theo Quyết định số 74 /QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng  
 Trường Đại học Phan Thiết)

| TT                                                                                                                                                                            | Họ và tên               | Chức danh, chức vụ            | Nhiệm vụ          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|-------------------|
| <b>Nhóm 1: Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3</b>                                                                                                                                   |                         |                               |                   |
| 1                                                                                                                                                                             | Nguyễn Tấn Ý            | Trưởng Khoa KTCN              | Nhóm trưởng       |
| 2                                                                                                                                                                             | Trần Duy Lâm            | Giảng viên Khoa KTCN          | Thành viên        |
| 3                                                                                                                                                                             | Dương Tấn Mạnh          | Nhân viên Khoa KTCN           | Thành viên        |
| 4                                                                                                                                                                             | Nguyễn Thị Minh Nga     | Phó Trưởng phòng QLĐT         | Thành viên        |
| <b>Nhóm 2: Phụ trách tiêu chuẩn 4, 5, 10</b>                                                                                                                                  |                         |                               |                   |
| 1                                                                                                                                                                             | Trần Duy Lâm            | Giảng viên Khoa KTCN          | Nhóm trưởng       |
| 2                                                                                                                                                                             | Bạch Tấn Hiệp           | Nhân viên Khoa KTCN           | Thành viên        |
| 3                                                                                                                                                                             | Nguyễn Thị Thu Hà       | Trợ lý Khoa KTCN              | Thành viên        |
| 4                                                                                                                                                                             | Trần Mai Mỹ Hòa         | Nhân viên Phòng QLĐT          | Thành viên        |
| 5                                                                                                                                                                             | Lương Hoài Trinh        | Nhân viên phòng QLĐT          | Thành viên        |
| 6                                                                                                                                                                             | Trần Phúc Ngón          | Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC | Thành viên        |
| <b>Nhóm 3: Phụ trách Tiêu chuẩn 6, 7, 9</b>                                                                                                                                   |                         |                               |                   |
| 1                                                                                                                                                                             | Nguyễn Hữu Hoài Chương  | Giảng viên Khoa KTCN          | Nhóm trưởng       |
| 2                                                                                                                                                                             | Nguyễn Thụy Thùy Nguyên | Nhân viên Khoa KTCN           | Thành viên        |
| 3                                                                                                                                                                             | Nguyễn Thị Kim Quyên    | Nhân viên phòng TC-HC         | Thành viên        |
| 4                                                                                                                                                                             | Võ Đức Nhân             | Nhân viên phòng TC-HC         | Thành viên        |
| 5                                                                                                                                                                             | Vũ Thụy Diễm Chi        | Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT    | Thành viên        |
| 6                                                                                                                                                                             | Huỳnh Thị Thanh Hậu     | Nhân viên Thư viện            | Thành viên        |
| 7                                                                                                                                                                             | Nguyễn Minh Thanh       | Nhân viên phòng KH-TC         | Thành viên        |
| <b>Nhóm 4: Phụ trách Tiêu chuẩn 8, 11</b>                                                                                                                                     |                         |                               |                   |
| 1                                                                                                                                                                             | Nguyễn Hữu Hoài Chương  | Giảng viên Khoa KTCN          | Nhóm trưởng       |
| 2                                                                                                                                                                             | Phùng Tấn Đức           | Giảng viên Khoa KTCN          | Thành viên        |
| 3                                                                                                                                                                             | Nguyễn Thụy Thùy Nguyên | Nhân viên Khoa KTCN           | Thành viên        |
| 4                                                                                                                                                                             | Phạm Ngọc Linh Chi      | Nhân viên phòng QLĐT          | Thành viên        |
| 5                                                                                                                                                                             | Nguyễn Kim Long         | Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN   | Thành viên        |
| 6                                                                                                                                                                             | Nguyễn Hữu Hà           | Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN   | Thành viên        |
| 7                                                                                                                                                                             | Trần Minh Quân          | Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC | Thành viên        |
| <b>Chịu trách nhiệm rà soát toàn bộ nội dung của BCTĐG và viết Phần mở đầu, Phần kết luận của BCTĐG:</b>                                                                      |                         |                               |                   |
| 1                                                                                                                                                                             | TS. Nguyễn Tấn Ý        | Trưởng Khoa KTCN              | Nhóm trưởng       |
| <b>Phụ trách kết nối Danh mục Minh chứng, tổng hợp các Phụ lục, theo dõi tiến độ để báo cáo HĐTĐG, lãnh đạo Nhà trường và các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá ngoài CTĐT:</b> |                         |                               |                   |
| 1                                                                                                                                                                             | Nguyễn Thị Kiều Vi      | Trưởng phòng KT-ĐBCL-TT&PC    | Trưởng Ban Thư ký |
| 2                                                                                                                                                                             | Nguyễn Thị Kim Quyên    | Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC | Thành viên        |

(Danh sách gồm có 23 người)/.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 124/KH-ĐHPT

Bình Thuận, ngày 15 tháng 02 năm 2025

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**  
**NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

**I. Mục đích tự đánh giá**

Nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký KĐCLGD.

**II. Phạm vi tự đánh giá**

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCL.

**III. Công cụ tự đánh giá**

Công cụ TĐG là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn TĐG và ĐGN CTĐT; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng ban hành Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016.

**IV. Hội đồng tự đánh giá**

**1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá**

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học chính quy ngành Kỹ thuật xây dựng được thành lập theo Quyết định số 74/QĐ-ĐHPT ngày 15/02/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết, Hội đồng gồm có 11 thành viên (Danh sách kèm theo).

**2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).**

**3. Phân công thực hiện nhiệm vụ**

a) Nhóm thư ký: Phụ trách kết nối giữa Hội đồng Tự đánh giá (TĐG) và các nhóm chuyên trách, tổng hợp các báo cáo và phân danh mục minh chứng các tiêu chuẩn/tiêu chí, tổng hợp các phụ lục, rà soát hình thức báo cáo và các hoạt động hỗ trợ khác phục vụ cho đánh giá ngoài CTĐT.

**b) Các nhóm công tác, cá nhân**

| TT | Tiêu chuẩn         | Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm                   | Thời gian thu thập thông tin và minh chứng                                                                  | Ghi chú                  |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1  | Tiêu chuẩn 1, 2, 3 | Nhóm 1<br>(Nguyễn Tấn Ý – Trưởng Khoa KTCN – Nhóm trưởng) | - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng từ tháng 02-06/2025;<br>- Bổ sung minh chứng kết quả | Các nhóm chuyên trách đề |



| TT | Tiêu chuẩn          | Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm                                 | Thời gian thu thập thông tin và minh chứng                                                                                                                      | Ghi chú            |
|----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 2  | Tiêu chuẩn 4, 5, 10 | Nhóm 2<br>(Trần Duy Lâm – Giảng viên Khoa KTCN – Nhóm trưởng)           | khảo sát SV sau tốt nghiệp, bổ sung minh chứng sau góp ý của Hội đồng TĐG từ tháng 06-07/2025.                                                                  | xuất thêm khi cần. |
| 3  | Tiêu chuẩn 6, 7, 9  | Nhóm 3<br>(Nguyễn Hữu Hoài Chương – Giảng viên Khoa KTCN – Nhóm trưởng) | - Tiếp tục bổ sung báo cáo Tiêu chuẩn 11 và phụ lục cơ sở dữ liệu về kết quả việc làm của SV tốt nghiệp khóa 1 từ tháng 8-9/2025 để phục vụ cho đánh giá ngoài. |                    |
| 4  | Tiêu chuẩn 8, 11    | Nhóm 4<br>(Nguyễn Hữu Hoài Chương – Giảng viên Khoa KTCN – Nhóm trưởng) |                                                                                                                                                                 |                    |

#### V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá (nếu có)

1. Thời gian: Đã tập huấn ngày 26/11/2024 theo kế hoạch số 650/KH-ĐHPT ngày 21/11/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết. Hội đồng Tự đánh giá, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ tiếp tục hướng dẫn lại quy trình, biểu mẫu, nghiệp vụ cho các nhóm chuyên trách trong quá trình TĐG theo kế hoạch này.

2. Thành phần: Ban Giám hiệu, các tổ ĐBCL các đơn vị, giảng viên, nhân viên các khoa, phòng, ban của Trường.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Phổ biến các quy định về ĐBCL, KĐCL CSGD và CTĐT; Giới thiệu các nội dung liên quan trên phần mềm Quản lý hệ thống bảo đảm và KĐCLGD của Bộ GDĐT; Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường; Quy trình TĐG CSGD và CTĐT, các biểu mẫu kèm theo; Hướng dẫn thực hiện phân tích tiêu chí, tìm thông tin minh chứng; việc số hóa minh chứng; thảo luận, chia sẻ các đơn vị.

#### VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

| TT | Tiêu chuẩn          | Các hoạt động                                                                     | Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp                                                                                                                                           | Thời điểm cần huy động                                                            | Ghi chú                                                               |
|----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1  | Tiêu chuẩn 1, 2, 3  | - Phân công nhiệm vụ cụ thể trong nội bộ mỗi nhóm;                                | - Nhân lực theo Hội đồng và các nhóm chuyên trách đã thành lập;                                                                                                                         | Tháng 02-07/2025 và theo đề xuất của các nhóm chuyên trách, Hội đồng TĐG khi cần. | Các nhóm chuyên trách đề xuất thêm trong quá trình thực hiện nếu cần. |
| 2  | Tiêu chuẩn 4, 5, 10 | - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin minh chứng;                              | - Tạo điều kiện về thời gian để các cán bộ được giao nhiệm vụ thực hiện;                                                                                                                |                                                                                   |                                                                       |
| 3  | Tiêu chuẩn 6, 7, 9  | - Viết báo cáo TĐG tiêu chí, tiêu chuẩn;                                          | - Các máy in, máy scan, photo sử dụng tại các đơn vị cần được khắc phục sự cố kịp thời (nếu có) trong quá trình tăng cường sử dụng để chuẩn bị, sắp xếp minh chứng, in các báo cáo,...; |                                                                                   |                                                                       |
| 4  | Tiêu chuẩn 8, 11    | - Đóng góp ý kiến chỉnh sửa/cải tiến ngay những nội dung có thể khắc phục được để | - Hệ thống mạng nội bộ, dữ liệu trực tuyến nội bộ cần được khắc phục sự cố kịp thời (nếu có) để chia sẻ, lưu                                                                            |                                                                                   |                                                                       |

UUC  
TRƯỜNG  
ĐẠI  
PHAN



| TT | Tiêu chuẩn | Các hoạt động                                                                                 | Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thời điểm cần huy động | Ghi chú |
|----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------|
|    |            | bổ sung vào báo cáo TĐG;<br>- Tổng hợp hoàn thiện báo cáo TĐG và chuẩn bị cho đánh giá ngoài. | trữ minh chứng và tổ chức các hoạt động TĐG trực tuyến;<br>- Kinh phí để đầu tư cải thiện cơ sở vật chất/ các cải tiến khác có thể cải tiến được ngay khi phát hiện sau TĐG (nếu có);<br>- Kinh phí cho Hội đồng, các nhóm thực hiện (theo đề xuất của Hội đồng và chỉ đạo của BGH);<br>- Kinh phí cho các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá ngoài. |                        |         |

**VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu có)**

Các nhóm chuyên trách tự xác định và đề xuất thông qua Phòng KT-ĐBCL-TT&PC đối tượng, thời gian thực hiện và các hoạt động hỗ trợ (nếu có).

**VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG (nếu có)**

Theo chỉ đạo của Hội Đồng trường, Ban Giám hiệu (nếu có).

**IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng**

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí, phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng (để riêng ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

**X. Thời gian và nội dung hoạt động**

| Thời gian                                                | Nội dung hoạt động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tuần 1</b><br>(từ ngày 10/02 đến ngày 15/02/2025)     | <ol style="list-style-type: none"> <li>Họp BGH và Trường/phó các Khoa thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT.</li> <li>Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT.</li> <li>Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> <li>Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG;</li> <li>Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;</li> <li>Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li> <li>Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.</li> </ul> </li> </ol> |
| <b>Tuần 2 – 3</b><br>(từ ngày 17/02 đến ngày 01/03/2025) | <ol style="list-style-type: none"> <li>Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</li> <li>Tổ chức hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.</li> <li>Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> <li>Bản kế hoạch TĐG CTĐT;</li> <li>Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ</li> </ul> </li> </ol>                                                                                               |

V.A  
ĐANG  
HỌC  
THIẾ

| Thời gian                                                | Nội dung hoạt động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                          | GĐĐT và điều kiện cụ thể của Khoa KTCN);<br>- Trình Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch TĐG. . .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Tuần 4 – 8</b><br>(từ ngày 03/3 đến ngày 05/4/2025)   | 1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.<br>2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.<br>3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.<br>4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được.<br>5. Phân tích nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. |
| <b>Tuần 9 – 13</b><br>(từ ngày 07/4 đến ngày 10/5/2025)  | 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).<br>2. Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).<br>Hội đồng tự đánh giá CTĐT:                                                                                                                                                                                      |
| <b>Tuần 14 – 16</b><br>(từ ngày 12/5 đến ngày 31/5/2025) | - Xem xét báo cáo của từng tiêu chuẩn do các nhóm chuyên trách dự thảo;<br>- Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG;<br>- Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;<br>- Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;<br>- Thư ký tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.                                                                                                                |
| <b>Tuần 17 – 18</b><br>(từ ngày 02/6 đến ngày 14/6/2025) | 1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).<br>2. Hội đồng TĐG CTĐT thảo luận với các bộ môn, phòng, ban,... về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>Tuần 19 – 21</b><br>(từ ngày 16/6 đến ngày 06/7/2025) | 1. Công bố bản dự thảo BCTĐG trong nội bộ Nhà trường và Khoa KTCN.<br>2. CBGVNV, người học,... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.<br>3. Nhóm chuyên trách cập nhật các kết quả đầu ra vào Tiêu chuẩn 11 và cơ sở dữ liệu: Tỷ lệ SV tốt nghiệp khóa 1, tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp.                                                                                                                                                                         |
| <b>Tuần 22 – 23</b><br>(từ ngày 07/7 đến ngày 15/7/2025) | 1. Hội đồng tự TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện (nếu có) và các dữ liệu bổ sung;<br>2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét phê duyệt.                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>Tuần 23 – 25</b><br>(từ ngày 16/7 đến ngày 31/7/2025) | 1. Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho Cục QLCL, Bộ GDĐT.<br>2. P.KT-ĐBCL-TT&PC, Khoa KTCN bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã MC đã ghi trong báo cáo TĐG;<br>3. Theo dõi kết quả phản hồi báo cáo TĐG từ Cục QLCL và đăng ký ĐGN.                                                                                                                                                                                                  |

**Nơi nhận:**

- HĐT, BGH (để báo cáo);
- Hội đồng TĐG (để thực hiện);
- Khoa KTCN (để thực hiện);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.

**HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Võ Khắc Thường

- Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG (kèm theo)./.